HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 54, tháng 8 & 9 năm 2000

NHÀ CHO THUÊ



tranh NGUYỄN ĐÌNH THUẦN



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

Tel: (714) 265-1394 - Email: tchl@aol.com

http://hopluu.omely.org

Phát hành mỗi 2 tháng • Số 54 tháng 8 & 9 năm 2000

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904) 282-2419 - *Đại diện tại Houston, TX:* Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 - *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408) 294-2413 - *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013 Paris, France / Tel: 33 (0) 1 45 83 19 12 - *Đại diện tại Na Uy*: Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway - *Đại diện tại Canada*: Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514) 342-8018 & Trân Sa / Tel:: (416) 762-4659 - *Đại diện tại Australia:* Thường Quán / Tel: 61.3 / 8071.797 - *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21.37284 - Waldkappel. Germany.

Biên tập

Khánh Trường

Phó biên tập

Phạm Việt Cường

Thể lệ gửi bài:

Kèm theo bài xin ghi dịa chỉ, tên thật, số điện thoại, email, fax (nếu có). Bài gửi *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, nhất là ngoại ngữ (tốt nhất dùng chữ IN). Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết trên computer gửi bài kèm disk (ghi rõ nhu liệu sử dụng và ký hiệu của bài), hoặc email. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau 3 số không thấy xuất hiện, xin gửi báo khác. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại.

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323



HỢP LƯU
Số 54, tháng 8 & 9 / 2000

NHÀ CHO THUÊ



MỤC LỤC

Tranh bìa và minh họa các trang trong
Nguyễn Đình Thuần





Thư tòa soạn



Cuộc tranh luận chung quanh vấn đề *Chủ Nghĩa Phản Trí Thức Trong Văn Học Việt Nam* đến số này, theo đề nghị của nhiều tác giả đã cộng tác với Hợp Lưu, có thể kết thúc. Bởi lẽ, chắc chắn sẽ không đi đến một chung cuộc viên mãn, trái lại, càng kéo dài, hố cách ngăn giữa người cầm bút trong và ngoài Việt Nam sẽ càng sâu thêm. Điều này hẳn nhiên không phải chủ trương của Hợp Lưu, và có lẽ cũng nằm ngoài mong muốn của đa số độc giả. Khi mở ra cuộc tranh luận, chúng tôi hy vọng đôi bên, bằng trí tuệ, kiến thức cũng như tài năng của mình, sẽ mang lại cho độc giả một số vốn hiểu biết mới. Trong giới hạn nào đó, các tác giả phần nào đáp ứng được yêu cầu này, chỉ tiếc, cuộc tranh luận có vẻ đã trượt khỏi mục tiêu ban đầu, rơi vào tình trạng đôi bên cùng gây tổn thương uy tín cầm bút của nhau.

Để giữ hòa khí, Hợp Lưu quyết định khép hồ sơ.

Trong "Thư gửi anh Hoàng Ngọc Tuấn", nhà thơ Lê Đạt viết: *"Trong quan hệ tế nhị giữa các nhà văn trong và ngoài nước, chúng ta nên cố gắng giữ một thái độ cẩn trọng, bình tĩnh và thể tất tối đa, nó có ích cho việc hợp lưu hơn là phân lưu."* Hợp Lưu tán thành ý kiến này. Đành rằng nền văn học của chúng ta còn rất nhiều vấn đề cần được phê phán, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật. Tuy nhiên, nếu đôi bên cùng *"cố gắng giữ một thái độ cẩn trọng, bình tĩnh và thể tất tối đa"* như nhà thơ Lê Đạt đã nói, thì theo chúng tôi, sẽ tốt đẹp hơn cho

độc giả, nói riêng, văn học Việt Nam, nói chung .

Chúng tôi rất mong, sau cuộc tranh luận vừa qua, các tác giả sẽ bình tâm nhìn lại vấn đề, để trong tương lai, Hợp Lưu có cơ hội tiếp nhận những công trình biên khảo giá trị, liên quan trực tiếp đến khát vọng chung: Văn Học Việt Nam sẽ trưởng thành hơn, giàu có hơn, tinh lọc hơn.

Bước qua phần sáng tác, Hợp Lưu rất vui được giới thiệu đến độc giả một chủ đề truyện ngắn của mười hai cây bút hải ngoại.

Nhiều năm qua, nền văn học bên ngoài biên giới quốc gia có vẻ đã thấm mệt, do nhiều nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan. Nói cách khác, Văn học Việt Nam hải ngoại dường như chưa tìm thấy lối thoát, vẫn mãi quẩn quanh trong vũng lầy quá khứ. Đó đây, tuy có đôi ba nỗ lực vượt thoát, nhưng công bình nhận xét, vẫn rất đơn lẽ, chưa làm thành phong trào, chưa đi đến đâu, chưa có thành tựu đáng kể.

Nói như thế không có nghĩa Hợp Lưu sẽ tiên phong làm ngọn cờ đầu khai phá những vùng đất mới. Việc làm này hẳn nhiên ngoài khả năng và sức vóc của Hợp Lưu. Tuy nhiên, do cơ duyên may mắn, Hợp Lưu được sự yêu mến và quan tâm từ một số tác giả cấp tiến, nhờ đó, được chọn làm địa bàn thử nghiệm.

Hợp Lưu nghĩ rằng qua những sáng tác ở những trang sau, nếu chưa thể xem như một lên đường mới, thì chí ít cũng mang khát vọng tìm kiếm, vượt thoát. Chỉ duy ý hướng ấy thôi, cũng đã là một sự kiện cần quan tâm, từ giới sáng tác cũng như độc giả.

HỢP LƯU



HOÀNG NGỌC HIẾN

Trí thức là gì vậy?



Trong Thư văn hữu (xem H.L., số 52, tr.252...) , về bài Chủ nghĩa phản-trí thức trong văn học Việt Nam của Nguyễn Hưng Quốc (xem H.L. số 50),Thường Quán kết luận: *« Mà tại sao NHQ phải nói cho dông dài, dùng những đề từ rất lớn rất nổ rất bạo, chỉ để mà đập một cá nhân là anh Hoàng Ngọc Hiến. Điều đó quả là lạ.»*. Bài của Hoàng Ngọc Tuấn Sáng chế tài liệu giả...? đăng trên H.L. số 53 là một lời thanh minh tốt cho Nguyễn Hưng Quốc: ông N.H.Q. viết văn, làm nghiên cứu, phê bình không phải vì động cơ tẹp nhẹp, tầm thường, ông cùng với ông Hoàng Ngọc Tuấn nêu lên những «đề từ lớn» là do tâm huyết với nền văn học, nền văn hoá của «một đất nước» (tr.37) (đất nước Việt Nam), do tinh thần trách nhiệm đối với «sinh hoạt trí thức và học thuật của đất nước ấy» (tr.38), hoạt động văn học của hai ông trước sau chỉ là vì «ngọn cờ của trí thức và đạo đức» (tr.37).

Bài của HNT có đủ sức thuyết phục Thường Quán không, điều này tôi không rõ. Về mặt học thuật, không ngại hai ông bực mình vì sự chậm hiểu của người đối thoại, tôi thấy cần đặt lại câu hỏi: «Trí thức là gì vậy?». Tôi xin phép dẫn một câu nói của Einstein để hai ông tham

khảo : «Chúng ta phải lưu tâm đừng có làm cho trí thức (intellect) thành thượng đế của chúng ta; đương nhiên nó có cơ bắp mạnh mẽ đấy, nhưng không có personality»(1). Tôi thấy Einstein đã vượt ra ngoài vòm trời của trí thức để cho chúng ta một cách nhìn đúng về trí thức. Với cách nhìn ấy, tôi thấy ở hai ông cơ bắp trí thức không phải tồi, personality thì có đấy, nhưng nó chảng rảng, chật chưỡng, đôi khi cảm thấy là «faux».

Tôi hoàn toàn tán thành thái độ nghiêm khắc của HNT kiên quyết chống lại những lời lẽ thiếu trung thực, không lương thiện trong nghiên cứu văn học. Gần đây nhất, tôi đã phải bỏ một tuần lễ để viết bài chỉ ra những sự bịa đặt và những chỗ quay quắt của NHQ(2). Ông HNT là người lớn tiếng cảnh báo với mọi người về hiểm họa của những sự giả mạo, những sự xuyên tạc trong văn học, không những đối với đời nay mà cả những thế hệ mai sau. Không biết đã có lần nào ông có lời khuyên với ông NHQ, là người bạn gần gũi của ông?

Sự kiện giật gân nhất trong bài báo Sáng chế tài liệu giả... của Hoàng Ngọc Tuấn (H.L. số 53) là sự việc ông Hoàng Ngọc Hiến, «một nhà «trí thức» nổi danh quốc nội», chỉ vì «muốn giành phần thắng trong cuộc tranh luận với một câu viết của ông Nguyễn Hưng Quốc» «đã liều lĩnh thực hiện một hành động cực kỳ phản trí thức là chế tạo tài liệu giả» (xem H.L. số 53, tr. 24)

Trong bài báo đăng ở H.L. số 52, tôi có dẫn một số ý, câu và chữ từ tiểu mục The 20th Century: Individuals and Theories (Thế kỷ 20: những cá nhân và những lý thuyết) trong bài mục Literary Criticism (Phê bình văn học) lấy từ C.D. Microsoft Encarta Encyclopedia 99. HNT đã lấy C.D. có tên gọi này và kiểm tra, và ông thấy một bài mục khác hẳn và ông kết luận tiểu mục tôi giới thiệu làm căn cứ cho những ý kiến của tôi là tài liệu giả do chính HNH bịa ra. Lời kết tội của HNT là có căn cứ. Nhưng tài liệu tôi xuất trình không phải là tài liệu giả. Một thiếu sót tai hại của tôi là trình bày tên gọi của C.D. tôi bỏ sót nhãn hiệu Deluxe edition. Tóm lại chỉ cần lấy C.D. Encarta Encyclopedia 99 Deluxe edition hoặc C.D. Encarta Encyclopedia 98, British edition (tôi cũng có đĩa này), mở bài Literary Criticism, tìm tiểu mục *The 20th Century: Individuals and Theories*, thì thấy ngay cái văn bản tôi giới thiệu là chính bản, không phải là giả mạo. Ở phần chú thích dưới đây , ở cước chú số (3) là toàn văn tiếng Anh tiểu mục *The 20th Century:...* in từ C.D. E.E.99, Deluxe Edition.

Tôi không khỏi phiền lòng, thiếu sót tai hại của tôi đã làm cho ông HNT «hết sức khổ tâm» , «khổ tâm sâu sắc», một lần nữa ông phải

chứng kiến biểu hiện của «một căn bệnh hiểm nghèo của văn học Việt Nam đương đại», đã cám dỗ ông làm một công việc vô duyên (đành rằng ông không có lỗi) là kết tội giả mạo tài liệu một người không làm tài liệu giả... Tuy nhiên, những ý kiến của ông về vụ này không phải là vô ích, chỉ căn cứ vào dăm chục từ trong đoạn tiểu mục được dẫn, ông đã đưa ra một loạt phán xét: *«đặt nhan đề... vụng về», «không thể tưởng tượng... lại tệ đến thế», «lời lẽ tán dương thừa thãi», «ngớ ngẩn», « thực là buồn cười», «rất đáng ngờ «*... (xem H.L.,số 53,tr.22) Tôi đề nghị Toà soạn Hợp Lưu gửi những phán xét này cho ban biên tập C.D. E.E.99 Deluxe Edition để họ tham khảo sửa chữa lần tái bản sau. Còn như chẳng qua vì định kiến đó là văn bản giả mạo mà ông HNT sổ ra một loạt phán xét như vậythì riêng về mặt này tôi hết sức thông cảm với ông.

Ông HNT ngạc nhiên thấy «*...Hoàng Ngọc Hiến phải nhờ có bộ Microsoft Encarta Encyclopedia 99 - một bộ C.D. dành cho học sinh tiểu và trung học dùng kèm với computer để tiện tham cứu tổng quát - thì mới «thấy rằng N.H.Q. ...nói sai»*. Ông HNT chẳng thấy rằng chỉ cần dùng Microsoft E.E.99 - một bộ C.D. dành cho học sinh tiểu và trung học - cũng đủ thấy sự hồ đồ của N.H.Q. hay sao? Ông HNT chê trách tôi *«hoàn toàn tin tưởng một cách ngây thơ và vội vã vào những thông tin của bộ bách khoa phổ thông», đoc sách một cách «thụ động như một học sinh còn ở bậc trung học hay đại học»* (H.L.số 53,tr.39) Tiểu mục này gần một ngàn từ, tôi chỉ chọn dăm chục từ để trích dẫn. Chọn chẳng phải là một thái độ tích cực hay sao? Dĩ nhiên là tôi chọn theo chủ kiến của tôi.

HNT mất nhiều công sức tra cứu, biện luận về một câu của W.J.T. Mitchell được dẫn trong bài của tôi đăng ở H.L. số 52: «Lời lẽ tranh cãi phản lý thuyết là một trong những thể loại (genre) đặc thù của lời lẽ lý thuyết (theoretical discourse)... một moment biện chứng không tránh khỏi ở bên trong lời lẽ lý thuyết...» (tr. 7). Câu này trong nguyên tác tiếng Anh, trình bày đầy đủ hơn, như sau: «The antitheoretical polemic is one of the characteristic genres of theoretical discourse... an inevitable dialectical moment within theoretical discourse, the moment when theory's constructive, positive tendency generates its own negation.» HNT tranh cãi với tôi về cách hiểu và cách dịch câu này.

Từ *discourse* trong câu này HNT dịch là *hành ngôn*, tôi dịch là *lời lẽ* (bởi lẽ discourse vừa là lời, vừa là lẽ, hành ngôn nặng về phương diện lời); tuy nhiên ở đây không có gì đáng bàn cãi, tôi không phản đối việc dùng từ hành ngôn.

Từ polemic HNT dịch là luận chiến, tôi dịch là tranh cãi, cũng không có gì phải bàn cãi. Điều đáng bàn cãi là sự hiểu: cái gì «po-

lemic»? (cái gì «tranh cãi»).

HNT hiểu «polemic» là «thái độ polemic» («thái độ tranh cãi») (xem H.L.số52, tr.29, H.L.số 53,tr.28) , tôi thì hiểu là «lời lẽ polemic» («lời lẽ tranh cãi»). Căn cứ vào đâu tôi lại hiểu là lời lẽ tranh cãi? Đến đây, có thể thấy ý nghĩa quan trọng của từ «genre» (thể loại) trong câu được dẫn (HNT chỉ chú ý đến từ discourse). Thể loại là gì? Tôi bắt đầu bằng một ví dụ đơn giản: bi kịch là một thể loại của kịch, nhưng tiểu thuyết không thể là một thể loại của kịch. Từ ví dụ này có thể rút ra một quy tắc: chỉ «kịch» mới có thể là thể loại của kịch, bi kịch là một thể loại của kịch vì nó là «kịch», tiểu thuyết không thể là một thể loại của kịch vì nó là không phải là «kịch». Vận dụng quy tắc này vào câu được dẫn, có thể nói rằng: chỉ «lời lẽ»... mới có thể là thể loại của lời lẽ... Xuất phát từ quy tắc này, tôi đã *minh thị* ý niệm lời lẽ trong nhóm từ «lời lẽ tranh cãi phản lý thuyết» và câu văn tiếng Anh được dẫn ở trên đã được dịch như đã dẫn, tôi xin phép nhắc lại với sự tô đậm một số từ: «Lời lẽ tranh cãi phản lý thuyết là một trong những thể loại đặc biệt của lời lẽ lý thuyết...». HNT hiểu polemic là thái độ polemic (thái độ luận chiến), nhưng khi dịch ông cho ý niệm thái độ lẩn đi. Từ đó cũng được lẩn đi mặt sái về lô-gích của cả câu: thái độ không thể là thể loại của «hành ngôn» (cũng như «tiểu thuyết» không thể là thể loại của kịch vậy). HNT có ý so sánh tương quan giữa «lời lẽ tranh cãi phản lý thuyết» và «lời lẽ lý thuyết» với tương quan giữa «đề» và «phản đề» trong mô hình ba bậc của Hegel. Tất nhiên so sánh không tránh khỏi cọc cạch. Tôi chỉ xin phép một lần nữa lưu ý ông HNT về ý nghĩa quan trọng của khái niệm thể loại trong toàn bộ câu của W.J.T. Mitchell. Trong tương quan giữa đề và phản đề, mặt mâu thuẫn được nhấn mạnh và chưa bao giờ phản đề được xem là một «thể loại» của đề. Còn khi ta nói : «bi kịch là một thể loại của kịch» hoặc «lời lẽ tranh cãi phản lý thuyết là một 'thể loại đặc thù' của lời lẽ lý thuyết» thì tự nhiên mặt thống nhất về bản chất giữa cái này và cái kia được chú trọng hơn.

Trong phần sau của câu được dẫn, từ *moment* (được dùng hai lần) là một từ khó hiểu và khó dịch. Phần sau của câu được HNT dịch là: «Luận chiến phản lý thuyết là... một khoảnh khắc mang tính biện chứng không thể tránh khỏi xảy ra trong phạm vi hành ngôn lý thuyết, một khoảnh khắc khi xu hướng mang tính xây dựng, tích cực của lý thuyết làm phát ra sự phủ nhận của chính nó.» (xem H.L.số 52,tr.29,H.L.số 53 tr.28). Từ moment được HNT hiểu theo nghĩa thông thường nhất của từ này và được ông dịch là khoảnh khắc. Ông đinh ninh đây là cách hiểu và cách dịch duy nhất đúng và thấy trong bài báo của tôi, từ moment được để nguyên, không dịch, ông nghĩ ngay là tôi không dám dùng từ khoảnh

khắc, sợ nó tiết lộ điều gì đó không có lợi cho chủ kiến của tôi, và như vậy, từ moment được tôi tung ra như một thứ «hỏa mù».

HNT hiểu moment với ý nghĩa của một từ thông thường, tôi hiểu moment như một từ triết học. Như một thuật ngữ triết học, trong *The American Heritage Dictionary* chẳng hạn, moment được giới thuyết với hai nghĩa chính: a) *Một yếu tố cốt yếu hoặc cấu thành* (an essential or constituent element); b)*Một giai đoạn hoặc một cục diện của một quá trình đương phát triển xét về mặt lô-gích* (a phase or an aspect of a logically developing process). Trong sự phát triển của «lời lẽ lý thuyết» moment biện chứng phải là một thời kỳ, một giai đoạn (phase), có thể dài, có thể ngắn nhưng quyết không phải là khoảnh khắc. Và tương ứng với thời kỳ này là sự hình thành của «yếu tố cấu thành» mới, sự xuất hiện «cục diện» (aspect) mới... Tôi muốn nói rằng trong thuật ngữ triết học moment nghĩa a) như là «yếu tố» (element) và nghĩa b) như là «thời kỳ» (phase) liên hệ mật thiết với nhau. Chính vì chưa tạo ra được một thuật ngữ tiếng Việt ôm được cả hai nghĩa nói trên nên tôi để nguyên từ tiếng Anh. Như vậy, lý do hết sức đơn giản, không có gì lèo lá, ám muội như ông đã tìm cách trình bày trong bài báo của ông(xem H.L, số 53, tr. 28-29). Tôi không nghi ngờ trình độ Anh ngữ của ông HNT và xin phép ngờ điều này: Phải chăng trình độ văn hóa ở ông vừa đủ để nghĩ rằng «moment» là một «chữ rất dễ dịch» (xem H.L., số 53, tr. 29), nhưng chưa đủ để thấy rằng «moment» là một từ triết học rất khó dịch. Tôi buộc phải nói điều này để nhắc lại với ông NHQ và ông HNT quan điểm của tôi: chúi mũi vào lý luận văn học mà trình độ văn hóa non yếu thì chỉ sản sinh được thứ lý luận văn học lập loè cho những người lý luận láng cháng hoặc sính lý luận. (xem H.L., số 52, tr. 8).

Câu văn của W. Mitchell không phải là một câu khó trong cuốn *The limits of the Theory*. Không biết ông HNT đã đọc ch. *Theory and its Terrors* trong cuốn này chưa? Nếu như đọc rồi mà vẫn nêu những thắc mắc 1,2,3,4,5 trong cước chú 6 (xem H.L. số 53,tr. 43) thì chứng tỏ rằng đọc mà không hiểu.

Việc HNT hiểu hời hợt nội dung câu văn của W. Mitchell không có gì đáng chê trách. Nhưng khi đọc sự trình bày câu văn này trong bài báo của tôi (H.L. số 52, tr.7) HNT có những sự vặn vẹo hết sức kỳ quặc. Câu của W.Mitchell được trình bày như sau:

«Lời lẽ tranh cãi phản lý thuyết là ... một moment biện chứng không tránh khỏi ở bên trong lời lẽ phản lý thuyết...» (1) (W.J.I. Mitchell)(4)

Nội dung ct (4): xem The limits of Theory.Standford University Press 1989, p.2

Đọc mấy dòng này một độc giả bình thường muốn kiểm tra câu trích dẫn có thể tìm cuốn *The limits of theory*, mở tr. 2, và có thể kiểm tra ngay tức khắc câu trích dẫn có được dịch đúng hay không, nó là «nguồn tài liệu bậc hai» hay «nguồn tài liệu gốc». Tôi có thiếu sót không nêu tên người chủ biên, nhưng những dẫn liệu được nêu ở cước chú (1) cũng đủ để người đọc tìm được cuốn sách. (W.J.I. Mitchell) được ghi sau câu trích dẫn, một độc giả bình thường sẽ hiểu ngay W.Mitchell là tác giả của câu trích dẫn. HNT đã không đọc như vậy và ông hiểu như là tôi đã gán ghép cho W.Mittchell là tác giả của công trình *The limits of Theory*. Ở chỗ này, HNT đã đọc bằng tâm địa của mình và ông quên mất ông đang đóng vai trò một học giả đấu tranh quyết liệt cho tinh thần nghiêm túc, sự trung thực và những quy củ của nghiên cứu khoa học.

Vả chăng ở đây, ngoài những quy củ của nghiên cứu khoa học, còn có vấn đề thể loại. Một bài phê bình văn học đăng trên Hợp Lưu thuộc một thể loại rất khác một luận văn khoa học gửi đến một tạp chí chuyên ngành hoặc một luận án hàn lâm gửi đến một Hội đồng khoa học. Mỗi thể loại có những thể thức và quy cách riêng và đòi hỏi được công bố đúng chỗ. Tôi mong rằng Hợp Lưu sẽ không trở thành nơi hứng nhận thứ «văn chương luận án» của những Hoàng Ngọc Tuấn. Nếu như những luận văn, luận án của những HNT và NHQ vì chất lượng khoa học kém không được đăng ở những tạp chí chuyên ngành và không được nhận ở những hội đồng khoa học thì tốt nhất là xếp vào ngăn kéo, tại sao lại đem tuồn vào Hợp Lưu?

Tôi xin phép kết thúc bài báo bằng việc dẫn những ý kiến của Simon Leys được phát biểu trong đợt tổng kết một cuộc tranh cãi kéo dài trong giới đại học và hàn lâm ở Úc về ích dụng và mục đích của lý luận văn học hàn lâm (cũng xin nói trước tác giả có những quan niệm cực đoan, nhưng đây là sự cực đoan «có gu», «có duyên» của một người có trình độ văn hoá cao):

Chúng ta đừng có tự lừa phỉnh mình nữa: công việc nghiên cứu văn học chẳng có ích dụng thực tiễn nào cả -trừ phi đối với những người đành lòng muốn trở thành giáo sư văn học. Nhận xét tinh khôn này là của Nabokov và, theo tôi nghĩ , chúng ta hẵng nhớ đến nó khi chúng ta cố công tìm hiểu những sự phức tạp phong phú của lý luận văn học đương đại.

Những nhà phê bình và những nhà nghiên cứu văn học chẳng

qua chỉ là những người chỉ chỗ ngồi (usher) trong chốn văn chương. Trong phòng hoà nhạc, trong rạp hát và rạp ôpêra, những người chỉ chỗ ngồi đưa chúng ta tới đúng ghế ngồi, thế là họ làm trọn vai trò của họ, một vai trò khiêm nhường nhưng có ích. Bỗng dưng có những ngươi chỉ chỗ cứ nằng nặc muốn leo lên sân khấu hát hò và diễn cùng với những nghệ sĩ được chúng ta hoan hô, với những người như vậy chúng ta có bực mình với sự hỗn xược của họ thì cũng đúng thôi.

Phê bình văn học (hoặc lý luận văn học) chỉ có giá trị lâu dài và đáng đươc tiếp nhận một cách nghiêm túc khi nó được sản sinh bởi những nhà văn sáng tạo văn chương (creative writer) và khi bản thân nó là một tác phẩm nghệ thuật.

E.M.Forster nhận xét: 'Nghiên cứu, từ này gây ấn tượng long trọng lắm, « Tôi đương nghiên cứu Dante» nghe ra gớm hơn nhiều «tôi đương đọc Dante». Thực ra là kém hơn nhiều. Nghiên cứu chỉ là một hình thức nói tầm phào nghiêm túc'.

Đối với chúng ta, những người thầy giáo, những nhà nghiên cứu, những nhà phê bình khiêm nhường, tham vọng cao quý nhất, thành tựu cao cả nhất và niềm tự hào lớn nhất mãi mãi thì vẫn là điều này: gây được ở bạn đọc của chúng ta tình yêu với văn học và làm cho họ phát hiện những cuốn sách hay và đẹp (5)

Tôi có cảm tưởng ông NHQ, ông HNT không hài lòng với công việc làm những người chỉ chỗ trong chốn văn chương, hai ông nhấp nhỏm muốn lên sân khấu... Diễn tích gì vậy? Ông NHQ lên sân khấu còn khả dĩ, ít ra ông biết múa, còn ông HNT, tôi biết ông là một người chăm chỉ, chịu khó tra cứu, đọc nhiều, nhưng ông mà lên sân khấu, tôi rất ái ngại cho ông...

«Phê bình văn học (hoặc lý luận văn học) chỉ có giá trị lâu dài và đáng được tiếp nhận một cách nghiêm túc... khi bản thân nó là một tác phẩm nghệ thuật». Những bài luận án, luận văn của hai ông cũng như nhiều bài nghiên cứu của tôi là... cái gì đó, nhưng không phải là phê bình văn học đâu. Đúng là cuộc tranh luận đương diễn ra trên Hợp Lưu đương được bạn đọc quan tâm theo dõi, nhưng ở không ít người tôi thấy ánh lên sự thích thú của người xem gà trọi. Không biết hai ông như thế nào, riêng tôi muốn làm người cầm bút -một cây bút tồi cũng được- miễn không phải là gà trọi.

HOÀNG NGỌC HIẾN

Chú thích:

(1) Chuyển dẫn từ bài mục Albert Einstein trong Webster's International Encyclopedia, Version 1.11, Attica C.D. ROM, 1996. Từ personality thường được dịch là nhân cách, nhưng trong tiếng Việt, nhân cách nặng về ý nghĩa đạo đức, ý nghĩa của personality rộng hơn nhiều, tôi dùng từ tiếng Anh, để tránh mọi sự hiểu lầm.
(2) Xem Hoàng Ngọc Hiến, *Coi trọng trình độ văn hóa...* HL số 52, tr.3
(3) The 20th century: Individuals and Theories:
The 20th century has witnessed an explosion of literary critical activity. There are two broad reasons for this. The first reason is that from the Modernism of James Joyce to the Postmodernism of John Ashbery, much important 20th-century literature has been of a high order of difficulty. The critic has thus become important as an explainer of complex texts to baffled audiences. The second reason is that English literature became an academic discipline at the turn of the century, and quite simply, with the advent of English departments in schools and universities, there are now many more people doing criticism.
The valuable criticism of the 20th century ,can in turn,be divided into two groups
(Hoàng Ngọc Hiến tô đậm) First, there are a number of individuals whose personal approaches (HNH tô đậm) to literature have proved influential and encentury, can in turn, be divided into two groups.(HNH tô đậm)during. Second, a number of critical theories have been developed that provide the reader with a set of concepts through which to approach the study of literature. Among the most important individual critics have been, in Britain, T. S. Eliot, I. A. Richards, and F. R. Leavis, and in America, Lionel Trilling, Northrop Frye, and Harold Bloom. In such collections of essays as The Sacred Wood (1920) and The Use of Poetry and the Use of Criticism (1933) the poet T. S. Eliot stimulated a refreshing reappraisal of various literary reputations, most notably elevating the Metaphysical poets over Milton, and William Wordsworth. His criticism had no definable essence, but he placed continued emphasis on the tradition, and on the intellectual rather than the emotional character of literature. Richards's contribution to literary history was «Practical Criticism», a critical approach that encourages students of literature to concentrate on the subtleties and complexities of the text itself, with little or no regard for context. Leavis's critical value was as a passionate arguer for the place of literature in modern society, though his judgements on individual authors, in such books as Revaluation (1936) and The Great Tradition (1948), now seem rather ill-founded. In America Lionel Trilling was the first critic to carry the ideas of Whitman into the 20th century, with The Liberal Imagination (1950) arguing for the democratic function of literary works. The two other major North American critics of the period have flirted with psychology, the Canadian Northrop Frye, in The Anatomy of Criticism (1957), using Jungian psychoanalytic theory to investigate the set of myths he took to be at the root of all literary creation, and Harold Bloom, in The Anxiety of Influence (1973), using the Freudian idea of the Oedipal Complex to explain the way poets develop, and struggle with, the achievements of their predecessors.
Theoretical approaches (HNH tô đậm) to literature have taken a wide variety of forms. Formalism-separately developed by the Russian Formalists and the American «New Critics»-argues that criticism should attend to the purely literary qualities of any text, ignoring contexts of any kind. Structuralism builds on the ideas of the early 20th-century linguist Ferdinand de Saussure, who argued that language is a

system of rules of which language users are only partially aware, but upon which linguistic understanding nonetheless depends. Structuralist critics, such as Jonathan Culler, seek out the hidden rules upon which the writing and reading of literature depend. Reacting to the rule-based approach of Structuralism, Post-Structuralist thinkers such as Jacques Derrida and Michel Foucault challenged the linguistic and social structures that are taken to underpin Western culture. Accordingly, Post-Structuralist criticism delights in demonstrating that texts are rarely as coherent as they seem.
Building on the political philosophy of Karl Marx, Marxist critics like Georg Lukôcs and Walter Benjamin start from the premise that literature, like all cultural phenomena, is an expression of the basic economic structure of society. Feminist criticism, on the other hand, as first developed by Virginia Woolf and Simone de Beauvoir, argues that the gender of the writer and the reader is the determining factor in the creation and interpretation of all literary texts. Psychoanalytic criticism seeks to apply Freudian psychology to the mind of the author, the motives of characters, or the responses of the reader, thus developing Freud's own acknowledgement that most of his insights into the workings of the human mind had been anticipated by poets and artists. Finally, and most recently, Post-Colonial criticism, which could be thought of as an offshoot of Marxism, considers literature either as products of empire, or as reactions to imperial oppression, and in so doing has drawn attention to many oppressed writers whose value has previously gone unremarked.[3]

(4) Trong văn bản H.L. thiếu dấu (, điều này không quan trọng, vì một độc giả bình thường cũng có thể đoán được phải đặt dấu mở ngoặc ở đâu.

(5) Simon Leys, *The Angel & the Octopus*, Duffy & Snellgrove, Sydney, 1999, p.263

CHIA BUỒN

Được tin thân phụ của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Lan là

cụ Nguyễn Thế Ban

vừa từ trần ngày 7 tháng 7 năm 2000 tại Việt Nam.
hưởng thọ 72 tuổi.
Thành kính chia buồn cùng nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Lan.
Cầu mong linh hồn cụ Nguyễn Thế Ban sớm về nước Chúa.

Nhật Tiến, Nguyễn Mộng Giác, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn Xuân Hoàng, Mai Ninh, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Thị Thấm Vân, Phạm Việt Cường, Tường Vũ Anh Thy, Phùng Nguyễn, Trần Duy Đức, Thùy Hạnh, Liên-Hải, Quan Trường, Nguyễn Nam An, Đặng Hiền, Lê Bi, Nguyễn Hương, Đỗ Ngọc Yến, Phan Tấn Hải, Khánh Trường, Thu Oanh, Thân Trọng Mẫn, Thu Huệ, Cao Bá Minh, Nguyễn Đình Thuần...



LÊ ĐẠT

Gửi anh Hoàng Ngọc Tuấn,



1. Tôi không phải nhà nghiên cứu. Chỉ là một người thực hành chữ.

Tôi bận chiến tranh quá sớm nên không có điều kiện hoàn thành đại học một cách chính quy. Tôi đã phải bù vào đó bằng một quá trình học tập du kích hết sức vất vả. Lẽ dĩ nhiên là không khỏi có những lỗ hổng. Nhưng có lỗ hổng là một việc, "sáng chế tài liệu giả" lại là một viêc khác, nó không nằm trong thói quen một người như tôi.

2. Tôi không nghi ngờ gì về tri thức uyên bác của anh. Nhưng không ai đọc được hết sách thiên hạ. Có lẽ trừ Thượng đế.

Hemingway là một nhà văn mà tôi kính trọng cũng như bất cứ nhà văn nào khám phá được một cách chữ mới.

3. Những tài liệu bị coi là giả, anh có thể tìm thấy trong tạp chí **Magazine Littéraire của Pháp, số đặc biệt về Hemingway ấn hành tháng 6-1999.** Về đọan Sartre, người chủ biên đặc san Gérard de Cortanze viết ở trang 21:

"A. E. Hotchner, qui fut un des derniers à se promener avec lui dans les rues de La Havane, et à le voir peu de temps avant sa mort,

rapporta, dans sa pré-face à cette nouvelle édition, des propos qui en disent long sur la personnali-té de Hemingway. Evoquant Jean-Paul Sartre, qu'il n'aimait pas particulière-ment mais qu'il admirait parce qu'il avait eu la prescience de refuser le prix Nobel, Hemingway déclare: "Je suppose que Sartre le savait: ce prix est une putain qui peut vous séduire et vous coller une maladie incurable..." (chữ maladie incurable, tôi dich đùa là bệnh sida).

Còn về trường hợp Jerome Cahryn, anh có thể đọc ở trang 40 cùng số tạp chí đó. J. Charyn nhận xét:

La célébrité est arrivée comme la foudre. Evidemment, il en a beaucoup abusé en se laissant prendre en photo à la moindre occasion sur son bateau ou sur la terrasse de sa villa cubaine..."

Jerome Charyn là tác giả cuốn "Hemingway, portrait de lõartiste en guerrier blessé" . Gérard de Cortanze nói về Jerome Charyn như sau: "L'affection éprouvêe par l'auteur du tout récent Mort d"un roi de tango pour celui qu'il considere comme son premier maitre, est bien réelle et communicative."

Sự việc như vậy là xong. Nó chả bõ bèn gì phải tranh luận dài dòng, nhất là vào thời kỳ tôi đang gặp khó khăn về sức khỏe. Vì quá mệt không dịch được mấy đoạn trích trên, tôi nhờ anh Dương Tường dịch lại thật sát nghĩa để anh tiện tham khảo. (1)

Trong quan hệ tế nhị giữa các nhà văn trong và ngoài nước, chúng ta nên cố gắng giữ một thái độ cẩn trọng, bình tĩnh và thể tất tối đa, nó có ích cho việc hợp lưu hơn là phân lưu.

Chúc anh mạnh và thu được nhiều thành công trong nghiên cứu.

Vẫn thân
LÊ ĐẠT

(1) " A. E. Hotchner, một trong những người cuối cùng đi chơi với ông trên các đường phố La Havane và đã gặp ông ít ngày trước khi ông mất, thuật lại trong lời đề tựa cho lần tái bản này một số câu chuyện nói lên khá rõ cá tính của Hemingway. Nhắc đến Jean-Paul Sartre mà ông chẳng ưa gì lắm nhưng kính phục vì đã sáng suốt từ chối giải Nobel, Hemingway tuyên bố: "Tôi đồ rằng Sartre thừa biết: cái giải ấy là một con điếm, nó có thể mê hoặc anh và đổ cho anh một chứng bệnh nan y..."

"Sự nổi tiếng đã đến như một tiếng sét. Dĩ nhiên ông đã lạm dụng điều đó khá nhiều bằng cách hễ gặp dịp là sẵn sàng để người ta chụp ảnh trên con tàu riêng hoặc trên sân thượng biệt thự của ông ở Cuba..."

"Tình cảm qúy mến của tác giả cuốn sách vừa mới ra. Cái chết của một ông vua tango đối với người mà ông coi như người thày đầu tiên của mình, là thật sự và dễ lan truyên."

Tái bút...muộn

Để tránh mọi hiểu lầm, tôi phải nhấn mạnh rằng bài tôi gửi đăng tạp chí Việt chỉ là một bài kiểu tạp văn nói về kinh nghiệm làm thơ của tôi. Nó hoàn toàn không phải một bài nghiên cứu về Hemingway.

Sở dĩ trên đường, tôi rẽ qua nhà Hemingway là vì khoái lời phát biểu độc đáo về giải Nobel cũng như ngoại hình rất tài tử điện ảnh của ông. Thế thôi.

Chẳng có động cơ khuất tất nào thúc đẩy tôi đặt điều tô điêu một nhà văn lớn tận bên Mỹ.

Khi động bút, không biết anh Tuấn có đếm xỉa đến chi tiết ấy không.

Cuộc đời nhiều uẩn khúc bất định. Một nhà phê bình nên có cái cẩn trọng của người thầy thuốc khi sử dụng những dược liệu thuộc bảng A.

Cách đây bốn mươi năm, trong một bài thơ dài bị cấm, *bài "Cửa Hàng Lê Đạt"* tôi có viết:

Ai lại vì mấy chú lang băm
Mà thành kiến cả một ngành y tế
Tôi chỉ muốn các nhà phê bình suy nghĩ
Chữ nghĩa nhiều khi có thể giết người

Tình hình bây giờ có hơi khác, nhưng hai câu sau thiết nghĩ vẫn thời sự.

*

Thú thật cho đến bây giơ, tôi vẫn chưa hiểu vì sao sự thể lại đi đến nông nỗi này.

Tôi viết bài cho tạp chí Việt. Ban biên tập, nếu thấy có những điểm tồn nghi thì đơn giản nhất là không sử dụng. Hoặc thân ái hơn thì email yêu cầu tôi minh giải và bổ sung nếu cần.

Chỉ có vậy thôi, việc gì phải đưa in rồi báo động đỏ một vụ án văn học ảo.

Nhưng, để con chuột nhắt này gây nguy cơ đầu độc một môi trường giao hảo giữa những người cầm bút, là một việc rất nên suy nghĩ.

Trong email gửi cho tôi, anh Tuấn viết: "...em thiết nghĩ sự hợp lưu phải được đặt trên cơ sở văn học nghiêm túc", tôi hoàn toàn tán thành. Nhưng người ta có thể rất nghiêm túc mà thân ái, hòa nhã, thấu tình đạt lý. Xin đừng ai nỡ, dẫu vô tình, biến đối thoại thành "đối thụi" nó vốn là thói hư của một số giới ỷ quyền.

Anh Tuấn có nói đến ngọn cờ trí thức và đạo đức. Tôi xin được phép nhắc rằng cách đối xử với người khác cũng nằm trong phạm trù trí thức và đạo đức.

Việc đáng tiếc xảy ra cũng đã xảy ra rồi. Hiển nhiên nên rút kinh nghiệm và cũng nên kết thúc sớm. Ai được ai thua, điều đó có quan trọng gì so với việc cố gắng bảo vệ tầng ozone "hợp lưu" trong-ngoài.

Cầu trời cho tất cả lấy lại được bình tâm để tự giải tỏa.

LÊ ĐẠT

CHIA BUỒN

Chúng tôi nhân được tin buồn
cụ bà LÊ THỊ KIM LOAN
Pháp danh DIỆU PHƯƠNG
tức bà quả phụ NGUYỄN NGỌC CƯ
thân mẫu anh **Nguyễn Ngọc Giao,**
từ trần ngày 10 tháng 6 / 2000, hưởng thọ 90 tuổi

Hợp Lưu thành kính chia buồn cùng tang quyên.
Cầu mong hương hồn cụ Lê Thị Kim Loan
sớn tiêu diêu miền cực lạc.

Huỳnh Hữu Ủy, ông bà Lê Thứ, ông bà Hoàng Chính Nghĩa,
Đỗ Hữu Tài, Trần Vũ, Mai Ninh, Phan Huy Đường, ông bà
LêTất Luyện, Khánh Trường...



THƯỜNG QUÁN

Một Trả Lời (mong được nhẹ)



A celebration, this is.
Out of a gap
A million soldiers run,
Redcoats, every one.

Whose side are they on ?

(Một cuộc lễ mừng, đây.
Từ một cái khoảng hở
Một triệu quân nhân chạy,
Áo khoác đỏ, mọi người.

Các anh, phe nào vậy ?)
Sylvia Plath ("Cut", Ariel)

Con người vốn bất toàn. Phần khuyết hụt của mỗi cá thể không chừng là bản sắc của cá thể ấy. Trong thiếu hụt vốn đã chi li vô dạng thức. Nói nôm: què ở mỗi anh lại một kiểu què.

Tôi cứ nhớ về quang cảnh được tả lại trong một bài báo. Ấy là một buổi sáng đẹp trời tại Úc, bối cảnh là buổi lễ gắn huy chương trọng thể. Nhà báo tả lại rằng hôm ấy không hiểu làm sao những người sắp được đeo huân chương tuồng đều có vấn đề ở chân cả. Có cựu chiến binh để lại phần chân thiết thân của mình trên chiến trường không kể, những chàng trẻ trung lành lặn cũng tuồng như mới ngã xe hay té bổ trên sân bóng bầu dục. Một đoàn đi ra trước khán đài khập

khà, khập khiểng. Hai giới chức đồng chủ toạ từ bục khán đài bước xuống để bắt tay đeo huân chương cho hàng quân nhân cũng khập khiểng luôn, tuồng như họ mới bị trật mắt cá chân, vì bục đài cao hơn lệ thường, hay đôi giày quá mới. Cái gì vậy nè trời? Khán giả trong không khí thanh tịnh, trang nghiêm của buổi sáng mới toanh, tinh sương, sương còn đọng hạt, khói trầm thi thoảng, kèn đồng sáng loáng, thế mà không thể bấm bụng nhịn cười. Mỗi người cười thầm một cách. Rồi nhìn qua nhau. Uả! người bên cũng cười; thế là bật cười đồng loạt. Đoàn quân nhân trước khán đài và nhị vị chủ tọa cố gắng không để tiếng cười đã tràn lan ấy làm xao nhãng lễ thức đã định. Thế mà cũng không xong; có anh đã rung lên bần bật vì nhín cười. Một chàng chịu không nỗi té ngã chổng càng ra trên sân đá lát hoa viên giữa bạch nhật. Ông cụ xe St. John cứu thương lật đật chạy tới cứu nguy xem sự thể ra sao, bác này cũng chạy cà thọt. Rồi con chó đốm trung thành của cụ tủng tẳng chạy theo ra cũng cà nhắc lẩng cẩng. Thế là toàn bộ khán đài công chúng trên dưới đều bò lăn ra mà cười.

Trong đời có những thơ trẻ bất toàn nghĩ lại cũng là đáng mến. Như các ông anh họ, cậu họ, chú họ của tôi lính tráng miền Nam bay bướm buổi nọ. Họ đóng quân ở đâu không biết, nhưng những ngày nghỉ phép, về Đà Nẵng thì lại ghé Xóm Ga, thăm ba mẹ tôi, và cũng là để có một chỗ khuya về ngã lưng ôn lại chuyện trong ngày. Tưởng bị đóng quân phục, bị cấp trên, quân cảnh lom lom ngó chừng tác phong đã nguyên năm thì tới nghỉ phép phải trở lại xi-vin phông tơi cho thỏa gió, chứ đằng này chàng nào cũng quân phục lấp ló mai đen cổ áo, đi ra cà phê, đi tới cổng ngỏ, nhìn lên những chiếc ban công. Trông trẻ thơ con nít làm sao ! Mấy chiếc mai đen tràn về thành phố chẳng đem lại một đám cưới hữu loan nào, rồi như "Cắt", một giấc mộng lớn

Một triệu quân nhân chạy
áo khoác đỏ, mọi người

Nhưng chao ôi! Chính những trẻ thơ lông bông dị tật ấy làm tôi nhớ họ. Nghiệm ra nữa là cái anh tôi ngăn nắp kiểu mẫu của thời trung học nay đi vào trung niên cũng không khác họ là mấy. Đôi khi cũng lông bông đi vào chiến tranh như đi chơi.

Một cuộc lễ mừng, đây.
Từ một cái khoảng hở

Vui lắm những lễ lạc văn chương, những bài thơ sáng ngày Tập Họp, những cái truyện viết để đem khoe người tình linh tinh hay

những bạn văn lẩn thẩn khác. Có ai biết lý luận buổi ấy nằm đâu. Vui là chủ yếu.

Từ chuyện què, chuyện đeo huân chương đến chuyện lông bông của thanh niên, kể cả thanh niên viết văn, tôi đi một vòng hơi dài, cốt là để nói tạt ngang trở lại vào xóm, như sau: gió đi qua là trận gió đã đùa. Ấy chỉ là một cái e-mail viết gởi anh Khánh Trường, đọc cho vui, cũng là để hù dọa bạn vàng rằng tôi cũng biết trí thức lắm đấy.

Không nghiêm chỉnh lắm, tôi nghĩ giá như anh Khánh Trường trước khi chuyển vào cái mục Thư Văn Hữu mà DELETE giùm cái câu cuối - có dính tới hai tên tuổi - thì câu chuyện đã không tới nỗi thành câu hỏi, Ai theo ai chống ai ?

Whose side are they on?
O my
Homunculus, I am ill.

(Sylvia Plath, "Cut")

Nó chỉ là chuyện ý nghĩ riêng tư của tôi về trí thức, và về bài viết của Nguyễn Hưng Quốc buổi ấy. Ấy là quyền phê phán của một người đọc bình thường. Đâu phải nào chỉ duy những anh mang áo Hoàng Bào Lý Luận mới được phép có ý kiến?

Còn chuyện GS Hoàng Ngọc Hiến có bị đập hay không thì chính GS Hiến cũng có nói thành cả một bài trên báo trước, tôi cho chuyện ấy có thể tạm ổn.

Nhưng cũng phải công bằng với anh Khánh Trường là đây không phải lần đầu tiên người chủ bút của tờ Hợp Lưu đã trích những e-mail riêng tư của tôi cho vào mục Thư Văn Hữu (lần sau cùng tôi nhớ không nhầm là về phẩm hạnh của anh Mai Thảo, mà Khánh Trường và tôi đồng cảm phục).

Những gì tôi viết trong e-mail đã đăng ở số HL 52 cốt không để trình trước công luận. Nó rất riêng tư trong trao đổi với một người bạn. Tôi cũng thú thực rằng: buổi ấy, như tôi vẫn hay đùa với bạn, rằng cái hăng thanh niên ở một hai chỗ đã trở thành cái chất tôi gọi là kiêu binh cộng hòa. Cộng hòa này không dính gì tới Cộng hòa Pháp hay Cộng hòa miền Nam trước 1975. Nhưng tất cả tôi nói thực hay nói chơi là của tôi, không hề chung trong một trận tuyến nào cả.

Một độc giả là ông Nguyễn Minh Quân trong số báo HL 53 vừa rồi thấy có sự gì như là các bài viết của GS Hoàng Ngọc Hiến, của anh Nguyễn Thanh Sơn và cả của Thường Quán là "quyết dùng sức mạnh của số đông có tính bầy đàn để hạ gục cho được Nguyễn Hưng Quốc",

tôi cho là ông Nguyễn Minh Quân nói bảnh, hoang tưởng. Nhưng chỗ hoang tưởng ấy không sao: nó là của một người không bên trong câu chuyện, và sự sai trật ấy vốn là lẽ thường. Bản thân tôi chưa hề nằm trong một tập thể nào, hội đoàn nào, trừ trong ban biên tập hay ban chủ trương các báo bạn (mà thường là vị chủ bút tự động cho vào; và nói cho đúng tôi cũng chẳng phiền gì sự ấy).

Tôi chưa từng hề liên lạc thư từ, bất kỳ ở hình thức nào, với GS Hoàng Ngọc Hiến. Tôi chỉ gặp GS Hiến một lần, ở một bữa cơm quán do nhà văn Dương Thu Hương khoản đãi (để dùng chữ cho sang). Ấy là ngày Quốc Khánh của Pháp, năm 1997. Chị Dương Thu Hương buổi ấy vừa vào Nam ra vất tấm thiếp mời của Sứ Quán Pháp cho buổi tiếp tân đêm ấy qua một bên, để thay vì tới đó lại tốn tiền cho ba bốn người bạn có một buổi đoàn viên nhẹ nhàng.

Buổi tối đầu hạ ấy ở một quán đầu hè lim sấu buông lơi gồm bốn già trẻ Lê Đạt, Hoàng Ngọc Hiến, Dương Thu Hương, và tôi (túi xắc du khách) là một trong những ấn tượng đẹp đẽ nhất tôi đã có về Hà Nội 97, tôi ghi lại đây cho vui, cũng là biết ơn nhà văn. Chị Dương Thu Hương buổi ấy chắc cũng không tiên liệu ba năm sau toàn bộ chúng tôi lại gặp nhau trên một quán hợp-lưu cao nhã, sôi động redcoats áo khoác hồng đỏ tía, chạy thao tác vả bồ hôi như Sylvia từng đã mô tả trong Cắt như vậy.

Trở lại với cái e-mail mà tôi chẳng giữ: Viết e-mail vốn là viết thoắng thoáng vui một cái gì, để trao đổi nhẹ với bạn bên kia không gian cyber . Nó không nhằm để lưu trữ lại. Tôi không rõ khi chuyển tải vào mục Thư Văn Hữu của Hợp Lưu có gì rơi rớt, trật trịa (vì ngón tay lả lướt quá nhanh không). Nhưng khi đọc lại trừ những cái tên có chỗ đánh sai, tôi vẫn thấy ấy là ý mình, chữ mình. Tôi chịu trách nhiệm về những ý kiến đã nêu, và sẽ minh định lại, như dưới đây, để anh bạn Nguyễn Hưng Quốc, cũng như các bạn đọc, rõ, là những điểm anh cho là sai, theo cách nhìn nghĩa đen của anh, thì nó là những điểm mở, cũng đáng bàn luận tới, cho vui câu chuyện (mà chắc cũng là bổ ích, không tới nỗi nhạt nhẽo, vô vị).

Tôi vẫn nghĩ mỗi con người có quyền, từ chỗ đứng riêng tư của mình, có thể đưa ra định nghĩa, theo như mình thấy được, về bất cứ điều gì. Nếu không thì nguy quá. Chỉ còn những quan điểm của tập thể, của chính thống.

Ví dụ 1. **về chuyện trí thức có được xem như là một giai cấp hay không.**

Anh Nguyễn Hưng Quốc bảo: “trí thức không phải là một giai cấp. *Những ai có chút kiến thức về triết học cũng đều biết Karl Marx phân định giai cấp theo quan hệ sản xuất chứ không phải theo trình độ hay địa vị trong xã hội./* Anh nói tiếp: Từ điển Triết học giản yếu do Hữu Ngọc, Dương Phú Hiệp và Lê Hữu Tầng biên soạn (nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1987), ghi rõ: *“Trí thức không phải là một giai cấp xã hội vì trong mọi hình thái kinh tế - xã hội, trí thức xuất thân từ những giai cấp khác nhau và không có một vai trò độc lập trong sản xuất.”*

Tôi chỉ muốn lập lại như sau: từ chỗ Marx nói tới chỗ môn đệ khuynh-Mác nói là một khoảng cách lớn. Từ chỗ Marx nói tới chỗ học trò khuynh-Mác làm thì thực là một đảo trời lộn đất, kinh khủng; Marx có đội mồ sống lại cũng không cứu chữa kịp.

Điều cá nhân tôi nhận thức, mà cũng là rõ, trong thực tế, là: giới khuynh- Mác vốn phân chia biện biệt giai cấp này nọ, đã khoanh hẳn trí thức vào một rọ, mà sau này ta đã thấy - qua chiều dài lịch sử - những khinh thị, trù dập ra sao, đối với họ, và con em, và thân thuộc. Nó xảy ra ở rất nhiều nơi, từ Trung Quốc ở thời Đại Cách Mạng Văn Hóa qua tới Kampuchia thời Pol Pot, một cực điểm của khuynh hướng Maoist, thời ấy nội ai có kiếng cận thị, lòng tay không chai sần, còn bị đem đi đập một xẻng cuốc, vào sọ. Ấy là thực tế.

Còn Từ điển Triết học Giản Yếu do Hữu Ngọc, Dương Phú Hiệp và Lê Hữu Tầng biên soạn bảo là không - như anh Nguyễn Hưng Quốc cho biết - thì không sao cả. Biết đâu đây lại là một mở đầu cho một tranh luận mới về đề tài ấy.

Cho một vấn đề nào, dựa vào từ điển cũng là dựa vào một quan điểm, có khi quan điểm ấy là kết quả thu tập của sách vở chuyên môn, có khi thì không thế. Thậm chí nó còn có thể là một quan điểm chính thống, đã được kiểm duyệt, được phép tồn tại.

Ví dụ 2. về lãnh đạo kháng chiến , tôi nêu tên ba nhân vật: Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Tường Tam, Võ Nguyên Giáp và nói xuất thân họ là trí thức.

Anh Nguyễn Hưng Quốc bảo, tôi xin trích lại: “ (Sai) thứ sáu, trong hàng ngũ lãnh đạo kháng chiến làm gì có Nguyễn Tường Tam. *Ông đã chạy sang Tàu trước khi cuộc kháng chiến chính thức bùng nổ rồi mà. Ngay cả Huỳnh Thúc Kháng cũng khó có thể xem thuộc hàng ngũ lãnh đạo kháng chiến. Một phần ông chỉ được sử dụng làm vì chứ không có thực lực; hai là ông mất sớm sau khi cuộc kháng chiến vừa bùng nổ (21.4.1947)”* .

Theo ý tôi: nói tới kháng chiến (không viết hoa), cho thời kỳ kháng Pháp giành độc lập, chúng ta không thể bỏ qua sự có mặt đấu tranh cật lực của các đảng phái, thành phần, đã góp phần lớn nhỏ vào nỗ lực giành độc lập. Định lượng một cách bình tĩnh, vô tư, những đóng góp này là công việc của các sử gia. Tôi nêu ra Huỳnh Thúc Kháng và Nguyễn Tường Tam để cũng là có ý nhắc rằng không phải chỉ có những ai gắn liền với Đệ Tam Quốc Tế mới được kể tới. Giành độc lập là ưu tư tha thiết của người dân sống dưới ách nô lệ, cảm mối hờn vong quốc. Trí thức Việt Nam đã lên đường đã nhập cuộc, đã đứng trong lãnh đạo. Kháng chiến đấu tranh cho độc lập Việt Nam đã nung nấu từ Văn Thân, Cần Vương, thì tới sát gần giai doạn quyết liệt làm sao ta có thể quên Quốc Dân Đảng dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, hay nhóm Đệ Tứ dưới sự lãnh đạo của Tạ Thu Thâu, Phan văn Hùm - để lấy vài thí dụ mà thôi.

Cuộc Kháng Chiến 1946-1954 dưới sự lãnh đạo của Việt Minh là một nỗ lực lớn, tốn kém bao nhiêu xương máu, để có được ngày độc lập. Nhưng khi chưa có những công nhận công bằng tất cả các nỗ lực vận động, từ thời Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, đến Nguyễn Hải Thần... những nhà viết sử chưa làm hết công việc của mình. Lịch sử vốn được viết bởi những người thắng trận, ở đâu cũng thế, chứ không riêng đất nước thân yêu đầy đủ ba miền và hàng nghìn cù lao của chúng ta. Tôi chỉ nhắc điều này như một chú thích bên lề.

Ví dụ 3. Anh hay Chị ?

Nhắc tới trí thức Tây Phương trong e-mail tôi có nêu thí dụ Simone de Beauvoir và Susan Sontag, trong số những người khác. Và bảo: không mấy ai dám chống mấy anh này. Cãi với họ thì được.

Anh Nguyễn Hưng Quốc bắt bẻ: *"về cách xưng hô, "mấy anh này" là mấy anh nào vậy Anh Sartre ? hay Camus ? Còn "chị" De Beauvoir và "chị" Susan Sontag thì để đâu ? Hay Thường Quán tưởng De Beauvoir và Sontag cũng là hai "anh" chăng ? "*

Chỗ này chi li quá nhưng mà cũng nên nhắc lại, vì rất vui. Cái chữ "anh" cũng là ngộ. Vâng, tôi đã cố tình gôm Simone de Beauvoir và Susan Sontag vào chỗ "anh". Tôi nghĩ tới Anna Akhmatova đã từng quyết liệt bảo đừng gọi tôi là nữ thi sĩ. Tôi làm thơ, hãy xem tôi là người làm thơ, có thể gọi tôi là thi sĩ cũng được, nhưng bỏ chữ nữ đi; nữ hay nam thì ăn thua gì tới chuyện làm thơ. Viết vậy thôi, chứ không ngờ cũng bị bắt, cũng thành chuyện, cũng tốn giấy báo (giấy rất quí, cây rừng rất quí). Chỗ này anh Nguyễn Hưng Quốc bảo có lẽ tôi chừng không biết các vị trên là nam hay nữ, thực tôi được nghe vậy, chứ làm

sao mà cãi. Quả nhiên là lối nhìn đời nhìn người của tôi có khác với của anh bạn.

Nhưng sự khác biệt, khoảng cách, tính đa dạng của đời sống, cũng như sự bất toàn của con người, là những yếu tố chính làm nên văn học, chúng ta cần phải tôn trọng. Anh Nguyễn Hưng Quốc đã chiến thắng say sưa trong "bài làm mẫu" của mình nhặt ra những câu "văn què" của tôi. Thực tình tôi lại thấy những chỗ ấy - nói chủ quan - lạ, nhanh, nhảy cóc mà vẫn đủ ý. Nhưng điều ấy trong cái e-mail của tôi thì quan trọng gì. Điểm vô cùng quan trọng mà tôi muốn đưa ra đây là: Không có những câu văn què, khác thường, nhảy cóc, bay tưng, bổ trửng, trật văn phạm tiểu học, chúng ta sẽ không có những văn phong khác nhau. Làm sao chúng ta có Mai Thảo, Đỗ Khờ. Làm sao chúng ta có thơ? Tôi mong là một nhà lý luận văn học, anh Nguyễn Hưng Quốc cùng nhìn thấy điểm ấy. (Để chúng tôi, những người sáng tác, nhỡ được anh chiếu cố mai này đỡ run)

Tôi cảm kích sự chú tâm đặc biệt của anh Nguyễn Hưng Quốc cho một e-mail viết thoáng của tôi trong vụ này. Tôi chỉ thực sự lấy làm phiền ở cung cách và thái độ khi anh ấy làm công việc ấy. Chưa làm anh đã phán cho tôi là ngớ ngẩn, sai, sai bét. (Chữ "ngớ ngẩn" được dùng rất nhiều lần, ít ra là trong hai bài viết đi liền nhau là bài "Cần có văn hoá tranh luận", và "Sáng chế tài liệu giả: một hiện tượng phản trí thức trong văn học Việt Nam đương đại" trong số báo Hợp Lưu 53). Cung cách ấy là không nên. Nó trịch thượng. Và nguy hiểm. Nó khiến tôi liên tưởng tới việc buộc các can nhân phải đội những chiếc nón giấy chóp nhọn, chỉ đủ cho chóp đầu, một thứ dunce cap kỳ quái ác nghiệt trong thời Đại Cách Mạng Văn Hóa tại Trung Quốc. Những chiếc nón-ngu ngô nghê cốt để hạ nhục phạm nhân (đầu anh nào càng lớn thì lại càng hề).

Chuyện của tôi nói tới đây có thể xem là hết. Có thể thôi, vì thực tình là chưa, vì tôi vẫn còn liên can, tới một bài viết và một nhà thơ, và một vụ, nghiêm trọng hơn tất cả những gì vừa trình bày ở trên.

· Cáo buộc Nhà Thơ Lê Đạt trong bài Hậu Từ "Sáng Chế Tài Liệu Giả".

Như trong thời Đại Cách Mạng Văn Hoá tại Trung Quốc, đội nón-ngu chưa đủ, thường can nhân còn phải đeo một vài tấm bảng lớn chữ đại tự viết nguyệch ngoạc, trước ngực. Chẳng hạn: Oa trữ Dâm Thư. Tay Sai Tư Bản. Chống Lại Nhân Dân. Tôi không đổ cho ai một sự gì quá quắt. Tôi chỉ nói tới điều cá nhân tôi liên tưởng. "Sáng chế tài

liệu giả: một hiện tượng phản trí thức trong văn học Việt Nam đương đại", không kể riêng ở tiêu đề, những chữ được dùng thực cực nặng, tác dụng công kích mạnh; phần nội dung đã đặt những câu hỏi nghiêm trọng vào phẩm cách trí thức (intellectual integrity) của GS Hoàng Ngọc Hiến và nhà thơ Lê Đạt. Không những thế, bài viết còn đặt câu hỏi về tư cách của họ.

Với nhà thơ Lê Đạt, tôi xin trích lại phần kết luận dành cho nhà thơ của bài viết của Hoàng Ngọc-Tuấn

"Điều đáng kinh ngạc nhất là, chỉ để làm mạnh một luận điểm của mình trong một bài viết ngắn - một luận điểm rất cũ mòn rằng danh vọng có thể làm hỏng tài năng của nhà văn - ông Lê Đạt đã không ngần ngại sáng chế lời tâm sự kỳ quặc của Hemingway, và dường như còn sáng chế cả lời nhận định của Jerome Charyn về Hemingway. Làm thế, ông đã vô tình (hay cố ý) xuyên tạc về đời sống và phẩm cách của một nhà văn lớn thế giới. Làm thế, ông còn xem thường sự hiểu biết của tất cả độc giả, và, hơn thế nữa, xem thường cái tư cách của chính ông vậy ." (trang 37, HL 53)

Đọc những lời như ở trên, nó thực sự cho cá nhân tôi liên tưởng tới một tấm bảng đại tự VÔ TƯ CÁCH mà hai can nhân Hoàng Ngọc Hiến và Lê Đạt phải đeo. Phải đeo cho tới ít ra là số báo sau, khi các anh ấy có thể trả lời, minh oan cho chính mình.

Mà riêng trường hợp anh Lê Đạt (và bài "Hậu Từ ") thì tôi nghĩ cần có một sự lên tiếng như sau:

Cho những bạn không được đọc bài "Hậu Từ " đã đăng trên VIỆT số 5, nó là một bài tản mạn về thơ, về kinh nghiệm làm thơ, của nhà thơ Lê Đạt. Tôi tự xem là người trong cuộc, vì trước hết bài "Hậu Từ" được gởi tới VIỆT qua cá nhân tôi. Anh Lê Đạt gởi bài cùng một thư riêng. Chính tôi còn nhớ mình đã đánh mất bài viết ấy, phải phone về nhà anh để xin lại. Anh Lê Đạt buổi ấy có trêu "anh thấy bài ấy không được anh vất rồi chứ gì ?" và cười cho biết anh Chủ Nhiệm VIỆT, Phan Việt Thủy, đang có mặt tại Hà Nội, đã xin lại bài ấy rồi và đã lấy đi, đã fax cho anh Nguyễn Hưng Quốc. Bài ấy trước khi cho in, theo chỗ tôi biết, Phụ Tá Chủ Bút VIỆT , anh Hoàng Ngọc-Tuấn, có đọc qua (chứ không phải đợi tới tháng giêng năm 2000 như anh đã viết ở trang 29 HL số 53). Tôi nói như thế vì buổi ấy anh Hoàng Ngọc-Tuấn đã có than phiền với tôi cái chỗ chi tiết sida "thời đó làm gì đã có", tôi có nói vui, đại để: Tuấn phải nhớ đây là một tản mạn có tính ẩn dụ thi ca, không phải là một nghiên cứu hiện thực. Mà thực là thế, ý nghĩa của bài "Hậu Từ " nằm ở những quán niệm về thơ và đời sống, chứ phần có nhắc tới Hemingway là một clip phim phụ đề cho chuyện

nghề chữ và hư danh. Tôi không thấy có vấn đề gì. Nhưng khi đọc bài Sáng Chế Tài Liệu Giả trên HL số 53 thì rõ đây là một cáo buộc nặng.

Để dùng ngôn ngữ một là, hai là, ba là của giới lý luận:

Một, bài Hậu Từ đã được chính tay Chủ Nhiệm VIỆT tới Hà Nội lấy đi.

Hai, bài Hậu Từ đã được hai bạn Nguyễn Hưng Quốc và Hoàng Ngọc-Tuấn đọc, duyệt và cho in ở VIỆT số 5.

Ba, bài ấy ít ra dưới mắt anh Phó Chủ Bút Hoàng Ngọc Tuấn là có vấn đề. Sự thấy ấy là ngay sau khi bài này được fax về Úc.

Bốn, anh Lê Đạt không hề nhận được một câu hỏi nào từ ba anh Phan Việt Thủy, Nguyễn Hưng Quốc hay Hoàng Ngọc Tuấn để anh ấy có cơ hội trình bày, đưa dẫn chứng, làm sáng tỏ vv trước khi baó VIỆT số 5 được đem đi in.

Năm, cáo buộc nhà thơ Lê Đạt sáng chế tài liệu giả trong bài Hậu Từ được công bố trong Hợp Lưu số 53, tháng 6 & 7.

Sáu, Nhà thơ Lê Đạt không hề có cơ hội trình bày, giải thích, dẫn chứng suốt thời gian bài "Sáng chế tài liệu giả: một hiện tượng phản trí thức trong văn học Việt Nam đương đại" được nung nấu viết, để làm mạnh cho lập trường của Nguyễn Hưng Quốc là có chủ nghĩa phản trí thức trong văn học Việt Nam đương đại (và nó vi phạm bởi những người có uy tín nhất).

Chuyện đứng trong chiến tuyến nào là một chuyện tầm phào. Chỉ bằng với công tâm, là một người nằm trong Ban Biên Tập VIỆT (cho tới giờ này) và có trực tiếp liên quan tới bài "Hậu Từ", tôi thực tâm nghĩ rằng báo VIỆT ngay lúc này phải bình tĩnh nhìn lại cung cách mình làm việc, hầu có một lời xin lỗi đến anh Lê Đạt.

Các bạn phải làm vậy vì: trước hết, rõ ràng: nếu các bạn thấy bài viết ấy có vấn đề thì đơn giản phải liên lạc lại ngay với anh Lê Đạt, để anh Lê Đạt có cơ hội và thời giờ giải thích trước khi báo lên khuôn, đi in. Các bạn đã không làm thế. Các bạn đã cố tình đợi tới sau khi GS Hoàng Ngọc Hiến trả lời ở cuộc tranh luận về Chủ nghĩa Phản trí Thức mới tung ra cáo buộc ở bài viết của nhà thơ Lê Đạt có sự nguỵ tạo, một bài viết mà oái oăm thay đã đăng trên chính báo của các bạn, nội dung của bài này các bạn đã xem, đã duyệt, đã cho đi in.

Tôi trình bày phần vừa rồi vì cảm thấy cực kỳ bất nhẫn. Từ ngay buổi đầu của tờ VIỆT, anh Lê Đạt đã hăng hái tham dự như một người bạn, một ngòi bút nhiệt thành và trẻ trung, đã đóng góp bài vở cho tờ báo, đã luôn luôn khuyến khích tinh thần, góp ý kiến với tờ báo; anh chưa làm một điều gì gây phiền cho các bạn trong ban chủ trương cả. Anh Lê Đạt, ngược lại, đã dành toàn vẹn sự ưu ái cho các bạn, vì nghĩ rằng VIỆT đang mở ra một hướng gì mới mẻ, trẻ trung, lại xóa được những phân chia dị biệt.

Tôi không thể đoán anh đang nghĩ gì, cảm gì, chua chát ra sao, chỉ đặt tôi vào vị trí của anh, thì tôi phải nói là tôi đau lòng.

Trong hành trình đi và viết thỉnh thoảng ta cũng gặp những hoạt cảnh què, nhưng mà nó vui. Chắc chắn là vui hơn cảnh khán đài nghiêm trọng, quãng trường nhìn tuốt không thấy chân trời không thấy ai, chủ tọa đoàn quân phục ủi hồ gãy nếp, mũ đính trang kim, mặt nghiêm không nói. Nói thì hùng hồn, kinh thiên động đất. Và tới lúc làm thì nhân danh những gì quá lớn mà quên mất nhân tình.

Tôi có mấy ý như thế. Tôi thích hai chữ "nghĩa chữ " của nhà thơ Lê Đạt. Tôi viết, thực sự cũng cảm kích cái đặc ân còn được viết, không biết lấy gì trả nghĩa chữ ấy. Đường chữ thực sự thì tùy: có thể dài có thể ngắn; hay tôi e có lẽ không dài không ngắn chỉ tội bao la; người viết gặp nhau trên đường ấy đôi ba bận, tôi chỉ mong những trao đổi qua về thực nhẹ, không quá nặng lòng một ai.

PS. Còn về đấu vật, cũng như bắn súng, là 2 bộ môn Olympic tôi không bao giờ bỏ thì giờ xem. Là người phải có lúc ta như Jacob phải đánh vật với thiên thần Gabriel/Ariel, hay là anh-người-có-cánh-trong-ta, những vết thương gần cận với cả cái chết ấy thì hay. Tôi xin lỗi và cảm tạ Sylvia Plath, một nhà thơ đã khuất, đã cho tôi mượn không thể hỏi ý mấy câu thơ trong bài "Cut" - tiếng Việt nước tôi cũng một âm Cắt (như xén, như vết như thương) - trong tập ARIEL, để giúp vui & thoáng cho một cái trả lời (mong được nhẹ) .

THƯỜNG QUÁN
16/6/2000



PHẠM XUÂN NGUYÊN

"Văn hóa là những gì còn lại sau khi đã quên"



Hoàng Ngọc Tuấn vừa đăng bài viết "Sáng chế tài liệu giả: một hiện tượng phản trí thức trong văn học Việt Nam đương đại" (Hợp Lưu, số 53, 5-6/2000). Tác giả đau khổ khi phát hiện thấy có sự "sáng chế tài liệu giả" của một nhà nghiên cứu và một nhà thơ trong nước, cả hai đều là những tên tuổi khả kính, do đó anh chẳng đặng đừng phải lên tiếng cảnh báo về hiện tượng phản trí thức đó. Lời lẽ bài viết rất ư thống thiết, nhiệt huyết rất ư tràn trề, tâm can rất ư bộc bạch. Thế nhưng toát lên cả bài là một âm khí, đọc đến tận dòng cuối, tôi, một người không phải là kẻ yếu bóng vía trong tranh luận học thuật, thốt bỗng rùng mình. Sao văn chương chữ nghĩa ở đây lại nghe ra "tiếng sắt tiếng vàng chen nhau" thế này!

I

Để phê lại một câu trích dẫn của Lê Đạt trong bài "Hậu từ" đăng trên tạp chí Việt (Australia) số 5/2000 về Hemingway, Hoàng Ngọc Tuấn đã trích lục khá nhiều sách tây nhằm chứng minh: 1) không có cái câu như Lê Đạt trích dẫn đó; 2) Hemingway không phải là người khoe mẽ hợm hĩnh. Cảm tưởng đầu tiên của tôi khi đọc bài Hoàng Ngọc Tuấn là thấy anh có vẻ đọc nhiều, giỏi Anh ngữ, và do đó trong tranh luận chừng như anh muốn "cả vú lấp miệng em" bằng cái đắc sở học đó của mình.

Nhưng, bởi thế, tôi rất nhanh nhận ra Hoàng Ngọc Tuấn đã bị cái sở học của mình biến mình từ một nhà khoa học lẽ ra phải khách quan, trọng thị, thành ra một người thiên kiến. Câu Lê Đạt trích có thể có (hoặc không), có thể đúng (hoặc sai), điều này chưa thể kiểm chứng đầy đủ và trọn vẹn. Mà dẫu đã được kiểm chứng, sự việc cũng không ở tầm mức nghiêm trọng như Hoàng Ngọc Tuấn tưởng. Câu trích có thể chỉ cần vài dòng là bác bỏ hoặc đính chính. Cũng có thể không có nó nữa, và do đó không có vấn đề vin vào nó mà ra, nếu như những người biên tập và chủ bút của tờ Việt có lương tâm và trách nhiệm nghề nghiệp hơn một chút khi làm việc với bài ông Lê Đạt. Đơn giản một cú điện thoại viễn liên, hoặc một bản fax, một cái mail, cho tác giả. Xong. Hoặc giả không liên lạc được với tác giả, biên tập, bằng kiến văn và trình độ của bản thân, sửa chữa. Sinh ra cái nghề biên tập báo chí để làm gì? Chí ít, nếu thấy nghi ngờ xuất xứ câu trích mà vẫn muốn tôn trọng tác giả, thì để một dấu hỏi (?) ngay sau dòng tên được dẫn. Nhưng Việt không làm thế. Việt đã cư xử với một tác giả cộng tác viên của mình rất bất cận nhân tình, có thể nói là thiếu thiện tâm, trong trường hợp này. Ông Lê Đạt có lỗi, nếu ông không cho thấy câu mình trích là có thật và chính xác (1). Nhưng lỗi của ông Lê Đạt là nhỏ nếu quy trách nhiệm cho Việt. Ông bị trượt chân trên sân của Việt. Và bây giờ một người của Việt la làng cho bàn dân thiên hạ thấy ông ngã, xem ông ngã. Hoàng Ngọc Tuấn, anh đã lợi dụng cú trượt chân của ông Lê Đạt để giả cớ "bé xé ra to" nhằm một mục đích khác. Anh đã bày một hiện trường giả để chơi một trận chiến thật. Có nên nói, mục đích đó, trận chiến đó, nằm ngoài phạm vi trí thức và văn học?

Anh Hoàng Ngọc Tuấn "một kẻ từng có nhiều năm say mê Hemingway và đã đọc rất nhiều tài liệu về Hemingway", nhưng anh quên mất một điều đơn giản: "đã đọc rất nhiều" không có nghĩa là đã đọc hết, và do đó, không thể tự phụ là biết hết. Xin nêu một thí dụ. Anh trích dẫn Jeffrey Meyers từ cuốn Hemingway: A Biography nói về phản ứng của Hemingway đối với giải Nobel: "Khi được Harvey Breit phỏng vấn về Giải Thưởng, ông, một cách khôn ngoan và an toàn, đã ca ngợi một nhà phê bình nghệ thuật và hai nhà văn lão thành hạng hai - thay vì những cây bút đương thời có khả năng hơn - và nói rằng Bernard Berenson, Carl Sandburg và Isak Dinesen mới xứng đáng lãnh giải". ở đây J. Meyers đã chỉ nói một nửa câu trả lời của Hemingway, vô tình lại hạ thấp tầm vóc của nhà văn. Tiếc thay, Hoàng Ngọc Tuấn coi Hemingway: A Biography "một cuốn sách dày gần 700 trang, có thể là tài liệu đầy đủ nhất về tiểu sử của Hemingway" như là một Encyclopedia về ông, nên đã vội tin. Cũng chi tiết này Carlos Baker trong sách Ernest Hemingway: A Life Story (Penguin Books, 1972), một cuốn sách dày hơn 900 trang,

đã dẫn lại nguyên văn cuộc phỏng vấn E. Hemingway của H. Breit như sau (tôi cũng xin dẫn nguyên văn Anh ngữ để ở cuối bài, nói có sách mách có chứng, để Hoàng Ngọc Tuấn khỏi thấy "thiếu thốn tài liệu"; với bạn đọc, tôi xin lỗi, vì đã chú thích dài dòng):

"Hôm 28 tháng Mười, ngày thông báo chính thức, Ernest quyết định tỏ ra lịch sự và thậm chí có vẻ tự cao tự đại. Giữa cuộc lễ đông đúc ở Finca, Harvey Breit gọi điện từ New York đến phỏng vấn.

"Ông có muốn kể tên nhà văn nào sống trước khi giải Nobel [được thành lập] năm 1901 mà nếu làm giám khảo ông sẽ trao thưởng?"

"Có chứ", Ernest nói, "với tư cách người được giải Nobel tôi không thể không lấy làm tiếc là nó chưa bao giờ được trao cho Mark Twain, hoặc cho Henry James, đấy là chỉ mới nói đến những người đồng hương của tôi. Có những nhà văn lớn hơn hai người này cũng không được nhận giải. Hôm nay tôi sẽ vui sướng - vui sướng hơn - nếu giải thưởng được trao cho nhà văn tuyệt diệu Isak Dinesen, cho Bernard Berenson, người đã hiến dâng cả cuộc đời mình cho những trang viết sáng sủa và hết sức sâu sắc về nền hội họa đang được sản xuất, và tôi sẽ cực kỳ hạnh phúc nếu biết giải thưởng được trao cho Carl Sandburg. Lẽ ra vì sự kính trọng và niềm vinh dự trước quyết định của Viện Hàn Lâm Thụy Điển, tôi không nên có những nhận xét như vậy. Nhưng bất kỳ ai nhận được vinh dự, phải nhận nó một cách khiêm nhường" (2).

Câu trả lời trên của Hemingway có phải là "phản ứng khó chịu" đối với giải Nobel không? Thực ra đó là một thái độ ứng xử đạo đức của ông trong ngày vui lớn của đời mình. Ông biết mình biết người khi nhắc đến M. Twain và H. James. Còn với ba tên tuổi mới, ông kể ra là vì tình cảm trân trọng. Đoạn tiếp theo đây Carlos Baker cho thấy điều đó: "Về sau ông giải thích rằng sáng ấy ông muốn tỏ ra chu đáo và rộng lượng, rằng ông thấy vui thích đưa ra sự ghi nhận và niềm vui cá nhân cho ba con người đã "làm việc cật lực cả đời". Làm cho ba con người được vui sướng trong một ngày duy nhất, đặc biệt khi cả ba đều đã luống tuổi, việc đó không phải là nhỏ" (3).

Nói cho đúng ra, Hemingway có bực bội thật, nhưng đấy là bực với những nhận xét về nghệ thuật văn chương của ông được nêu ra trong bản thông báo của Ủy ban giải thưởng Nobel. Và, có lẽ, điều này cắt nghĩa thái độ vẻ như "thờ ơ" của ông đối với giải thưởng. Vẫn theo C. Baker: "Ông không hài lòng với lời nhận xét chính thức của Ủy ban giải thưởng Nobel. Nó ca ngợi "tài nghệ của lối trần thuật hiện đại đầy sức mạnh, có phong cách nổi bật" của ông. Nhưng nó cũng mô tả những tác phẩm hồi đầu của ông là "man rợ, yếm thế và nhẫn tâm" - và do đó mâu thuẫn với nguyên tắc là giải thưởng phải được trao cho "tác phẩm theo

những khuynh hướng lý tưởng". Dù sao, lời nhận xét đã nói đến "cảm hứng anh hùng" tạo nên "những yếu tố cơ bản trong sự nhận thức cuộc sống của ông" cũng như "lòng yêu thích mạnh mẽ các chuyện hiểm nguy và phiêu lưu" và "thái độ tôn kính tự nhiên đối với mọi cá nhân chiến đấu trận chiến hào hùng trong một thế giới hiện thực bị bao phủ bởi bạo lực và chết chóc". Xét cho cùng, đoạn nhận xét ngắn đó có vẻ một cái gì do Ủy ban chuẩn bị nên Ernest mới chấp nhận nó một cách cáu bẳn như thế" (4). Có lẽ, sự tự ái này đã dẫn đến thái độ vẻ như "thờ ơ" của Hemingway đối với giải thưởng Nobel văn học. Thêm nữa, giải thưởng đến với ông khi ông đang trong giai đoạn sáng tác có hiệu quả một tác phẩm mới nên ông không muốn bị gián đoạn vì những ồn ào, bận bịu xung quanh nó. Tuy nhiên, ông vẫn tự hào khi được nhận giải thưởng lớn lao đó, như lời ông nói với Robert Manning ngày 17/11/1954 khi anh này đến phỏng vấn ông cho tờ Time: "I'm naturally proud to have a prize". Và biết đâu, với một người như Hemingway, cái câu cửa miệng người Việt hay nói "một lần khiêm tốn bốn lần tự kiêu" chẳng lại có thể đúng?

Bởi Hemingway không hề thờ ơ với giải Nobel. Ngược lại. Carlos Baker viết : "Đã có những tin đồn ở nước ngoài nói tên ông được đề cử cho giải Nobel. Ông nghe biết từ trước và tỏ vẻ hoài nghi, mặc dù ông nói rằng nếu được cầm trong tay một số tiền miễn thuế lớn như vậy ông sẽ mua một chiếc xe Cessna180 và mấy thú vui thực tế khác. Tuy nhiên, giải thưởng cũng có cơ nguy hiểm. Ông có một lý thuyết kiểu "nho xanh" cho rằng "không một thằng con hoang nào một khi đã được nhận giải Nobel còn viết được cái gì đáng đọc sau giải thưởng"(5). Xin Hoàng Ngọc Tuấn chú ý cái từ "sour-grapes" Barker nói về "theory" của Hemingway. "Từ điển Anh-Việt" của Viện Ngôn Ngữ Học xuất bản tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 1993 biên soạn dựa trên cuốn "English Dictionary" Oxford, 1992, chú "sour-grapes" là "được nói khi ai đó cho là cái mà họ không thể có được là ít có giá trị hoặc không có giá trị hoặc không quan trọng" và thí dụ câu thành ngữ tiếng Việt tương đương "đánh chẳng được, tha làm phúc". "Từ điển Anh-Việt" của Lê Khả Kế (nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1997) chú ngay "sour-grapes" là "nho xanh chẳng xứng miệng người phong lưu". Nói gọn lại, "theory" của Hemingway về giải Nobel là một thứ "con cáo và chùm nho" của Esope, tôi dịch "sour-grapes" thành "nho xanh" để trong ngoặc kép cho gọn câu văn mà vẫn rõ nghĩa (tôi phải nói vậy để Hoàng Ngọc Tuấn ưa vặn vẹo, bắt bẻ những cái không đâu khỏi làm phí thì giờ của người đọc, nếu không thấy phí thì giờ của mình). Nỗi sợ phòng xa đó của Hemingway là có cơ sở: tháng 8/1954, tức là hai tháng trước khi Viện Hàn Lâm Thụy

Điển thông báo giải Nobel văn học cho Hemingway, William Faulkner (Nobel 1949) cho ra cuốn A Fable mà Hemingway thấy là "giả và ngụy tạo" (false and contrived). Tất cả những dẫn chứng trên chứng minh cái câu của Lê Đạt: "Nói rằng nhà thơ không thích danh vọng là nói dối. Nhưng một nghệ sĩ tự trọng phải cẩn thận lắm với danh vọng. Nó dễ tác động đến ta như một thứ ma túy nguy hiểm". Luận điểm này của ông Lê Đạt, dù là "rất cũ mòn" theo Hoàng Ngọc Tuấn, nhưng đúng. Đoạn trích ông Lê Đạt dẫn ra Hoàng Ngọc Tuấn chưa kiểm chứng được (anh chỉ bác lại là đoạn đó không có trong cuốn Papa Hemingway của A. E. Hotchner), nhưng anh đã vội hứng chí phô diễn sự uyên bác của mình để chứng minh một cách giả mạo điều không có thật ở Hemingway.

Ngay cả khi "đã phải cẩn thận xem lại toàn thể 313 trang của cuốn sách" Papa Hemingway của A. E. Hotchner, anh cũng không học được thái độ thận trọng và nghiêm túc của tác giả này. Mở đầu Foreword, Hotchner nói về cái chết của Hemingway và đặt câu hỏi: "How did this come to pass? Why?". Liền đó ông viết: "Tôi là bạn thân của ông suốt mười bốn năm liền, cho đến tận ngày ông mất. Tôi đã biết cuộc đời ông: những chuyện phiêu lưu, những cuộc trò chuyện, những ước mơ và thất vọng, những thắng lợi và thất bại của con người phức tạp, kỳ cục, vui vẻ, hay phấn khích, ưa đùa nhạo là Ernest Hemingway nhưng tôi không thể nói được với bạn là tại sao. Không ai có thể nói được"(6). Phải chăng A. E. Hotchner quá rụt rè hay Hoàng Ngọc Tuấn quá tự tin?

Tôi ngờ rằng trong khi phê phán Lê Đạt "mạo hóa" một câu trích dẫn đã làm sai lạc hình ảnh Hemingway, thì sự bỏ công trích lục (không đầy đủ!) chứng minh điều ngược lại của Hoàng Ngọc Tuấn cũng đã lại làm méo mó hình ảnh Hemingway. Anh cố chứng minh Hemingway, qua thái độ đối với giải thưởng Nobel văn học, là một người muốn ẩn thân, chìm khuất, không màng sự nổi tiếng. Hẳn là người đọc nhiều, anh dư biết rằng có lẽ trong thế kỷ XX không một nhà văn nào khác lại bị vây trong các huyền thoại, truyền thuyết, ngay khi còn sống, như "già Hêm". Người đời tạo ra cho ông và ông tự tạo ra cho mình. Nếu có gọi ông là "mythmaker" cũng không sai. Bất kỳ ai động bút viết về ông đều nhắc tới điều này.

Anh Hoàng Ngọc Tuấn hãy giở lại Foreword cuốn Papa Hemingway đọc xem. A. E. Hotchner băn khoăn không biết nên viết thế nào về cuộc đời Hemingway, viết cả toàn bộ hay viết một số phần, hay vừa khái quát vừa riêng biệt. Cuối cùng ông tuân theo điều Hemingway đã có lần bảo ông: "Đời người ai cũng kết thúc như nhau cả thôi, duy chỉ có những chi tiết của việc hắn sống thế nào và chết thế nào mới phân biệt người này với người khác" (7). Hemingway là nhà văn biết cách

sống và cách chết như một con người của huyền thoại, ngay cả khi ông bảo đối với ông chỉ có một cách tính sổ mọi việc là kể hết chúng ra, không giữ lại điều gì.

Ở cuốn Ernest Hemingway: A Life Story của Carlos Baker tôi dẫn trên, bìa bốn có ghi: "Ngay cả trước cái chết của ông, Hemingway đã là một huyền thoại, và việc nghiên cứu con người hấp dẫn này rất cần phải tách nửa sự thật và các truyền thuyết ra khỏi nhau. Cuốn tiểu sử của Carlos Baker đã thỏa mãn một cách tráng lệ sự cần thiết đó" (8). Trong Foreword, Baker đã nêu lên nhiều khía cạnh của "hiện tượng" (phenomenon) Ernest Hemingway: nào là "một chàng trai trẻ rất nhiều khát vọng" (the immensely ambitious young man), nào là "con người của nhiều sự trái ngược" (the man of many contradictions), nào là "một sinh viên suốt đời" (the perpetual student). Đặc biệt đáng chú ý đoạn sau đây: "Đó là một người nói dối lãng mạn, với hắn đường ranh giữa thực và bịa mảnh hơn sợi tóc, hắn đã tạo ra những câu chuyện cho người sống và thấy không có lý do gì phải khóa cỗ máy lại khi viết thư hay trò chuyện với bạn bè và người quen. Đó cũng là người đã có lần thú nhận rằng hắn sẽ phải giống như một ông vua" (9).

Bộ Tân từ điển các tác gia của mọi thời và mọi nước (Le Nouveau Dictionnaire des Auteurs, de tous les temps et de tous les pays) do Laffont - Bompiani xuất bản tại Pháp năm 1994, ở mục từ "Hemingway" viết: "Có truyền thuyết Hemingway cũng như có truyền thuyết Fitzgerald, và trong cả hai trường hợp, truyền thuyết dựa gần như hoàn toàn trên sự thay thế tác giả vào tác phẩm. Nhưng người ta thấy rõ trường hợp đầu từ khi bản thân tác giả đã khóa hẳn nó lại bằng vụ tự sát của ông. Cần phải nói rằng truyền thuyết này, chính Hemingway, nếu không phải người tạo ra thì cũng là người luôn luôn nuôi dưỡng nó, ít nhất là một cách khách quan, cố làm cho cuộc đời ông dường như hoàn toàn phù hợp với nó" (10).

James R. Mellow, nhà phê bình và viết sử văn học Mỹ, có cuốn Hemingway: A Life Without Consequences (1994). Cuốn đó tôi không hiện có trong tay. Nhưng tôi đang có những dòng J. Mellow viết về Hemingway thời kỳ thuộc "salon" Gertrude Stein. Bà nhà văn Mỹ định đô ở Paris này đã có ảnh hưởng lớn đến bước đầu văn nghiệp của Hemingway. Năm 1922 chàng Hêm đến "kinh thành ánh sáng" với tư cách phóng viên châu Âu của tờ "Toronto Daily Star" và đã được nhà văn đàn anh Sherwood Anderson viết thư giới thiệu với Gertrude Stein (cả hai người này đều nhiều hơn Hemingway ngoài hai chục tuổi). Trong thư nói rằng đây là "một nhà văn có bản năng am hiểu mọi điều quan trọng" (a writer instinctively in touch with everything worth while).

Ngoài G. Stein, Anderson còn có thư cho Galantière làm việc tại Phòng Thương Mại Quốc Tế nói rằng Ernest là "một nhà báo hết sức tuyệt vời" (quite wonderfull newspaper man) mà "tài năng cực kỳ" (extraordinary talent) sẽ còn đưa anh ta đi xa ngoài báo chí. Carlos Baker viết: "Anderson là người tính tình hào phóng, hay bốc. Ông không nói rằng chàng trai ông giới thiệu chỉ mới hai mươi hai tuổi, chưa xuất bản và còn vô danh" (11). Thế rồi Gertrude, Anderson và Hemingway gắn bó với nhau tạo thành như là "một trường phái văn học riêng biệt" (lời của nhà phê bình Wilson). Nhưng được ít lâu xung đột đã xảy ra giữa Hemingway và Anderson. Năm 1925 Anderson xuất bản cuốn tiểu thuyết "Tiếng cười tăm tối" (Dark Laughter). Hemingway tuyên bố cuốn sách của Anderson "tồi tệ, ngốc nghếch và cố ý" đến mức ông "không thể nén được phải viết nhại lại". Tiểu thuyết "Nước suối" (Spring Water) là kết quả sự nhại đó. J. Mellow bình luận: "Đôi khi ông hành động như vậy với những người mà ông cảm thấy có nguy cơ đe dọa đến hình ảnh của mình. Đáp lại sự tham gia thân thiện của Ezra Pound, Hemingway cũng đã viết một tác phẩm nhại chế diễu lối sống lang bạt của nhà thơ". Và chỉ nhờ sự can ngăn của bạn bè Hemingway mới không đưa bản thảo cho hai ông chủ xuất bản đang có mặt tại Paris vào thời gian đó. Tháng Chạp 1926 Sherwood Anderson cùng vợ con đến Paris, Hemingway tránh mặt, dù cho các bạn bè chung của hai người cố thu xếp hòa giải. Rốt cuộc chỉ có Gertrude và Anderson gặp nhau trò chuyện mà chủ đề chính là nói về Hemingway. Tôi xin dịch toàn bộ đoạn viết của James R. Mellow về cuộc trò chuyện đó hầu bạn đọc (12):

"Cả hai độ lượng coi ông là "người học trò tốt", cả hai cảm thấy "tự hào xen lẫn xấu hổ" khi nhìn lại cái tạo vật do chính tay mình làm ra này. Alice (Alice Toklas, bạn tình của G. Stein - PXN) phản đối: Hemingway đích thị là anh học trò "hư", nhưng họ cho rằng đáng hài lòng là "có một người học trò không ngờ vực điều đó; nói cách khác, anh ta thuộc bài, mà bất cứ ai thuộc bài đều thành trò yêu". Anderson không hiểu vì sao Hemingway lại xử sự như thế với người bạn cũ đã giúp anh ta bắt đầu nghiệp văn. Ông đặc biệt buồn phiền về bức thư ông nhận được của Hemingway viết ngay trước khi công bố "Nước mùa xuân". Trong thư Hemingway giải thích tác phẩm nhại của anh ta không phải là hậu quả của sự bực bội cá nhân, chỉ đơn giản là Anderson đã viết một cuốn sách tồi nên anh ta, Hemingway, thấy có nghĩa vụ phải đáp lại. Các nhà văn nghiêm túc, Anderson nghĩ, không coi nghĩa vụ của mình là châm chích nhau như vậy. Anderson quả quyết bức thư đó là một thứ "điếu văn đọc trước mồ tôi. Nó thô bỉ, hợm hĩnh, cao ngạo đến mức chỉ còn biết cười mà thôi - nhưng dẫu sao tôi cũng chẳng băn khoăn làm gì".

Gertrude khẳng định tính cách của Hemingway là lẩn tránh các đối thủ. (Về sau bà cũng nói điều này với Hemingway nhưng ông phủ nhận sự ác ý kiểu đó). Hemingway, theo lời bà, không thể nào chịu được ý nghĩ là Anderson lại viết được hai truyện ngắn như "Tôi là đồ ngốc" và "Tôi muốn biết tại sao". Theo bà kể, Hemingway cho là Anderson đã bò vào lãnh thổ của anh ta. Ngoài ra, Gertrude coi Hemingway là kẻ "đố kị". Theo lời bà, anh ta "giống y như những người chèo đò trên sông Mississippi mà Mark Twain đã mô tả". Lẽ ra phải kể chuyện thật về Hemingway, chính anh ta đáng phải làm việc đó - "không phải những cái anh ta đang viết bây giờ, mà là sự thú nhận của con người thực Ernest Hemingway. Câu chuyện như thế là để dành cho đám công chúng khác với đám độc giả hiện nay của anh ta, điều này tự nó rất có ý nghĩa". Nhưng bà tin chắc là Hemingway sẽ không bao giờ làm việc đó. Như chính Hemingway đã nói với bà: "Mọi điều là do nghề nghiệp cả thôi, do nghề nghiệp mà ra cả".

Kết cục, quan hệ giữa Gertrude và Hemingway cũng đến hồi đoạn tuyệt. Cuộc đối đáp sau chót của hai người (vẫn theo J. Mellow) là: "Hemingway này, anh có đến chín mươi phần trăm là một kẻ nhỏ nhen hẹp hòi". - "Có thể hạ xuống tám mươi phần trăm được không?" - Hemingway hỏi lại. - "Không, không thể được" - Gertrude đáp.

Năm 1999, kỷ niệm 100 năm sinh Hemingway, báo chí thế giới viết nhiều về ông, và nhiều người vẫn không quên "huyền thoại" Hemingway. Trong một bài báo Đức giới thiệu cuốn sách di cảo của nhà văn do con trai ông công bố nhân dịp này, được đăng lại trên một tờ báo Nga, có đoạn: "Đối với Hemingway hình ảnh riêng của mình bao giờ cũng rất quan trọng. Trong cuốn sách này ông vẫn cố tỏ ra trung thành với hình ảnh đã được tạo nên qua các tác phẩm đầu tiên của ông. Ông già Hemingway là một trong những nhà văn Mỹ đầu tiên đạt thành công trong việc thông qua các phương tiện thông tin đại chúng khuếch trương được không chỉ các cuốn sách của mình, mà cả bản thân mình nữa. Ông đã bóc lột công chúng của mình lâu đến nỗi rốt cuộc ông nổi tiếng còn hơn cả các tác phẩm của mình". Bài báo cũng cho biết, cho đến nay tại Mỹ, trên những hòn đảo cạnh Florida - nơi ông có sống mấy năm, người ta vẫn tổ chức các cuộc thi tìm người có ngoại hình giống Hemingway nhất.

Cũng trong dịp kỷ niệm này, khoa Văn đại học Sư Phạm Hà Nội có tổ chức một cuộc hội thảo về Hemingway. Tôi tham gia một bài tiểu luận viết dưới hình thức một bức thư gửi già Hêm nhan đề "Chân lý của buổi rạng đông" (13). Tôi xin dẫn ra đây đoạn tôi tâm tình với già Hêm quanh cái chuyện bất tử. "Ngẫm ra sự bất tử của tác phẩm quan trọng và

lớn lao hơn sự bất tử của nhà văn viết ra chúng, "người ta có thể quên tên người làm thơ nhưng đừng để quên thơ", một nhà thơ Việt Nam đã rút ra được bài học này khi về thăm quê Nguyễn Du. Nói theo lời lẽ thông tục của bình dân nước Việt chúng tôi tận cuối thế kỷ hai mươi này thì sự chăm sóc quá đáng của già về hình ảnh của mình như vậy là "hơi bị đánh bóng" mình đấy, là "ăn hơi dầy" đấy, già Hêm ạ. Nhưng cái chết khỏa lấp tất cả và đặt lại các giá trị. Biết chết cũng khó như biết sống, nhất là với những người nổi tiếng. Gần chín mươi năm sau ngày sinh và gần ba mươi năm sau ngày mất của già có một nhà văn đã buộc tội và giải tội cho già quanh cái chuyện bất tử hay không bất tử này. Nhà văn đó gốc Czech sống ở Pháp tên gọi Milan Kundera kém già đúng ba chục tuổi hiện còn sống và viết rất hay. Trong cuốn tiểu thuyết "Sự bất tử" (L'Immortalité, 1988), Milan Kundera đã để cho Ernest Hemingway và Johann Wolfgang von Goethe gặp nhau ở thế giới bên kia, cùng nhau đi dạo và luận bàn về hình ảnh của mình để lại cho hậu thế. Nếu già và cụ Goethe đã đọc tác phẩm này rồi chắc cả hai phải cám ơn ông tác giả lắm lắm. Tôi có may mắn chuyển ngữ cuốn này ra tiếng Việt, đã đăng tạp chí và in thành sách, tôi xin trích một đoạn đối thoại giữa hai nhà văn sinh cách nhau tròn thế kỷ rưỡi nói qua miệng một nhà văn cuối thế kỷ hai mươi về một chuyện không riêng gì của già đâu, già Hêm ạ, mà chung cho cả giới văn chương nghệ thuật.

"Tôi hoàn toàn không chống lại việc để những cuốn sách của tôi thành bất tử. Tôi đã viết chúng theo cách để không ai có thể bỏ đi một chữ nào trong đó. Để chúng tồn tại dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Nhưng bản thân tôi, với tư cách là một con người, là Ernest Hemingway, tôi muốn phỉ nhổ vào sự bất tử".

"Tôi rất hiểu anh, Ernest ạ. Nhưng đáng ra anh phải thận trọng hơn khi còn sống. Bây giờ thì đã muộn rồi!".

"Thận trọng hơn ư? Anh ám chỉ thói huênh hoang của tôi phải không? Phải, khi còn trẻ tôi thích huênh hoang ghê lắm, thích phô trương trước mặt mọi người. Nhưng xin anh hãy tin, tôi không phải là một con quái vật để những khi đó lại nghĩ về sự bất tử! Một lần, khi chợt hiểu ra chuyện đó, tôi hoảng cả người. Từ đấy tôi đã hàng ngàn lần yêu cầu mọi người đừng chõ mũi vào cuộc đời tôi. Nhưng tôi càng yêu cầu thì tình hình càng tệ hơn. Để khuất mặt họ tôi phải chuyển sang sống ở Cu Ba. Khi được giải Nobel, tôi từ chối đến Stockholm nhận giải. Tôi đang nói với anh là tôi muốn phỉ nhổ vào sự bất tử, và tôi xin nhắc lại một lần nữa rằng: khi lần đầu biết cái sự đó đang vây bọc tôi, tôi đã khiếp sợ hơn cả khi nghĩ về cái chết. Con người có thể chấm dứt cuộc đời. Nhưng không thể chấm dứt sự bất tử. Chỉ cần sự bất tử đặt anh lên tàu, thế là anh

đã không thể rời khỏi nó, thậm chí nếu có tự bắn vào mình thì anh vẫn phải nằm lại trên boong tàu cùng với sự tự sát của mình, và đó là một cơn ác mộng, Johann ạ, một cơn ác mộng thật sự. Tôi nằm chết trên boong tàu, nhìn thấy vây quanh mình là bốn bà vợ, họ ngồi xổm và bốn người như một viết lại những điều họ biết về tôi, phía sau họ là con trai tôi cũng viết, cả con mụ yêu tinh Gertrude Stein cũng có mặt ở đấy và viết, rồi tất cả bạn bè của tôi cũng xúm lại kể to lên mọi chuyện đồn đại về tôi mà họ từng được nghe, từ đấy hàng trăm nhà báo cầm máy ghi âm chen chúc nhau để ghi lại, rồi hàng loạt giáo sư đại học khắp nước Mỹ đem đống tài liệu đó ra phân loại, nghiên cứu, phát triển thành hàng trăm bài báo, cuốn sách".

Già chắc chưa yên được đâu, già Hêm. Nhà tiểu thuyết ấy còn thử thách già chán đã. Ông ta để cho Goethe luận với già về cái chết: "Những sự bận tâm lo lắng để tô vẽ cho hình ảnh của chính mình là sự non nớt bất hạnh của con người. Thật khó mà dửng dưng với hình ảnh riêng của mình! Thái độ dửng dưng như thế vượt quá sức con người. Con người có được thái độ đó chỉ sau khi chết đi. Mà cũng không phải lập tức có được. Phải qua một thời gian dài sau khi chết. Anh chưa đến được điều đó đâu. Anh còn phải đợi ít nhất là hai ba chục năm nữa trước khi anh hoàn toàn ý thức được rằng con người là phải chết và từ đó biết rút ra những kết luận cần thiết. Sớm hơn chưa được gì cả đâu. Làm người phải chết là kinh nghiệm sơ đẳng nhất của loài người, nhưng vậy mà con người không bao giờ có khả năng chấp nhận nó, hiểu nó và ứng xử phù hợp với nó. Con người không biết cách làm người phải chết. Còn khi chết đi, không biết cách thành người đã chết". Vậy đấy, già Hêm ơi. Hôm nay hội thảo này tại một trường đại học Việt Nam kỷ niệm một trăm năm sinh của già, khắp nơi trên thế giới trong cái năm bản lề vắt sang thiên niên kỷ mới này cũng nhộn nhịp các hoạt động cho già tròn trăm tuổi, không biết người đọc giờ đây biết đến già ở tư cách nào nhiều hơn: Hemingway-nhà văn hay Hemingway-con người. Dẫu sao cuộc sống sau khi chết của già vẫn là điều đáng mong muốn của nhiều nhà văn".

Hoàng Ngọc Tuấn có đặt câu hỏi: tại sao Milan Kundera lại chỉ chọn Goethe và Hemingway để đặt vào miệng họ những câu luận bàn như vậy? Hay anh đơn giản quy kết nhà văn Czech đã dựng đứng chuyện, đã xuyên tạc và vu khống nhà thơ Đức và nhà văn Mỹ? Ngạn ngữ nước nào, hình như, cũng có câu giống nhau trong trường hợp này - "không có lửa làm sao có khói".

Ernest Hemingway là nhà văn lớn, có thể là một trong những nhà văn lớn nhất nước Mỹ thế kỷ XX. Nhưng cuộc đời ông không đơn giản. Từ một câu trích chưa rõ xuất xứ của Lê Đạt nhưng tinh thần phản

ánh đúng tính cách và cuộc đời Hemingway, Hoàng Ngọc Tuấn đã lôi ra một đống sách vở có xuất xứ hẳn hoi nhưng lại khiến người đọc nhìn phiến diện và hiểu sai lạc cuộc đời của nhà văn. Tôi, cực chẳng đã phải nhảy vào cuộc này, buộc lòng cũng phải giở tra nhiều sách vở để khẳng định về Hoàng Ngọc Tuấn chính cái điều anh đã buộc cho người khác: "Làm thế, ông đã vô tình (hay cố ý) xuyên tạc về đời sống và phẩm cách của một nhà văn lớn của thế giới. Làm thế, ông còn xem thường sự hiểu biết của tất cả độc giả, và, hơn thế nữa, xem thường cái tư cách của chính ông vậy". Xuyên tạc người, xem thường mình, vâng, đúng thế. Người Việt mình sao mà hèn, và nhục.

II

Phần phê phán Hoàng Ngọc Hiến của Hoàng Ngọc Tuấn gần như là lấy lại mục 3 "Thái độ phản hàn lâm và luận chiến phản lý thuyết" trong bài Trí thức và phản trí thức: vấn đề trước mắt của chúng ta (Hợp Lưu, số 52, 4-5/2000) của cùng tác giả. Hình như cái "antitheory" đang là một "hobby-horse" của anh, anh tìm mọi cơ hội để nói, tìm mọi cách để thuyết giảng, đến mức đọc bài trước và bài này của anh tôi lo khéo không mà Hoàng Ngọc Tuấn bị triệu chứng "antitheory" làm cho thành ra "an intellectual snob" mất. Tôi lại phát hiện một điều là Hoàng Ngọc Tuấn khoái xài món từ nguyên (etymology). Cái chữ "polemic" anh dẫn giải đến tận ngọn ngành cụ tỉ để chứng minh rằng cái chữ đó không phải chỉ là "lời lẽ tranh cãi" như Hoàng Ngọc Hiến hiểu. Tôi đọc thấy đoạn anh trích dịch lời Thomas M. Kavanagh giới thiệu tuyển tập luận văn The Limits of Theory ở cả hai bài chỉ khác nhau một chữ, còn lại giống nhau hoàn toàn. Chữ khác đó là chữ có gốc "polemic" nằm trong phần câu "it is a polemicist's illusion": ở bài đầu anh dịch "nó là một ảo ảnh của kẻ thích tranh cãi", còn ở bài sau "nó là một ảo ảnh của kẻ thích gây luận chiến". Chỉ một chữ dịch khác đó thôi. Tôi trộm nghĩ: sự sai khác này là do đâu - do Hoàng Ngọc Tuấn tự mình sửa mình cho đúng? hay do anh cố ý sửa mình để dễ bề phê phán người khác? Tôi có cơ sở để nghiêng về lý do sau, nhưng tôi không khẳng định. Chỉ xin mách cho nhà từ nguyên học Hoàng Ngọc Tuấn một việc: ở trong nước đang bị khổ nạn "viện sĩ", vì hễ cứ ai được vào một tổ chức hội đoàn nào đó ở nước ngoài mà trong tên gọi có cái chữ "academy" là lập tức được dịch ráo thành "viện hàn lâm" cả. Có cãi lại, người ta viện đến cái "academia" tận từ thời Platon dạy học, hết cãi. Ôi, etymology!

Nói vậy, chứ cái chuyện chữ nghĩa chẳng phải chơi, nhất là khi

bàn về các thuật ngữ khoa học, lại trong tình trạng tiếng Việt ta còn nghèo về mặt tư duy trừu tượng. "Discourse" là một chữ khó dịch. Trong hành ngôn thông thường, người mình dịch cái từ "discours" của tiếng Pháp ra là "bài nói, diễn văn". Nói cho gọn và có vẻ tây (bồi) thì phiên âm luôn: đít-cua, đọc một bài đít-cua. Gặp khi phải dịch cái tên một tác phẩm của René Descartes Discours de la méthode (tiếng Anh: Discourse on Method), thì "discours" là luận văn, "luận văn về phương pháp". Kíp đến khi "discourse" theo chân các trường phái ngôn ngữ, văn học đương đại từ trời tây về đất Việt, như một thuật ngữ nghiên cứu, nó chưa được định hình ở một từ Việt. Số phận nó khó khăn hơn hai cặp khái niệm do F. de Saussure đưa ra: parole (lời nói) - langage (ngôn ngữ); signifiant (cái biểu đạt) - signifié (cái được biểu đạt). Có một dạo, trong các bài viết về ngôn ngữ học, "discourse" được gọi là "diễn ngôn". Tôi, học theo Hoàng Ngọc Tuấn ở mục từ "polemic", mở Từ Điển Anh-Việt của Viện Ngôn Ngữ Học, nhà xuất bản TP. Hồ Chí Minh, 1993, đọc thấy từ "discourse" ở trang 447 có hai nghĩa. Nghĩa nghi thức là "bài viết hoặc nói dài và nghiêm túc về một chủ đề gì". Nghĩa ngôn ngữ học là "phần liên tục của ngôn ngữ nói hoặc viết". Hoàng Ngọc Tuấn còn cho biết Paul A. Bové có viết "một tiểu luận dài hơn 15 trang khổ lớn với chữ in nhỏ" để giải thích chữ "discourse". May thay, trong tay tôi có cuốn Critical Terms for Literary Study (14), edited by Frank Lentricchia and Thomas McLaughlin, The University of Chicago Press (chứ không phải là Chicago University Press, Chicago như Hoàng Ngọc Tuấn ghi). Nhưng trước khi thử xem Paul A. Bové nói gì về "discourse", tôi muốn lại mách cho Hoàng Ngọc Tuấn biết cái chữ "luận văn" anh dùng trong bài của mình như một tên gọi thông thường thì ở trong nước đó lại là một thuật ngữ (15).

Paul A. Bové viết gì? Mở đầu ông khảo sát cách sử dụng từ "discourse" của các nhà Phê Bình Mới: "Các nhà Phê Bình Mới, chẳng hạn, sẽ nói "cách viết tiểu thuyết" đối lập với "cách viết thơ ca" như một cách nhận diện và tách biệt thể loại. Và, cố nhiên, đối với các nhà Phê Bình Mới, sự phân biệt này hàm chứa thứ bậc tôn ti: thơ bao giờ cũng cao hơn văn xuôi, bất chấp T. S. Eliot đã coi văn xuôi là "thứ nghệ thuật khó không thể tả". Thậm chí những nhà Phê Bình Mới có viết truyện và làm thơ thì vẫn cứ tự xưng mình chủ yếu là "nhà thơ-nhà phê bình". Đối với các nhà Phê Bình Mới, "discourse" nêu lên sự khác biệt và tạo nên bản sắc. Chẳng hạn, nó giúp họ chỉ ra những giới hạn của một số cách dùng ngôn ngữ; các nhà Phê Bình Mới và những người thừa kế của họ cố gắng khám phá cái tạo nên bản sắc của loại ngôn ngữ này đối ngược với loại ngôn ngữ khác. Có những kiểu khác biệt mà các nhà phê bình nghĩ là

"khác biệt thể loại". Nói cách khác, mỗi "discourse", tự nó, xét dưới góc độ này, có một bản sắc cần được khám phá, xác định, và hiểu; thêm nữa, mỗi discourse tạo nên những giới hạn của một thể loại riêng" (16). Trong trường hợp này, "discourse" thường được dịch là "cách viết".

(Xin mở một cái ngoặc ở đây. Tôi thấy cần dịch thêm một đoạn mục từ "discourse" trong cuốn Nghiên cứu văn học phương Tây hiện đại (các nước Tây Âu và Mỹ) các quan niệm, trường phái, thuật ngữ của Viện Thông Tin Khoa Học Xã Hội, Viện Hàn Lâm Khoa Học Nga, xuất bản tại Moskva, 1996. Tác giả viết mục từ "discourse" (D) là I. P. Ilin diễn giải như sau: "Đó là một khái niệm đa nghĩa do các nhà cấu trúc luận đưa ra. Cách hiểu mang tính cấu trúc-ký hiệu học về quan niệm D. đã được A. J. Greimas và J. Courtès trình bày kỹ trong cuốn "Từ điển giải thích lý thuyết ngôn ngữ" của hai ông. D. được giải thích như là quá trình ký hiệu học được hiện thực hóa trong các kiểu thực tế discourse khác nhau. Khi người ta nói về D. thì trước hết là ngầm ý nói các cách thức chuyên biệt hoặc các nguyên tắc chuyên biệt của sự tổ chức hoạt động ngôn ngữ (viết hoặc nói). Thí dụ, J. C. Coquet gọi D. là "sự bện kết các cấu trúc ý nghĩa có những nguyên tắc kết hợp và biến đổi riêng". Do đó mới có việc thường xuyên sử dụng D. như một khái niệm gần với phong cách, chẳng hạn "D. văn học", "D. khoa học". Có thể nói về "D. khoa học" của các lĩnh vực tri thức khác nhau: triết học, tư duy tự nhiên học, v.v., cho đến "biệt ngữ" - phong cách cá nhân của nhà văn". Đóng ngoặc).

Tiếp đó, Paul A. Bové nêu lên quan niệm về "discourse" của Michel Foucault được trình bày chủ yếu trong bài giảng L'ordre du discours và cuốn sách mang tính phương pháp luận (methodological book) The Archaeology of Knowledge, từ đây "the idea gained a new rigor and a new significance that, one might say, has effectively changed the way in which we think of language and its relation to social institutions, systems of power, and the role of intellectuals in our society" (tư tưởng [discourse] có được sự chặt chẽ mới và ý nghĩa mới mà, có thể nói, đã làm thay đổi có hiệu quả cách ta nghĩ về ngôn ngữ và mối quan hệ của nó với các thiết chế xã hội, các hệ thống quyền lực, và vai trò của trí thức trong xã hội chúng ta). Cách dịch "discourse" là "hành ngôn" có thể áp dụng vào chỗ này. Bové viết: "Cần phải nói rằng dưới ánh sáng tiến trình mới đối với "discourse", chúng ta không còn có thể dễ dàng hỏi những câu như Discourse là gì? hay, Discourse nghĩa là gì? được nữa. Nói cách khác, một bài tiểu luận như bài này không những không cung cấp được các định nghĩa, mà còn không thể trả lời được là cái gì làm nên cốt lõi của các câu hỏi về "nghĩa" hay "bản sắc" của một thứ "quan niệm" gọi là "discourse". Mưu toan làm thế là trái ngược với logic của

cấu trúc tư tưởng, ở đó thuật ngữ "discourse" hiện giờ đã có chức năng phê phán mạnh mẽ mới" (17).

(Vẫn tác giả I. P. Ilin, sách đã dẫn, ở mục từ "Discoursive Practics", viết: "D. P. được luận chứng lý thuyết trong các công trình của J. Derrida và J. Kristeva, nhưng như lệ thường, nó được các nhà phê bình có xu hướng xã hội học áp dụng theo nghĩa mà M. Foucault đưa lại cho nó. Foucault đặt mục đích của mình là vạch ra "cái vô thức lịch sử" của các thời đại khác nhau, bắt đầu từ thời Phục Hưng và bao gồm cả thế kỷ XX. Xuất phát từ quan niệm về tính chất ngôn ngữ của tư duy, ông quy hoạt động của mọi người về hoạt động "ngôn ngữ" của họ, tức là các thực tế hành ngôn. Nhà bác học cho rằng mỗi bộ môn khoa học có một discourse của mình thể hiện dưới dạng "hình thức tri thức" - một bộ máy khái niệm với những quan hệ qua lại mang tính toàn thư (thesaurus) - chuyên biệt cho bộ môn đó. Tổng hợp các hình thức nhận thức này đối với một thời đại lịch sử cụ thể tạo thành cấp độ "tri thức văn hóa" của mình, hay như Foucault gọi là "khoa học luận" (episteme). Trong thực tế sử dụng ngôn ngữ của con người hiện nay, nó [cấp độ đó] được cụ thể hóa thành một bộ mã quy định chặt chẽ - bộ mã những điều được phép và những điều cấm. Chuẩn mực ngôn ngữ này đã vô thức tiền định hành vi ngôn ngữ, do đó, cả tư duy, của các cá thể. Kết quả là "ý chí hướng tới tri thức" mà bất kỳ bộ môn khoa học nào cũng thể hiện, xoay ra thành "ý chí hướng tới quyền lực").

Tôi dẫn dụ hơi dài quanh chữ "discourse", bởi vì, một, đó là một khái niệm và một thuật ngữ phức tạp, có thể có nhiều cách dịch, tùy văn cảnh và ý nghĩa; và, hai, "hành ngôn" của Hoàng Ngọc Tuấn trong sự phê phán Hoàng Ngọc Hiến và Lê Đạt không "discourse" chút nào. Chỉ một lỗi ngôn ngữ, một sai sót dịch thuật, một sơ suất chú dẫn, nghĩa là chỉ những cái thuộc phần thao tác (ai làm nghề có lúc không mắc phải?), Hoàng Ngọc Tuấn đã thực hiện thủ đoạn tăng nặng để quy kết cho những đồng nghiệp của mình cái tội "phản trí thức".

Theo cách của Hoàng Ngọc Tuấn, tôi cũng có thể "tăng nặng" cho anh như vậy, lấy thí dụ cái đoạn anh trích dẫn và diễn dịch sai lạc ý tưởng của Hoài Thanh trong bài Trí thức và phản trí thức. (HL số 52). Để chứng minh Hoài Thanh vẫn mang "tâm lý sợ lý thuyết" của tinh thần người Việt, anh trích một đoạn trong Lời nói đầu cuốn Văn chương và hành động (18), Hoài Thanh (cùng Lê Tràng Kiều và Lưu Trọng Lư) viết: "Một trăm quyển sách khảo cứu về hoa hường không thể sinh ra được một bông hường [.] một trăm pho sách nói về lý thuyết văn chương chẳng có thể giúp người ta sáng tạo được một tác phẩm văn chương có giá trị. *Cho hay những lý thuyết về văn chương chẳng có nghĩa lý gì,*

chẳng ăn thua gì". Câu trích trên là theo cách trích của Hoàng Ngọc Tuấn. Từ đó anh chỉ ra ba điểm sai lầm của Hoài Thanh và nhóm bạn ông: một là, đề cao phát minh nhưng sợ lý thuyết; hai là, nhầm lẫn giữa công trình tự nhiên (bông hường) và công trình nhân tạo (tác phẩm văn chương); và "Điểm sai lầm thứ ba là điểm nặng nhất. Nó thể hiện bản chất của nền học vấn nô bộc: Hoài Thanh (cùng Lê Tràng Kiều và Lưu Trọng Lư) đòi hỏi rằng các công trình lý thuyết văn chương phải là những cuốn cẩm nang dạy cách viết văn làm thơ một cách cụ thể; họ cho rằng nếu lý thuyết không làm được như thế thì "chẳng có nghĩa lý gì, chẳng ăn thua gì"). Tôi có thể khẳng định ở đây Hoàng Ngọc Tuấn đã cố ý xuyên tạc Hoài Thanh (và văn phái Phương Đông) để giành lợi thế cho luận điểm của mình. Anh đã quên mất một điều tối thiểu và tối cần thiết không thể quên: cuốn Văn chương và hành động được viết ra nhằm mục đích luận chiến. Dưới tựa đề sách này có dòng chữ "Thay lời tuyên ngôn của văn phái Phương Đông". Ai quan tâm đến lịch sử văn học Việt Nam thời kỳ 1932 - 45 hẳn đều biết cuộc tranh luận khá là quyết liệt giữa hai phái Nghệ thuật vị nghệ thuật và Nghệ thuật vị nhân sinh. Hoài Thanh và Lưu Trọng Lư là những chủ tướng của phái đầu. Họ không chịu nổi lời cáo buộc là muốn kéo văn chương quay lui với xã hội, ngoảnh lưng với cuộc đời. Mục đích của họ chỉ là muốn giành cho văn chương được quyền tự do và sáng tạo, để từ đó có ích cho nhân quần hơn. Phái "vị nhân sinh" có quyển Văn chương và xã hội của Hải Triều. Phái "vị nghệ thuật" ra quyển Văn chương và hành động là để đáp lại, nói rõ tư tưởng của mình. Hoàng Ngọc Tuấn đã lờ đi hoàn cảnh ra đời của cuốn sách. Chính vì thế anh đã không vô tình trích dẫn một cách cắt xén. Cái câu "một trăm pho sách" nằm trong đoạn này: "Một người có thiên tài làm được một bài thơ hay, viết được một quyển truyện hay. Một bọn người xúm lại giành nhau nói đó là nghệ thuật vị nghệ thuật, đó là nghệ thuật vị nhân sinh, là cổ điển, là lãng mạn, là tả chân, và nhiều nữa. Mỗi người vội xướng lên hay nhai lại một lý thuyết về văn chương và giản dị bảo người đời hãy noi theo đó. Nhưng một trăm pho sách nói về lý thuyết văn chương chẳng có thể giúp người ta sáng tạo ra được một tác phẩm văn chương có giá trị". Đặt trong ngữ cảnh ta sẽ hiểu Hoài Thanh và các văn hữu của ông muốn nói điều gì. Cũng vậy, và hơn vậy, phải đặt cái câu "Cho hay những lý thuyết về văn chương" đi liền với đoạn sau nó thì mới thấy các ông không hề phủ nhận lý thuyết: *"Cho hay những lý thuyết về văn chương chẳng có nghĩa lý gì, chẳng ăn thua gì. Bởi vì điều cốt yếu trong văn chương là tinh thần sáng tạo và đặc tính của tinh thần sáng tạo là tự do, là không ngờ, là linh động, là sống vậy. Người ta không thể đưa cái sống khép vào trong những khuôn mẫu chết. Khuôn mẫu chết đây là những lý*

thuyết về văn chương. Đã biết thế mà chúng tôi lại viết quyển sách này để bàn luận về văn chương. Ấy, chỉ là một điều cùng bất đắc dĩ". Hoàng Ngọc Tuấn đã phớt lờ hai chữ "bởi vì" rất quan trọng, và hiểu sai, và quy kết nặng nề cho người trước. Đây là lời nói đầu của cuốn sách, Hoài Thanh (cùng hai bạn văn) giải thích lý do vì sao buộc phải viết nó ra. Lại nữa, hãy đọc tiếp câu này: "Cùng bất đắc dĩ chúng tôi phải nói rõ ra đây quan niệm của chúng tôi đối với văn chương". Thế há chẳng phải là lý thuyết sao? Chẳng qua các ông, theo truyền thống văn chương phương Đông, không thích lập thuyết, chỉ vì cực chẳng đã mới phải lên tiếng bày tỏ quan niệm. Ngờ đâu cái sự "cùng bất đắc dĩ" của các ông, hơn sáu chục năm sau, lại thành cái cớ để một kẻ hậu sinh bêu diếu các ông là "phản lý thuyết", do đó, "phản trí thức". Mà tôi cũng lấy làm lạ, khó hiểu nữa, Hoàng Ngọc Tuấn đã tra từ điển kỹ thế cái từ "polemic" mà sao lại ngây thơ không đọc được tinh thần luận chiến của cuốn sách của nhóm Hoài Thanh. Có nên coi cách đọc văn lớt phớt (hay cố ý) này là một hiện tượng, một thái độ phản trí thức không?

Tôi đồ chừng đang có một hội chứng phê phán vu vạ mang nhãn hiệu "phản" bắt đầu dấy lên trong văn học Việt, dù ở đâu. Trước "phản trí thức" của Nguyễn Hưng Quốc, Hoàng Ngọc Tuấn ở hải ngoại, trong nước đã có "phản thơ", "phản phê bình", "phản giáo dục" của Trần Mạnh Hảo. Và cách đọc văn theo kiểu cắt xén, suy diễn, quy chụp để "tạo phản" của người sau rất gần với của hai người trước. Phải chăng ở đây có sự "thanh khí tương cầu"?

III

Phần cuối này tôi muốn cung cấp thêm cho Hoàng Ngọc Tuấn một số cách hiểu về trí thức. Anh đã khảo rất kỹ cái từ "intellectual" trong tiếng Tây để tìm định nghĩa về người trí thức. Nhưng trí thức còn là "intelligent", "intelligentsia". Chữ này gốc từ tiếng Nga (19). Cách đây chẵn chục năm trên một tờ tạp chí Liên Xô có một cuộc bàn tròn bàn về "Trí thức xưa và nay" (20). Tham gia thảo luận là các nhà đông phương học Liên Xô. Tôi xin trích dịch một số ý kiến. V. I. Maksimenko quan niệm trí thức: "Đó là một kiểu ý thức và đó cũng là một môi trường văn hóa xã hội, nhờ đó ý thức này được sinh ra, được duy trì, được phổ biến và được truyền lại cho thế hệ khác hay dân tộc khác. Có thể có những quá trình xã hội-lịch sử mà trong lòng chúng trí thức không những thể hiện mình ra, mà về nhiều mặt còn có khả năng quy định chiều hướng đời sống của dân tộc". G. S. Pomerants cho rằng "trước thời

Phục Hưng của châu Âu không có các nhà trí thức theo nghĩa chặt chẽ của từ này. Chỉ có các tiền trí thức. Họ xuất hiện cùng với triết học". Ông theo quan niệm của M. Buber là "có hai kiểu người mang văn hóa trí thức thay nhau bước ra tiền đài lịch sử. Kiểu "ổn thỏa" thể hiện trong mình văn hóa như là hệ thống chức năng chuẩn mực; kiểu "đặt vấn đề", ngược lại, - đó là người mang sự khủng hoảng văn hóa, sự tả tơi, đổ nát, và sự thay thế các hình thức của nó. Nhà tư tưởng kiểu ổn thỏa, ngay dù có nghiên cứu triết học đi nữa, cũng biến nó thành một khoa học hệ thống chuyên ngành (Aristotel, Hégel). Nhà tư tưởng kiểu đặt vấn đề, giống như Hamlet, tìm cách khôi phục cái thế giới bị "lung lay", "trật khớp" (Pascal, Kierkegaard). Sự khác biệt giữa các thời đại chỉ là ở mức độ ảnh hưởng của kiểu này hay kiểu kia mà thôi".

Điều thú vị là có sự phân biệt giữa "intelligent" và "intellectual". Rất khó dịch hai từ này, gọi là "thông thái" và "trí thức" có được chăng? Tôi cứ để ngỏ cách chuyển ngữ, nhưng theo tôi đây là chỉ hai dạng trí thức khác nhau thuộc hai kiểu văn hóa khác nhau, có thể là dạng Đông và dạng Tây. Xem tiếp dưới đây sẽ rõ. E. A. Torchinov đặt câu hỏi: "Có phải intelligentsia hiện diện như là dấu hiệu quan trọng của một nền văn hóa này hay khác, hay tầng lớp này xuất hiện ở một giai đoạn lịch sử nhất định nào đó, rồi sau biến mất (được thay bằng, chẳng hạn, các chuyên gia hay các "intellectual")? Có phải intelligent là người quá độ từ người học giả trung đại sang người intellectual thời mới ở châu Âu?" Ông cho câu trả lời sẽ là khẳng định nếu như không có thực tế Trung Quốc với tầng lớp nhà nho ở đây. Theo ông từ nho gần với quan niệm về "intelligent" của Nga hơn với quan niệm về "intellectual" của phương Tây. Và mặc dù nhà nho chưa phải là trí thức theo đúng nghĩa của từ này, nhưng đó là nền tảng cho trí thức có thể xuất hiện khi có điều kiện thích hợp. A. I. Kobzev cho chữ nho là bao gồm cả "intelligent" và "intellectual". Ông dẫn ý kiến của nhà Trung Quốc học nổi tiếng người Anh J. Nidam cho rằng quan niệm "công danh rộng mở cho người tài" mà nhiều người gắn với cuộc Đại Cách Mạng Pháp, thật ra lại không phải xuất từ Pháp hay châu Âu nói chung, mà là từ Trung Quốc. Thế kỷ XX các dân tộc châu Âu lấy thi cử để tuyển viên chức, ấy là đã có ý dựa theo kinh nghiệm của Trung Quốc. Theo ông, "intelligentsia" theo nghĩa chuẩn mực và rộng nhất là tầng lớp người lao động trí óc. Nhưng định nghĩa đó quá rộng, cần thu hẹp lại bằng cách chỉ ra: một, cấp độ học vấn; hai, kiểu lao động trí óc (sáng tạo, tự do, phi tôn giáo); ba, các quan niệm và phương châm tư tưởng hệ quan trọng nhất (niềm tin vào sứ mệnh riêng của mình, sự hướng theo những tư tưởng tiến bộ, thái độ phê phán đối với truyền thống, sự đối lập với quyền lực, lòng yêu dân); bốn, sự tự

nhận diện của intelligentsia với tư cách tự nó. A. I. Mezcheryakov chỉ ra bốn sự khác biệt cơ bản giữa intelligentsia Nga và tầng lớp có học Nhật Bản: "1) mở / khép (về mặt xã hội; 2) chủ nghĩa thế giới / chủ nghĩa quốc gia; 3) phản kháng / xu thời (về mặt xã hội); 4) phá hủy / bảo tồn và phát triển (truyền thống)". Ông cho rằng sau khi hoàn thành thiên chức lịch sử của mình, kiểu "intelligent" được thay bằng kiểu "intellectual", đặc trưng cho kiểu sau này là "thuyết tùy thời, thái độ nhẫn nại và sự cân bằng khôn khéo giữa truyền thống và cách tân".

Mấy hôm trước tôi lang thang trên mạng đọc được mấy bài rất hay của Karatani Kòjin (21), giáo sư văn học ở đại học Hosei, Tokyo (Nhật Bản). Ông là tác giả cuốn sách rất nổi tiếng Nguồn gốc văn học Nhật Bản cận đại (Origins of Modern Japanese Literature).Tình cờ trong các bài trên mạng của Karatani có bài Trí thức báo chí và trí thức hàn lâm (Journalistic and Academic Intellectuals) ghi lại cuộc trò chuyện của ông với Sabu Kohso. Tôi thấy nên dẫn ra đây một đoạn bài đó để Hoàng Ngọc Tuấn tham khảo. Sabu Kohso nêu câu hỏi: "Ông là một người trong số rất ít các trí thức Nhật Bản hiện sống có công trình được in ở Mỹ và Đức. Ông có thể nói xem là một trí thức tham dự vào đời sống của cả các dân tộc châu á và phương Tây nghĩa là gì?" Karatani trả lời: "Các sách của tôi xuất hiện ở Mỹ tương ứng với sự thay đổi lớn về việc đọc, đó là sự nổi lên của "lý thuyết" vào những năm 80. Nó không phải là phê bình cũng chẳng phải là triết học mà là một cái gì đó phá bỏ những khác biệt giữa văn học, triết học và khoa học: tất cả chúng đều cùng chung lĩnh vực văn bản, miễn là chúng đã được viết ra. Cái tôi đang làm ở Nhật Bản giống như là lý thuyết. Chẳng hạn, Nguồn gốc văn học cận đại Nhật Bản không phải là cuốn sách về lịch sử văn học cận đại Nhật Bản, ngay cả nếu nó nghe có vẻ như vậy. *Kiến trúc như là ẩn dụ (Architecture as Metaphor) không phải là cuốn sách về kiến trúc.* ở Nhật Bản cái cách tôi làm được gọi là "cách phê phán" và thực tế này đã tồn tại từ lâu ngoài khu vực hàn lâm. Về thực tế tôi là giáo sư đại học, nhưng tôi không bao giờ tự nghĩ mình là một học giả. Các cơ sở hàn lâm ở Nhật Bản đáng tiếc là bị chia rẽ, biệt lập và không sáng tạo. Tôi chọn "cách phê phán" không chỉ bởi vì nó vượt ra ngoài những sự khép kín chia rẽ đó của tri thức, mà còn vì nó can thiệp vào hành ngôn chính trị hiện thời" (22).

Trong cuốn sách Người mất hướng (L'home dépaysé), Tzvetan Todorov, nhà nghiên cứu văn học nổi tiếng gốc Bungary sống tại Pháp, đã đưa ra nhiều suy nghĩ về trí thức, nhất là người trí thức "dépaysé". Trong một đề mục "Chính trị của trí thức" ông viết: "Trí thức là gì? Cá nhân tôi dùng từ này chỉ với nghĩa sau: nhà khoa học hay nghệ sĩ (nhà văn nằm trong phạm trù này) không chỉ đơn giản làm công việc khoa học

hay sáng tạo tác phẩm nghệ thuật thúc đẩy sự nhận thức chân lý hay sự nảy nở cái đẹp, mà còn không bàng quan với lợi ích xã hội, với các giá trị của xã hội họ đang sống, do đó, tham gia vào cuộc tranh luận xoay quanh các giá trị này. Trí thức theo quan niệm như thế của cái từ đó là khác xa với nghệ sĩ hay nhà khoa học không quan tâm gì đến phương diện chính trị hay đạo đức của sự nghiệp sáng tạo của mình, cũng như khác xa với nhà truyền giáo hay nhà chính trị chuyên nghiệp không có khả năng sáng tạo". Ông tán thành sự xác định của Montaigne phân biệt ba vị thế đối với chân lý và các giá trị tinh thần: "vị thế của người hư vô chủ nghĩa (như cách chúng ta nói hiện nay), những người từ chối tìm kiếm chúng; vị thế của người giáo điều, những người đã tìm thấy chúng; và vị thế của người nghiên cứu không mệt mỏi, những người tiếp tục tìm kiếm ngay cả nếu như họ biết rằng sự tìm kiếm không đi đến đâu cả. Ranh giới giữa loại người sau và người hư vô chủ nghĩa mà hiện nay đặc biệt nhiều là rất lớn, bởi nó được xác định bằng các mục đích cuối cùng. Ranh giới giữa họ và người giáo điều mỏng manh hơn, bởi đây chủ yếu liên quan đến các phương tiện để đạt mục đích: người giáo điều có được giá trị nhờ vào truyền thống (mang tính tôn giáo hay không) hoặc nhờ vào sự đốn ngộ thoáng qua (từ lời lẽ của vị thủ lĩnh có phép mầu nhiệm hay từ sáng tạo của nghệ sĩ thiên tài), còn người tìm kiếm chân lý và các giá trị tinh thần có được chúng thông qua sự nhận thức Vũ Trụ và thông qua sự đối thoại giữa mọi người. Trí thức kiểu thứ ba, không giáo điều không hư vô, làm việc cả với chân lý, cả với các giá trị tinh thần, điều đó do chính thiên chức của nó gây nên; hơn thế ở cả hai mặt nó đều đạt được sự hài hòa, bởi nó không tin vào những chân lý có sẵn, không tin vào các giá trị chỉ dựa trên hành động đức tin. Kiểu trí thức như thế, ngược lại với hai kiểu kia, không phải là lỗi thời" (23).

Dẫn ra một số ý kiến về trí thức và người trí thức trên đây, tôi chia sẻ phần nào những suy nghĩ bức xúc của Hoàng Ngọc Tuấn và các bạn anh về một hiện trạng của đất nước, thu hẹp hơn và cụ thể hơn là về một hiện trạng của nghiên cứu và phê bình văn học của nước nhà. Nhưng không nên vì nóng vội, càng không nên vì muốn "ăn thua đủ" một điều gì đấy, mà chỉ từ một sai sót, nhầm lẫn nhỏ của người đã vội quy chụp, "trói voi bỏ rọ", dưới cái nhãn mác "phản trí thức" của mình trương lên. Kiểu tranh luận thế không đúng bản chất và không xứng tư cách của người trí thức, nặng hơn, tôi có thể nói, đó là kiểu "cãi nhau hàng tôm hàng cá", chỉ cốt nói cho sướng miệng mình, cho hả cái điều mình muốn nói. Trí thức, theo tôi, là người bằng cái đầu của mình giữ vị thế độc lập trong xã hội, là người độc lập bằng cái đầu của mình, và là người chỉ truy cầu một mục đích: chân lý.

Nhưng chân lý là cụ thể. Chân lý của Hoài Thanh là ở tuyển tập Thi nhân Việt Nam. Ông học những gì, đọc bao nhiêu sách, nhớ bao nhiêu nguyên lý, không biết, chỉ biết ông đã là Hoài Thanh của một lối viết thẩm bình tinh tế làm vinh danh cả một phong trào thơ và những người thơ của thời ông sống. Tôi có đọc thấy Nguyễn Hưng Quốc khen Hoài Thanh trong cả phong trào Thơ Mới chỉ được ra những những nhà thơ xứng đáng, trong các nhà thơ đó chỉ được ra những bài thơ xứng đáng, trong những bài thơ đó chỉ được ra những cái hay xứng đáng, công lao của ông ở đấy, cái giỏi của ông ở đấy. Đó là cái làm nên giá trị Thi nhân Việt Nam. Và chính Thi nhân Việt Nam đã làm nên Hoài Thanh. Điều ông tâm sự với con cuối đời không chỉ là một kinh nghiệm sống, mà còn là một kinh nghiệm nghề văn: "Cha biết văn chương của cha cũng vậy vậy thôi. Nếu không có cuốn Thi nhân Việt nam thì không chắc gì người ta đã công nhận cha thực sự là một nhà văn" (24). Nguyễn Hưng Quốc chê Hoài Thanh không vượt quá mỹ học lãng mạn chủ nghĩa, nên đành thúc thủ trước thơ của nhóm Xuân Thu Nhã Tập, của Hàn Mặc Tử, Bích Khê. Đúng, hạn chế của ông là ở đó. Nhưng có ai vượt qua được hạn chế của bản thân và thời đại? Vả lại, xét đóng góp của một người tài không nên hỏi họ đã chưa làm được gì so với người sau, mà hãy xem họ đã làm được gì hơn so với người trước. Cái chỗ họ chưa làm được, người sau sẽ phải làm. Nguyễn Hưng Quốc mà dừng lại chỗ Hoài Thanh thì là đáng chê, đáng trách. Anh đi xa hơn, và rồi anh cũng sẽ có chỗ bất cập. Mà Nguyễn Hưng Quốc có nổi lên ở hải ngoại là một nhà phê bình viết hay, viết đẹp, như có người khen, thì đấy không phải do anh đọc nhiều đọc rộng (cái này nhiều người có thể ngang và hơn anh, thí dụ ngay như Hoàng Ngọc Tuấn), mà đấy là do anh biết biến cái đọc thành cái của mình, từ cái đọc của người tạo ra cái viết của mình (điều này không nhiều người làm được). Hoàng Ngọc Hiến nói "văn hóa" chính là ở nội dung này. Cha ông mình cũng đã nói như vậy. Ông già lười Lê Hữu Trác từ kinh nghiệm học nghề thuốc của mình ngẫm ra: "Người xưa nói: "Đọc sách nắm được nghĩa là khó". Thế nhưng, nắm được nghĩa chưa phải là khó. Đưa ra được những phát kiến mới ngoài cái lý thuyết đó, mới lại càng khó" (25). Phạm Văn Nghị gay gắt hơn: "Đọc sách mà không cùng được cái lý là bọn mạt học nhớ suông. Vỡ lý mà không đưa tới cái dụng, là bọn hủ nho chương cú" (26).

"Văn hóa là những gì còn lại sau khi đã quên" (tôi thuộc câu này, nhưng không nhớ ai nói, nói ở đâu, song le vẫn phải để trong ngoặc câu của người ta). Đấy là cái quên sau khi đã đọc, đã nhớ, nhưng đọc rồi nhớ rồi thì phải quên. Để đọc được (nhất lại là đọc sách nước ngoài), có thể, chỉ cần biết ngoại ngữ, và biết kỹ năng đọc. Nhưng để quên thì cần

phải biết quên. Hình như cổ nhân có nói đâu đó rằng kẻ đọc sách mà chỉ biết nói theo sách thì là kẻ xoàng, chưa phải là nho (theo phép quy chiếu của Hoàng Ngọc Tuấn nho=trí thức, xem bài ở HL 52). Cả một bài viết dài này tôi chỉ xin gửi Hoàng Ngọc Tuấn câu đó. Cái câu anh nên nhớ là câu nói về sự quên.

Và trước những lời nặng nề của anh đối với các ông Hoàng Ngọc Hiến, Lê Đạt, tôi thấy cần thiết phải mượn lời cụ Bảng nhãn Lê Quý Đôn để kết lại bài viết của mình: "Người ta nên tự xét mình trước, dù là người có tài hơn mọi người trong một thời, cũng không cắt đứt được truyền thống người trước. Nếu chỉ biết khoe khoang, khinh bạc, chê bai không thôi thì thật quái gở. Văn chương là của chung của thiên hạ, ý kiến mỗi người mỗi khác, phân tích thì được, chứ không nên chê mắng" (27).

PHẠN XUÂN NGUYÊN
Hà Nội, mùa Euro 2000

Chú thích

(1). May thay, nhà thơ Lê Đạt đọc tiếng Pháp, còn Hoàng Ngọc Tuấn tra tiếng Anh, do đó cái chuyện "tréo cẳng ngỗng" cũng là thường. Câu trích của Lê Đạt có xuất xứ. Ông cho biết trong thư gửi Hoàng Ngọc Tuấn như sau:
"Những tài liệu bị coi là giả, anh có thể tìm thấy trong tạp chí Magazine Littéraire của Pháp, số đặc biệt về Hemingway ấn hành tháng 6-1999. Về đoạn Sartre, người chủ biên đặc san Gérard de Cortanze viết ở trang 21:*"A. E. Hotchner, qui fut un des derniers à se promener avec lui dans les rues de La Havane, et à le voir peu de temps avant sa mort, rapporta, dans sa pré-face à cette nouvelle édition, des propos qui en disent long sur la personnali-té de Hemingway. Evoquant Jean-Paul Sartre, qu'il n'aimait pas particulièrement mais qu'il admirait parce qu'il avait eu la prescience de refuser le prix Nobel, Hemingway déclare: "Je suppose que Sartre le savait: ce prix est une putain qui peut vous séduire et vous coller une maladie incurable..." (chữ maladie incurable, tôi dich đùa là bệnh sida).*Còn về trường hợp Jerome Cahryn, anh có thể đọc ở trang 40 cùng số tạp chí đó. J. Charyn nhận xét: *"La célébrité est arrivée comme la foudre. Evidemment, il en a beaucoup abusé en se laissant prendre en photo à la moindre occasion sur son bateau ou sur la terrasse de sa villa cubaine...".*
Jerome Charyn là tác giả cuốn "Hemingway, portrait de l'artiste en guerrier blessé".
Gérard de Cortanze nói về Jerome Charyn như sau: *"L'affection éprouvêe par l'auteur du tout récent Mort dõun roi de tango pour celui qu'il considere comme son premier maitre, est bien réelle et communicative."*
Sự việc như vậy là xong. Nó chả bõ bèn gì phải tranh luận dài dòng, nhất là vào thời kỳ tôi đang gặp khó khăn về sức khỏe. Vì quá mệt không dịch được mấy đoạn trích trên, tôi nhờ anh Dương Tường dịch lại thật sát nghĩa để anh tiện tham khảo.

" A. E. Hotchner, một trong những người cuối cùng đi chơi với ông trên các đường phố La Havane và đã gặp ông ít ngày trước khi ông mất, thuật lại trong lời đề tựa cho lần tái bản này một số câu chuyện nói lên khá rõ cá tính của Hemingway. Nhắc đến Jean-Paul Sartre mà ông chẳng ưa gì lắm nhưng kính phục vì đã sáng suốt từ chối giải Nobel, Hemingway tuyên bố: "Tôi đồ rằng Sartre thừa biết: cái giải ấy là một con điếm, nó có thể mê hoặc anh và đổ cho anh một chứng bệnh nan y...".
"Sự nổi tiếng đã đến như một tiếng sét. Dĩ nhiên ông đã lạm dụng điều đó khá nhiều bằng cách hễ gặp dịp là sẵn sàng để người ta chụp ảnh trên con tàu riêng hoặc trên sân thượng biệt thự của ông ở Cuba...".
"Tình cảm quý mến của tác giả cuốn sách vừa mới ra Cái chết của một ông vua tango đối với người mà ông coi như người thầy đầu tiên của mình, là thật sự và dễ lan truyền".
(2) By October 28, the day of the official announcement, Ernest had decided to be polite and even sententious. In the mids of the crowded celebration at the Finca, Harvey Breit telephoned from New York for an interview.

"Would you care to name any writers who lived before [the establishment of] the Nobel Prize in 1901 that you, as a judge, would give the award to?" asked Breit.

"Well", said Ernest, "as a Nobel winner I cannot but regret that it was never given to Mark Twain, nor to Henry James, speaking only of my own countrymen. Greater writers than these also did not receive the prize. I would have been happy - happier - today if the prize had gone to that beautiful writer Isak Dinesen, to Bernad Berenson, who has devoted a lifetime to the most lucid and best writing on painting that has been produced, and I would have been most happy to know that the prize had been awarded to Carl Sandburgà Since I respect and honour the decision of the Swedish Academy I should not make any such observation. But anyone receiving an honourà must receive it in humility" (tr. 803 - 804).
(3). "He later explained that he had wanted to be graceful and generous that morning, and that he was pleased to have given recognition and personal happiness to three people who had "worked hard all their lives". It was not too small a thing to have made three people happy in a single day, especially since all of them were elderly" (tr. 804).
(4). "He was displeased by the official citation from the Nobel Prize Committee. It praised his "powerful, style-making mastery of the art of modern narration". But it also described his earlier writings as "brutal, cynical, and callous" - and therefore at variance with the rule that an award must be given for "a work of ideal tendencies". Still, the citation had spoken of the "heroic pathos" which formed "the basic element of his awareness of life" as well as his "manly love of danger and adventure" and his "natural admiration for every individual who fights the good fight in a world of reality overshadowed by violence and death". All in all, the little paragraph had the air of something prepared by a committee, and Ernest grumblingly accepted it as such". (tr.804).
(5). "Rumours were abroad that his name was up for the Nobel Prize. Having heard them before, he was sceptical, though he said that if he ever got his hand on that much tax-free money, he would buy a Cessna 180 and some real fun. Otherwise, the award might be dangerous. He had a sour-grapes theory that "No son of a bitch that ever won the Nobel Prize ever wrote anything worth reading after-award".(tr. 801).
(6). "I was his close friend for fourteen years, right up to the day he died. I knew about his life: the adventures, the conversations, the dreams and disillusions, the

triumphs and defeats of this complicated, unique, humorous, intense, fun-loving man who was Enerst Hemingway but I cannot tell you why. No one can" (tr. xi).
(7). "Every manõs life ends the same way, and it is only the details of how he lived and how he died that distinguishes one man from another" (tr. xii).
(8). "Even before his death Ernest Hemingway was a myth, and a study of this compelling man has been badly needed to unravel the half-truth and legends. Carlos Bakerõs biography has magnificently fulfilled this need".
(9). "There is the romantic liar for whom the line between fact and fiction was thinner than a hair, who invented stories for a living and saw no reason to turn off the mechanism when writing letters or conversing with friends and acquaintances. There is also the man who once admitted that he would have liked to be a king". (tr. xv)
(10). "Il y a une légende Hemingway comme il y a une légende Fitzgerald et, dans les deux cas, la légende repose presque entièrement sur la substitution de l"homme à l"oeuvre. Mais on voit clair dans la première depuis que l"auteur lui-même l"a définitivement bouclée par son suicide. Il faut dire que cette légende, Hemingway lui-même, s'il ne lõa fabriquée, l"a toujours entretenue, au moins objectivement, dans la mesure même où par sa vie il a semblé constamment s'y conformer".
(11). "Anderson was a generous spirit, much given to superlatives. He did not say that young man he was recommending was only twenty-two, unpublished and unknown". (tr.125).
(12). Bản dịch thực hiện từ bản tiếng Nga đăng trên tạp chí "Văn Học Nước Ngoài" (Inostrannaya Literatura) số 7/1999.
(13). Có thể đọc bài này trong sách: Ernest Hemingway và những người đi qua đời ông, Lê Huy Bắc tuyển chọn và giới thiệu, nxb Thanh Niên, H. 2000, tr. 286-299. Hai đoạn dẫn tiểu thuyết ở đoạn trích trong bài lấy từ: Milan Kundera. Tiểu thuyết. Ngân Xuyên dịch, nxb Văn Học, Trung Tâm Văn Hóa Ngôn Ngữ Đông Tây, H. 2000, tr. 113-114, 292-293.
(14). Cuốn sách này tôi được Nguyễn Hưng Quốc gửi tặng năm 1997. Nhân đây xin có lời cám ơn.
(15). Trong nước, các bài viết tập hợp vào một cuốn sách người ta không gọi là luận văn, mà gọi là bài viết. "Luận văn" (dissertation) là chỉ một công trình nghiên cứu được đưa ra bảo vệ trước một hội đồng khoa học để lấy bằng cấp đại học hoặc sau đại học. Nghĩa này có ghi trongTừ điển Anh-Việt đã dẫn trong bài. Cách dùng mỗi nơi một khác, đó là điều dễ hiểu. Tôi chú để thấy cái khác.
(16). "The New Critics, for example, would speak of the "discourse of the novel" as opposed to "poetic discourse" as a way of identifying and separating genre. And, of course, for the New Critics, this distinction implied a hierarchy: poetry was alway superior to prose, despite T. S. Eliot"s description of the later as "unspeakably difficult art". Event the New Critics who wrote fiction and poetry called themselves primarily "poet-critics". For the New Critics, "discourse" marked differences and established identities; and the New Critics and their heirs tried to discover whatever it was that made for the identity of one sort of language use as opposed to another. These are the sorts of distinctions critics came to think of as "genre differences". In other words, each "discourse", in itself, from this point of view, has an identity to be discovered, defined, and understood; in addition, each discourse established the limits of a particular genre". (tr. 50).
(17). "It must be said that in light of the new tenor to "discourse", we can no longer easily ask such questions as, What is discourse? or, What does discourse mean? In other words, an essay like present one not only does not but cannot provide

deffinitions, nor can it answer what come down to essentializing questions about the "meaning" or "identity" of some "concept" named "discourse". To attempt to do so would be to contradict the logic of the structure of thought in which the term "discourse" now has a newly powerful critical function". (tr. 53).

(18). Hoài Thanh - Lê Tràng Kiều - Lưu Trọng Lư. *Văn chương và hành động, nxb Hội Nhà Văn (tái bản), H.* 1999.

(19). Để biết xuất xứ chữ "intelligentsia", có thể xem thêm mục từ này trong Dictionnaire historique thématique et technique des L'ITTERATURES, litteratures Francaise et étrangères, Anciennes et Modernes, T.1, Librairie Larousse, Paris, 1985. p.768.

(20). Tạp chí "Các dân tộc á Phi" (Narody Azii i Afriki), số 2/1990.

(21). Xem Web site: http:// www. karataniforum.org/

(22). "The appearance of my books in America corresponded to a great change in terms of readership, that is, the emergence of "theory" in the 1980's. It is neither criticism nor philosophy but something that deconstructs distinctions between literature, philosophy, and science: They all share the domain of textuality, so long as they were written.

What I have been doing in Japan is similar to theory. For example, Origins of Modern Japanese Literature is not a book on the history of modern Japanese literature, even if it sounds that way. Architecture as Metaphor is not a book on architecture at all. In Japan the way I work is called "criticism [hihyo]," and this practice has long existed outside academies. As a matter of fact I am a professor at a university, but I have never thought of myself as a scholar. Academies in Japan are unfortunately segmented, exclusive, and non-creative. I chose "criticism" not only because it goes beyond these segmented enclosures of knowledge, but also because it intervenes in the actual political discourse.

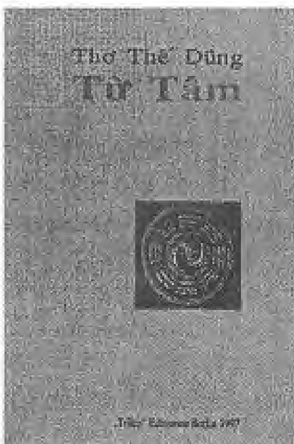
(23). Tzvetan Todorov. *L'home dépaysé.*

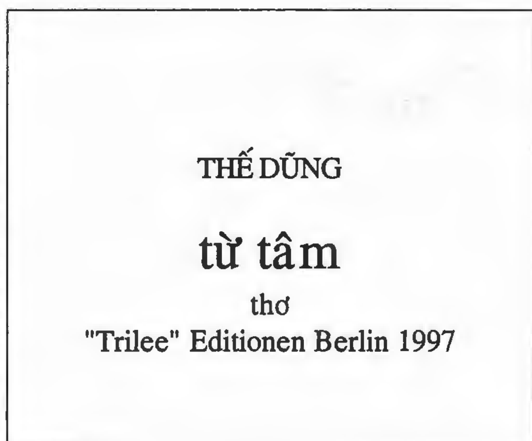
(24). Xem bài Lời cuối sách, in trong: Hoài Thanh - Hoài Chân. *Thi nhân Việt Nam, nxb Văn Học, H.* 1988, tr. 398.

(25). Xem: Từ trong di sản (những ý kiến về văn học từ thế kỷ X đến đầu thế kỷ XX ở nước ta), Nguyễn Minh Tấn chủ biên, nxb. Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, H. 1988, tr.107.

(26). Sđd, tr.183.

(27). Sđd, tr.100.







NGUYỄN THANH SƠN

"phản trí thức" trong tranh luận văn học



Trong bài viết trước, khi thảo luận với ông Nguyễn Hưng Quốc về vấn đề Phản trí thức trong văn học Việt Nam, tôi có đề cập đến nỗi ấm ức ít khi kiềm chế được ở ông. Nỗi ấm ức này có phần bắt nguồn từ những vấn đề chính trị, lịch sử và văn hoá đặc biệt trong hơn nửa thế kỷ qua, từ một đường ranh giới phũ phàng mà người ta cố tình vạch ra giữa cái gọi là văn học hải ngoại và quốc nội.Và mỗi một người cầm bút, dù muốn hay không, cứ buộc mình phải đứng vào một bên của hàng rào. Văn học quốc nội tảng lờ sự hiện diện của văn học hải ngoại, trong khi văn học hải ngoại không ngớt chê bai những hạn chế của một nền văn học tụt hậu trong nước. Những cuộc tranh luận văn học, vì vậy, thường xuyên mang mầu sắc đối đầu giữa hai bộ phận văn học. Thiếu bao dung, khách quan và rất ít khi mang tính xây dựng.

Mà tình trạng tụt hậu của văn học Việt Nam đâu chỉ xảy ra riêng đối với văn học quốc nội. Ông Nguyễn Hưng Quốc, trong bài viết mới đây nhất đăng trên tạp chí Hợp Lưu, có tâm sự rất thành thật "Khi mới rời khỏi Việt Nam vào năm 1985, nhất là khi viết cuốn Văn

học Việt Nam dưới chế độ cộng sản (1991), tôi nghĩ, thứ nhất, nền văn học gọi là hiện thực xã hội chủ nghĩa từ năm 1945, và đặc biệt, từ năm 1954 trở đi là một nền văn học thất bại; và thứ hai, nguyên nhân của sự thất bại ấy chủ yếu xuất phát từ những sự lãnh đạo văn nghệ độc đoán và dốt nát của đảng Cộng sản. *Sau đó, đọc nhiều và đọc khá kỹ văn học Việt Nam hải ngoại, tôi mới phát hiện ra hai điều khác : một là, văn học hải ngoại hình như cũng không khá hơn văn học trong nước là bao nhiêu; hai là, những khuyết điểm trong văn học hải ngoại, lạ thay, lại rất giống với những khuyết điểm thường thấy ở văn học trong nước. Chính sự phát hiện sau cùng này dẫn tôi đến một phát hiện khác: hình như những nguyên nhân đích thực khiến văn học Việt Nam lâu nay cứ bị bế tắc không phải chỉ là vấn đề chính trị mà là, nếu không muốn nói chủ yếu còn là, vấn đề lịch sử và vấn đề văn hóa, Nói cách khác...giới cầm bút Việt Nam cũng thường có một số thói quen giống nhau, một số cách suy nghĩ và cảm xúc giống nhau, đều có một số ưu điểm khá giống nhau và đều gặp phải một số trở ngại và những hạn chế giống nhau " (1)*

Tuy vậy, nỗi ấm ức của không riêng ông Quốc, mà còn của các cây bút phê bình khác, theo tôi, còn có một nguồn gốc khác, bắt đầu từ thái độ bực dọc, tự ti về vị thế là thành viên của một nền văn hóa nhược tiểu, sau đó của tâm lý bi quan khi đứng trước cuộc khủng hoảng sâu sắc về tư tưởng, phương pháp cũng như lý luận văn học trong văn học Việt Nam, cũng như khi so sánh văn học Việt Nam với thế giới. Đứng trước tình cảnh khá bi đát đó, những người cầm bút Việt Nam thường có những thái độ sau: hoặc tảng lờ coi như cuộc khủng hoảng đó không hề tồn tại, quay lưng từ chối tiếp thu những tư tưởng mới vì bảo thủ; hoặc tức giận và đổ lỗi cho những người khác; hoặc chấp nhận thực tế, học hỏi những bài học và tiếp tục làm việc để thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng đó.

Ông Hoàng Ngọc Tuấn có thể coi là điển hình của thái độ thứ hai trong giới những người viết phê bình hiện nay. Trước tình cảnh không mấy lạc quan của văn học Việt Nam, trong khi lẽ ra nên đi tìm biện pháp khắc phục sự yếu kém của nó, thì ông lại khăng khăng bảo thủ, đổ lỗi cho sự thất học của "quần chúng" và cho cái mà ông gọi là "chủ nghĩa phản trí thức trong văn học Việt Nam". Tóm lại, theo ông, người đọc nói riêng và văn học Việt nam nói chung, không bao giờ có thể khá được vì không đủ trình độ để đánh giá được "cấu trúc lý luận phức tạp" của ông, cho nên, mới sinh ra thái độ thù địch với trí thức và các "luận văn hàn lâm".

Những bài viết gần đây nhất của ông Hoàng Ngọc Tuấn, như

Đổi mới của tiểu thuyết, Viết-từ Hiện đại đến Hậu hiện đại... vv và vv, không thể phủ nhận, là những bài viết rất công phu, đóng góp lớn trong việc truyền bá những tư tưởng triết học và lý luận phê bình văn học tiên tiến của thế giới cho văn học Việt Nam. Những bài viết đó, cũng như một số bài của ông Nguyễn Hưng Quốc, sẽ phát huy được tác dụng cao hơn nhiều nếu như ngòi bút của ông thoát khỏi nỗi tức giận vô lý nêu ở trên, cũng như nếu ông tránh được thái độ miệt thị đối với văn học trong nước và các đồng nghiệp văn chương, và ngoài ra, nếu như ông phân biệt rành mạch những điểm khác nhau giữa nghiên cứu với phê bình văn học.

Độc giả, nếu theo dõi từ đầu cuộc tranh luận về Phản trí thức trên tạp chí Hợp Lưu, sẽ nhận ra rằng những bài viết của ông Hoàng Ngọc Tuấn, đặc biệt là bài viết *Sáng chế tài liệu giả : một hiện tượng phản trí thức trong văn học Việt Nam đương đại* (2) đã thực sự đi rất xa ra khỏi nội dung tranh luận mang tính học thuật ban đầu. Tôi phải nhắc lại, là cuộc tranh luận này thực ra đã mang chiều hướng vô vọng ngay từ đầu, khi một bên cứ cố tình hiểu sai luận điểm của bên kia. Ông Hoàng Ngọc Hiến từ bài viết ban đầu chỉ khẳng định, giá trị của kiến thức đối với đời sống tinh thần là hết sức quan trọng, nhưng cái quan trọng hơn, là con người phải vượt lên trên những kiến thức tích lũy ấy để có được những chủ kiến của riêng mình. Trong khi đó, ông Nguyễn Hưng Quốc và ông Hoàng Ngọc Tuấn lại cố tình cho rằng, đó là những "biểu hiện đơn sơ nhất" của thái độ "phản hàn lâm, phản lý thuyết" và tìm mọi cách để chứng minh cho điều này, kể cả bằng những phương cách, xin nói thật, là rất phản trí thức (hiểu theo nghĩa tiếng Việt)

Trước tiên, luận điểm trong bài viết của ông Hoàng Ngọc Tuấn bắt đầu từ việc gán ghép một hiện tượng cho cả một nền văn học, và cực đoan hơn, xây dựng một bản cáo trạng dài chỉ dựa trên cơ sở của một giả thiết. Bắt đầu từ những trích dẫn trong bài viết của một nhà thơ đã có tuổi, ông "sợ rằng nếu hiện tượng này đã có thể xảy ra ngay trong tác phẩm của những tên tuổi khả kính, thì biết đâu nó đã từng xảy ra nhan nhản trong vô số tác phẩm của những cây bút bình thường khác, và nếu thế, tôi tự hỏi, liệu đây có phải là triệu chứng của một căn bệnh hiểm nghèo của văn học Việt Nam đương đại "(3). Luận điểm của ông mới dừng lại ở suy đoán "biết đâu" ông đã lập tức suy ra "nếu thế" và rồi tự hỏi "có phải" đó là căn bệnh chung của cả một nền văn học. Thực ra, khi chưa chứng minh được cái biết đâu của ông là biết đây, khi chưa nghe đủ lý luận bào chữa của bên bị, thì những lời buộc tội của ông công tố Hoàng Ngọc Tuấn chắc chắn sẽ bị bất cứ

vị quan tòa nào overrule ngay.

Những thắc mắc của ông Hoàng Ngọc Tuấn đối với hai bài viết của ông Lê Đạt và ông Hoàng Ngọc Hiến là những thắc mắc cần thiết của một nhà nghiên cứu văn học đối với những chứng cớ mà họ nghi ngờ nguồn gốc. Ông Hoàng Ngọc Tuấn có quyền đòi hỏi hai ông Lê Đạt và Hoàng Ngọc Hiến phải giải thích về xuất xứ của tài liệu, và tôi chắc các ông Lê Đạt và Hoàng Ngọc Hiến sẽ có những lời giải thích về nguồn gốc xuất xứ của những tài liệu mà các ông đã trích dẫn. Nhưng ông Hoàng Ngọc Tuấn không chờ nghe những lời giải thích, và không có một thái độ tranh luận phải lẽ, đã rất vội vàng kết luận bằng những lời lẽ nặng nề. Hãy xem cái cách ông tha thứ (mà thực chất là đay nghiến) ông Lê Đạt như sau :

"*...Tuy nhiên, tôi lại cố gắng bỏ qua, và tự an ủi rằng hành động ấy có thể tạm tha thứ được vì nó xuất phát từ một người đã lớn tuổi, không chuyên về nghiên cứu, lười lý luận, thiếu thốn tài liệu, mà lại mắc bệnh ham trình diễn kiến thức. Tôi đã cố gắng bỏ qua như thế với hi vọng rằng đó chỉ là hiện tượng cá nhân của một người ở một giai đoạn bệnh hoạn hiếm hoi trong đời" (4)*

Quả thực, tôi không hiểu cái "ngọn cờ của trí thức và đạo đức"(5) và "văn hóa tranh luận" mà ông Tuấn rao giảng ở cuối bài viết của mình đang bay ở đâu khi ông viết những dòng nói trên? Lấy cái trẻ, cái chuyên, cái đầy đủ của mình ra để phỉ báng một người già, không chuyên, thiếu thốn rồi tự đắc về việc ấy, hỏi có vẻ vang gì ?

Cũng với thái độ, xin lỗi, đạo đức giả như vậy, ông Tuấn "cảm thấy khổ tâm vì biết rằng, từ nay về sau, chắc chắn tôi sẽ không còn hoàn toàn yên tâm khi đọc những bài viết ngay cả của những tên tuổi khả kính trong văn học Việt nam đương đại". Ông thừa biết rằng, với tư cách một người đọc chuyên nghiệp và một con người biết suy nghĩ, không ai hoàn toàn yên tâm khi đọc bài viết của bất cứ ai, bất cứ tên tuổi khả kính nào, không chỉ của Việt Nam mà của toàn thế giới. Thái độ đọc đúng đắn nhất bao giờ cũng là một thái độ nghi ngờ, nghi ngờ từ những dòng đầu tiên cho đến khi bài viết thuyết phục mình bằng tư tưởng và cách thức mà nó diễn đạt tư tưởng đó. Đối với người đọc có lý trí, không có những tên tuổi khả kính mà chỉ có văn bản họ cầm trên tay vào thời điểm đó. Ông khổ tâm như vậy là thừa !

Không dừng lại ở chỗ đó, ông Tuấn còn đi xa hơn trong việc qui chụp cho hiện tượng trên là *"một căn bệnh của tình trạng đói kiến thức dài lâu trong một đất nước nghèo nàn và bưng bít...vì chỉ ở một đất nước thiếu nguồn thông tin và kiến thức trầm trọng thì người ta mới có thể an tâm đành lừa nhau bằng những thông tin giả và kiến*

thức mạo hóa". Không thể đi từ hai trường hợp riêng lẻ, hơn nữa, chưa được kiểm chứng từ cả hai phía để qui kết đó là một căn bệnh của một đất nước. Một đất nước, như ông nói "nghèo nàn và bưng bít", nên rất cần những cánh tay bao dung giúp đỡ, chứ không phải một thái độ phỉ báng.

Hình như, có ai đó đã nói: *"Trong khi tranh luận không chỉ nảy sinh chân lý, mà còn nảy sinh sự thù địch. Cái nọ tỷ lệ nghịch với cái kia"*. Trong bài viết này, tôi xin được phép chưa bàn tới những vấn đề học thuật mà chỉ bàn tới thái độ của những người đang tham gia tranh luận, để cho những cuộc tranh luận về văn học, dù có gay gắt tới đâu, cũng mang tính văn hóa. Thực ra, đã đến lúc cần vắt tay lên trán nhiều lần trước khi quyết định thương hại hay nói lời thương hại cho một cá nhân, một cộng đồng hay một đất nước. Cuộc sống trong nước và hải ngoại rất khác biệt, nơi đâu cũng có cái được và mất. Không nên đem cái được của nơi này ra để đè bẹp cái mất của chốn kia. Một thái độ tranh luận bảo thủ và bực tức như vậy không xứng đáng với một người đã có những bài viết kỳ công về văn học nghệ thuật. Đường ranh giới phũ phàng giữa văn học trong nước và hải ngoại sẽ còn tiếp tục tồn tại, nhưng đối với những trí thức chân chính, những rào cản như vậy không phải là không thể vượt qua. Trong thế kỷ này, khi ngay cả những ranh giới giữa các quốc gia và các nền văn hóa khác biệt cũng đang mờ đi rất nhiều, tôi mong ông Hoàng Ngọc Tuấn có thể trút bỏ gánh nặng của những thành kiến để vượt qua tình trạng là "một cuốn từ điển sống, nhưng không cần lưu tâm đến tác dụng của cuốn từ điển sống ấy"(6) - như chính ông từng chê trách những người khác.

Mấy dòng cuối cùng, xin để gửi đến trả lời các ông Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Minh Quân, Nguyễn Hoàng Văn....

Thứ nhất, về nghề nghiệp, tôi là một doanh nhân, mặc dù rất yêu thích văn học, nhưng không phải là một người chuyên về nghiên cứu hay sáng tác. Tuy thế, lập luận của ông Nguyễn Hưng Quốc và ông Nguyễn Minh Quân nói tôi "từ Việt nam" và "ở xa quá" nên không biết gì về phương Tây để phát biểu là rất võ đoán và sai lầm. Sai thứ nhất, ở chỗ, do hoàn cảnh cá nhân, tôi học tập và sinh sống tại châu Âu và Mỹ từ năm 17 tuổi, mới quay lại Việt Nam được có ba năm nay, và hiện nay, do công việc, hàng năm vẫn sống tại Mỹ một vài tháng. Do không phải là một chuyên gia, chắc chắn những hiểu biết của tôi về văn học, triết học của phương Tây có chỗ khiếm khuyết. Nhưng ít nhất, tôi không phải là người xa lạ với cuộc sống chính trị,

văn hóa của phương Tây. Sai thứ hai, là nếu tôi cũng lập luận như các ông, vậy thì các ông ở tận Úc châu, sao có thể biết về văn học Việt Nam trong nước mà nói? Thái độ tranh luận của ông Nguyễn Hưng Quốc như vậy, không những chứng tỏ thái độ khinh khi và chia rẽ trong ngoài nước, còn mục hạ vô nhân, ông Quốc rất nên tránh.

Thứ hai, ông Nguyễn Hưng Quốc đã cố tình xuyên tạc bài viết của tôi. Trong bài viết của mình, tôi có nói (nguyên văn): " Hiện nay, rất khó có thể coi những ngời lao động bình thường tại các quốc gia phát triển lại giống với quần chúng bình dân của những sáu mươi, khi Richard Hofstadler viết Anti-intellectualism in American life". Tôi rất mong ông Quốc tìm hộ tôi câu nào trong bài viết của tôi nói rằng "ở các nước Âu Mỹ hiện nay không còn cái gọi là "tầng lớp bình dân" và cũng không còn hiện tượng phản-trí thức" - như ông qui chụp cho tôi.

Tôi rất đồng ý với ông Quốc tranh luận phải có văn hóa! Liệu ông có thể gọi những trang viết của ông Hoàng Ngọc Tuấn với những từ ngữ mang tính xỉ nhục là văn hóa hay không? Liệu chính những trang viết của ông, dùng thái độ "học phiệt" của mình để tranh luận có gọi là văn hóa được không? Tôi không mong ông trả lời, tôi xin nhường quyền xét đoán cho các độc giả !

NGUYỄN THANH SƠN

(1)-Nguyễn Hưng Quốc- *Vài ý nghĩ về phê bình văn học*- Hợp Lưu số 52 (4-5/2000)
(2) Hoàng Ngọc Tuấn- *Sáng chế tài liệu giả : một hiện tượng phản trí thức trong văn học Việt Nam đương đại* - Hợp Lưu số 53
(3) dd
(4) dd
(5) dd
(7) dd
gọc Tuấn- *Sáng chế tài liệu giả : một hiện tượng phản trí thức trong văn học Việt Nam đương đại* - Hợp Lưu số 53
(3) dd
(4) dd
(5) dd
(7) dd



DŨNG VŨ

Thử bàn về chất lượng phát triển văn học Việt Nam đương đại



Giấc ngủ bình yên và mê man của nền văn học Việt Nam lâu lâu lại bị quấy rầy. Hết tiếng ồn *"viết văn với ... cây búa"*[1], ... rồi lại đến tiếng la *"phản trí thức ..."*[2]. Đó là cách mà các nhà phê bình văn học thường dùng để đánh thức giới cầm bút: dậy mà đi. Thế là người ta lại tỉnh dậy để nghe thông báo về tiến bộ văn chương thế giới và đồng thời để nhìn cái thực tại văn học Việt Nam, xem nó đã đi đến đâu rồi, đi hướng nào, về đâu. Với vô số kiến thức, các nhà phê bình văn học lần nào cũng hy vọng sẽ thuyết phục được người nghe, hy vọng sự kiểm điểm sẽ giúp nền văn học Việt Nam phát triển hiệu quả, sẽ khá hơn. Nhưng rồi thất vọng. Không khá nổi. Chung cục, thực tại vẫn là thực tại: nền văn học Việt Nam vẫn còn yếu kém và không quốc tế.

Tại sao sao yếu kém ? Tại sao không quốc tế ? Người Việt dở lắm sao ?

Những câu hỏi ấy đối với hoàn cảnh người trong nước có lẽ hơi khó trả lời, thế nhưng đối với cộng đồng người Việt ở hải ngoại thì

sao?

Người Việt sống khắp nơi trên thế giới, cả thế giới biết. Sau bao năm ở xứ người, ít nhất là sau năm 75, đa số đã an cư lạc nghiệp. Về mặt tri thức, nó đã sản sinh ra một lực lượng trí thức không nhỏ. Giáo sư đại học có, tiến sĩ có, thạc sĩ có, kỹ sư có, bác sĩ có, ... có đủ thứ và đương nhiên có đủ trình độ quốc tế bởi lẽ họ được đào tạo ở hải ngoại và làm việc chuyên ngành trong những công xưởng, văn phòng, đại học, ... một cách "*professional*". Từ chuyện bắn phi thuyền lên trời cho đến chuyện chế chiếc xe Mercedes chạy dưới đất đều có bàn tay và bộ óc người Việt góp phần. Từ chuyện là chuyên gia cao cấp nằm trong phòng nghiên cứu tin học quốc tế cho đến chuyện là giáo sư nằm trong viện nghiên cứu hạch nhân, tự động hóa thuộc tầm cỡ thế giới đều có người Việt Nam, v.v. ... Nhìn tổng thể, chuyên gia Việt Nam góp mặt đông đảo khắp nơi, trong rất nhiều lĩnh vực, thế nhưng trong lĩnh vực văn học nghệ thuật còn ... quá ít.

Vì sao quá ít ? Lý do rất đơn giản vì trên thực tế nghề làm văn học nghệ thuật không dễ sinh sống bằng nghề làm kinh tế, kỹ thuật. Đa số người viết không xuất thân từ đại học văn. Vì vậy không thể kể họ là dân chuyên nghiệp văn được. Theo ý nghĩa thông thường, họ chỉ là *người viết nghiệp dư.*

Người viết nghiệp dư có thể được chia thành hai nhóm:

Nhóm thứ nhất chiếm đa số. Nhóm này mang tính cách viết chơi cho vui rồi đăng báo. Họ không đọc sách nhiều về kỹ thuật, lịch sử văn chương, ... Họ viết theo trực giác, cảm tính, tùy hỉ nộ.

Nhóm thứ hai gồm những người viết có tự cố gắng học hỏi thêm ở các sách vở văn chương, có tập luyện. Văn phong họ vững chãi hơn, điêu luyện hơn, già dặn hơn.

Có thể nói, nhóm thứ hai hoạt động khá tích cực trong giới văn học hải ngoại. Có kỳ vọng chăng là ở nhóm này.

Ngoài hai nhóm kể trên, không cần học hỏi gì cả, không cần lao động cực khổ gì cả, là những thiên tài. Nhóm này thì Việt Nam chưa có.

Nền văn học Việt Nam đương đại vẫn còn mang tính *nghiệp dư.* Chẳng lạ gì khi đa số người viết là nghiệp dư. Người viết nghiệp dư không thể biến nền văn học Việt Nam thành chuyên nghiệp ngoại trừ người viết nghiệp dư một cách thiên tài. Như vậy người viết cần phải chuyên nghiệp, ví dụ những chuyên gia viết xuất thân từ đại học văn chương đang làm việc fulltime với văn chương. Còn người viết nghiệp dư phải lo sinh sống bằng nghề chính của họ. Tất nhiên. Song các nhà phê bình văn học vẫn mãi kêu gọi, phải khá lên, khá lên. Kêu gọi ai ?

Người viết chuyên nghiệp hay nghiệp dư ? Giả sử kêu gọi cả người viết nghiệp dư, nhưng không có ăn, làm sao khá ? Khỏi cần kêu gọi, chắc chắn bộ mặt văn học nghệ thuật Việt Nam nói chung sẽ sáng sủa không thua kém bất kỳ ai, nếu kiếm ra tiền. Điện ảnh Việt Nam hiện tại là một ví dụ[6]; nó phát triển được nhờ kiếm ra tiền. Nếu nghề văn chương cũng được vậy, tự động người thích văn sẽ vào đại học chuyên văn để trở thành chuyên gia viết và sẽ thừa khả năng giải quyết vấn nạn "văn học" Việt Nam một cách dễ dàng như những chuyên gia ngành khác thường giải quyết vấn đề chuyên môn của họ.

Xét về mặt tài chính, ở các xứ giàu có như Âu, Úc, Mỹ không thành vấn đề. Ở những xứ này, văn học nghệ thuật được kể như hạ tầng cơ sở. Nhờ tiền nhà nước, chúng được nuôi dưỡng, khuyến khích và tất nhiên có cơ may phát triển hơn ở các xứ nghèo. Song, nói gì thì nói, đừng nên quên một thực tế, chỉ những *tinh hoa bản xứ* hoặc có tính *quốc tế* mới được ưu đãi, được trân trọng, được tiếp thị. Ví dụ như Goethe của Đức. Goethe được Đức tiếp thị tối đa. Tới một công viên cũng thấy tượng Goethe. Vào xe điện cũng thấy thơ Goethe dán bên cạnh những bảng quảng cáo. Về Hà Nội cũng thấy viện Goethe. Như xe Mercedes, Goethe hiển hiện khắp nơi, được xuất khẩu khắp nơi. Ngày xưa, người viết cũng được học tiếng Đức ở viện Goethe và không biết Goethe, khiến bà cô thắc mắc: "Bộ anh không biết Goethe à ?". "Dạ, thưa không". "Vậy anh biết Beethoven không ?". "Dạ, thưa biết". "Đấy. Goethe vĩ đại như vậy. Goethe là một đặc trưng cho nền văn học của dân tộc Đức chúng tôi". Xong bà hỏi: "Còn ở Việt Nam, có ai không ?". "Dạ, thưa bà, có Nguyễn Du". Bà lắc đầu: "Tôi không biết". "Vậy bà có biết Goethe không ?". "Dĩ nhiên". "Đấy. Nguyễn Du vĩ đại như vậy. Nguyễn Du là một đặc trưng cho nền văn học của dân tộc Việt chúng tôi". Bà phì cười rồi sau đó chẳng tò mò, thắc mắc gì thêm nữa.

Ở Đức, có lẽ Nguyễn Du không được biết nhiều như ở Pháp. Ở Pháp, có lẽ quỹ phát triển dành cho văn học phi quốc gia không được nhiều như ở Úc. Ở Úc, nghe nói, dễ hơn, những đề tài văn học phi quốc gia (Việt Nam cũng nằm trong đó) được bảo trợ, nghĩa là có điều kiện phát triển. Song xin hỏi, bao giờ Nguyễn Du mới được tiếp thị như Goethe của Đức ? Hay dân nhược tiểu đã quá rõ rằng: "Khó có thể hòa nhập vào quốc tế khi quốc tế chưa thấy sự hợp tác sẽ có lợi đôi bên".

Nhược tiểu mà đi mơ tưởng đến cảnh được cùng chè chén trong cung điện văn chương quốc tế là một chuyện hão huyền. Nên nhìn ngay chỗ đứng của mình, ở đó tồn tại một sự thực: "có thực mới vực

được việc". Sự thực ấy càng tự nhiên hơn nữa đối với những người viết trong nước, tối ngày phải quần quật với miếng ăn. May mắn hơn, đời sống người Việt ở hải ngoại không đến nỗi quá chật vật. Tuy nhiên, không ai biết Thượng Đế cho mỗi người được sống tới bao giờ, nhưng chắc chắn rất công bình, mỗi người được sống một ngày 24 tiếng. Với 24 tiếng, nhiều người viết nghiệp dư ở hải ngoại phải xẻ tâm xác mình ra làm ba khúc: Fulltime cho nghề nghiệp, vài giờ để ngủ hoặc dành cho gia đình, và thì giờ còn lại là cống hiến cho sự nghiệp chung: văn học. Phụng sự văn học hết mình, người viết nghiệp dư phải tự lần mò từng bước trong bóng tối, đi tìm ánh sáng. Không chuyên nghiệp, hẳn họ sẽ vướng mắc nhiều khuyết điểm và rất cần sự trợ giúp *hiệu quả* của người chuyên nghiệp. Giá chi được vậy, sẽ đỡ khó khăn, đỡ mất thì giờ biết mấy. Song thực tế đã chứng minh: không được vậy.

Các nhà phê bình văn học Việt Nam xuất thân từ các đại học quốc tế ? Nếu người viết đoán trúng, thì không khác những chuyên gia kỹ thuật Việt Nam cũng xuất thân từ đại học quốc tế, đều là chuyên gia và tất nhiên sau quá trình được đào tạo, đã có nhiều kinh nghiệm làm việc trong thực tế thì hẳn *phải* đủ khả năng giải quyết vấn đề một cách hiệu quả, tối ưu. Thế nhưng nhìn vào thực tế, có lẽ họ chưa thành công trong việc giúp người nghiệp dư cũng như nền văn học Việt Nam đi lên một cách hiệu quả, tối ưu để xóa bỏ tính nghiệp dư. Bằng chứng là trong những năm qua, họ đã đưa ra nhiều đề tài thảo luận nhằm góp ý xây dựng phát triển, vậy mà kết quả ngày hôm trước hầu như vẫn giống như kết quả ngày hôm sau: không có nhiều thay đổi đáng kể. Điều này dễ làm người quan sát bằng hai cách nhìn, nghi vấn, một là nền văn học Việt Nam đã hóa đá, hoặc hai là phương pháp hô hấp nhân tạo của họ chưa đủ sức hồi sinh nó đang trong trạng thái hôn mê. Nếu trường hợp thứ hai đúng, người quan sát rất dễ hiểu nhầm, đã là chuyên gia chuyên giải quyết vấn đề, nhưng vấn đề vẫn nằm ở đó thì suy ra không phải là chuyên gia (?).

Theo dõi những cuộc thảo luận trên báo Văn Học, Hợp Lưu, ... độc giả tùy người nhận thấy, nhiều khi tác giả giới thiệu những cái hay rất đáng học hỏi. Công bằng mà nói. Song nhiều khi có tác giả đã không để ý đến khả năng cảm lý của người đối diện. Thiếu khéo léo trong cách diễn đạt rất dễ gây ra những điều đáng tiếc, ví dụ dân nhà văn sẽ cho đó là thái độ trịch thượng, lý thuyết, mô phạm; còn dân khoa học, ngược lại, sẽ khắt khe hơn rằng, anh đã dám đưa ra vấn đề thì anh phải tiếp tục phân tích nghiêm chỉnh, khéo léo tìm lời giải cho nó bằng phương pháp tối ưu nào không cần biết miễn tránh gây thêm vấn

đề bất hòa để cảnh bào chữa qua, bào chữa lại, tranh cãi cứ kéo dài như một phản ứng dây chuyền[7], rốt cuộc, câu hỏi ban đầu được đặt ra là "làm sao để giải quyết vấn đề đó" đáng lý được trả lời, lại hóa thành câu hỏi mới là "làm sao để giải quyết được vấn đề muốn giải quyết vấn đề đó".

Không chỉ kinh tế là nguyên nhân gây ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển văn học Việt Nam mà còn cả cách *giao lưu, hợp tác*. Nhìn vào các sinh hoạt văn học Việt Nam, đặc biệt ở hải ngoại, người quan sát dễ nhận thấy hai thái độ: *hợp tác* và *bất hợp tác*.

Tinh thần *hợp tác* được thể hiện cụ thể bằng những đóng góp ý kiến phê bình xây dựng, truyền tải thông tin, đóng góp bài vở, giới thiệu, chia sẻ kinh nghiệm, khuyết khích nhau, ... Trong đó, điểm tích cực đáng kể là sự đóng góp bài vở dồi dào của người cầm bút. Cộng thêm tinh thần làm việc tốt của ban biên tập, nhờ vậy tờ báo được duy trì, đành rằng không ai có thể sinh sống nhờ làm báo. Tờ báo sống là còn chỗ sinh hoạt cho người viết cũng như còn miếng ăn tinh thần cho người đọc. Sự giới thiệu các văn đàn lẫn nhau hoặc điểm sách, giới thiệu tác phẩm mới, tạo sự hợp lưu văn học trong và ngoài nước (tiêu biểu là chủ trương của tờ báo Hợp Lưu) cũng tốt. Ngoài ra còn có những hình thức khác như chia sẻ kinh nghiệm, khuyến khích nhau, chúc nhau được thành công, tất cả đều đáng quý.

Dù đáng quý nhưng đừng nên quên, có những chỗ cần xét lại. Đó là cách *thảo luận* và *thông tin*.

Thảo luận là một trong những nhu cầu tối cần thiết trong giao lưu khi người ta gặp một khúc mắc và muốn cùng nhau giải quyết nó. Thảo luận bao gồm hai mục đích chính: làm sáng tỏ thông tin, vấn đề và tìm lời giải cho vấn đề. Nhờ thảo luận, những cái hay, cái dở mới bật ra. Nhờ thảo luận, những kiến thức, tư tưởng chủ quan một chiều mới được cải thiện bằng những giá trị đúng đắn hơn tới từ nhiều phía. Nhờ thảo luận, mới có cơ hội học hỏi lẫn nhau. Nhờ thảo luận, tính tư duy mới năng động hơn, tính lý luận mới chặt chẽ, lành mạnh hơn. Nhờ thảo luận, một đề tài, một vấn đề mới được mổ xẻ kỹ lưỡng để mỗi người có thể nhận diện nó chính xác đến từng góc cạnh. Nhờ thảo luận, mới tổng hợp được những ý kiến hay, từ đó mới có thể thành lập được giải thuật tối ưu nhất nhằm dứt điểm vấn đề. Tất cả đều có lợi. Tóm chung, nhờ thảo luận, cái gì chưa rõ sẽ được làm rõ và vấn đề gì chưa có lời giải, sẽ có lời giải, với điều kiện phải có bài bản và tinh thần hợp tác.

Nhìn vào diễn đàn văn học, có thể nói, người thường đưa ra vấn đề và mong muốn được thảo luận nhiều nhất là các nhà phê bình văn

học. Song ít bao giờ họ thành công đúng ý nghĩa thảo luận như đã nói. Muốn nhưng ít bao giờ được hưởng ứng. Hầu như không có thảo luận mà chỉ có tự luận. Hầu như tự luận để làm sáng tỏ thông tin, vấn đề chứ chưa đạt tới trình độ đưa ra được bài bản, chiến lược để giải quyết vấn đề.

Muốn tìm lời giải để giải quyết vấn đề, không thảo luận, không có cách giải quyết vấn đề là lẽ tự nhiên. Nhưng có thảo luận, cũng không. Cái khác thường ấy rất dễ hiểu là do không đồng kiến thức và yếu bài bản. Không đồng kiến thức dễ khiến đôi bên không hiểu nhau. Yếu bài bản, thảo luận dễ biến thành tranh cãi, từ đó tự ái dễ bị tổn thương, nhất là tính Việt Nam. Một khi giao lưu đã bị trục trặc, thì làm sao có thể cùng nhau đi tìm lời giải cho vấn đề, nói gì đến giải quyết được vấn đề. Cho nên mãn cuộc, không ai thấy một lời giải nào cả, chỉ thấy người đánh gục đối phương thỏa dạ: mình có lý. Mãn cuộc, vấn đề vẫn nằm đó, vấn đề "muốn văn học Việt Nam phải khá lên" vẫn nằm đó, nằm dài dài.

Sống ở xứ kỹ nghệ, Âu Châu này chẳng hạn, giới lao động bằng chất xám hẳn phải biết, thảo luận là một trong những bài học kỹ thuật giao lưu (communication technique) sơ đẳng nhất bắt buộc phải thuộc lòng khi giao lưu, nhất là giới chuyên gia, bất kể thuộc lĩnh vực gì, khoa học, kỹ thuật, xã hội, nhân văn, ... Ngay đến sinh viên đại học, để trao đổi hiệu quả trong quá trình học tập, họ cũng được đào tạo như thế. Chỉ nhờ thảo luận tốt, người ta mới dễ hợp tác chung để cùng phân tích vấn đề, nhận diện vấn đề, tìm được lời giải thống nhất cho vấn đề và cuối cùng phải giải quyết được vấn đề trong một thời hạn nhất định.

Một điểm khác cũng khá quan trọng trong kỹ thuật giao lưu là *thông tin*. Các nhà phê bình văn học thường giới thiệu nhiều thông tin đáng học hỏi, đáng quý. Nhiều khi cách thông tin rõ ràng. Song đôi lúc không hiệu quả lắm; thông tin quá nhiều và không hợp tần số đối với mọi tầng giới. Người viết thử tưởng tượng, người đọc có quan tâm, tìm hiểu một đống thông tin, chú thích chằng chịt của mình không ? Nếu có, thì phải bắt đầu từ đâu, từ dễ đến khó thế nào ? Mục đích của thông tin định rõ, người thông tin phải có phương pháp để người nhận tiếp thu được chúng, bất kể người nhận thuộc tầng giới nào. Cố gắng thông tin song người nhận không tiếp thu được nghĩa là thất bại, thậm chí còn bị phản tác dụng, ví dụ, thông tin bị chối từ, bị cho là "chơi nổi", "chơi trội"[8], đáng tiếc lắm. Có thể có ý kiến cho rằng bài viết thực ra chỉ mang tính cách trao đổi và chỉ dành riêng cho một tầng giới trí thức nhất định thôi. Nếu thực vậy, không cần tốn sức nhiều, có thể

trao đổi riêng với nhau, không cần một diễn đàn rộng. Nhưng ý nghĩ ấy đã xưa rồi. Trong chiều hướng ngày hôm nay, ai cũng muốn thông tin được quảng bá rộng chừng nào hay chừng nấy. Nên nhớ thời đại này là *thời đại của thông tin*. Hãy tự hỏi, các nhà khoa học đẻ ra "internet" để làm gì ? Chắc chắn tác giả nào cũng muốn bài viết của mình được nhiều người đọc và hiểu, hiểu thông *đúng*.

Như đã nói, ngày nay lĩnh vực thông tin mạnh chưa từng có. Nó như thể là một logic bắt buộc con người phải phát triển, vượt biên cương, mở rộng chu vi cho đến mức toàn cầu. Khả năng của ngành tin học đã cho phép con người đạt đến mục đích đó. Tin học đã kéo tất cả các lĩnh vực khác đi theo chiều hướng phát triển *rất nhanh*, *rất mạnh*, rất *hữu hiệu*, trong đó có cả lĩnh vực văn học nghệ thuật. Nhờ thế, văn học nghệ thuật Việt Nam có cơ may nở rộng, tiến xa hơn, dễ dàng hơn. Nhìn vào Internet, chúng ta đủ thấy, các HomePage văn học nghệ thuật ở khắp nơi. Hiện tượng "trăm hoa đua nở" này rất tốt. Gạt bỏ tính "bất hợp tác" sang một bên (sẽ được phân tích sau), nếu biết hợp tác thông tin, văn học Việt Nam nói riêng rất có cơ hội nhập vào quốc tế. Nhưng đến nay, cơ hội này vẫn chưa được tận dụng, đó là *dịch thuật và giới thiệu văn học Việt Nam trên Internet*. Đến giờ, nhìn chung, hình thức thông tin ấy còn quá khiêm tốn. Giá gì có một nhóm dịch thuật nào làm được công việc quảng bá tối đa văn học Việt Nam thì thực, rất tuyệt vời. Muốn vậy, ít nhất nên ngồi lại với nhau mà làm việc. Bảo đảm chỉ có lên chứ không xuống.

Như trên là vài thực tiễn tiêu biểu trong hợp tác. Dẫu không chuyên nghiệp nhưng có còn hơn không, không đến nỗi quá tệ. Khó khăn còn, nhưng hy vọng từ từ giải quyết được, còn hơn là "bất hợp tác"

Ngược với tinh thần hợp tác là *bất hợp tác*. Nói đến bất hợp tác thì phải biết cái nguyên do đi từ xung ky, thiếu đoàn kết. Và nói đến *thiếu đoàn kết* thì phải nói đó là một cá tính tiêu biểu đáng buồn của người Việt. Nhìn vào thực tế sẽ thấy:

Thứ nhất, ở hải ngoại, người Việt không có khả năng dựng nên *một hội văn nghệ sĩ thống nhất* để cùng nhau giải quyết vấn đề, định chiến lược phát triển. Ngay thế đứng chính người Việt muốn có trong hội Văn Bút quốc tế (PEN) cũng luôn khập khạng, nhiêu khê và ngủ đứng. Thứ hai, hiện tượng phe phái, nhóm này xem thường trình độ nhóm khác. Thứ ba, trong giới cầm bút, bởi vì cậu thần chú "đồng hội, đồng thuyền, tát biển Đông cũng cạn" không hiệu nghiệm chút nào, quá ư là phiền toái, đã khiến nhiều người tẽ nhánh làm riêng. Họ sẵn sàng bỏ tiền túi ra in sách, mở HomePage riêng, quảng cáo cái riêng

của mình. Chất lượng không cần xét tới. Bao nhiêu sách dưới đất chào đời được trân trọng ra mắt trong những buổi tiệc đình trang trọng, được biếu tặng rồi sau đó chính tác giả đâm tư lự, không biết người ta có đọc không. Bao nhiêu HomePage được phóng lên trời vì không độc giả, người ủng hộ, hợp tác, lại rơi xuống đất ngoài ý muốn, rồi từ đó bị bỏ phế luôn trong những "internet provider" miễn phí. Sự thực là gì ? Ai cũng hy vọng số lượng sẽ xây được cho Việt Nam một làng văn vĩ đại, *số lượng sẽ làm tăng chất lượng*, nhưng không, số lượng chỉ làm tăng thêm số bộ lạc mà ai cũng là tù trưởng. Thứ tư, vì chính trị, người ta tha hồ chụp mũ nhau, miệt thị nhau, hăm dọa nhau, tha hồ nghe nhau phản kháng và cười sung sướng.

Nhắc đến hai chữ *chính trị* thì phải biết nó có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng văn học Việt Nam đương đại. Chính trị cứ mãi đeo đuổi văn học Việt Nam như là duyên số, như thể là số phận, số phận của một dân tộc – ai đã từng nói – không mạnh về *kinh tế* nhưng rất mạnh về *chính trị*. Văn học Việt Nam trong chiến tranh đã bị chính trị hóa tối đa. Mục đích của nó được nhắm bằng AK và M16. Trong chiến tranh không nói, nhưng đã hết chiến tranh, phải chăng người ta vẫn "viết văn bằng súng" ? Phải chăng nền văn học Việt Nam vẫn còn mặc áo giáp và mang nón tai bèo ? Nếu vậy, thì nên cởi ra đi, xưa lắm rồi. Hòa bình rồi, thà mặc áo dài khăn đống, quay về lịch sử, tìm hiểu cho kỹ các cụ Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn, ... còn có lý hơn. Hoặc bỏ hết sức vào mà phục hồi lại cái tinh hoa bị chiến tranh làm hư hỏng quá nhiều rồi. Nay có thì giờ, nên phục hồi lại đi. Ở Âu Châu này, xứ nào cũng làm như thế, làm đã từ lâu, thế nhưng đừng nghĩ Việt Nam đừng làm nữa, đã quá muộn. Chiều hướng ở Âu Châu bây giờ, một là "làm lành", hai là đi học cái tinh hoa của dân khác (ví dụ Á Châu) đã từng bị xem thường trong quá khứ, chưa kể cả dòm ngó đến tài sản của những xứ sở đó. Làm được hai việc ấy, họ chỉ có thu lợi chứ không mất mát. Muốn vậy họ mới đẻ ra chiến lược toàn cầu hóa không những nhằm mục đích kinh tế mà là tất cả. Kiểm chứng lại xem, cái mạng sống của thú vật ngày nay còn quý, chứ nói gì đến con người, văn hóa, đất nước. Bởi vì đó là sự sống của nhân loại. Mãi đập phá, giờ mới tiếc. Đã đánh mất, giờ mới nhớ nhung và quý trọng. Chẳng lạ gì hôm nay, cái quan niệm "của riêng": văn hóa của tôi, khu rừng của tôi, đền đài di tích này của tôi, ... không còn nữa, những gì chưa tuyệt giống không còn "của tôi" nữa mà là "của chung", của thế giới. Kho tàng Việt Nam: vịnh Hạ Long cũng của thế giới, Huế cũng của thế giới, loài vật còn sống sót, sói đỏ, cọp, voi, chim chóc, rắn rít, gì gì đó ... cũng thuộc về thế giới. Vớt vát được cái gì hay cái đó, mất nhiều rồi, và mặc

nhiên được coi là tài sản của thế giới. Mai mốt biết đâu đến con cà cuống của Việt Nam ược kể thuộc về thế giới chứ đừng nói tinh hoa do chính con người làm ra. Cho nên, người khôn ngoan nên "biết người, biết ta", nên học thêm cái mới của người và giữ kỹ cái của ta, không nên nghiêng hẳn về cán cân nào cả. Muốn vậy, nên mở cửa, mặc áo vét, thắt cà-ra-vát, đội mũ lệch, đi ngược thời gian tìm hiểu cho bằng được các cụ Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân, Nhất Linh, Khái Hưng, Văn Cao, Hoàng Cầm, ... rồi bước đi xa nữa, đi ra thăm thế giới. Đi để mà thấy dân Tây sống thế nào, suy nghĩ làm sao, viết gì, tốt xấu ra sao ở xứ tự do của họ.

Nói thế, chắc sẽ có ý kiến cho rằng, tự do quá không được đâu. Trình độ dân trí Việt Nam còn thấp lắm. Tất nhiên: trần gian là những bức tranh mà chính người xem là họa sĩ. Có này, có nọ. Nhưng không phải tất cả người sáng tạo đều tiêu cực, đều muốn vẽ trần gian bằng màu tối. Cái chất văn chương tối sáng ra sao là tùy vào mỗi con người. Tự bản thân văn chương nghệ thuật không biết nó là ai, được sinh ra để làm gì, vị nghệ thuật hay vị nhân sinh. Mục đích này chỉ có chủ nhân mới biết. Tốt xấu ra sao là tùy vào cái tâm, cái đạo, cái tư duy của người đẻ ra nó. Và nếu có xấu, cũng chưa hẳn tự chính bản chất người đẻ ra nó xấu mà có thể còn tùy thuộc vào một thế lực vô hình nào đó ở sau lưng. Song nói gì thì nói, ngày nào viết mà còn hỏi ý kiến của tù trưởng, ngày đó người cầm bút vẫn còn sống trong bộ lạc.

Oái oăm thay, nó lại là sự thực. Người cầm bút trong nước cả nửa thế kỷ nay đã bị nhiễm thói quen viết theo ý tù trưởng. Người viết không cần sáng tạo, đã có tù trưởng nghĩ, cứ theo đấy mà viết. Nếu không, người viết sẽ mắc bịnh Phù Thăng[9], bao giờ cũng tưởng mình là hạt thóc, luôn phập phồng lo sợ con gà nó mổ. Hoặc có cố chứng minh mình không hề mắc bịnh tâm thần, mình là người thật, người thật một trăm phần trăm, chứ không phải người máy. Nhưng, con gà nó đâu có hiểu, nó cứ tưởng mình là hạt thóc thì sao ?

Sống ở một nơi mà long thể bất an như vậy, làm sao mà sáng tạo? Trải từ năm này sang năm khác, người viết chỉ được phép đi dạo một cách an nhàn trên những con đường mòn được làm sẵn. Không những người viết, còn cả người đọc. Trên lối ấy, người đọc chỉ tiếp thu được chừng đó của người viết và cuối cùng *trình độ* người đọc cũng bị giới hạn theo. Hại hơn nữa, người đọc cũng an nhàn theo, đến đổi không cần đặt câu hỏi, không cần suy nghĩ; mọi diễn tả đều hiện thực, dễ hiểu. Theo thời gian, người đọc tự động vướng mắc thói quen tương tự: *biếng suy nghĩ và chấp nhận.* Đã thành thói quen, người ta khó bỏ được nó để chấp nhận cái mới. Hậu quả, *vì chính trị, người viết thiếu tự*

do sáng tạo và vì sự thiếu tự do sáng tạo, hậu quả trở thành hiểm họa: trình độ người viết lẫn người đọc đã bị đóng cọc.

Tưởng hiểm họa chỉ thế thôi, nhưng không. Từ lúc bầu không khí trong nước trở nên dễ thở hơn, tự do hơn, nó lại càng nở rộng. Bởi trình độ dân trí vẫn thấp, người ta chỉ đủ sức cảm thụ những gì đơn giản, thậm chí lắm lúc đơn giản một cách vô thẩm mỹ, vọng ngoại, kém trình độ văn hóa. Nhìn lại những năm đầu sau 75, người phụ nữ Việt Nam mặc áo dài Việt Nam dù không bị cấm nhưng bị xem là sang cả; người đàn ông bỏ áo vô quần, mang giầy cũng bị xem là làm ra vẻ ta đây là người lịch sự, trí thức. Phong cách ấy đã một thời bị đánh giá là tiểu tư sản, xa rời tính chân quê của giai cấp công nhân. Phái nữ bèn bỏ áo dài, mặc bà ba cho gọn, phái nam hớt cua đầu, dẹp quần ống rộng, mặc áo bỏ ra ngoài. Giờ đây, không khí cởi mở hơn xưa rất nhiều và cũng giờ đây dường như chiếc áo dài Việt Nam không còn thông dụng như xưa nữa. Trước 75, không phải áo dài là thứ trang phục của giới đài hoa phủ các. Phụ nữ ra đường là họ mặc như vậy, không cần biết mặc cho việc gì, không phải mặc áo dài có nghĩa là trang sức. Ngày nay, thay cho chiếc áo dài đa số là *mốt Hồng Kông*. Trình độ văn hóa/dân trí xuống cấp quá sức, nên đại đa số dân Việt Nam trong nước ngày hôm nay rất thích mốt Hồng Kông. Người làm văn nghệ sống nhờ mốt Hồng Kông, đóng phim kiểu Hồng Kông, làm nhạc kiểu Hồng Kông và nếu có viết, cũng Hồng Kông. Viết văn chương quá, ai đọc? Ở thời buổi kinh tế thị trường, phải viết theo thị hiếu độc giả mới mong sống nổi. Thực vậy, được cơ hội đó, ai chẳng muốn làm ăn tối đa để kiếm tiền. Làm mệt thì nghỉ, giải trí, hưởng thụ, cuối tuần dắt vợ con đi tắm biển Vũng Tàu; trong tuần đi nhậu, uống bia ôm, hát Karaoke, coi phim Tàu, hoặc nếu có đọc thì chỉ là ba thứ tiểu thuyết McDonal, phóng sự hình sự hấp dẫn, tin giật gân trên báo, ... Có ai sốt sắng ngồi đọc sách giá trị, bổ ích để tư duy, mở mang kiến thức, nâng trình độ dân trí lên cao để biết ta, biết người.

Trong nước là vậy. Ngoài nước, trình độ đa số độc giả cũng chẳng khá hơn gì. Không khá cũng bởi cùng một lý do như đã nói là không ai muốn nhức đầu. Tại sao phải đọc sách khó để mà suy nghĩ tiếp? Nếu thích, nhưng trình độ không cho phép thì sao ? Và nếu cho phép nhưng không thích thì sao ? Cho nên cái thú đọc sách để tư duy họa may chỉ còn tồn tại trong giới trí thức Việt thích ý tưởng, văn chương, một chu vi rất bé của cộng đồng hơn hai triệu người Việt ở hải ngoại. Nếu đem so cộng đồng ấy với số dân trong nước, chu vi độc giả ấy càng bé nữa và đương nhiên càng rất bé trong không gian quốc tế. Từ đó suy ra, để đạt được chu vi quốc tế, người cầm bút Việt Nam sẽ

còn phải làm rất nhiều việc nếu như còn lý tưởng và sức lực còn cho phép. Song đừng nên quên phải có chất liệu để làm. Chất liệu gì? Lấy từ đâu? Và nhất là làm sao để "thời đại thông tin ít nhức đầu" đừng đè bẹp cái cố gắng của mình.

Tổng kết.

Vấn đề "Nền văn học Việt Nam đương đại vẫn còn yếu kém và không quốc tế", tất cả chúng ta đều biết. Qua phân tích, chúng ta càng thấy rõ nguyên nhân và sự liên đới tự nhiên của chúng:

Yếu kinh tế, tài chính, thời gian, tính nghiệp dư trong văn học đã phát sinh. Tính nghiệp dư không thể tạo chất lượng tốt, do đó mới có phê bình và đóng góp ý kiến, thông tin. Nếu những cố gắng ấy không hiệu quả, vấn đề mới lại xuất hiện: giao lưu. Giao lưu bị trục trặc thì khó có thể cùng nhau làm việc chung để tìm phương cách giải quyết vấn đề. Cho nên vấn đề vẫn nằm đó. Thêm vào đó, yếu tố chính trị đã ảnh hưởng đến nội dung, tự do sáng tạo của người viết không ít, và quyết định luôn cả trình độ của người đọc, người viết. Trình độ dân trí giới hạn, ngược lại, lại quyết định chất lượng. Không những vậy, chính trị còn gây chia rẽ, lại càng khó làm việc chung. Cuối cùng, trong bối cảnh phát triển "multimedia" hấp dẫn ồ ạt ngày nay nhu cầu đọc đã giảm, mặt khác, chính cơ hội thuận lợi của Internet chưa được tận dụng để giới thiệu tinh hoa Việt Nam ra thế giới. Tất cả đều ảnh hưởng đến chất lượng phát triển văn học Việt Nam đương đại.

Khó khăn còn nhiều quá sức. Song chẳng lẽ chúng ta với một cộng đồng to lớn, với một lực lượng trí thức hùng mạnh nhiệt tình như vậy đành chịu thua? Hy vọng những người còn tha thiết với văn học Việt Nam sẽ không đến đỗi quá bi quan mà bỏ hết. Chúng ta vẫn còn nhiều mặt tốt khác.

Thế thì "làm sao để giải quyết được vấn đề đó" ? Có giải thuật, đề nghị cụ thể gì không?

Theo thiển ý người viết là có. Nếu chúng ta thực sự dám giải quyết triệt để vấn đề, chúng ta sẽ làm được. Điều này càng khả thi khi các nhà khoa học, kỹ thuật, ... mọi giới hãy cùng vào thảo luận chung, đóng góp ý kiến. Chắc chắn những phương pháp luận và thực hành của họ chỉ có lợi, hơn nữa, đáng tin tưởng bởi vì họ đã sử dụng thực tế để giải quyết thành công những công việc hằng ngày.

Bài viết này mới chỉ khơi bật những vấn đề cơ bản hiện hữu nằm đọng trong quá trình phát triển văn học Việt Nam đương đại. Trong bài sau, người viết sẽ xin phép đóng góp những thông tin, chia sẻ kinh

nghiệm và bàn về phương cách giải quyết vấn đề một cách cụ thể.

DŨNG VŨ
Stuttgart, 08.07.2000

Chú thích:
[1] Viết văn với ... cây búa: Nguyễn Hưng Quốc. Việt. Số 3, 1999.
[2] Chủ nghĩa phản-trí thức trong văn học Việt Nam: Nguyễn Hưng Quốc. Hợp Lưu, số 53, 2000.
[6] 1) Mùi đu đủ xanh: Trần Anh Hùng. Goldene Kamera, Cannes, 1993. 2) Cyclo: Trần Anh Hùng. Goldene Loewe, Venedig, 1995. Ba Mùa: Tony Bùi. Grand Jury Prize & Audience Award, Sundance Film Festval, USA, 1999.
[7] Xem các bài viết xoay quanh đề tài "Chủ nghĩa phản-trí thức trong văn học Việt Nam" của Nguyễn Hưng Quốc. Hợp Lưu, số 50, 2000. "Coi trọng trình độ văn hóa phải chăng là "phản trí thức"": Hoàng Ngọc Hiến, "Bàn thêm với ông Nguyễn Hưng Quốc về bài "Chủ nghĩa phản trí thức trong văn học Việt Nam": Nguyễn Thanh Sơn. Hợp Lưu số 52, 2000.
[8] Đường mưa nho nhỏ, anh theo Ngọ về ... : Hoàng Nguyên Nhuận. Văn Học số 161, 1999. Tr. 3-13.
[9] Chân Dung và Đối Thoại: Bình luận văn chương của Trần Đăng Khoa. Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, 1999. Tr. 59-72.

CHIA BUỒN

Họa sĩ NGỌC DŨNG
vừa từ trần lúc 3giờ 25 phút ngày thứ 6 tháng 7 năm 2000
tại nhà riêng vùng Springfiel, Virginia vì bạo bệnh,
hưởng thọ 68 tuổi.

Chúng tôi, các văn nghệ sĩ thuộc nhiều thế hệ
xin thành kính chia buồn cùng gia đình cố họa sĩ.
Cầu mong linh hồn người quá vãng sớm tiêu diêu miền cực lạc.

Thái Tuấn, Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên,
Cung Trầm Tưởng, Cung Tiến, Nhật Tiến,Nguyễn Đình Toàn,
Nguyễn Mộng Giác, Khuất Duy Trác, Nguyễn Xuân Hoàng,
Du Tử Lê, Đỗ Ngọc Yến, Đỗ Quí Toàn,
Nguyên Khai, Hồ Thành Đức & Bé Ký, Đinh Cường,
Lâm Triết, Lê Tài Điển, Nguyễn Trung, Hồ Hữu Thủ,
bà Nghiêu Đề, Trịnh Cung, Cao Bá Minh, Hà Quốc Huy,
Nguyễn Đình Thuần, Ann Phong, Văn Moch,
Nguyễn Văn Trung, Hồ Anh, Phan Nguyên, Huỳnh Hữu Ủy
Nguyễn Đồng & Nguyễn Thị Hợp, Trịnh Cung
Nguyễn Hữu Trí, Bùi Bảo Trúc, Lê Văn, Nguyễn Văn Khanh,
Phó Ngọc Văn, Khánh Trường...



Mười hai tác giả, một chủ đề:
Nhà Cho Thuê

- Dã Tượng
- Mai Ninh
- Eric Nguyễn Việt
- Nguyễn Thị Ngọc Nhung
- Trần Vũ
- Trân Sa
- Phan Nguyên
- Miêng
- Nam Dao
- Phan Thị Trọng Tuyến
- Thường Quán
- Phùng Nguyễn



Dẫn nhập

Trong một thư riêng gửi chủ biên Hợp Lưu, nhà văn Trần Vũ nhận xét: "*... tình hình sáng tác thiếu hăng say đã lâu, một trong những khó khăn lớn vì người viết ở quá xa nhau, ít gặp gỡ trao đổi, ít độc giả, thiếu phong trào, và đặc biệt có một dạo tất cả các nhà văn đều hơi... chùng. Thật ra chưa chùng hẳn nhưng không còn bị văn chương khiêu thích, và giảm nhiều say mê...*"

Nhân một buổi họp mặt gồm năm bảy anh chị em cầm bút tại Paris, Trần Vũ có đề nghị các tác giả thử bày một "cuộc chơi" nhẹ nhàng, để khiêu thích và thắp lại ngọn lửa say mê, bằng cách chọn một chủ đề và cùng viết về chủ đề ấy. Đề nghị của anh được mọi người tán thành.

Hợp Lưu là "vùng đất hoang dã" (chữ của nhà văn Trần Vũ) được chọn làm "thí điểm".

Để "cuộc chơi" mang màu sắc vui tươi, thoải mái, và gần gũi quen thuộc với tác giả lẫn độc giả, các nhà văn trong buổi họp mặt nhất trí chọn **"Nhà Cho Thuê"** làm chủ đề. Theo họ, trong cuộc đời mỗi người, ai cũng từng trải qua chuyện đi thuê nhà với nhiều bất ngờ, phiền toái, rối rắm và những mối tình không định trước...

Nói cách khác, đi thuê nhà là một hành động tiểu thuyết.

Như bất cứ "cuộc chơi" nào, các thành viên tham gia phải tuân thủ một vài nguyên tắc.

1) - Cốt truyện giới hạn không quá ba nhân vật: nhân vật chính thuê nhà luân phiên chung với một người nam hay nữ, không rõ mặt,

không biết là ai, không có contact direct, không được gặp gỡ, lâu dần bị cuốn hút ám ảnh bởi người vắng mặt, yêu, giận, ghen, ghét tùy ý. Địa lý xảy ra bất cứ nơi nào, thời gian vô hạn định. Phái tính không cố định. Kết truyện cấm happy end. Nhân vật phụ tùy tác giả. Tình yêu đồng tính, khác tính, loạn luân... Tự do tuyệt đối.

2) - Câu văn nhập đề sẽ là “Nhà xoay lưng...”, sau đó, muốn dẫn truyện thế nào tùy ở trí tưởng tượng, tài năng và phong cách của mỗi tác giả.

Chúng tôi hy vọng tập hợp này sẽ là bước đầu, để trong tương lai, nhiều tập hợp khác, với nhiều chủ đề hấp dẫn hơn, sẽ được khai mở, hầu tạo cho văn chương hải ngoại một sinh khí mới, từ nhiều năm qua vốn trì trệ và quẩn quanh trên những đường mòn không lối thoát.

Tuy thời gian khá gấp rút - nếu tính từ ngày gợi ý của nhà văn Trần Vũ được tán thánh đến lúc Hợp Lưu đúc kết bản thảo - chúng tôi vẫn lạc quan tin rằng độc giả sẽ hài lòng với thành quả đạt được. 12 truyện ngắn của 12 tác giả tham dự “cuộc chơi” đều trên trung bình. Nhiều truyện hay, nhiều truyện rất hay. Và đặc biệt, dù chỉ xuất hiện lần đầu, hai tác giả Eric Nguyễn Việt và Dã Tượng đã khẳng định sự vững vàng của họ qua bút pháp mới mẻ và tinh tế.

Nhân đây, Hợp Lưu gửi lời xin lỗi đến rất nhiều nhà văn khác Hợp Lưu rất muốn mời tham dự “cuộc chơi”. Nhưng các tác giả bày cuộc đã bảo mật công việc của họ đến phút chót. Lúc Hợp Lưu hay tin, cũng là lúc nhận được chồng bản thảo thành quả, nên không thể làm gì khác hơn ngoài việc trân trọng tiếp nhận lòng ưu ái của họ.

Đó cũng là lý do Hợp Lưu phải tạm gác lại nhiều sáng tác của nhiều nhà văn nhà thơ trong, ngoài nước gửi đến từ trước. Chúng tôi sẽ sử dụng cho số sau.

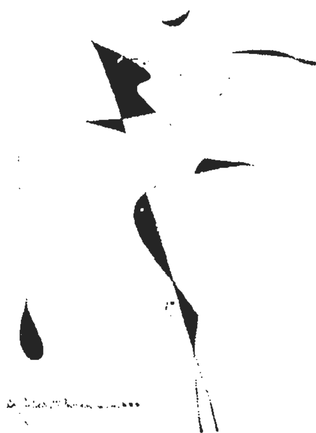
Mời độc giả cùng đi... thuê nhà với các tác giả, qua những trang kế tiếp.

HỢP LƯU



DÃ TƯỢNG

Phép lạ, Venezia *



Nhà xoay lưng vào con kênh nước lờ lờ rêu xanh xám uốn mình đến chân cầu thì cụt đầu. Mấp mé bờ nước, bóng mặt sau dẫy nhà vòng chân kênh chòng chành những bức tường. Mầu đủ gam, tường từ trắng bóc chuyển sang vàng tươi, hồng đậm rồi xanh dương cho đến nâu nhạt. Mỗi khi có *gondola* chèo qua, nước sóng sánh dọa sắp tràn vào làm thềm nhà nhìn xa như nhấp nhổm nhẩy. Giuseppe mở cửa sổ, tay chỉ xuống, miệng nói :

- Đến đấy là kênh tắc lại...
- Thế thì là nước tù. Thảo nào có mùi.
- Chịu, già này quen, chẳng ngửi thấy gì nữa. Có thể thế thật.

Lẹt quẹt đi đến cửa, Giuseppe ngoái lại :

- Đừng quên nhé, hễ họ gọi thì cô trả phòng. Có thể mai mốt. Cũng có thể lâu hơn thế, một hai tuần. Tôi sẽ xếp cô vào căn phòng lầu dưới. Phòng nhỏ, không có nhà tắm, nhưng bớt mỗi ngày trăm nghìn lira.

Tay để trên núm cửa, Giuseppe cười, miệng móm mém không một chiếc răng:

- Tên cô bé là gì nhỉ ?
- Marie-Madeleine.

Cô gái để vali xuống, tay mở cửa tủ quần áo, nhanh nhẩu :

- Già cứ gọi là Mad, cho gọn.

Giuseppe ra, miệng đùa :

- Tiếng bọn Hồng Mao, Mad là điên đấy...

Cánh cửa phòng đóng lại. Thở phào, Mad đặt mình lên một trong hai chiếc giường con, mắt nhìn lên bức tượng đối diện có Chúa trên cây thánh giá treo trên cao tròng trọc nhìn lại. Mad tuột váy, tay lần khuy áo, cởi xú chiêng vứt vào góc giường rồi nằm úp mặt xuống thiếp ngủ.

Khi chuông nhà thờ inh ỏi đồng loạt cất lên, Mad nhỏm dậy. Vào phòng tắm, Mad rửa mặt và thoáng thấy nếp chân chim trên khóe mắt. Nàng hốt hoảng. Ra ngoài cạnh cửa sổ, Mad nhìn xuống kênh nước đang ngả sang màu đêm lấp loáng phản chiếu ánh đèn nhóm lên từ những căn hộ nằm dọc vây quanh. Đêm xuống. Đêm trở về như người tình muôn thuở. Xỏ vội chiếc quần Jean, Mad chạy ào xuống.

Giuseppe ngửng đầu, móm mém :

- Ngủ được một giấc rồi nhỉ ?
- Dạ. Già có bản đồ thành phố này không ?
- Ờ... Có. Nhưng tôi cho cô bé mượn thôi. Không có nó, cô đêm nay chắc lạc.

Giuseppe vào lục lọi. Mad nhìn căn phòng nằm sát lối vào. Đủ thứ gỗ chất thành đống. Máy tiện. Máy bào. Máy cưa. Toàn là hiệu Black & Decker. Giuseppe ra, lại móm mém :

- Nhớ vết gạch đỏ là chốn trọ này. Cô đến cuối đường Santa Ursula là rẽ. Rẽ trái.

Chìa tay cầm tấm bản đồ, Mad hỏi :

- Già làm gì với những thứ ngổn ngang này - tay chỉ vào đám cưa, bào và đống gỗ nằm trong phòng, Mad lơ lửng - Già đóng bàn ghế?
- Ờ... xưa thì thế. Tôi là thợ mộc. Nhưng giờ khác, làm tượng gỗ bán cho du khách.

Đẩy nhẹ Mad vào phòng, Giuseppe xì xào :

- Đấy ! Mỗi bức tượng là hai trăm nghìn lira. Bây giờ bán chạy là tượng La Pieta với Đức Mẹ ôm Chúa khi hạ Người từ thập tự xuống. Mỗi ngày, quen tay có thể làm từ hai đến năm tượng.

Đảo một vòng mắt, Mad bảo :

- Thế ra người ta cũng làm tiền được với thiêng liêng.

Giuseppe nghiêm mặt sẵng giọng :

- Tôi chỉ là một tay thợ mộc già bị kỹ nghệ đồ gỗ hiện đại chôn sống. Bán hình tượng thánh thần lương thiện hơn bán súng hay

bán ma túy.

Mad rúc lên cười, giọng thương hại :

- Nhưng không làm giàu được...

Khi Mad ra đến cửa, Giuseppe với gọi :

- Lấy *gondola* mà đi vào trung tâm. Cô bé ra chân cầu là có, thằng Pietro đợi khách ở đấy.

*

Vừa khua chèo, Pietro vừa hát : " *Venezia per l'eternita. Venezia che piace a me...* ". Thuyền lách vào những con lạch hai bên bờ đèn nhà thấp thoáng hắt lên mặt nước bóng nhẫy thứ ánh sáng lung linh mờ ảo của những ngọn nến sắp lụi. Nghe Mad hỏi, Pietro bảo ăn ở Bistrot Calle dei Fabri rẻ, lại có chất lượng. Nhất là món risotto al vongola, thứ cơm hến chỉ đấy mới có. Mad nhếch môi :

- Thế sau đó, có gì vui ?

- Muốn tìm vui thì Venezia là địa đàng. Cô em mua vui kiểu nào...

Mad liếc, ỡm ờ :

- Kiểu vui nhất, quên đi tất..

Pietro cười trong họng, nháy mắt :

- Cứ ra Piazzetta San Marco, chỗ đó nhộn. Khoảng mười giờ tối thì đến Café Blue trên đường Dorioduro. Nhạc Jazz chơi suốt đến sáng...

Thuyền cập bến. Mad đứng lên chòng chành rồi suýt ngã nhưng Pietro chụp nắm lại được. Chàng ta cười, hàm răng ánh màu trắng thoa lân tinh. Mad nhảy lên bờ, quơ tay vẫy, nghe tiếng Pietro reo " *Ciao* " rồi hát rống lên " *Ciao, Ciao bambina...* ".

Mad bước qua cầu Paglia dọc mé tây lâu đài Doge, mắt dán vào những vòm cung vàng chóe dưới ánh đèn rọi từ sân lên. Đi thêm chừng trăm thước, cây cầu của Những-tiếng-Thở-dài bất chợt hiện ra. Mad mơ hồ thấy bóng dáng hàng trăm người mặt cúi gằm xuống như những kẻ gần một nghìn năm trước đã bước qua khi vào hầu tòa xử những con chiên dị giáo. Một nỗi đau đến chặn ngang yết hầu rồi ép xuống ngực khiến Mad loạng choạng mất thăng bằng. Vội vàng vòng ngược lại, nàng bước như chạy, an tâm khi thấy tượng San Teodoro vẫn còn con rồng bằng đồng thau uốn bên cạnh nằm bảo vệ.

Ăn tối xong, Mad thả bộ lững thững giữa đám bộ hành đi về phía Piazza. Trời đêm đầy sao, gió lồng lộng và tiếng nói cười rân ran tràn ra khỏi những quán rượu ồn ào. Đến trước cửa Café Blue, Mad sững sờ

khi Pietro chạy lại :

- Tôi đợi đấy !
- Thuyền đâu ? Đợi tôi à ?
- Dĩ nhiên ! Ai lại để người đẹp cô đơn.

Một tay còn trẻ hình như có quen biết Pietro đi ngang cợt nhả rú lên *Io t'amo, come sei bella,* tôi yêu em, em đẹp làm sao. Ngó lơ, Pietro tiếp :

- Thuyền neo rồi. Hết giờ làm việc tôi ra đây để mời cô em một ly rượu. Tôi muốn cô em thật vui...

Mad cười, lắc đầu. Pietro đã bỏ cái áo thun trắng kẻ ngang những vạch xanh lơ và chiếc khăn quàng màu đỏ buộc cổ khi chèo *gondola*. Vòng tay, Pietro khẽ kéo Mad, miệng nói :

- Hôm nay là retro nhạc của Louis Amstrong. Vào nhé !

Mad ngần ngừ :

- Thôi. Hôm khác đi. Mới tới Venezia nên tôi còn mệt - nhìn vào Café Blue, Mad tiếp - Trong đó lại đầy khói thuốc, nhức đầu lắm.

Pietro láu lỉnh :

- Thì đi. Đi dạo vậy. Ta ra Thánh Đường San Marco nhé.
- Ừ ! Nếu nơi đó ở trên lối về khu tôi trọ...

Hai người thủng thỉnh bước. Tiếng saxo dần dần xa lắng. Họ đi ngang Thánh Đường. Ngừng chân nhìn tháp chuông cao đến trăm thước, Mad buột miệng :

- Thật là kỳ công !

Pietro nói quen kiểu hướng dẫn du lịch :

- Tháp xây ở thế kỷ mười lăm. Phần dưới là tuyệt tác của Sansovino. Ảnh hưởng nghệ thuật Byzantine, nhưng chính vẫn là cái đẹp nhìn bằng mắt người bản xứ Venezia...
- Cái gì đẹp mới tồn tại. Xấu, chẳng ai giữ.

Pietro bật cười :

- Trừ những cái xấu che đậy được...

Bỡ ngỡ, Mad ậm ừ. Đi ngang qua khúc đường đá bị cậy lên xếp đống, Pietro cúi xuống nhặt rồi quăng một viên to bằng nắm tay đi, chặc lưỡi :

- Đường này cứ chữa đi sửa lại mãi.

Tiếng đá choang nhau nghe sắc nhọn như cứa đứt một mảng trí nhớ chợt tóe máu. Mad hoảng hốt đưa hai tay lên bịt tai. Nàng bỗng thấy chập chùng xoay quanh là người. Kẻ răng nghiến kèn kẹt, tay nắm đá. Kẻ nguyền rủa gào lên, mắt đỏ au mầu điên dại. Ném, ném cho chết con đàn bà tội lỗi [1]. Phải đấy, cứ ném. Mad co người mắt nhắm nghiền, thân thể lạnh tanh tê liệt. Nhưng bỗng có tiếng nói

vẳng lại, uy nghiêm từ tốn " *...ai là kẻ biết mình không có tội trước Chúa Trời thì cứ ra ném đá trước đi !* ". Mad đợi. Lúc sau, Mad mở mắt. Không, không còn một ai hết. Trừ Pietro ngây người đang đứng nhìn.

*

Sáng hôm sau, Mad tỉnh giấc khi nghe tiếng gõ lọc cọc nhà dưới. Nắng lỗ chỗ qua tấm màn cửa xua động hé ra đón mời ánh lung linh sắc hanh vàng đang lẻn vào. Choàng tấm áo khoác, Mad xuống thang, ghé nhìn.

- *Ciao* ! Giuseppe vẫn cặm cụi đẽo
- *Ciao* ! già có cà phê chứ ?

Không đáp, Giuseppe đứng lên. Mad ngồi xuống, khuỷu tay để lên bàn, đầu còn thoáng nặng những giấc mơ đêm. Mang ra một tách café và rổ bánh mì, Giuseppe vui vẻ :

- Cà phê expressio đấy. Cô bé ngủ ngon không ?

Mad lắc đầu. Giuseppe cười :

- Chắc lạ chỗ ?

Mad nghĩ đến không biết bao nhiêu chiếc giường lạ trong những căn phòng lạ với những người lạ chỉ thoáng gặp rồi quên ngay ở Amsterdam. Nàng lại lắc đầu, miệng kể lại nỗi sợ những hòn đá lát cậy lên chất đống bên đường. Giuseppe gật gù :

- *Đừng phán xét, nếu không muốn người khác phán xét mình.* Chuyện đó xưa rồi. Ra biển đi, sóng vỗ là sạch ngay những cơn ác mộng. Mà này, họ gọi điện rồi. Trưa nay tôi dọn phòng cho, cứ yên trí đi chơi...

Mad cám ơn rồi lên thay quần áo. Nàng vòng ra chân cầu. Pietro cười, nhưng ngượng nghịu :

- Tối qua tôi làm gì mà cô vội chạy về thế ? Có sao thì cho tôi xin lỗi, hiểu lầm nhau chăng ?

- Không, anh có làm gì đâu. Chẳng qua là tôi bỗng sợ những cục đá, thế thôi !

Pietro đẩy thuyền tách rời bờ kênh.

- Tôi đưa ra bến *Vaporetto*. Từ đó, đi Murano chỉ quãng nửa giờ.

Mad im lặng. Trầm ngâm, Pietro bỗng thốt lên :

- Karl nó cũng sợ những cục đá. Nhưng sợ thì sợ, nó nhất định không thay đổi.

- Karl là ai ?

Nhìn đăm đăm về phía biển, Pietro không đáp. Một lát sau,

Pietro thốt :

- Giá chừng đá để xây đền đài nhỉ ! Còn ném, tội cho Karl, nó vụng về chẳng làm sao tránh được...

Mad lại gặng :

- Ai ném đá ? Karl là ai ?

Lúc đó, thuyền cặp vào bến. Pietro không đáp, chỉ lên bờ :

- Đấy ! Đi mua vé đi. Nhớ mua cả đi lẫn về rẻ hơn.

Nhảy lên bờ, Mad vẫn còn tò mò nhưng kìm lời, không nói gì thêm. Trên *vaporetto*, Mad bâng khuâng nhìn về phía đất liền. Nhà cửa Venezia bồng bềnh, lắm lúc chao đi như sắp chìm dưới những đợt sóng nhấp nhô sau mũi tầu đang băng băng ra đảo.

Nằm phơi nắng nửa ngày, da dẻ bôi dầu đã ửng hồng. Mad quơ chai nước tu ừng ực, tay gạt mái tóc rủ xuống má rồi thả bộ đi vào xưởng thổi thủy tinh. Nàng chọn mua một cái bình cắm hoa. Bình mang dạng trái tim người lộn ngược, màu hồng nhạt có những tia đỏ như tia máu. Cô bé bán hàng quen nói ngọt với khách du lịch, vừa gói, vừa kêu : " Very beautiful ! And cheap..."

Mad về đến chốn trọ lúc xế nắng. Già Giuseppe hỏi :

- Vui vẻ chứ ? Mua gì thế cô bé ?

Mở gói, Mad chìa chiếc lọ cắm hoa ra. Giuseppe trầm trồ, rồi đưa Mad vào căn phòng nằm góc trong, cửa sổ nhìn ra vườn có trồng một loài hồng vàng, hoa to bằng nửa bàn tay. Mad reo :

- Cho tôi vài bông nhé !

- Ừ ! Để bù cái phiền nhiễu dọn phòng.

Khi Mad cắm những bông hồng vào bình, nàng sửng sốt thấy nước trong bình hoa từ từ đỏ xẫm. Thất thanh nàng gọi Giuseppe. Ông già thản nhiên :

- Máu trong tim phải đỏ chứ !

*

Trong phòng, Mad nghe loáng thoáng tiếng đàn bà :

- Họ bảo là có thể mai. Chậm lắm là mốt...

Giuseppe đáp :

- Hy vọng là thế. Ai cũng mong vậy thôi. Đợi thế là quá lâu rồi. Hai nghìn năm có lẻ...

Rồi tiếng chân. Tiếng Giuseppe dặn với :

- Này, Maria... Lấy chiếc điện thoại cầm tay mang lên.

Mad tò mò mở vội cửa. Nàng chỉ thấy hình bóng một chiếc áo

choàng trắng muốt thoắt lên thang. Khi Mad bước ra, cửa phòng trên vừa đóng lại. Nàng lân la đến cạnh Giuseppe. Ông ta vẫn cắm cúi chạm bức tượng, miệng bâng quơ :

- Hắn tài thật. Trên cẩm thạch mà hắn tạc còn sống hơn là tôi chạm gỗ...

- Ai ?

- Michelangelo. Cô bé thấy bức tượng La Pieta ở Roma chưa? Maria không nước mắt mà nhìn như khóc. Còn Gesu thì thở hắt ra...

Mad lảng chuyện tạc tượng, ướm lời :

- Khách trọ mới tới những hai người cơ à ?

- Hai mẹ con. Anh con yếu lắm. Tôi biết họ từ lâu lắm rồi - Giuseppe lại cúi nhìn bức tượng - và tôi cứ nhắc anh ta là phải cẩn thận.

Mad hỏi :

- Cẩn thận ? Cẩn thận thế nào ?

Không đáp, già Giuseppe nâng bức tượng lên ngắm. Mad lại hỏi:

- Già có biết Karl không ?

Trước ánh mắt ngạc nhiên của Giuseppe, Mad tiếp :

- Pietro có nhắc đến Karl sáng nay...

- À ! Biết. Karl cũng là một kẻ không cẩn thận gì. Hắn thách đố đám lạc đà chui qua cái chôn kim. Thế là đại họa tới...

- Đại họa ?

- Ừ ! Bởi hắn chỉ biết kêu gọi bộ não. Còn trái tim, hắn cứ tưởng là ai cũng có. Hắn nhầm. Trong khi đó thì Gesu đi kêu gọi trái tim để thể hiện công chính.

Mất kiên nhẫn, Mad hỏi thẳng :

- Họa vì ném đá ?

- Ờ ! Ném bằng nhiều cách. Và không chỉ đá. Bây giờ có đủ loại bom A, bom H, và hỏa tiễn tầm ngắn tầm dài, thậm chí liên lục địa... Phế phẩm là phế phẩm ô nhiễm phóng xạ nguyên tử...

Bỗng có tiếng Maria hoảng hốt gọi. Giuseppe chạy vội lên. Chưa kịp về phòng, Mad nghe tiếng chân xuống thang. Giuseppe dặn với lại :

- Cô bé, coi chừng hộ. *Cứ gõ, cửa sẽ mở.*

Khi Mad ra đến cửa thì bóng Maria và Giuseppe vừa khuất ở ngõ rẽ cuối đường. Căn nhà trọ bỗng như chìm vào một cõi lặng yên đầy bấp bênh. Mad lắng nghe. Có tiếng thở khò khè. Tiếng rên. Tiếng lết trên sàn gỗ. Và có tiếng người ngã xuống sàn. Mad chạy lên. Tay nàng run run nắm vào núm cửa xoay một vòng. Núm cửa cứng ngắc.

Nàng lấy hết sức xoay thêm. Vô ích. Nàng gõ, cửa không mở. Nàng kêu : " Mở ra ! Mở cho tôi ! ", rồi lại vặn. Núm cửa vẫn bất động. Vẫn đâu đó tiếng rên nhè nhẹ, yếu ớt, thều thào một chuỗi thanh âm chữ còn chữ mất.

Mad tông cửa nhà trọ chạy ra đường. Đến chỗ ngoặt, nàng không thấy cả Maria lẫn Giuseppe. Mad chạy ngược về, vồ lấy điện thoại quay số cấp cứu, cố gắng cho địa chỉ bằng thứ tiếng Ý bập bẹ. Rồi nàng khuỵu chân nhũn người ngồi xẹp xuống.

Tiếng hú xe cứu thương, tiếng người lao xao. Mad chỉ tay lên lầu, và tiếng chân chạy lên thang rầm rập. Rồi tiếng tông cửa. Đúng lúc đó, Giuseppe và Maria về. Y tá đã đặt Gesu lên cáng cứu thương khênh xuống. Có một sức mạnh vô hình kéo Mad lên. Nàng đi lại, mắt nhìn vào người bệnh nhưng bị che nên không thấy mặt, chỉ loáng thoáng một hàm râu quai nón nâu vàng. Mad rùng mình có cảm giác như ai đó đang nhìn nàng. Cặp mắt trong vắt thủy tinh xuyên suốt vào cả hồn lẫn xác Mad. Cặp mắt trìu mến nhưng lại không một chút gì ràng buộc. Cặp mắt bao la nhưng sao cứ dành cho Mad một góc riêng tư. Mad biết đó là một cặp mắt nàng chưa bao giờ thấy. Dẫu nàng đã nhìn cả nghìn người đàn ông có đủ hai mắt hau háu thèm thuồng ở Amsterdam trong những đêm dài nồng nặc hơi người và mùi rượu mạnh.

*

Giuseppe chồm lên cầm máy khi chuông điện thoại reo. Vẻ mặt trầm trọng thư giãn dần. Nụ cười thoáng qua môi, Giuseppe nhắc đi nhắc lại " Si, si... ". Hai ngày qua, Mad mới thấy ông già lại cười, hỏi:

- Tin Gesu thế nào ?

Pietro vội vã :

- Thế nào ? Tốt chứ hả già ?

Giuseppe gật gù thủng thỉnh :

- Ghép rồi ! Giải phẫu mất gần mười tiếng. Bác sĩ bảo thành công trăm phần trăm - già ngồi xuống, chép miệng - Nhưng còn xem có phản ứng thứ cấp nào không. Maria bảo chắc còn phải ở nhà thương vài tháng...

Uống ngụm nước, già Giuseppe tiếp :

- Tim của Karl còn khỏe lắm, nhưng vẫn phải kiểm tra hàng ngày phòng triệu chứng thải hồi.

Mad ngạc nhiên :

- Tim của Karl ? Karl nào ?

Pietro đáp :

- Thì còn Karl nào ! Hắn bị ném vào sọ, não hỏng nhưng tim thì vẫn tốt, và chỉ trái tim đó mới tương ứng với Gesu. Mặc dầu Karl cứ bảo hắn là người ngoại đạo...

Đứng lên, già Giuseppe nhìn Mad :

- Cô bé, nếu muốn quay lại phòng trên lầu thì cứ bảo. Còn lâu Gesu mới về. Chú Pietro, chiều chiều ta đến nhà thờ Santa Maria de la Sallute cầu nguyện nhé.

Giúp Mad mang vali lên lầu, Pietro xuống hẹn với Giuseppe rồi lại ra chân cầu. Mad đặt bình hoa lên bàn, lùi xa ngắm những bông hồng vàng, mũi thoáng một mùi hương nồng là lạ. Nàng ra mở cửa sổ, hít đầy không khí vào lồng ngực. Tưởng là mùi nước kênh lờ lờ rêu, Mad ngạc nhiên chỉ ngửi mùi hương kia ngây ngất. Quay vào, những bông hồng vàng đang chuyển sang màu đỏ thẫm. Đâu đây cặp mắt vô hình trong vắt thủy tinh xuyên suốt phần hồn lẫn phần xác Mad đã thấy một lần bỗng như đang nhìn nàng. Tự nhiên, Mad thấy ấm an bình dị. Lòng nàng bỗng là rạch nước ròng chảy xuôi xuống nhân gian với nỗi thương yêu rộng bằng cả bầu trời xanh ngắt trên cao. Nước mắt ứa ra, Mad khóc hạnh phúc rồi chìm đắm vào một giấc ngủ thơ trẻ. Bay lượn như bướm, nàng đập cánh sà xuống những đọt cây mới nẩy mầm rồi chao nghiêng trên một ruộng hoa Mỹ-nữ đỏ rực vừa nở rộ. Đằng sau, vẫn cặp mắt trìu mến kia bao bọc.

Mad bừng dậy khi có tiếng Pietro nhà dưới. Xỏ vội quần Jean rồi chui vào chiếc pull màu than đen, Mad chạy xuống nói :

- Cho tôi đi với.

Giuseppe ngạc nhiên, nhưng lẳng lặng gật đầu. Cả ba bước ra đường khi nắng đã xế ngang đỉnh tháp chuông Thánh Đường San Giovanni. Không nói, họ lầm lũi bước. Qua cái cầu bắc ngang con kênh Santa Anna, tiếng nhạc trên không trung bỗng rộn rã một lát rồi im bặt. Mad nhìn quanh. Thành phố bây giờ không còn một bóng người, vắng lặng hoang vu, chao nghiêng đi rồi từ từ chìm dần trong nước. Chỉ còn độc những con bồ câu bất động trên quảng trường lát đá, thôi không gù, bỏ mặc những vụn bánh tứ tung văng rãi. Trên cao, hàng trăm vì sao chuyển sang mầu đỏ lừ đang từ từ xà xuống. Ngửng nhìn, già Giuseppe giục đi nhanh. Cửa nhà thờ Santa Maria de la Salute đã mở từ lúc nào. Cả ba bước vào, quì gối làm dấu thánh. Trên cao, Đức Mẹ bình thản lắng nghe tiếng cầu kinh Kính Mừng " *... khi nay vào trong giờ lâm tử. Amen* ".

Bỗng Pietro vùng đứng dậy, tru lên như bị quỉ ám :

- Chết ! Cạm bẫy của bầy lạc đà đã mua được Sa-tăng đang

chăng ở đây. Thôi, không được nữa, muộn mất. Chúng nó dùng thiết xa cán nát những cây kim rồi vào chiếm cả thiên đường rồi !

Mặc cho già Giuseppe đuổi theo gọi lại, Pietro cắm đầu chạy. Già quay vào, nhìn Mad, giọng buồn buồn :

- Sáng nay, gà chưa gáy. Cứ để cho chối thì cũng chẳng quá ba lần[2] !

Giuseppe quì gối, rồi lại tiếp tục cầu :

- " *Kính mừng Maria, Đức Mẹ Chúa Trời cầu cho chúng tôi là những kẻ có tội...* ".

Mad kẹp cánh tay già Giuseppe bước ra khỏi nhà thờ vào lúc trời xập tối. Bây giờ, khác hẳn. Thành phố Venezia lại trở lại tấp nập người trong đèn đuốc sáng choang. Giữa tiếng cười tiếng nói ầm ĩ, hàng đoàn du khách Nhật Bản nối đuôi theo nhau như một đàn cừu, con nào con nấy đưa máy Nikon lên ngang mắt bấm xoành xoạch.

*

Sau khi mang vali xuống tầng dưới, Mad rón rén mở cửa bước ra ngoài lúc trời mới rạng. Nàng thả bộ đến khúc Kênh chính, từ đó nhìn xuôi thấy biển. Mặt trời lừ lừ leo lên từ mặt nước tít tắp chân mây, ráng đỏ nhấp nhoáng trên sóng nước dập dềnh. Gió sớm mơn man những sợi tóc thả bay và vị muối mặn thoảng đó đây như nhắc nhở những cánh buồm neo lại là còn những chuyến lãng du chờ đợi. Mad tự hỏi, thì đi, nhưng đi đâu ? Không lẽ lại về Amsterdam ngồi vắt chân trong lồng kính, với những đêm màu hồng đầy khói thuốc và những lời trả giá mặc cả một cuộc vui chốc lát ? Mad vuốt mặt ê chề, tay mân mê những nếp nhăn đã hiện ra khóe mép. Bỗng có ai đó nói *Cứ cầu, cầu sẽ được !* . Mad nhìn quanh. Vẫn vắng lặng. Vẫn không một bóng người. Mad nhắm mắt. Lại tiếng nói. Và nàng cầu, lời cầu theo gió bay bổng.

Lững thững quay về chốn trọ, Mad đẩy cửa bước vào. Nàng nghe tiếng chân nhè nhẹ bước lên thang. Maria vẫn choàng chiếc áo trắng đưa tay đỡ đằng sau. Phía trước, ai đó bước lên, chân trần lấm bụi. Nàng ngước nhìn. Lại cặp mắt trong vắt thủy tinh ngoái lại. Và cái cười trìu mến. Mad gọi tên Gesu khi cửa phòng mơ hồ đóng lại.

Già Giuseppe từ phòng đi ra. Mad giọng kinh ngạc hỏi :

- Gesu về rồi à ? Thế là mới hai ngày. Làm sao có thể ra nhà thương sớm thế ? Ghép tim chớ có phải là mổ ruột thừa đâu.

- Phép lạ. Người làm ra phép lạ cho chúng ta thấy để giữ lòng tin.

- Tin gì ?

- Tin là còn gì đó hiện hữu ngoài cái nhìn được trong cái thung lũng ngập nước mắt thế gian.

Mad mừng rỡ kêu rồi tông cửa xô ra :

- Tôi tìm Pietro. Hắn bất tất phải sợ bọn lạc đà !

Cắm đầu, Mad chạy ra chân cầu. Pietro không ở đó. Mad vòng lại góc phố, rẽ vào Santa Ursula, con đường có đá lát cậy lên xếp thành đống. Cứ thế nàng chạy, miệng gọi tên Pietro. Trước mắt Mad, đám đông vòng trong vòng ngoài vây quanh một người đứng trên bục gỗ. Hắn tầm thước, đầu đội chiếc mũ dạ hình quả dưa, cổ thắt nơ, mặt xồm xoàm râu đen nhanh nhánh. Hắn nói thao thao bất tuyệt. Mad lách vào, bỗng có người nắm cánh tay. Quay lại, Mad nhận ra Pietro. Kéo Mad ra, Pietro thì thào :

- Coi chừng chúng nó sắp ném đá !

Khi ra đến vòng ngoài, Pietro nói nhỏ :

- Karl đấy. Không hiểu làm thế nào nó đã hiến trái tim rồi mà vẫn sống. Lại sống như thường, chẳng phải là hôn mê bệnh hoạn như trong nhà thương...

Mad vội vã ngắt :

- Còn Gesu, về nhà trọ rồi. Giuseppe bảo thế là phép lạ.

- Phép lạ. Có nhẽ thật !

Mad lại kéo tay Pietro lách vào đám đông. Karl hùng hồn :

- " ... trên quả địa cầu môi trường ô nhiễm, tài nguyên cạn kiệt. Để hai trăm con lạc đà kiểm soát quá nửa tài sản cả thế giới này sao ? Hãy nghe tiếng khóc những đứa bé ở Sierra Leone, ở Ethiopia. Hãy nghe tiếng súng ở Liberia, ở Rwanda, ở Birmania... Những tiếng khóc và tiếng súng ấy là giá chín mươi lăm phần trăm nhân loại xác xơ đang trả cho bọn lạc đà ".

Mad nhìn vào cặp mắt Karl. Lạ thay, đó là cặp mắt trong vắt thủy tinh. Pietro lẩm nhẩm rồi nhặt một hòn đá cầm tay ra xếp vào chân bức tường nhà thờ bên cạnh lề đường. Mad nhìn. Hình như có tiếng gà gáy khiến những gì trước đấy đều có thể đổi thay được cả. Nàng bắt chước cúi xuống nhặt đá bước đến làm hệt như Pietro. Rồi một người. Rồi hai người. Cứ thế, họ cùng nhau đắp một bức tường đá. Và tất cả diễn ra dưới ống kính Camera Sony và tiếng bấm xoành xoạch của máy ảnh Nikon.

Mad tất tả về chốn trọ. Pietro theo sau, vừa chạy vừa kêu *allelouia*. Bước vào, Giuseppe ngước lên mỉm cười hiền hậu. Mad nhớ đến bàn chân lấm leo lên thang. Nàng lấy một xô nước. Giuseppe lại nhẹ nhàng :

- *Cứ gõ. Cửa sẽ mở.*

Khi Mad mở cửa bước vào, Maria đang đỡ một người đầu ngả lên vai, chân duỗi dài ra. Mad kéo áo thấm nước lau bàn chân lấm. Ngửng lên nhìn, nàng thấy bức tượng La Pieta bằng gỗ gụ hồng. Đức Mẹ không khóc nhưng sao mắt nhìn lại có những hàng lệ. Còn Gesu, nét mặt Người vẫn thoáng giữ nét đau của cả nhân loại đang còn tìm một nền công chính. Mad thầm kêu, đúng thế, lại phép lạ. Ở cửa phòng, Giuseppe vẫn bình thản, chặc lưỡi:

- ... không tin thì là tự tước đoạt mất khả năng hy vọng của chính mình.

DÃ TƯỢNG
Roma, 13-06-2000

* Truyện này vay mượn từ Kinh Thánh đạo Kitô, một số câu chữ nghiêng được trích thẳng từ Sấm Giảng theo thánh Mathieu. Xin nhắc sơ, Marie- Madel eine là gái chơi, xuýt bị người ném đá cho chết nếu không có lời Chuá nói. Thánh Pietro là một trong 12 vị tông đồ, kẻ đã chối Chúa khi gà gáy sáng tiếng thứ ba, nhưng về sau lại là người xây dựng nền móng đầu tiên của Nhà Thờ Thiên Chúa giáo. Chúa phán, họa cho nhưng kẻ giầu, chúng vào thiên đàng còn khó hơn cả những con lạc đà chui qua lỗ kim. Theo thống kê cũa Liên Hiệp Quốc, hiện cỡ 60% tài sản của toàn bộ thế giới nằm trong tay 200 người giầu. Còn phép lạ, cứ cho đó là sự phục sinh của những con người can đảm dám sống với lý tưởng công chính cho cả nhân loại khốn khổ này. Đó là cách nhìn của tác giả, một kẻ ngoại đạo không có ý rao giảng gì, xin nói rõ để tránh mọi ngộ nhận.



DU TỬ LÊ

Bài ngọc dũng cuối, tháng 6

tôi vẫn nghĩ, cuối cùng, người đàn ông kia
sẽ chẳng giữ cho mình điều gì
ngay những bức tranh vẽ thời tuổi trẻ
thời mầu sắc như mặt trời
nuốt chửng những vầng trăng, thiếu nữ.
bởi những điều tử tế
từ lâu, ông đã đem cho hết thẩy, mọi người,
(không chỉ riêng vợ, con, bằng hữu.)
nhưng ít gì cũng phải vài ba chục năm nữa kìa!
trái tim ông trong trẻo quá mà!
những lượng máu luân lưu cũng thơm, lành biết bao!
vậy mà, Văn Sơn Trường báo tin ông đã
đổ,
xuống.
Đinh Cường, Nguyễn Thế Toàn xác nhận ông đã
đổ, xuống.
sự đổ xuống thình lình
như tiếng hú cũng thình lình đổ xuống của một Tạ Tốn.

(tôi không tin. không tin. không tin. không tin. không tin...)

tôi vẫn nghĩ, cuối cùng, người đàn ông kia
sẽ chẳng giữ lấy cho mình điều gì
ngay những bức tranh vẽ thời luân lạc
thời mầu sắc như mặt trăng
nuốt chửng những mặt trời, thảo mộc, phố xá
bởi những điều đôn hậu

từ lâu, ông đã đem cho hết thẩy, mọi người
(không chỉ riêng vợ, con, bằng hữu.)
nhưng ít gì cũng phải vài ba chục năm nữa kìa!
tâm hồn ông như đất, vốn lành quá mà!
nụ cười ông như lá, mới xanh làm sao!
vậy mà, Văn Sơn Trường báo tin ông đã
đổ,
xuống.
Đinh Cường, Nguyễn Thế Toàn xác nhận ông đã
đổ, xuống.
sự đổ, xuống thình lình
như điều tử tế cũng đã thình lình đổ xuống
hay sự ngúm, tắt thình lình
tiếng cười Lão Ngoan Đồng!

(tôi không tin. Không tin. Không tin. Không tin. Không tin...)

tôi vẫn nghĩ, cuối cùng, người đàn ông kia
sẽ chẳng giữ cho mình điều gì
dù chỉ *một chấm đen*. *
thời *chấm đen* nuốt chửng trong bụng nó
cả một vũ trụ
(hoặc ngược lại)
bởi ngay những điều không thể cho
từ lâu, ông cũng đã đem cho hết thẩy, mọi người
(không chỉ riêng vợ, con, bằng hữu.)
nhưng chí ít cũng phải vài ba chục năm nữa kìa!
ngôn ngữ hàng ngày của ông mới đẹp làm sao!
ký ức ông khỏe mạnh, vạm vỡ biết chừng nào!
vậy mà Văn Sơn Trường báo tin ông đã
đổ,
xuống.

Đinh Cường, Nguyễn Thế Toàn xác nhận ông đã
đổ, xuống.
sự đổ, xuống của một nửa thành phố
(tôi vẫn nghĩ nơi chốn tự thân vốn vô nghĩa
nếu không có những con người tốt lành
tháp phần linh hồn cho nó.)
và, ông, (với tôi,) đã gánh vác nửa linh hồn Hoa Thịnh Đốn.

tôi không tin. không tin. không tin. không tin. không tin...
ngay khi cả Hoa Thịnh Đốn xác nhận
người đàn ông kia đã
đổ, xuống. đổ, xuống. đổ, xuống.

xin lỗi Hoa Thịnh Đốn,
xin lỗi điều tử tế
xin lỗi nửa phần linh hồn
về lời phủ nhận
không giá trị,
chẳng nghĩa gì,
của kẻ
chẳng ra gì,
như tôi,
lúc này,
chỉ ao ước được ăn, ở cùng:
Hoa Thịnh Đốn.

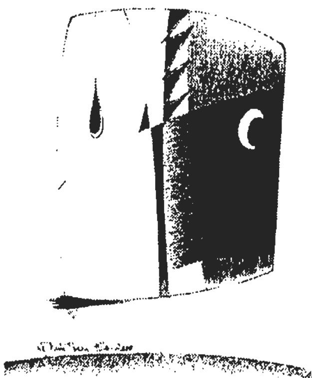
DU TỬ LÊ
(June 26 00)

(*) "*bất động ngày. Trong bất động đêm/ tự ta dẹp bỏ chỗ ngồi quen/ tự ta phát lạc ta: ly, biệt / chỉ giữ cho mình một chấm đen.*"
(Và, Ngọc Dũng, CDLHEBR, DTL, Calif., 1993.)



MAI NINH

Vách mận trắng



Nhà xoay lưng với những tiếng sấm rền ra từ vách đá. Cơn giông đã qua đây, băng suốt dãy núi cao để thẳng thừng đập xuống cả thành phố mấp mênh gần mặt biển. Căn nhà ấy, giờ này, cũng quay lưng lại với quãng thời gian không biết ngắn hay dài, yên ấm hay bão tố, mà tôi vừa cố tình đoạn tuyệt.

Hôm đầu tiên khi thuyền ghé bến, tôi còn loay hoay với chiếc vali và cây dù dài thì một cô gái cao, da nâu, môi đỏ tới gần chào hỏi. Tôi nhận ra ngay giọng nói đã trao đổi vài lần qua điện thoại để tìm căn nhà cho thuê. Càng nhớ hơn tiếng cười rung rúc của cô nàng lúc tôi hỏi liệu có thể chia thời gian thuê nhà với một người nào khác, và tiếp liền, ngay cả một người đàn ông. Cô ta vẫn cười như có tôi trước mặt :

- Già hay trẻ ?

Tôi giễu : - Vừa vừa

- A, cỡ đó hấp dẫn nhưng tính nết hay khó chịu đấy !

Rồi lại khanh khách chào từ giã.Tôi cũng thầm cười, hẳn cô này tưởng tôi có ý đồ riêng. Nhưng kệ, việc gì trả tiền cả tháng khi mình chỉ đến ở phân nửa thời gian.

Cô gái đã một tay nhấc bổng chiếc vali, tay kia hớt lấy cây dù trên tay tôi, quay quay vài vòng, chỉ vào mặt nước dập dềnh dưới bến:

- Ở đây ba tháng mới mưa một lần, tôi vứt nó xuống đây nhé. Nói vừa dứt lời, cô nàng liếc tôi cười to rồi quay người bước đi. Cặp mông tròn đánh nhịp với bờ vai đầy bưng mắt, giữa cổ áo buộc nơ và vành tóc búi cao. Tôi lững thững theo sau, hơi ngợp giữa đám đông, người đi người đến ở bến tàu. Nhưng ngửng nhìn xa hơn, bắt gặp nửa vành nắng khoanh trên đọt cây nghiêng xuống những mái ngói đỏ au, lại thoáng lòng thanh thản. Tự dưng tôi linh cảm, những ngày qua đây làm việc sẽ xảy ra điều gì đó, lạ, mới. Sao không cho được, khi trước mắt là cả một khung cảnh khác hẳn nơi tôi ở. Thành phố này mọc từ biển lên núi, vừa nhấp nhô khép mình ẩn náu lại chĩa đứng sỗ sàng. Biển xanh dưới chân chừng hoang mang, cứ chực men lên, hớp lấy những màu tường hồng đủ gam đậm nhạt.

Sau khi leo gần mấy chục bực đá mòn trũng, tôi đã theo cô gái bước vào một căn nhà rạng nắng chiều như thế. Cô ta mở tung những cánh cửa với cử chỉ mau mắn, khỏe mạnh. Tôi yêu ngay phòng khách rộng nhìn xuống sân vườn có các cây cao trơ trụi mùa đông chen chúc với những đám lá xanh ngọc suốt năm. Sau đó là vách núi. Nơi đây đất hiếm, cây cối hoa lá mọc lẫn với nhà cửa và len lấn vào đường đi ngõ ngách quẩn quanh, nhỏ hẹp. Cô gái đang huyên thuyên khoe căn nhà của bà mẹ dành cho thuê, chợt tiếng trẻ con gọi ới dưới cầu thang, vội chồm ra cửa trả lời rồi chạy xuống. Tôi chưa kịp hỏi thăm điều gì, đành tiếp tục khám phá chốn trọ mới một mình. Căn phòng ngủ gọn hơn, nhìn ra biển cùng hướng với ngăn bếp nhỏ. Đẩy toang cửa sổ, tôi rơi mình trên tấm nệm trần, nằm hít một hơi dài. Không khí xanh bốc từ biển đang bay vào phòng như một bức họa Chagall.

Hai tuần thuê nhà đầu tiên mang mang trôi đi trong hơi sương tỏa từ núi sớm, trên những bước chân vọng đường lát đá ô vuông, đi và về đến chỗ làm việc mới, lẫn lang thang phố biển. Tôi chỉ gặp cô gái đôi lần vội vã, nhưng lần nào cô cũng để lại con mắt dài đong đưa. Chiều tối thường có tiếng cô ròn rã cười đùa với thằng bé trai. Lắm khi một bản nhạc nhịp điệu tây ban nha rộn ràng uà lên từ tầng lầu dưới, nơi cô ở với đứa con. Tôi ló đầu ra, thằng bé ngồi trên tảng đá xám trong vườn, hai tay nghiêm chỉnh trên đùi, chiêm ngưỡng người mẹ trẻ đang nâng cao gấu váy, xoay tròn.

Chưa ở bao nhiêu ngày, thế mà lúc ngoảnh trông căn nhà đến hạn trả tôi đã mong chóng được trở về đây. Nhà ít đồ đạc, trong phòng

ngủ, tủ quần áo ẩn vào tường, để thênh thang chiếc giường rộng. Gần cửa sổ phòng khách, lung linh mặt bàn kính trong suốt trên chân sắt uốn xanh hồ thủy. Những khi nắng trưa rưng lên từ vách núi, cây cao ngoài vườn ngả lên đó tất cả hình hài. Hai chiếc ghế bành vàng anh đối mặt nhau trước lò sưởi gạch thẫm, vật duy nhất đậm màu trong không gian nhẹ nhàng với bàn tủ ghế giường bằng gỗ thông thanh nhạt. Cô gái đã nhìn tôi chăm đẫm từ đầu đến chân và chặc lưỡi :

- Đã mấy người thuê, nhưng căn nhà này dường như để dành cho cô.

- Tại sao ?

Cô không đáp thẳng:

- Ở dưới lầu, tôi chẳng chắc nghe cả tiếng chân cô trên sàn gỗ. Rồi tự nhiên nện gót giầy thật mạnh bước rầm rầm xuống cầu thang. Tôi nhìn theo, nghĩ : - Lạ.

Nửa tháng sau quay lại, căn nhà vẫn chênh vênh trên cao đón nắng. Cô gái tỏ ra ân cần giúp tôi mua sắm những thứ cần thiết, màn voan trắng, khăn bàn, thức ăn... Thêm tấm thảm xanh trải giữa phòng. Tôi luôn ngại hơi lạnh, dù mùa đông nơi này chỉ đủ se người vào sớm mai. Buổi trưa có hôm tôi về, buông mình thiếp giấc trong giọng cô ta hát rất trầm. Không hiểu ban ngày, khi đứa con đi học cô làm gì. Hầu như chỉ tung tăng lên xuống những bực thang đá, ra vào phơi phóng mớ quần áo, rồi ngồi chơi nắng bên bệ cửa. Lần thứ nhì tôi trả nhà, cô nhất định tiễn ra bến thuyền. Tôi chực nhớ, hỏi có tìm được ai thuê nhà trong hai tuần vắng mặt, cô nheo mắt, lửng lơ : - Vội gì, đợi người tương hợp.

*

Lần ấy tôi trở về sớm hơn những kỳ trước. Ngang qua lầu dưới, cửa nhà cô gái khép kín. Vừa bước vào phòng khách, tôi nhận ra ngay có sự khác thường dù hầu hết vẫn ở nguyên vị trí. Chỉ lạ là bức màn trắng lơ lửng vén sang bên và một mùi hương hoà trong không khí ẩm. Buông xách tay, tôi chạy vào phòng tắm. Tấm gương trên tường và kính cửa sổ trông ra vách núi sau nhà còn mờ những giọt nước trải sương. Mùi xà phòng nồng hơi như ai vừa tắm gội. Tôi nhìn quanh, chẳng có gì khác ngoài những vật dụng của mình để lại. Quay sang phòng ngủ, nệm vẫn trần như trước khi đi tôi đã tháo ra giường. Chợt thấy trên bàn ngủ một mảnh giấy nhỏ. Một tên đàn ông, một số điện thoại bằng nét chữ cứng cáp, đẹp. Đã có người chia thuê nhưng lạ lùng, chẳng lẽ vừa rời khỏi đây chừng mấy phút? Chưa kịp xem kỹ

hơn, chân cô gái bước về, hát nho nhỏ trên những bực thang mòn. Cứ ngỡ cô sẽ leo lên khoe với tôi về người trọ mới, nhưng không tiếng động nào sau đó. Khi tôi vào bếp pha cà phê thì sự có mặt kia được xác định bằng chiếc bình còn lưng nửa một màu đen nguội đặc. Cầm lên bao thuốc lá vỏ xanh chữ vàng lạ lẫm, lúc lắc vài điếu không đầu lọc. Lại ngạc nhiên, sao chẳng một tàn thuốc trong nhà.

Không đừng được, tôi mở tung mọi ngăn tủ bếp. Các lọ gia vị bày hàng vàng nâu đen đỏ, nồi niêu bát điã xếp lớp ngăn nắp như tôi đã sắp đặt theo ý hôm nào. Rồi trở ra phòng khách, hai chiếc ghế bành bọc vải vàng tươi vẫn châu vào nhau trước lò sưởi trống vì chưa kiếm được củi về. Tấm màn voan kéo ra nhưng có lẽ vì tôi quên không khép lại? Sau nửa tháng, mấy chuốt tử đinh hương tím đã nhạt màu sao mà lá còn xanh và mực nước trong lọ khá đầy. Chợt nhớ ra, lại vào phòng ngủ mở tủ. Quần áo tôi treo một bên chẳng có gì thay đổi, ngăn còn lại trống vẫn trống. Tôi ngả nằm xuống giường, dang tay thập tự bật cười. Mình mới kỳ khôi, nhà mình đâu mà thắc mắc lục tìm như của riêng tư. Nhưng nửa đêm, cùng hương biển xa xa len vào qua cửa sổ hé mở tôi còn nghe mãi một hơi người. Có thể chỉ là cô gái đã lên đây cùng với người đàn ông nào đó. Căn nhà dù sao vẫn phân nửa thời gian thuộc quyền cô ta. Tôi mỉm cười trong bóng tối.

Cho đến cuối tuần, cô gái im lìm. Thằng con trai nghịch một mình cạnh hồ nước nhỏ dưới gốc cây mận vươn cành khô ngang cửa gác tôi. Mỗi lần tôi về qua, cậu ta ngước đôi mắt rậm lông mi cong nhoẻn miệng. Thằng bé ít nói, ngay cả với cô gái. Tôi thường bắt gặp nó ngồi yên nhìn mẹ. Tuy thế, chắc chắn nó ngóng nghe tất cả vì vẻ mặt linh động và đôi môi chúm lại chăm chú. Thành phố biển miền nam vốn tấp nập, nhà cửa leo lơ lửng lại san sát vào nhau. Vậy mà tầng lầu dưới với mảnh vườn khuất của mẹ con cô ta tựa một chốn vắng tách rời. Không phải nhà họ hoàn toàn thiếu người lui tới. Tôi từng thấy loáng thoáng nhiều người ghé qua, từng vọng lên tiếng đàn ông chào hỏi phóng túng hay thì thầm mơn trớn. Cô đáp lại bằng giọng cười có khi rúc rích, lúc vang cao một chuỗi chuông ồn ả. Nhưng lạ lùng, tôi vẫn nhận ra thỉnh thoảng có những ngừng bặt đột ngột, bất thường của một giòng nhạc bị bất thần cắt ngang. Đàn vụt đứt dây trên tay người nhạc sĩ sau khi cố sức rung lên đến cung bậc tột cùng.

Trời thứ bảy cao trong, từ trên gác nhìn xuống, biển nhẫn một vệt cọ xanh phẳng lịm cố tình. Trái lại không khí bỗng căm lạnh cơ hồ rút nốt cái rét cuối đông. Tôi choàng thêm áo, định lần này phải vào sâu trong núi nhặt ít củi khô về nhóm lò sưởi đêm nay. Mẹ con cô gái

đang bày mấy trái bí đỏ lên thành cửa. Mùa Halloween qua đã lâu rồi. Thằng bé xúng xính trong bộ đồ người dơi. Thấy tôi, nó hí hửng phơi hai cánh rộng, lần đầu tiên nói hồn nhiên :

- Quà mới của cháu, đẹp không ?

Người mẹ chợt sa sầm níu tay con, cáu kỉnh :

- Cởi ra đi, mặc mãi thứ quỉ quái.

Thằng bé không bằng lòng, vớt vát :

- Mấy lần trước toàn đem cho đồ chơi, con thích cái này!

Tôi định xen vào, cô gái vụt nói sang chuyện khác, muốn cùng vào núi, rồi thay ngay quần áo, quần bó sát chùm áo len rộng. Trông khác hẳn mọi ngày, trẻ trung hơn, một cô sinh viên ngoài đường phố. Càng lên cao, những nấc thang đá thay dần bằng các đòn gỗ to chèn đất. Con đường leo quanh co, cỏ cây chen lấn. Cô gái săn sóc, dừng lại giơ tay kéo đỡ tôi thật dịu dàng. Những lúc ấy, cô ta khác hẳn ngày thường, mất hết vẻ chế giễu lấm khi khiêu khích. Tôi không ngừng ngạc nhiên trước sự tường tận của cô về thảo mộc và các loại đá miền núi, cả về những hiện tượng thiên nhiên. Nét thông minh không hề tương phản mà lại đằm thắm hơn cặp mắt đuôi dài, bờ môi và dáng đi khêu gợi.

Lúc quay về chúng tôi vòng qua con đường đổ thẳng xuống bãi đá. Phiá bên ấy ít nhà cửa, cây leo chằng chịt và chim muông láu cháu suốt vách dốc dài. Gần đến chân biển, cô ta kéo tôi vào mảnh sân sỏi một cửa hiệu thủy tinh. Những con thú trong muốt, các khung ảnh, chụp đèn lung linh màu sắc. Một người đàn ông đang dọn dẹp trong góc quay ra. Gương mặt nâu nắng, nụ cười vạch đuôi khoé mắt. Ông ta mừng rỡ ôm hôn cô gái, âu yếm nhìn theo cô chạy vòng qua những bóng thú, sờ mó nâng lên đặt xuống, cười nói khen chê bằng giọng đùa nhí nhảnh hồn nhiên. Người đàn ông tỏ vẻ ngạc nhiên, còn tôi càng thấy bâng khuâng lạ lùng trước hai con người khác biệt trong cô. Trên mặt bàn giữa hiệu, hòn đá vân biển nâng đứng một chiếc đĩa to vạnh trăng rằm. Trong lớp thủy tinh óng suốt những đốm bọt không khí rơi rắc như sao. Cô gái ghé sát mặt vào đó, vẫy gọi tôi đối diện. Qua khuôn trăng đôi mắt mở to rạng sáng. Bàn tay bỗng đưa ra nắm nhẹ những ngón tay tôi, nụ cười rọi sang xao xuyến. Người đàn ông đứng sau lưng chẳng biết nghĩ gì, cất tiếng:

- Mày được thế này ta mừng lắm cháu à. Ừ, quên đi. Phải quên...

Lời nói ông ta như làn mây xám vụt kéo về che lấp mặt trăng đang rực rỡ. Mọi ánh sáng tự nhiên tắt lịm. Trong khoảnh khắc ấy, đôi mắt thơ trong khép lại. Lúc chúng từ từ mở ra, hai hạt nước ở ngấn mi

lăn rơi giữa những bọt sao lấp lánh.

*

Qua lần lên núi ấy cô gái thu kín hơn cùng với sự hiện diện đã rõ ràng của người thuê chung căn gác. Những khi tôi hỏi, cô ta trả lời quanh quất : - Một người bình thường, chắc chẳng ở lâu. Có khi cố làm như không quan trọng: - Nào có gì đáng để ý. Nhưng mỗi lần ra đi rồi trở lại, linh cảm đàn bà vẫn đem đến cho tôi những thắc mắc hay bực mình lẫn bâng khuâng liên tưởng vu vơ. Dần dần những đồ vật của người đàn ông ấy xâm chiếm không gian tôi. Trước kia là bình cà-phê bỏ dở với bao thuốc lá, sau này là những đĩa nhạc bày tung đây đó. Ra giường cuộn đống vất trong tủ áo với những cánh cửa mở lưng chừng. Lại hay chuyển dịch đồ vật, một trong hai chiếc ghế vàng anh lôi đến gần cửa sổ, bàn kính bị đày ra xa hơn, mất đi bao nhiêu hình cây nghiêng ngả. Nhưng không thể chối rằng đôi lần trở lại đây đúng buổi chiều có sương ẩm lạnh, mùi củi núi cháy thơm mà ông ta hay chàng ta, tôi nào biết, đã đốt còn vương lại khắp căn nhà, ươm ấp quanh tôi bao nhiêu ấm áp. Từ dạo đó tôi thích nhóm lò sưởi, ngồi ghế bên này gác chân bên kia đọc sách. Hình như người đàn ông đã cố tình khuân lên cho tôi những khúc củi to để giữ lửa lâu hơn. Bao diêm, cành khô và tờ giấy báo vo tròn sắp sẵn. Cũng tự lúc nào chẳng biết, cả hai cùng bắt đầu trang trí căn gác chung. Tôi thay chụp đèn vải thô trong góc phòng bằng vòng lá bắp ép mỏng của thổ dân bên kia đảo. Ông ấy treo lên tường lò sưởi tấm gương to mà tôi biết chỉ tìm thấy ở những hiệu đồ cổ trên miền bắc. Hôm đầu tiên, tôi đã dừng lại bôi thêm son môi và mỉm cười qua tấm kính trước khi ra khỏi nhà, bâng khuâng. Một người đàn ông dù trẻ, già hay vừa vừa cũng đâu cần gương to, có phải. Qua bậc thang ngang lầu dưới, cô gái đang phơi quần áo trong sân, tôi cất tiếng chào vui vẻ. Cô nhìn theo lặng lẽ khiến nắng ngày từ đấy tan loang. Nhiều câu hỏi lẩn quẩn, về cô gái, về người đàn ông chưa thấy mặt nhưng thực sự có đó. Và cả về tâm trạng mênh mang vô định của chính mình.

Có những trưa nằm im, chim chóc ngủ. Tôi leo lên thành cửa sổ rộng, ngồi đó, chông chênh ngó nắng. Tháp chuông nhà thờ trắng trinh vượt rời những lớp nhà gợn hồng lên xuống. Biển bình an hút tôi về chân trời, giao tuyến của thực và ảo. Mênh mông đấy nhưng vẫn là hình ảnh một khoảnh khắc. Trời vừa kéo sang xuân, cây cối lửng lơ màu tươi non. Mái ngói đỏ cũng nhòa đi trong ánh sáng. Chỉ có vách núi mang mãi một sắc thẫm sâu, nặng chùng của đá. Hàng mận mọc

cao trước núi đã báo mầm thức giấc cùng tôi, bồn chồn. Váng vất chưa qua bỗng đâu cơn gió quạt tới bất ngờ. Khi tôi quay trở lại căn nhà, những nụ hoa mận mọng búp mà tôi nổi hứng phác chơi trên tấm bố trước khi đi bỗng nhiên bị nở tung bềnh bệch. Tôi buông ngay sắc hành lý xuống sàn, cáu bực cầm tấm tranh lên, úp ngược :

- Vô duyên, dám tự tiện bôi bác tranh người ta !

Nhưng sau, tôi lại lật lên, đến gần cửa sổ. Sững sờ nhận thấy vài chấm sơn tưởng như thô như vụng ông ta đã quệt lên lại làm những đóa hoa trắng sáng rưng rưng, tựa đang mở bung dưới nắng. Tôi đem đặt vào giá vẽ, bấy giờ mới để ý tới mẩu giấy dán bên. Hai chữ ''xin lỗi'' gọn lỏn trong nét chữ đẹp tôi đã thấy hôm đầu.

Trên đường từ chỗ làm ra, tôi ghé qua phố chợ. Như đa số thành phố ấm miền nam, sự sống bùng lên khi chiều xuống. Con người sau giấc ngủ ngày choàng dậy, sẵn sàng bỏ hết sinh lực để tưng bừng cuộn vào cơn thức đêm. Sóng cũng thích cuống quít, lộng lên ồn ào khi ngày tắt. Suốt dọc đường lên đèn chong sáng, đầy cửa tiệm chưng bày rau trái xanh tươi đủ màu, cá tôm cong đuôi sáng bạc. Tôi vào mua khúc cá hồi hồng lịm, vài trái cà chua đỏ chót và quả ớt tây xanh. Với thêm lọ ô liu đen mọng trên quầy. Ở bực thềm bước ra, vừa ngước lên bỗng chạm thẳng đôi mắt bên kia lề con đường hẹp. Tôi dừng đứng. Người đàn ông, điếu thuốc trên môi quay bước, một tay vất vật gì vào thùng rác dưới cột đèn. Tôi muốn băng ngay qua, nhưng dòng xe vừa ào tới. Cái vỏ bao thuốc lá màu xanh chữ vàng nhãn hiệu khác thường còn nằm ngửa trên rác vụn, giấy báo, chai lọ linh tinh. Tôi định nhặt lên nhưng ngại ngần. Biết đâu chỉ là ngẫu nhiên trùng hợp. Tuy thế vẫn loay hoay gom góp trong trí nhớ khoảnh khắc không ngờ ấy, cố tượng hình một khuôn mặt, một dáng người. Nhưng không tạo ra được, giữ lại được gì ngoài ánh mắt xoáy sâu như thể đã theo tôi tự lâu rồi. Nỗi buồn dềnh lên với sự tổn thương. Sao người đàn ông ấy biết tôi mà tôi thì không. Sao bấy lâu thầm lắng kiêu bình, vậy mà bây giờ tôi thờ thẫn nôn nả kiếm tìm. Tìm gì? Một hiện hữu. Thực và hư. Thân thiết cùng xa lạ. Dù cố tình cưỡng lại nhưng cuối cùng tôi vẫn bị lôi hút vào cánh rừng có bao cảnh vật biến ảo, đứng đó, hoang mang. Cũng chẳng hiểu do đâu, tôi muốn tự mình tìm biết dù có thể hỏi ngay cô gái rõ hơn về người chia nửa thời gian. Một phần nào, thái độ hờ hững gần như che dấu lẫn mỉa mai của cô ta làm tôi khó chịu chạnh lòng. Biết bao thắc mắc xoay vần. Ông ta hay chàng ta. Làm gì. Ra sao. Giải đáp chỉ vỏn vẹn trong căn gác mấy chục thước vuông. Thế mà, rõ ràng rồi lẫn lộn. Thứ cụ thể, thứ hư ảo. Tôi từng vuốt lên dáng dấp vừa

tầm của mấy bộ quần áo veste treo trong tủ, vải mềm lòng tay. Những chiếc T-shirt, sơ-mi nếu không đen hay xám thì nhã nhặn. Tuy thế có lần mở cửa tủ, rơi tung xuống sàn vài cái lạ, màu mè rộng cỡ XL. Người đàn ông đem về rất nhiều sách báo, vật dụng riêng tư vung vãi nhưng không có gì đủ cho tôi biết về ông ta hơn dù cùng một không gian. Chẳng nhìn thấy mà cứ mang mang vướng vất. Trên những con đường đang vờn dốc rồi bất chợt lại đổ thẳng xuống một khúc quành lấp bởi bụi hoa đậu tiá ngả cành, tôi cứ cảm tưởng có cặp mắt dõi theo. Đôi khi một tiếng giầy nửa mạnh nửa ngập ngừng thoáng nghe đằng sau cũng làm tôi hồi hộp.

*

Ngày hôm qua mây đen đổ xuống từ bên kia núi, trời hầm hập oi ả. Biển trở xám, lớp hơi dầy chùng trên mặt nước chẳng thể bốc lên vì không khí nặng từ trên đè xuống. Cây cối đứng im, không gợn gió. Từ sáng sớm, côn trùng, sâu bướm ở đâu bay về vật vã lao vào cửa kính như không chịu nổi áp suất ngoài trời. Đầu óc tôi căng cứng, thân thể bứt rứt. Vài giọt mưa đồm độp rồi ngừng bặt càng làm không khí nóng hực, quay cuồng. Cuối chiều, chẳng ngờ cô gái lên, đem theo chiếc quạt máy. Tôi đang ngồi ở bếp nghe đài khí tượng báo tin cơn giông hãn hữu sẽ ào qua đây và kêu gọi thuyền bè trở về bến. Cô khoác áo mong manh trên chiếc váy tuột luôn hàng nút. Gương mặt hay cười giễu bấy giờ có vẻ bồn chồn. Nhưng vừa tìm chỗ cắm quạt cho tôi cô vừa nói rất ân cần:

- Ôi dào, có gì mà rộn lên, vài tiếng đồng hồ là qua. Cô chỉ cần ở yên trong nhà, đừng mở cửa để sâu bọ bay vào.

Tôi rót mời tách cà- phê, cô ta đứng dựa thành tủ bếp, rút điếu thuốc lá của người đàn ông vẫn có thói quen để đấy, châm lửa hút. Không tỏ chút ngạc nhiên về cái bao khác lạ, như tôi đã từng. Đôi mắt cô theo tôi trong mỗi cử chỉ nhưng không phải ánh nhìn dò xét mà dịu và buồn. Tôi có cảm tưởng cô ta đang nghĩ về điều gì khác, thả theo cuộn khói chữ o tròn bay lên. Mãi hôm nay tôi mới biết được thế nào là mùi thuốc lá thân thuộc của ông ta. Cô gái giơ một chân gác lên ghế, vạt váy mở khuy vẹt hẳn sang bên bày tất cả vuốt đùi dài trần mịn. Bắt gặp tôi nhìn cô cười, mắt hơi nheo lại, sự hóm hỉnh của những ngày đầu tiên. Tôi hỏi lảng :

- Cô nói ở đây ba tháng mới mưa, nhưng cơn giông này...

- Thật đấy, thường chỉ giông gió vào mùa hè, giữa xuân như vầy rất hiếm.

Rồi cô ta đứng xuống vòng ra phòng khách, tôi bước theo. Cả hai ngước về phiá núi. Tôi chắc miệng :

- Tội nghiệp, hoa mận đang trắng đẹp quá...

Cô gái không cho tôi dứt lời, buông ngay một câu:

- Tinh nguyên bao nhiêu cũng tiêu ngay trong giây phút.

Ngạc nhiên trước sự gay gắt, tôi quay lại. Cô ta đang cầm bức tranh trên tay, biết tôi nhìn nhưng vẫn xoay lưng, nói tiếp:

- Cô nhẹ nhàng giống mẹ tôi... ngày còn sống, bà cũng yêu hoa mận.

Bỗng dừng ngang, đổi thái độ bất ngờ, đặt mạnh tấm tranh, mở cửa đi một mạch ra ngoài. Tiếng gót giầy nện trên đá vang lên trong khi tôi còn ngơ ngẩn. Tiếp ngay lúc đó, tràng sấm ùng ùng nổ rền trong không, gió bắt đầu từ biển quạt vào lồng lộng. Tôi chạy về cửa phòng ngủ nhìn ra xa, sóng đang nhào lên lộn xuống như những thân rồng vẫy vùng cuồng giận. Mấy chiếc tàu trở về neo bến đảo theo, nghiêng ngửa chừng sắp đập nát vào bờ. Những chiếc xe còn trên đường đang cố chạy thoát tìm đến nơi ẩn trú, nhưng đang bị sức gió khủng khiếp kìm hãm, hùng hục như trâu cái nặng nề. Vụt nhiên điện tắt ngấm. Cả thành phố đen sầm trước mắt tôi, chỉ còn đỉnh cao nhà thờ vươn lên một màu xám quái dị. Tôi thấy mình rùng lạnh. Lạnh giữa cơn giông bức sốt oi nồng. Vội vào giường, kéo chăn cao. Tôi nằm đó, nghe gió vờn hú đuổi nhau quay bốn hướng, nghe sâu bọ không ngừng tiếp tục điên cuồng tự sát trên các ô kính. Co ro trong chăn, tôi cố giương mắt nhìn đồ vật trong phòng, như thể muốn tìm sự trấn an ở những hình ảnh quen thuộc. Không gian thơ mộng Chagall đã thẫm đi, chỉ còn thoáng màu áo trắng ma trơi lất phất. Mấy cây cyprès trên tấm tranh Van-Gogh mà người đàn ông treo đối diện đang oằn đen tang tóc. Không. Tôi chồm dậy, trong lúc này tôi chỉ nên nhìn cành mận nở hoa trong sáng. Lần mò ra phòng khách, thắp được ngọn lửa trên hai chân nến Hy Lạp vòng xanh rắn lục mà ông ấy đã ân cần bày lên một ngày lập xuân, mang tấm tranh để lên bệ lò sưởi. Ánh nến chảy trên những nụ hoa mong manh. Tôi đã nhầm, chúng chẳng còn rực sức sống như mới đây, từng cánh trắng muốt kia sắp bị rung đứt, bứt rụng khỏi cành. Gió gào rú tứ bề, nhưng không khí trong căn gác nặng im, ngạt thở. Cảm giác có điều gì khác thường và đe dọa sẽ xảy ra làm thân thể đang run rẩy bỗng dậy cồn bứt rứt, bừng bực. Đưa tay kéo cao chiếc áo lanh dài gót chân, tuột hẳn ra khỏi đầu. Vươn vai, chạm mắt trên hai mọng ngực trần trong gương. Thời gian ở đây đủ dài thế mà thân thể chưa hong nổi nắng, lại nhớ màu da thắm trên đùi cô gái. Như có lực vô hình cử động hộ bàn tay, tôi cởi nốt mảnh vải cuối người. Lâu lắm

mới nhìn mình toàn diện, trong thứ ánh sáng mờ ảo mông lung, để khám phá trên hình hài đằm thắm kia còn vương đọng một nỗi buồn, từ đáy mắt xuống những đường cong rồi qua bóng sẫm. Mặt gương chợt chao đi, có cặp mắt sau lưng cũng mở to đang cùng nhìn tôi từ cửa sổ. Vội vàng quay lại, không có ai ngoài bóng mờ những cành cây vật vã trong gió và gần hơn, xác côn trùng bám đầy khung kính. Tôi cuống cuồng chạy đến khép chặt mấy tấm màn, trở lại giường, nằm im trong bóng tối. Hai ngọn nến vẫn tiếp tục cháy trên lò sưởi ngoài kia.

Mưa bắt đầu đập, rào rào rầm rập. Các khuôn cửa đã đóng chặt, cô lập căn gác với thế giới bên ngoài, nhưng tôi biết rằng cơn mưa đá đang dội xuống cả thành phố nhỏ bé bấp bênh, chừng như chỉ dựa chênh vênh vào vách núi. Sự sợ hãi vụt tràn đầy không gian tối, cùng với nó nỗi cô đơn từ đáy vực trồi lên. Cả hai bùa chú giao nhau trên thân thể tôi trần truồng tê dại. Tại sao mình không giữ cô gái ở lại trong cơn giông yêu quái này? Chàng ta hay ông ta bây giờ đang ở đâu, có biết chăng những đoá hoa lung linh đang tả tơi ngoài mưa gió? Những giọt lệ nối nhau, tôi chết cứng trên giường, không thể đưa tay chùi nước mắt. Cuối cùng rồi cũng thiếp đi trong cuồng phong vần vũ.

Chập chờn màn cửa phất phơ. Không khí đặc im trong căn phòng kín đang chuyển mình để bốc hơi, đang từ từ nâng tôi lên khỏi mặt giường. Chừng cả gió nữa đã len qua khe cửa, dịu dàng vuốt trên da thịt từng liếm ấm. Đầu óc mê man, thân thể mê muội, tôi cong người chĩu theo một lực đỡ êm ái, mộng mị dưới lưng. Thấp thoáng ống tay áo vải mềm tím đậm tôi đã thấy trong ngăn tủ người đàn ông. Muốn mở mắt ra nhưng hai mi tại sao vẫn khép. Lâng lâng, chơi vơi. Cảm giác rạt rào ứa dưới bụng nhưng có gì như thực như hư, không đạt được. Bỗng đâu hai núm ngực tê cứng, rõ ràng vật gì vừa đụng tới rồi vụt buông ra. Tôi bật choàng ngồi dậy, bàng hoàng nghe tiếng chân người chạy qua phòng khách. Ánh sáng vàng của ngọn nến thoáng bị che đi rồi trở lại. Tôi chết điếng một lúc cho đến khi cánh cửa ra vào đập thình thình với gió. Thu cả can đảm, chụp lấy chiếc áo khoác vẫn để ở chân giường, vừa xỏ tay vừa chạy ra ngoài. Mưa đã ngừng, nhưng trời đất cây cối vẫn hú gào cuồng nộ. Sấm rền ùng ục trên không, cành cây bay rụng chắn hết lối đi nhưng chẳng thể cản trở tôi. Phải xuống tìm cô gái, tôi chỉ còn cô ở lúc này. May thay, ánh đèn nhạt chờn vờn trong nhà cô ta. Nhưng đến bực thang có thể nhìn vào thì tôi dừng sững lại. Cô gái mặc áo ngủ trắng mong manh, tóc vệt sang bên, đứng dựa vào thành chiếc thang gỗ dẫn lên căn gác lửng. Cô đang nói gì với một dáng đàn ông ngồi mép ghế đối diện, khuất ánh cây đèn dầu để trên

đầu tủ. Hoá ra cô ta không một mình đêm nay. Tôi thất vọng định quay lên thì cánh cửa vào nhà cô, chẳng đóng như nhà tôi, đã bật ra cùng với giọng nói gay gắt :

- Tại sao anh còn quay về đây?

Tiếng người đàn ông ấm, chừng hơn cô gái vài tuổi, có vẻ chán nản :

- Có những điều không phải vì ngẫu nhiên... Dù sao thì chỉ còn chúng ta với nhau.

- Đừng biện hộ! Anh thừa hiểu tại sao, anh thừa biết điều gì xảy ra sau ngày anh bỏ đi.

Người đàn ông im lìm. Có gì hút tôi mãnh liệt, men gần tới bờ tường đá sát cửa, nép mình vào đó để chống đỡ trận gió quật ngang ngửa. Mưa lại đổ xuống ào ào, chảy xối xả trên thân thể, mảnh áo khoác ướt đẫm dính chặt da thịt. Cô gái ngừng một lúc rồi nói sẵng:

- Bây giờ anh đã về, tôi đi, giao lại nhà cho anh.

- Đừng, anh làm gì với cái nhà này. Chàng ta cuống quít.

- Bán đi, chia tay.

- Không được ! Còn cô ấy nữa.

Tôi giật mình trước thái độ chợt bùng lên giận dữ :

- Này, tôi lập lại, cấm anh từ giờ không được đụng tới cô ta. May tôi lên kịp. Mà... mà anh là thứ người gì? Tôi... tôi không hiểu được. Tên bạn vẫn đi về với anh đâu rồi?

Hoá ra ông ta, chàng ta đó. Tôi tưởng mình sắp ngất đi, hơi thở vừa bị chặn đứng, một vòng dây chợt xiết qua cổ, một quả tạ vừa bung vào ngực. Trong kia, chàng thanh niên chợt nghiêng mặt ra ngoài ánh sáng ngọn đèn. Tôi vội nhỏm người, cố nhìn nhưng chẳng kịp. Tôi muốn thấy mặt người đàn ông đã ngang nhiên đi vào đời tôi trong những ngày tháng vừa qua. Đã dám chạm tới da thịt tôi, không báo trước. Đã tàn nhẫn đùa cợt với hồn tôi quay quắt. Những mảnh quần áo lạ màu khác cỡ đang từ ngăn tủ bay ra khỏi cửa sổ, ào ào trong gió đáp xuống mặt tôi, phất phơi trêu ngươi. Nhưng chàng ta đứng dậy rất nhanh và càng lùi hơn vào bóng tối. Tôi nghe tiếng nói vẫn ấm, chậm nhưng mai mỉa :

- Hình như em đâu khác gì anh. Đừng tưởng anh chẳng thấy. Không dưng đối đãi hết sức dịu dàng với cô ta.

Cô gái hực một tiếng cười nhạo :

- Nhầm, nhầm to, tôi chẳng hề giống anh chút nào. Còn anh, anh tìm gì nơi cô ấy?

Vọng từ khoảng tối:

- Những thu hút... không hiểu được. Bất chợt, chẳng ngờ, người

ta khám phá ra mình khi bắt gặp rung động lạ lùng như thế. Đâu đó, có nét cười, ánh mắt dịu dàng của em... ngày xưa.

Tôi nghe tiếng chân người xê dịch, có phải chàng ta sắp đến dưới ánh đèn. Nhưng không, chỉ có cô gái nghèn nghẹn:

- Những điều tôi bị cướp mất khi mới mười sáu...

Câu nói chưa kịp dứt đã có tiếng đứa bé trai thảng thốt hét:

- Mẹ, mẹ. Giữ lấy, giữ chặt lấy, gió tốc nhà mình.

Tôi đứng vụt dậy, thằng bé có lẽ từ gác lửng chạy xuống, mặc áo ngủ thụng dài. Không hiểu sao trong không gian lập lòe mái tóc nó sáng loá bạch kim như thiên thần nhỏ. Cũng ngay lúc ấy, lằn sét buốt màu lửa nung nham thạch xẹt ngang dọc trên bầu trời. Ánh sáng rợn người của khoảnh khắc lóe lên chiếu thẳng vào căn nhà. Nhưng tôi chẳng nhìn ra ai ngoài gương mặt trắng nhợt và hai tròng mắt hút sâu sợ hãi của đứa bé. Nó dang hai cánh tay áo rộng, vụt lao ra cửa như bị gió cuồng cuốn đi. Hai người lớn kêu thất thanh.

- Dừng lại. Đừng sợ, đừng sợ, cháu.

Đèn dầu vụt tắt ngấm, cánh cửa đập bung tưởng vỡ toang cùng tiếng người con gái khản đặc:

- Cháu gì! Sao không nói cho đúng, nó là em anh. Anh biết cả mà, tôi đã nhìn thấy anh hé cánh cửa phòng. Rõ ràng hai con mắt anh cũng trợn trừng thao láo. Tôi ú ớ cầu cứu. Bố chặn miệng tôi và quay đầu lại. Nhưng... anh đã sợ hãi, vội vàng khép cánh cửa sau lưng anh.

Chàng thanh niên cuống cuồng đáp trả nhưng tôi không còn nghe ra gì được nữa, cả người run bần bật. Sấm nổ tung xẻ đôi trời đất, rầm rầm ồ ạt. Bao nhiêu luồng điện phẫn nộ choé những lằn sét xanh rực kim khí, điên loạn chém ngang dãy núi. Trước mắt tôi cả vách mận trốc gốc quay cuồng, muôn triệu cánh hoa lộng lên trong gió với đất đá đang từ núi cao đổ sập xuống cõi trần, vùi phủ căn nhà tôi đã đến thuê. Không gian đêm đen bỗng trắng rưng huyền ảo, tôi rơi xuống bập bềnh như mảnh thuyền vừa vỡ tan giữa sóng.

MAI NINH

Anguerny, tháng sáu, hai ngàn.



ERIC N VIỆT

Kenema, nhật ký thầm kín



Nhà xoay lưng về tiếng vo ve của đàn ruồi bay từ cánh rừng tìm đáp lên cánh tay trái của tôi. Cánh tay có vết nhức nhối to bằng đồng tiền kẽm. Da không có, chỉ trần trụi thịt, vết thương mang cho tôi bao nhiêu là thống khổ và đồng thời cũng bao nhiêu là hạnh phúc. Tình yêu, tôi bắt gặp như vết thịt đỏ hỏn đó: nó tạo ra thứ đớn đau tuyệt thú

Tôi sinh ra và sống ở Kenema, Sierra Leone. Tôi không hề nhớ đã đi khỏi thành phố này, dẫu chỉ một lần, thành phố gồm hai ngàn mái tôn gần như giống hệt nhau. Tôi không hề đánh mất, dẫu chỉ một lần, cái mùi nồng nồng của năm ngàn linh hồn tản mác đó đây. Cha tôi, xưa có lẽ là người đàn ông chung sống bảo ban tôi làm cái này hay đừng làm cái nọ. Những kẻ khác, xưa chúng là anh, là chị, hay là em tôi. Một hôm, cái ngày tôi cố gột đi khỏi trí nhớ, có tiếng súng rồi tiếng gào rú. Tiếng gọi, tiếng rên, tiếng van vỉ. Những lưỡi dao quắm sáng quắc ánh mặt trời chói nhức vung cao. Cha và anh chị em tôi đột nhiên biến mất. Biến hẳn đi như chưa từng có mặt trong thành phố. Còn lại chỉ một mình tôi. Với vết thương trên cánh tay, tôi chưa một lần đã quên rằng nó ở đấy, toang hoác cháy bỏng.

Độ thu về vào năm tôi mười ba mười bốn tuổi, một trong hai ngàn căn nhà rất tầm thường khiến tôi chú ý. Căn nhà đó trắng, bám bụi bẩn giống như những căn khác. Mái tôn đỏ, chẳng đáng quan tâm. Bức tường bê-tông dựng quanh bẻ gập làm đôi những cái nhìn của đám bộ hành vật vưỡng. Trên bờ tường, miểng chai hắt ngược ánh sáng vào mặt trời. Nhưng mỗi khi đi ngang tấm lưới căng chặn ngay lối vào căn nhà, luôn luôn cũng lại con người kia đứng phía sau. To cao, lực lưỡng, bắp thịt nồn nộn vì lao động chân tay cả đời, cái nhìn của va lại tựa đổ vỡ bắt tôi phải quay lảng mỗi khi thấy. Thật khó chờ đợi thêm. Tôi liều xông vào. Tôi xin thuê một góc nhà để ban đêm có thể ngủ cho yên. Va ngước mắt nhìn, hỏi tôi, trả bằng gì ? Tôi bảo, bằng chính tôi đây. Tôi có thể làm mọi việc. Thậm chí, tôi mạnh dạn, tôi bán thân xác để đổi dăm đêm ngủ yên. Va gật gù. Tôi hỏi tên nhưng va không đáp. Tôi nhìn vào mắt va. Cớ sao lại có gì như thân quen. Và khi bắt gặp nó thì tôi rơi vào chân không...một giây, hai giây, ba giây .... rồi là chạm vào mặt đất thô cứng, lưng dập nát, đầu vỡ tung. Rồi tôi thành tù nhân của cổ họng. Hơi thở dồn xuống làm ngạt trái tim chừng không còn muốn đập trong lồng ngực. Rồi tôi vùng vẫy mong thoát ra trốn chạy. Những giọt đỏ lè tóe ra vấy lên tầng mây trên cao. Rồi tôi lại đập tay quơ chân, tất cả hóa ra lại chỉ một màu đỏ. Hồn tôi rách bươm. Mệt lả người, tôi đành bỏ mặc cho mình rơi vào cái dung dịch màu máu nóng hổi len lách vào căn nhà phía sau con người đó. Một căn nhà tôi quen thuộc ngóc ngách như cơ thể và bộ phận của chính tôi. Như tôi hằng đến thăm và được bế bồng ru ẵm bằng tiếng thở than của những bức tường. Rồi cứ mỗi lần tôi lại ngửi đúng cái mùi ấy, mùi cái giường dính bẩn với một người đàn bà tuyệt đẹp, là mỗi lần màu đỏ lại lênh láng tung tóe trên những bức tường. Căn phòng trống phía trái. Căn phòng nhung nhúc người bên tay phải. Họ không thấy tôi, tôi cũng thế. Nhưng tôi thừa biết họ ở đấy, im lặng. Phòng khách ngay trước mặt. Ở giữa, một cái TV phát tiếng ồn ào nhưng tuyệt chẳng có hình ảnh. Đằng sau, tiếng nước sôi trong căn bếp bỏ hoang. Thế là vết thương tròn như đồng tiền kẽm lại tấy sưng làm nhức nhối. Và rồi tôi lại thêm một lần bị ném ra đường.

*

Một sáng ở nhà người Liban bán thực phẩm tôi nghe nói họ trở lại căn nhà họ có quyền sở hữu. Họ là những chiếc xe cam- nhông trắng chất đầy gạo, dầu, đường và đủ loại nhu yếu phẩm khác. Họ cũng là những kẻ đến từ xa, mông đít trắng phau, tóc dài xờm, dáng

khùng khùng. Khi họ phát quà, phải nhẩy nhổm lên mừng cỡn. Khi họ không cho gì, phải nhẫn nhục cúi đầu như cách độc nhất giữ hy vọng. Và tôi lại nghe rằng tay quản gia của căn nhà tên là Mohammed. Va giữ căn nhà nguyên lành mặc cho thời gian sói mòn và những cơn giận dữ của đám người vây quanh. Chẳng ai biết gia đình lẫn bạn bè va. Họ chết hay họ chưa bao giờ tồn tại ? Không một ai muốn đả động đến điều này. Rồi như mọi người còn sống tôi ra đón những chiếc cam-nhông. Tôi nào ngờ, Trời ơi, là tôi lại sẽ tìm thấy tình yêu ngay ở đấy.

Lúc đó là quãng 3 giờ trưa. Trời mây xám xịt, tôi nghe tiếng nhưng không thấy những chiếc trực thăng bay thám thính dãy núi nằm sau thành phố. Đợi vài giờ dài như thời gian cả tuần, tôi chẳng có gì ăn, lỗ rốn sưng lên lòi ra to hơn bình thường. Đám đông áo quần sặc sỡ với chút hy vọng tìm được một công việc tạm bợ hay một món quà vặt. Đàn ông thắt cà vạt, đàn bà mang váy màu cam, người què cụt, kẻ không quần không áo. Họ kêu la, chen chúc, kết cuộc dính chùm vào với nhau. Một tổ ong không có ong Chúa. Sau cánh cửa câm như hến, Monhammed ở đó, nét mặt thật khó tả. Có vẻ như va không chịu được khi tôi phải chờ như va. Phần tôi, tôi tránh không nhìn va. Rồi đoàn cam-nhông tới nơi. Sáu chiếc trắng muốt mầu tuyết, cần xe ngửng lên hứng gió, trong đầy ắp thực phẩm. Mặt trời bỗng hiện ra tấm sáng cho đoàn xe như thể chúng là sứ giả của Thượng Đế. Trời nóng. Đám người cất tiếng hát nhưng vẫn túm tụm trên đường không để bất cứ kẻ nào mới đến dành chỗ. Không khí hiếm dần, tôi ngột ngạt. Trong tiếng kèn xe và lời quát tháo để dẹp đường, đoàn xe từ từ vạch lối giữa đám đông đang chen lấn. Chung quanh tôi, người rồi người ép vào từ tứ phía. Đoàn xe từng cái biến vào sau bức tường. Trừ chiếc cuối cùng. Nó ngừng lăn bánh trước Mohammed. Và đấy là lần đầu tôi nhìn thấy Nàng. Sức rung động khiến tôi nghẹn hơi không thể thở. Nàng giáng thẳng lên lồng ngực khiến tôi quị xuống ngay chân nàng. Tình Yêu, tôi quyết cứ gọi như thế, thật quá vũ bão và chẳng có thể hiểu bằng lý lẽ gì cả. Mỗi nét trên khuôn mặt Nàng khắc trạm vào tâm cảm tôi cứ dập dềnh mơ mơ ảo ảo. Nàng bất ngờ trở thành ngôi sao của riêng tôi, nhưng còn tôi, tôi vẫn chẳng biết một điều gì về Nàng. Chỉ một thoáng, Nàng là tất cả, lý do của cả sống lẫn chết đối với tôi. Thật kỳ cục. Một cái rùng mình chạy dọc sống lưng trong khi đó cơn nóng ran xuôi xuống đôi chân tôi. Tôi, một kẻ kỳ cục. Nhưng sao Mohammed lại mỉm cười.

Chiều hôm ấy khi trở về nhà, người tôi nặng chịch nhưng lòng lại vắng xa. Đám trẻ kêu la. Tôi bước qua nhà không nhìn lại. Tôi đã thành một kẻ lạ. Chỉ còn mùi hăng thối ngập ngụa là quen thuộc lôi

tôi khỏi nỗi lo sợ đang ập xuống. A, cái mùi thật khó chịu. Rồi tôi tìm ra là nó toát ra từ chính thân thể tôi. Mắt tôi chỉ còn thấy bóng đen với chiếc giường dơ dáy xa xa. Dục vọng bỗng tràn ngập trong tôi. Da dẻ xâm xấp, bắp thịt căng cứng, tôi ngả mình nằm dài trên đống thịt da tròn trịa ẩm ướt nhưng chắc nịch. Ai đó gõ vào đầu tôi những hào hển. Nhưng càng gõ tôi càng cựa quậy. Thứ động tác tới lui đều đặn rồi chỉ lúc sau là chịu không cứ giữ nổi mãi một nhịp. Dục vọng chẳng thể vòng vèo qua mặt được nữa. Chó tru lên sủa. Và thân người nằm ở dưới cái sức bung phá của tôi vẫn cứ lặng lờ. Thành một, với tôi. Rồi chợt khuôn mặt Nàng lại quay về ám ảnh. Vẫn động tác ấy với khuôn mặt Nàng, bây giờ thành thứ thể khối không tách nhau ra được. Nóng, trời hừng hực nóng và có tiếng đàn bà cười bên ngoài. Một ngọn gió thoảng qua phòng, nồng nặc xác thịt. Mồ hôi ứa chảy trên thái dương, qua lưng rồi đậu lại giữa hai chân. Tôi cảm thấy con sóng của trận bão vừa uốn vòng trong bụng. Và cả cái thân thể bất động, nằm dưới, và nằm ngay trong tôi. Không còn ngửi mùi nước đái, mùi thịt ươn bên cạnh. Tôi đã quên. Thật ra, tôi chẳng còn biết tôi ở nơi nào. Rồi mặt chiếc trống áp vào đầu vào mặt bỗng lên tiếng, đập nhanh, nhanh hơn, từng chặp. Tất cả quay cuồng. Đời tôi, những giấc mơ, và dạ dầy. Tôi chỉ còn nghe thấy tiếng trống, tôi chỉ còn cảm thấy xột xoạt bước đi của đàn ông, phụ nữ và trẻ con. Từ xa, tiếng hát kêu thương của dăm bà già vẳng lại. Thình lình thân thể bài tiết ra thứ chất nhờn âm ấm giải phóng tôi. Một mảnh voan chụp xuống, dịu dàng kèm quên lãng. Sau đó, tôi chẳng làm sao nhớ được gì nữa.

*

Thức dậy buổi sáng hôm sau tôi thấy máu loang lổ trên nền đất. Tôi không sợ, cũng chẳng mảy may động lòng. Chỉ ghê tởm cái mùi thối hoăng bên cạnh. Nhỏm dậy, tôi ngồi lên giường.Tôi cô đơn, quá cô đơn. Rồi tôi nhớ, chiếc xe, mặt trời, khuôn mặt Nàng. Tôi phải thức giấc, phải thoát cơn mộng mị, đi tìm Nàng. Chắc chắn Nàng đợi tôi.

Nền đất vung vãi mảnh thủy tinh và đá vụn cứng sắc. Tôi phải đi thật lâu mới đến được với Nàng. Lâu hơn nữa, mới ngửi được, sờ được Nàng. Nhưng chưa kịp, Nàng lại thoát đi. Và lúc Nàng ở lại là lúc tôi phải trốn chui trốn nhủi để tránh những lưỡi dao quắm. Thật oái oăm, Nàng và tôi chung một chốn trọ nhưng cứ kẻ ở người đi như số kiếp dành cho những mối tình không ngày mai. Xa Nàng, tôi hốt hoảng lồng lên chạy tìm. Có lẽ đấy là lần thứ mười tám tôi lại qua con

đường đó, chân rộp lên phồng đỏ. Men theo vách tường, tôi nhảy từng cái một, dáng kiêu hãnh. Người ta lảng nhìn khi chạm mắt tôi. Họ im lặng.Tôi chẳng hiểu vì sao. Một tiếng súng.... Tôi nghiêng người, tôi ưỡn dậy, tôi chạy. Một tràng liên thanh...Ở trên, ở dưới, đằng trước. Những kẻ nói lên lời, có kẻ bảo tôi điên, có kẻ bảo tôi gan. Nhưng tôi, tôi biết, tôi chỉ sợ. Nỗi sợ nghiền nát tạng phủ, dính cứng yết hầu và làm lưỡi tôi đắng chát. Nỗi sợ đó, như lời Cha tôi dạo nọ, là cái khiến con người trực cảm được hiểm nguy, tránh nó hoặc là loại trừ nó. Nỗi sợ làm tứ chi run rẩy, một khi trọn vẹn thấm vào cơ thể thì bỗng hóa ra cái áo chống đạn. Nỗi sợ khiến thảng thốt la ban đêm và cười hinh hích ban ngày, sinh ra tôi rồi sẽ nhìn tôi qua đời, đeo đuổi và thành sức mạnh. Tiếng nổ inh tai sau lưng thình lình ném tôi vào bức tường đen màu khói súng loang lở vết đạn. Tình cảm, hay cái gì tựa tựa thế, bỗng nhạt nhòa bất định. Tôi không còn phân biệt được nỗi sợ trên khuôn mặt Nàng. Tôi vùng chạy cho nhanh. Tôi sợ mất Nàng. Mất nỗi sợ.

*

Nàng ở đấy. Mặt Nàng rạng rỡ soi sáng những tấm kính xe. Tất cả ngưng động xung quanh. E làm biến đi phép mầu, cả người lẫn vật đều tự xóa mờ chính mình. Chỉ có Nàng. Nhưng mỗi lần như vậy, tựa một cái đồng hồ vặn sẵn, tên quản gia lại mở hai cánh cửa sắt để mặt trời, rồi đoàn xe và những kẻ trong xe đi vào. Mặc thêm một lần giấc mơ của tôi lại mất hút sau thứ kim khí băng lạnh. Và tôi chỉ còn nhớ được đôi mắt. Đôi mắt khi thì xanh trong, khi lại đen nhánh. Hôm nay, Nàng nhìn tôi. Tôi xấu hổ. Nàng không thèm nhìn nữa. Tôi quay đi tránh né. Tôi làm Nàng kinh tởm. Từ ấy, tôi quên màu đôi mắt.

Năm tuần. Tôi đã đến với nỗi hân hoan của trẻ thơ. Đôi khi tôi uống rượu trước khi đi. Chân đông đá chân tây, tôi xiêu người ngã, mặt chúi xuống bùn, rồi lại chồm dậy, bước nhanh hơn, hãnh diện vì mình can cường. Thế mới là đời sống. Đổi ít đớn đau cho thật nhiều hạnh phúc.

Một bữa tôi đến chậm. Chiếc xe trắng nằm bất động trước cửa, bụng huếch hoác. Chỉ còn độc bộ xườn rỗng tuếch im lặng, xe như mắc chứng nan y vào giai đoạn cuối cùng. Tôi không thấy Nàng hôm ấy. Và chính tôi ngả bệnh, thứ bệnh chẳng chữa nổi. Mặc dầu muốn bỏ trốn, chân tôi đóng đinh vào nền đất không làm sao động đậy được. Nền đất khô cằn thành cái phần nối dài của thân thể và nỗi đau. Nào, một, rồi hai, ba. Tôi cố dứt người ra, lao đi chỗ khác, trên mái tôn, lên tường gạch, vào bầu trời. Thịt bàn chân tôi dính cứng vào đất

đá, cọng cây, vào than đốt, vào bụi bặm. Đến khi máu ứa ra từ những ngón chân tôi mới để ý đến cái bóng của chính mình. Lạ lùng, nó ngả dài ra đến chiếc xe. Mặc dầu tôi nhỏ thó. Không, mặt trời sau lưng không có cái khả năng làm tôi phình to đến như vậy. Phải chăng vì Nàng đã chờ tôi. Nhút nhát, cẩn trọng, Nàng rẽ bước về phía tôi, bóng đổ xoài trên mặt cát. Tấm áo choàng dầy cộm phủ người. Nàng cởi áo, động tác trìu mến, theo nhịp đong đưa của hoàng hôn vừa buông xuống.

Nàng là núi trạm chổ bằng lửa, nước và gió. Trắng trinh mảnh băng đóng một màu xanh lơ. Nàng là mặt trời sắp lụn trên những bức tường bụi bặm của làng mạc lịm lắng vào đồi cát. Hôn phối giữa đất và trời, cong mởn gợi khêu gọi mời. Duyên mặn mà một đêm trời đầy sao cứ đẹp, đẹp mãi, đẹp cho đến thiên thu. Bài thơ bằng cẩm thạch ẩn trong tổ đá ong. Nàng ở đó, như thế, ngay chốn tôi muốn đến trọ. Giữa trái tim cuộc sống. Và tôi chợt sợ.

Mỗi giây mỗi phút sau lần gặp gỡ đó, tôi phải ra sức giữ Nàng cạnh tôi ít ra là trong tâm tưởng, nhưng chẳng còn bao giờ thấy được mặt. Nàng không ngơi nghỉ bóc trần trái tim tôi rướm máu mỗi ngày. Tôi bước, Nàng vẫn ngự ngay trên đỉnh nỗi trầm tư ám ảnh. Như phép phù thủy. Tôi yếu đuối. Tôi chót biết niềm hạnh phúc thoáng qua khi khiêu đố Nàng, và tôi sẵn sàng tiếp tục lập lại. Cũng có thể thế là mất Nàng mãi mãi. Tôi chẳng còn biết Nàng có phải là giấc mơ hay là cái vị nửa chua nửa ngọt một quá khứ tôi muốn quên đi. Xá gì, cứ hàng ngày tôi vẫn còn phải đến với Mohammed, với đoàn xe cam-nhông đầy thực phẩm trong căn nhà bằng vàng. Và không nhận rằng nay Nàng dần dần trở nên thứ thói quen ngày một thân thuộc. Nàng đã thành con đỉa đang hút đến cạn kiệt dòng máu trong tôi.

Một chiều nóng đến ngạt thở, tôi quay về nhà thì Mohammed đứng một mình trước cửa, mắt nhìn có chiều lo lắng hơn thường ngày. Họ *đã đi hết, tất cả. Cả Nàng cũng vậy. Trên những ngọn đồi bao quanh thành phố, tiếng trái pháo ùng oàng nổ. Mắt thất thần, tôi bắt gặp Mohammed nhìn lại, và đó là lần đầu tôi để ý thấy va nay cụt cả hai tay.*

Tái bút :

Kenema là thành phố nằm giữa một vùng màu mỡ ở Sietra Leone. Thành phố nhỏ, có thể chẳng bao giờ được kể trong những pho sử cho cả người lớn lẫn trẻ con. Nhưng một khi đã sống ở đấy, có thật nhiều điều để nói. Dẫu xung quanh là rừng, trung tâm thành phố lại

nhắc nhở miền viễn tây của nước Mỹ. Trên những con phố bụi bậm chen chúc nào là người da đen, người Liban, đám làm việc thiện nguyện và bọn lính tráng. Kim cương là cái mồi dử gây ra một cuộc nội chiến tàn khốc từ 1991. Dân chúng chịu đựng những cuộc thảm sát dã man, hàng vạn người bị chặt tay chặt chân, và trẻ con từ 6 đến 16 tuổi bị bắt cóc, bị ép ghiền ma túy rồi buộc phải làm những việc ghê rợn chém giết ngoài tầm tưởng tượng. Tuy thế, con người vẫn tiếp tục sống còn, dấu triện đóng như vết tích của lòng can đảm. Và Kenema vẫn cứ là cái nôi đong đưa những chuyện tình tuyệt vời. Vào thời chiến, rất đặc biệt, tình yêu *và* nỗi sợ *quyện vào nhau thành một, tôi tạm gọi trong truyện là Nàng cho gọn.*

ERIC N VIỆT
Sierra Leone, 06-2000



PHAN NHIÊN HẠO

Biến thái nhiệt đới

Ở trên cành cây con chim đợi bạn mỏi chân cất cánh bay vào đám mây, một ngày các trắc trở làm tổn thương bầu trời chỉ có một mình anh ngồi tự nhủ anh sẽ yêu em tha thứ chấp nhận đời sống đã tạo tác nên một con người một hoàn cảnh kết cấu bằng các vật liệu hỗn tạp của xứ sở bán khai và không bình tĩnh.

Chúng ta ở quá xa nhau những đám mây ở đây không về tới bên ấy chúng rụng xuống giữa đường trong đêm trên đại dương đen thẳm cái chết vô hình không một ai chứng kiến sự suy tàn của những cuộc thử nghiệm phù du.

Đời sống của anh không có chân bám xuống các con đường đêm ngày tỏa khói, anh cần đeo lên hai mắt cá hai thỏi chì để khỏi trôi dạt nhẹ dạ cả tin của một người hiểu biết nhưng bở ngỡ giữa các biến thái nhiệt đới các bông hoa mau tàn và mùa mưa bắt đầu làm thế nào em đi khỏi ướt dưới những sự lừa dối của chính em.

Anh cố dạy em bài học đạo đức bằng tình yêu cao đẹp của một điếu văn không có phần lung khởi, tất cả những ước vọng cách điệu này chỉ là bản sao của một loại thi pháp cổ lổ rã mục trong quan tài gỗ trầm hương, làm sao em có thể trong sạch dưới gánh nặng của lo toan không ngừng và các dục vọng trương phình trong một thành phố độn ngực.

Ngước lên bầu trời sao lúc mười tuổi anh đã thấy những thiên thần mặc áo đen dịu dàng và chết chóc, sự trong sạch không làm được gì khi mặt trời vắng khuất, các thiên thạch mù chưa đi hết

đường đã phát nổ vào nhau, việc chứng kiến các tác động hỗn mang khiến con người lớn lên hầu hết đều bạo dâm và sợ hãi.

Có phải anh đã từng là một người mạnh mẽ trên con thuyền đơn độc qua vịnh hẹp nơi gió không dám đến anh phải tự chống chèo bằng nỗi loạn kiêu hãnh bằng tích lũy các phương hướng thuộc lòng các con đường tưởng tượng trên mặt nước không ranh giới nín câm, anh đã từng thôi miên chim nhưng giờ đây bơi chật vật trên mặt hồ trù mật, sự nghịch lý thậm chí khôi hài không thể diễn cho em xem.

Chỉ nói vậy thôi ngôn từ thốt ra xoắn lại như bím tóc, có quá nhiều khập khiễng và tham lam trong dáng vẻ của những kiến trúc vội vã này, phòng ngủ ngang hông phòng tắm hẹp các bao cao su dễ rách, những cuộc làm tình vụng trộm quên lãng vào sớm mai, các cuộc trao đổi diễn ra hàng ngày dưới lớp vỏ triển vọng của một quả trứng thối.

Ánh sáng mắc trên cột điện bất dịch kiên nhẫn đợi một người say đêm đi đến tiểu, trong bảy mươi lăm triệu người anh đã yêu em và anh không thuộc về các con đường chật hẹp các con đường cao tốc các chỉ tay trên bản đồ chỉ ra số phận những quốc gia, anh chỉ thuộc về những sự giữa chừng, nỗi cô đơn và sự không tìm thấy, những chìm nghỉm của các hành động điên rồ trong một cuộc tìm kiếm gần như không mục đích, hoan lạc đau đớn và ở chân trời là sự tiêu vong.

Anh không thuộc về cái tổ chim non này những bài ca buổi sáng quá nỉ non đồng quê có khá gì hơn thành phố anh chỉ muốn rằng cuối cùng em vẫn yêu anh có đám mây đôi khi cũng vượt được đại dương mưa trên một đỉnh đồi cạo trọc, tóc sẽ mọc lên trên bóng đèn.

PHAN NHIÊN HẠO



NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

Chiều dầy tiếng động



Nhà xoay lưng, ở cuối con đường nhỏ ngoằn ngoèo, ngược hướng với con lộ chính. Mặt tiền nhà day ra biển. Cả khu đều là chung cư đôi, từng cặp hai bên con đường nhỏ khuất lánh. Dân đến khoảng hai giờ chiều. Đi chậm dọc theo lề Dân nhìn quanh, không có tiếng động nào khác ngoài trừ tiếng chân giầy của anh và tiếng gió lướt ngang tai.

Cửa chung cư số 28, căn A, mở rộng. Hơi ngạc nhiên, Dân gõ nhẹ vài tiếng, dừng nơi ngạch cửa chờ đợi. Dân nghe tiếng chào hỏi vui vẻ trước khi nhìn thấy người đàn bà trẻ đứng dậy từ chiếc ghế bành nơi phòng khách bên trái cửa.

"Chào ông. Mời ông vào. Ông Trần phải không ạ?"

"Vâng. Chào cô."

"Tôi tên Jolera, quản trị dãy chung cư này. Ông cần gì hoặc thắc mắc chi cứ gọi tôi. Đây, số này, ông được quyền gọi hai mươi bốn trên hai mươi bốn, tôi đính kèm bên máy. Mời ông đi thăm nhà."

Dân theo Jolera nhìn sơ qua mấy phòng và các thứ đồ đạc trong nhà. Jolera vừa đi vừa nhắc lại những điều lệ anh đã đọc qua trước khi ký hợp đồng mướn nhà. Lễ độ, Dân ừ ào loáng thoáng thật sự

không mấy chú ý nghe.

Dân mang va ly lên phòng sau khi Jolera ra khỏi cửa. Bao lơn phòng ngủ trên lầu xoay ra hướng biển. Nắng chói chang mắt nhìn. Dân để mặc cửa ra bao lơn mở rộng. Jolera đã mở máy điều hòa không khí trước nên gió lùa vào nơi cửa dường như nóng hơn, nồng mùi biển hơn so với khí mát lạnh trong phòng. Dân cởi giày rồi cởi áo nằm dài trên giường nhìn trần nhà trắng muốt. Được một lát, Dân ngủ lúc nào không hay, tai thoảng nghe tiếng sóng vỗ nhẹ, xa, rất xa.

Khi Dân thức dậy, mở mắt sực thấy trần nhà đổi màu nhàn nhạt. Gió vẫn lùa từng cơn qua cửa mở rộng nơi bao lơn. Tiếng động đánh thức Dân, từ căn bên cạnh. Không cần chú ý Dân cũng nghe được vì chung quanh im lặng chỉ có tiếng nhạc văng vẳng. Tiếng tây ban cầm, dồn dập lúc đánh thức Dân, giờ chậm lại khoan thai theo tiếng trống. Anh nằm im nghe loáng thoáng, *Hey now,... Hey now...**, nhịp vừa phải dễ chịu cho đến hết bài. Im bặt một thoáng rồi có tiếng tây ban cầm dạo nhẹ, rồi đến giọng đàn ông *Hey now, all you sinners. Leave your lights on. Hey now, all you lovers...* cho đến đoạn giữa nhạc đánh lồng lên. Thì ra đấy là chỗ đánh thức Dân dậy.

Bên ngoài đã hết nắng từ lâu, Dân nhìn đồng hồ, hơn bảy giờ một chút nhưng vẫn còn sáng. Dân ra khỏi giường, định khép cửa nơi bao lơn nhưng giọng hát kể làu nhàu lại nghe rõ hơn từ nơi ấy, *Hey now, all you children. Leave your lights on. Better leave your lights on...* Dân bước hẳn ra ngoài. Bao lơn của căn bên cạnh có ánh đèn từ trong dọi trên bộ bàn ghế mây bày bên ngoài. Tiếng nhạc giọng hát nghe rất rõ. Bộ bàn ghế hai bên bao lơn không giống nhau. Dân thấy một cái ly thủy tinh vơi hơn nửa đặt ngay ngắn trên mảnh khăn trắng nơi bàn.

Chợt có bóng thấp thoáng che ngang ánh sáng từ bên ấy, Dân hơi giật mình vội quay nhìn ra biển như sợ bị bắt gặp nhìn trộm. Nhưng, mãi không thấy người nào bước ra ở bên kia, và Dân sực nhận ra bài hát đang trở lại đoạn đầu. Cũng nhịp ấy, tiếng tây ban cầm, rồi giọng nam lẩm bẩm *Hey now, all you sinners. Put your lights on...* Một là máy được điều chỉnh tự động chơi lại bài hát, hai là có người chịu khó đợi hết bài rồi bấm nút. Dân đứng im thở nhẹ. Xa tít xa, mặt nước biển lặng lờ. Không gian bắt đầu sậm xuống khiến ánh đèn nơi bao lơn bên kia dần dần tỏ sáng hơn. Có lúc Dân quên hẳn âm thanh tiếng đàn giọng hát nghe quen bắt đầu nhàm, bận rộn với những suy nghĩ rối mù. Khoảng mặt nước rộng lớn lặng lờ trước mắt và ánh chiều ngã tối phủ lấp mọi thứ chung quanh. Dân chỉ nhớ một điều duy nhất. Lý do của ba tuần thuê nhà bất thần.

Khi Dân quay trở vào, phòng ngủ tối mù vì mắt Dân đã quen

với ánh đèn nhà bên cạnh. Dân khép cửa bao lơn, mở đèn rồi xuống bếp. Dân mở đèn hành lang, mở đèn thang lầu, mở đèn phòng khách rồi đèn nhà bếp một cách phí phạm vô ý thức. Như để được tương phản với những ý nghĩ tù mù trong người, Dân muốn quanh mình rực sáng. Tủ lạnh trống rỗng, dù đã biết trước Dân vẫn bực mình, cảm thấy đói hơn. Dân mở tủ lấy ly, mở nước nơi bồn rửa chén, hớp một ngụm rồi nhăn mặt nuốt. Dân đã quen uống nước lọc trong chai nên khó chịu khi cảm thấy mùi thuốc sát trùng quá nồng trong ngụm nước vừa nuốt rồi lên lầu vào phòng tắm.

Trong lúc tắm, Dân lơ mơ suy nghĩ, cố nhớ lại khoảng phố xá trên lộ chính trước chỗ rẽ vào khu dân cư riêng biệt này. Hình như có một hay hai tiệm ăn tên quen thuộc thường thấy ở những phố thương mãi đông đúc, và gần đâu đấy một siêu thị thường mở cửa hai mươi bốn giờ. Dân nghĩ đến gọi Jolera để hỏi nhưng rồi quên bẳng đi lúc mặc quần áo, tai loáng thoáng nghe *Hey now, all you killers. Put your lights on... There is a monster.* Dân lắc đầu nghĩ đến một người không bình thường nơi nhà bên cạnh khi tiếng tây ban cầm lặp lại không biết là lần thứ mấy. Dân bắt đầu cảm thấy khó chịu khi rời nhà đi tìm nơi ăn tối.

Sau khi ăn, Dân ghé siêu thị tìm mua vài thứ lặt vặt cần thiết rồi mới quay về nhà. Anh đang khom người gom mấy bao giấy trong cốp xe thì bỗng có tiếng chào hỏi khiến anh giật nẩy người quay lại.

"Chào ông Trần. Ồ, xin lỗi, tôi làm ông giật mình?"

Jolera đứng bên lề đường với con chó màu đen. Mắt Dân lướt thật nhanh ngang cặp chân dài với cái quần ngắn, lên nữa rồi dừng lại nơi cặp mắt mở lớn của Jolera.

"À không. Không sao. Lỗi tôi. Tôi không nghe tiếng cô đi tới."

Giọng Jolera vui vẻ một cách quá lố.

"Ông đi chợ đấy à? Sao không dặn trước? Chúng tôi có dịch vụ cung cấp thức ăn nước uống đầy đủ theo yêu cầu của người mướn nhà trước khi đến. Phiền nhỉ?"

Dân lắc lắc đầu.

"Tôi không biết dịch vụ ấy. Vả lại tôi cũng chẳng có nhu cầu ăn uống gì nhiều."

"À. Nhưng ông định ở lâu hơn ba tuần?"

Dân hơi ngạc nhiên khi nhận ra Jolera nhớ kỹ.

"Cô nhớ hay nhỉ. Tôi không định ở lâu thế nhưng chưa biết được."

Jolera cười. Giọng cười trẻ trung hồn nhiên.

"Rồi ông sẽ thích nơi này. Nên ở cho đến hết hè. Mai, ông xuống thăm bãi biển riêng cho biết. Trong chùm khóa tôi giao ông có chìa cổng xuống bãi."

Rồi Jolera chào Dân, dẫn chó đi trên lề rẽ sang lối khác. Dân mở cửa căn A, bật đèn, sực nghe văng vẳng. *Hey now, all you lovers. Put your lights on...* Dân lẩm bẩm gì đó bực bội, để mấy bao đồ nơi quầy bếp rồi lấy ra những món cần cho vào tủ lạnh. Xong xuôi, Dân vào phòng ngủ mở va ly móc quần áo lên và sắp đồ lót vào ngăn tủ. Không biết bao lâu thì xong nhưng hình như có lúc Dân quên bẳng hoặc không nghe gì hết cho đến lúc lên giường, tay đang lật lật mấy trang tạp chí thì sực nghe *Wo-oh hey now, hey now...*

Dân day sang bên kia nhưng chỉ đọc được vài hàng thì tiếng đàn lồng lên khoảng giữa như lên cơn điên. Tiếng đàn tây ban cầm điện chói tai rồi dịu xuống *Hey now, all you sinners...* Dân nằm im một chập lâu không rõ nên có phản ứng như thế nào. Bài hát có vẻ buồn bã, nhưng càng nghe Dân càng bực mình vì sự lặp lại đến độ quá lố. Mất kiên nhẫn, Dân gõ nhẹ vài tiếng rời rạc nơi tường. Bên kia tiếp tục *There's a darkness, deep in my soul...* Dân chờ đợi, lơ đãng giở tạp chí đọc tiếp được vài hàng thì bản nhạc đến cuối bài. Chưa kịp thở ra thì tiếng đàn dạo lại bắt đầu. Dân nghĩ đến một thằng điên nào đó. Nhưng mặc nó, Dân nhìn đồng hồ, hơn mười một giờ, khuya rồi, điên cũng phải biết theo giờ chứ. Dân dộng nắm tay vào tường mấy tiếng khá mạnh, rồi chờ đợi. Bên kia dĩa hát vẫn tiếp tục *Hey now, all you children...* Dân dộng liên tiếp mấy tiếng nữa nơi tường, ngồi bật dậy nghe ngóng. *Because there's a monster living under my bed.* Bực bội, Dân ra khỏi giường xuống bếp lục lạo rồi trở lên trở cán dao gõ mạnh vào tường nhiều lần liên tiếp, trong đầu ngẫm nghĩ đến một thằng điên say thuốc. Sau tràng gõ, Dân lại đứng im chờ đợi động tĩnh bên kia tường. Âm thanh không có vẻ gì dịu xuống hay nhỏ đi, thay vào đó, Dân giật nẩy người với tiếng dộng mạnh từ bên kia đáp lại. Thùm thùm thùm. Rất giận dữ. Thùm thùm thùm. Dân bực bội vất con dao lên bàn ngủ, nghĩ đến gọi Jolera để than phiền thì bên kia lại có tiếng dộng. Thùm thùm thùm. Tiếng nhạc giọng hát vụt lớn một cách dữ tợn *She says I've got nothing to fear...* rồi tắt phụt đi.

Buổi sáng êm ả khi Dân ra cửa. Cô gái trẻ trung quần ngắn giày bata vừa rời khỏi căn B bên cạnh. Ngang qua Dân, cô cười thật tươi.

"Chào ông."

Dân hơi ngỡ ngàng nhìn theo rồi đổi từ nỗi hậm hực của tối qua ra thích thú. Thì ra đấy là thủ phạm của sự lặp đi lặp lại đến độ điên

khùng kia. Tất nhiên là cô gái rất hấp dẫn mắt nhìn với tóc dài đuôi ngựa nhún nhẩy, cặp mông uốn éo khi đi nhanh, và bộ ngực đầy đặn, với cánh tay, bắp chân nở nang chứng tỏ một người có tập thể dục hoặc chơi thể thao. Một người tươi trẻ như thế này thì sự điên khùng ấy cũng có thể tha thứ được. Dân nheo mắt nhìn theo. Một người đẹp mà gây đến ngần ấy tiếng động thì cũng có nhiều lôi cuốn bí mật.

Dân nhìn theo mãi. Cô gái đi qua bên kia đường rồi mở cửa một chiếc xe van trắng. Dân vẫn chưa nghĩ ra cho đến lúc xe rời lề đường, phụt chút khói khi rồ ga mạnh lấy trớn, óc Dân mới hiểu ra hàng chữ mắt đã nhìn thấy trước cùng với huy hiệu của một tiệm hoa.

"Đã thành lệ rồi. Những sáng thứ bảy khi nào có ở đây, cũng có hoa giao tận nhà. Thích nhỉ?"

Dân quay lại. Jolera đứng bên cạnh.

"Chào Jolera. Cô nói ai?"

"Chào ông Trần. Tôi nói người hàng xóm của ông. Một người may mắn. "

"Cô cứ gọi tên."

"Vâng. Anh Dân, anh định xuống bãi đấy à?"

"Nhờ hôm qua Jolera nhắc. Ừ, tôi xuống bãi xem qua."

Dân ngần ngừ rồi tiếp.

"Khu này có nhiều trẻ con hay vị thành niên không?"

"Ít lắm anh ạ. Những người mướn nhà luân phiên thường là những cặp con đã lớn hoặc vợ chồng son trẻ. Cũng có nhà, chủ chỉ ở mùa hè hoặc dịp lễ lớn, khoảng thời gian còn lại trong năm thì chúng tôi quản trị việc cho người khác thuê mướn. Mùa hè thì bận lắm. May là hôm nay chưa hẳn vào hè. Còn hai tuần nữa mới bắt đầu đông người. Cũng khá buồn cười. Như sóng biển đấy thôi. Đến ào ạt liên tiếp. Hết đợt này đến đợt kia. Trăm thứ đòi hỏi. Trăm việc phải làm. Cả ngàn thứ phải sửa ngay, thay ngay, rồi hư ngay. Giấy tờ hợp đồng thế này thế kia. Rồi hết hè, hết cả người. "

"Kinh thế à?"

Jolera cười xòa. Dân nhìn mấy chiếc răng trắng đều đặn gợi ham muốn.

"Tôi nói hơn sự thật một chút! Yên tĩnh quá có khi lại gây nên mực độ lo lắng khác."

"Tôi cứ tưởng thật."

"Thì cũng gần giống vậy. Tôi chỉ gợi đùa sự thông cảm của anh."

Dân nghĩ *Thông cảm hay tình cảm?* nhưng không nói ra, chỉ gật đầu chào Jolera, rồi theo con đường mòn nhỏ dẫn xuống bãi. Dốc

xuống ngoằn ngoèo. Gần đến bãi, con đường mòn nhỏ biến thành những nấc thang gỗ dài ngắn không đều chân bước. Nhiều nấc ở giữa mòn thụp khiến đà chân đặt xuống có khi khập khễnh bất ngờ. Nửa đường có nơi doi ra biến thành một sân nhỏ cỗ hai băng gỗ dài với lan can cheo leo sát ghềnh đá nhìn ra biển. Dăm ba người tụm lại đang chăm chút vào một người nào đó ngồi gát cả hai chân lên băng ghế. Dân nhìn lướt ngang rồi tiếp tục đi, hơi nghiêng người tránh một bà già đội nón rơm vành rộng, áo tấm nhiều màu, đứng dựa sát bên thang. Bà chợt lên tiếng.

"Anh đi cẩn thận."

Dân hơi ngạc nhiên khựng lại nhìn. Bà cười vẫy tay về phía băng gỗ, nói tiếp.

"Có người vừa mới ngã. Anh đi cẩn thận. Mấy nấc thang không đều."

"À. Vâng. Cảm ơn bà."

Dân nhìn trộm thật nhanh về phía băng gỗ nhưng không thấy gì ngoài lưng hai ba người đàn ông mặc quần ngắn vây quanh che khuất người ngồi trên băng gỗ. Dân thấp thoáng thấy được một tay ôm cổ chân. Anh quay lại cúi nhìn mấy bậc thang, đi chậm hơn.

Nơi bậc thang cuối là cổng gỗ có khóa. Sau đó là bãi cát dài. Màu cát vàng bẩn. Dân mở cổng đi vài bước rồi cúi xuống lột đôi dép, anh vẫn thích đi chân trần trên cát, nhất là cát ẩm. Bãi không đông người, thưa thớt đó đây. Một bãi biển riêng chẳng trách vắng người. Dân lựa chỗ trải khăn gần lưng dốc đá để trốn nắng nhưng không nằm, anh bật mở chiếc ghế nhôm ra ngồi. Chỉ có mình Dân trên bãi với máy vi tính trên đùi.

Dân chăm chú viết tường trình, giữa hai câu cân nhắc, sực nghe *Hey now, all you lovers. Put your lights on...* Dân ngẩng phắt đầu lên thật nhanh nhìn về phía có tiếng nhạc. Người đàn ông da đen sờ soạng nút điều chỉnh âm thanh xéo sau lưng Dân một khoảng cách hơi gần. Âm thanh khi lớn khi nhỏ theo ngón tay mò mẫn rồi dịu xuống mực độ vừa phải. Người đàn bà đã nằm sấp trên khăn trải bên chân hắn, khoảng lưng trần đầy đặn màu hồng đào. Người đàn bà chắc chắn không phải da đen. Dân quay lại nhìn nước lăn tăn sóng vỗ nhẹ. Tiếng đàn tây ban cầm nghe ra khoan thai không chói tai khó chịu như tối qua, nếu không muốn nói là nhặt khoan kích thích. *You shine like stars. And fade away.* Dân bắt gặp mình hồi hộp chờ đợi. Bản nhạc vừa chấm dứt. Nhưng, không có lặp lại. Dân trộm một cái nhìn khác về phía sau lưng. Người đàn bà vẫn nằm bất động với phần trên cơ thể hồng đào mạnh khỏe. Người đàn ông da đen bên cạnh, nửa nằm nửa ngồi, cùi

chỏ chống trên khăn, bắt gặp mắt nhìn của Dân. Cả hai cùng quay đi nơi khác như bị dội bật.

Gần trưa, nắng gắt gay, Dân xếp ghế, dọn máy vào bao sửa soạn trở lên nhà. Người đàn bà ngồi dậy từ lúc nào, đang đưa tay búi tóc. Cặp vú thật đẹp. Dân không tránh khỏi liếc nhìn mấy lần. Mái tóc dày mượt có màu nâu sẫm khá dài được búi lên cao. Dân không rõ làm thế nào mà một chiếc kẹp mong manh có thể giữ được ngần ấy tóc. Người đàn bà chắc cũng biết có người nhìn trộm nên mặt hướng về phía Dân. Cặp kính đen không cho Dân nhìn được mắt người đàn bà và cũng không rõ là xấu hơn hay đẹp hơn khi gỡ kính. Thân hình người đàn bà vừa vặn, hơi mảnh mai một chút. Cặp môi đầy rất khiêu khích, mũi nhỏ. Chợt người đàn bà cười. Dân không hiểu cười với mình hay cười với người đàn ông da đen bên cạnh. Hơi ngượng, Dân cúi xuống giũ khăn xếp lại, cặp khăn vào nách, máng chiếc ghế nhôm trên vai, tay kia xách túi đựng máy, xỏ chân vào dép. Ngẩng lên, Dân trộm một cái nhìn cuối. Người đàn bà hơi nghiêng đầu, mặt xoay về hướng Dân, miệng cười rất tươi. Dân nhìn miệng rồi nhìn xuống hai đầu vú. Mép Dân hơi nhếch nửa muốn cười trả nửa sợ bị hố, rồi lệch bệch lôi dép đi trên cát lại cổng gỗ. Lưng chừng giữa những bậc thang gỗ khập khiễng bước, Dân ngoái nhìn trở xuống nhưng không thấy gì cả ngoại trừ một chéo dù màu xanh dương đậm nơi người đàn bà tắm nắng ngực trần.

Về đến nhà, Dân nốc chai bia với cảm giác khát nước dồn biến. Mở chai thứ hai, Dân uống từ tốn hơn. Anh vừa ăn hai lát bánh mì kẹp thịt nguội vừa hớp từng ngụm nhỏ, mắt theo dõi tin tức trên truyền hình. Đầu Dân lộn xộn nghĩ đến bản tường trình đang viết dở. Có tiếng điện thoại. Hơi ngạc nhiên Dân nhấc máy:

"Anh hả? Em đây."

"Ờ"

Tiếng ờ của Dân rất thờ ơ.

"Anh không có vẻ gì ngạc nhiên."

"Có chứ! Sao Ngân biết?"

"Cô thư ký của anh."

"À"

Dân nghĩ đến Ana, một người đàn bà hơi đần dễ bị dụ khị. Giọng Ngân dịu dàng chậm rãi.

"Em đến được không?"

" Có chuyện quan trọng?"

"Không. Không có gì hết. Em chỉ muốn nói chuyện."

"Thì nói đi, anh nghe."

"Gặp mặt dễ hơn. Em đến nghe? Chỉ mất vài giờ lái xe."

Dân chậm rãi cố tình đè nặng từng chữ một.

"Đừng. Nếu cũng chỉ ngần ấy chuyện thì để anh yên vài ngày xem sao."

Giọng Ngân rất êm.

"Cho em xin lỗi. Hơi nặng lời. Em đợi vậy. Muốn thì gọi, em đến ngay. Nghe?"

Dân ừ ào rồi gát máy. Có những người đàn bà rất dịu ngọt khi cần. Và cũng có những người bất cần, thẳng băng không rù quến, không biết rù quến, hay không buồn rù quến đàn ông kiểu mật ngọt. Dân chưa gặp người bất cần, muốn gặp người bất cần nhưng Dân vẫn nằm trong số đàn ông thích nghe những lời êm tai dịu dàng. Dĩ nhiên không phải anh muốn gặp những người ăn nói cộc lốc hay cục mịch. Anh muốn gặp những người ăn nói thẳng thắn, dịu dàng càng tốt nhưng đấy phải là một cái gì tự nhiên không ép buộc, không giả vờ. Những người đàn bà thẳng băng không rù quến đàn ông bằng lời ăn tiếng nói dịu ngọt. Ngân không phải như vậy. Ngân dịu ngọt khi cần, to tiếng khi giận, bẳn gắt khi không hài lòng. Nhưng nếu chỉ giản dị có thế thì có lẽ Dân cũng chịu đựng được. Trên tất cả những thứ đó, còn có một điều gì khác về Ngân khiến Dân khó chịu mà mãi không nghĩ ra cho đến bây giờ. Sự khó chịu ấy không phải từ Ngân mà vẫn ở ngay trong Dân. Anh không còn yêu Ngân được nữa. Hay đúng hơn, Dân tưởng lầm, rằng đã yêu Ngân nhiều như Dân muốn.

Mang máy lên lầu vào phòng ngủ, Dân mở toang cửa ra bao lơn cho gió thổi lộng rồi ngồi trên giường tiếp tục bản tường trình bỏ dở lúc trưa. Dân chăm chú làm, có lúc bỏ đi lục va ly lôi ra mấy tập tài liệu, có lúc trầm ngâm suy nghĩ. Chợt Dân nghe có tiếng lụp cụp rất lạ. Dân lắng nghe. Như tiếng chân giày mà không hẳn. Một tiếng mạnh và một tiếng nhẹ, rõ là tiếng đi lại di chuyển nhưng một mạnh một nhẹ thì hơi lạ. Anh ngồi im, mắt dừng nơi con chớp nhấp nháy giữa màn ảnh. Thụp thùm. Thụp thùm. Im lặng. Thụp thùm. Thụp thùm. Lúc nhanh lúc chậm. Có lúc im một chập thật lâu. Rồi lại thụp thùm. Dân tưởng tượng đến một người đi khập khễnh hai chân mang hai chiếc giầy không giống nhau. Bật cười với ý nghĩ đó, Dân gõ máy tiếp thôi không để ý đến tiếng động nhà bên cạnh cho đến lúc có tiếng đồ vật ngã đổ hay có ai ném mạnh cái gì xuống sàn gỗ. Dân giật mình nhìn lên nghe ngóng. Có tiếng máy xe nổ từ xa vẳng lại qua cửa bao lơn để mở. Tiếng máy đều đều nghe rất nhỏ, rất xa, xen lẫn tiếng chim loi choi đâu đó, tiếng màn cửa phập phồng phất nhẹ theo từng luồng gió từ biển. Chợt có tiếng hát nho nhỏ rồi im. Dân không chắc nghe đúng giữa những tiếng lao xao vẳng từ bên ngoài. Dân đưa cây viết chì vạch

vòng tròn rồi sổ hơi mạnh nét chấm than nơi hàng chữ trên tập tài liệu. Tiếng than chì mảnh gãy ngang. Dân phủi tàn chì khỏi giấy rồi bấm viết để lộ thêm than chì rồi ghi tắt thêm vài dòng nữa bên lề giấy, xong lại vất cây viết chì máy giữa tập tài liệu ngồi ngẫm nghĩ. Tiếng thụp thùm đi lại ở bên kia nghe văng vẳng. Dân tiếp tục đánh máy không chú ý.

Giọng nói nhanh nhẹ như theo gió lùa nơi bao lơn vào tận chỗ Dân đang ngồi trên giường. Lần này thì Dân ngẩng đầu lên lắng nghe, tiếng còn tiếng mất xen lẫn tiếng cười ở giữa câu. Hình như người nói đang ở ngoài bao lơn nhà bên cạnh. Dân nhuốm người dậy hơi tò mò muốn bước ra ngoài nhưng sực nghĩ đến khoảng cách không xa mấy giữa bao lơn rồi ngần ngừ.

Đám cưới phiền quá, thôi, chắc không đi. Giận thì chịu vậy, biết làm sao hơn? Xa quá. Im lặng. *Chuyện đã thế, đã lâu.* Giọng nói chậm lại ngần ngừ. *Ai hỏi vậy?* Im lặng rất lâu, Dân sực nhận ra mình đang thừ người nghe lén chuyện người khác. Hơi bực bội, Dân đứng lên *...tò mò chuyện người khác một cách kỳ cục...* Dân xách máy, cặp nách mấy xấp tài liệu xuống lầu ngồi nơi phòng khách.

Mãi đến khi trời gần tối hẳn, Dân mới nhận ra cần bật đèn. Anh lại gần công tắc sát bên cửa. Có người ngang qua cửa sổ trước nhà. Dân đưa tay nắm lấy sợi dây khép màn cửa thì thấy người đó đi trở lại. Dân nhìn theo. Người đàn ông có chiều cao trung bình đội mũ kết, áo ngắn tay, có nét đồng phục, giống những người đi giao nước. Chập sau, anh ta trở lại, mắt liếc thấy Dân nơi cửa sổ cười mỉm tiếp tục đi, hai tay ôm xách vài bao giấy. Dân thấy chiếc xe tải nhẹ đậu trước lề, bên hông xe có huy hiệu hình tròn to không rõ là gì dưới bóng tối chập choạng. Thoạt đầu Dân không hiểu anh ta giao món hàng chi giờ này quá trễ cho đến lúc đọc được hàng chữ bên dưới. Dân chặc lưỡi khép màn nghĩ đến một người hàng xóm lười biếng không buồn đi chợ.

Quá nửa đêm Dân mới lên phòng sửa soạn đi ngủ. Đang đánh răng, Dân ngừng tay, lắng nghe. Tiếng tây ban cầm dạo. Dân nhìn mình trong gương rồi nhổ bọt kem trong miệng vào bồn thật mạnh như để bày tỏ nỗi bực bội không tưởng được với chính mình. *Hey now, all you sinners...* Dân lắc đầu khi thay quần áo. Dân lắc đầu khi xuống bếp cầm lên ly nước lã phòng khi giật mình nửa đêm khát nước. Dân lắc đầu khi mở khăn trải giường. Dân lắc đầu khi đóng cửa bao lơn. Dân lắc đầu khi với tay tắt đèn rồi nằm im trong giường chờ đợi, mắt nhìn bóng tối dần quen. *Woh-oh hey now, hey now.* Thật sự ra, so với đêm đầu thì lần này tiếng nhạc không lớn bằng, nhưng với sự yên tĩnh bên này thì mọi tiếng động vẳng từ bên kia vẫn là lớn. Dân lăn qua một bên rồi ngồi

bật dậy, dộng nắm tay vào tường nơi đầu giường mấy lần, rồi chờ đợi. Tiếng nhạc vẫn vậy. Tiếng tây ban cầm phừng phừng. Tiếng trống phình phình. Tất cả như thách đố mực chịu đựng của Dân. *And fade away.* Cuối bài, nhạc lơi rồi im. Dân thở phào, đặt mình nằm xuống.

Dân bắt đầu ngần ngại khi để cửa bao lơn mở rộng. Tiếng đi lại không đều từ căn bên cạnh khi nghe rõ khi không. Có lúc Dân nghĩ đến một người già đi lại với một cây gậy, nhưng nhớ lại giọng nói nhanh cao tình cờ nghe được thì anh bác ngay ý nghĩ ấy. Vả lại, nhịp điệu của bài hát lặp đi lặp lại không thể nào là bài ưa thích của một người lớn tuổi.

Buổi trưa trời nóng hầm rồi mây xám bắt đầu kéo đến. Khí hậu California vẫn thế. Có khi quá nóng rồi trời sầm xuống không gió nhưng mát hẳn đi trong chốc lát. Dân cắm cúi làm cho xong bản tường trình cuối chợt nghe tiếng hát rất thanh rất cao vẳng từ cửa bao lơn. *Glo...ó ò ó ò o ri..a...In Excelsis De...o...* Chữ "gloria" được ngân nga rất thánh thiện *ó o ó o ó o ò o* ở giữa đến độ làm Dân kinh ngạc vì âm điệu nhẹ nhàng cao vút như một điệu hát ở nhà thờ nhưng Dân không phải là người có đạo nên không nhận ra ca khúc. Anh chỉ thỉnh thoảng nghe vài bài hát đám cưới khi buộc phải dự ở nhà thờ công giáo hoặc tình cờ thấy trên truyền hình lễ Giáng sinh nửa đêm. Và y hệt như Dân đã dự đoán, câu hát có mấy chữ này cứ được lặp đi lặp lại. Có khi giọng hát chợt xuống tông rồi lại lên tông, cao hơn rồi lại hạ xuống, như một người đang tập hát. Dân lại gần cửa bao lơn nhưng vẫn không bước hẳn ra ngoài như sợ sự đường đột của chính mình. Anh dựa nơi cửa nghe ngóng. Gió thổi lộng từ biển cuộn theo tiếng hát. *Glo...ria In Excelsis De...o.*

Bỗng dưng bên kia im lặng, ngừng ngang nửa chừng tiếng ngân nga.

Dân thở ra, mắt nhìn màu xanh ngắt của biển từ xa. Anh đứng hơi lâu, tựa cửa. Mãi không có tiếng động nào khác ngoại trừ tiếng xe vụt ngang, tiếng chim kêu lẻ loi đâu đó, tiếng màn cửa mỏng phật phồng quét qua quét lại có khi phất ngang mặt Dân. Như một thoáng lặp lại. Như đã từng xảy ra. Dân đông cứng với thời gian, không gian và nghe rõ mọi âm thanh vụn vặt quanh mình như đã từng nghe.

Mọi tiếng động bên kia tắt ngang bất thần như sực khám phá ra sự theo dõi của Dân. Không cả tiếng thùm thụp đi lại không đều. Không cả tiếng hát ngân nga thanh cao Dân vừa nghe. Không cả bài hát có giọng đàn ông kể lể.

Hai ngày đi qua, nỗi im lặng bất chợt nơi nhà bên cạnh lại trùng hợp với sự lo âu của Dân về những việc mang theo cần phải kết

thúc khiến anh thôi không để ý đến căn B nữa. Mọi chủ ý của anh dồn hết vào mấy bản tường trình. Sáng Dân xuống bãi sớm, một mình yên tĩnh trước sóng vỗ, chung quanh êm ả đến độ như nghe được suy nghĩ của chính mình. Khoảng mười một giờ anh trở lên tìm chỗ ăn trưa la cà một lát rồi về nhà cắm cúi làm cho đến chiều tối.

Đúng như Jolera đã nói, càng ngày Dân càng thấy bãi đông hơn, nhất là vào cuối tuần. Vì là bãi riêng của khu chung cư này nên có một số người đi lại Dân bắt đầu quen mặt chào hỏi vui vẻ.

Một sáng Dân chợt bị đánh thức bởi tiếng sập cửa khá mạnh. Còn ngái ngủ, Dân giật mình ngỡ có người vào nhà vội bật dậy nhưng ra đến cầu thang nhìn xuống thấy cửa ra vào vẫn còn đóng kín, Dân khựng lại ngỡ ngàng thì ra nhà bên cạnh có ai đóng cửa hơi mạnh tay. Từ đầu thang Dân nghe được tiếng chân chạy như nhảy cách nấc trên cầu thang vui nhộn sát vách tường. Im lặng một chập rồi anh nghe tiếng đàn tây ban cầm quen thuộc *Hey now, all you sinners...* Dân thở ra. Bài hát nghe đã quen gần như thuộc.

Buổi sớm yên lặng, dần dà Dân không còn chú ý đến ngày trong tuần nên không rõ đang là thứ mấy. Anh đem tách cà phê lên lầu, lơ đễnh mở cửa ra bao lơn rồi mở máy duyệt lại lần chót bản tường trình dự án nhiều chi tiết khá dài. Khi Dân nghe ra, tay anh đã ngừng trước, mắt nhìn chằm chằm một chữ giữa màn ảnh máy. Có người đang hát theo một giọng nữ trên dĩa nhạc *Phố đêm đèn mờ giăng giăng màu trắng như vì sao gối đầu ngủ yên...** Dân bắt gặp mình đang hát theo yên lặng trong đầu như bị lây ám. Nửa chừng bỗng có tiếng điện thoại reo một cách thô lậu bỉ ổi. Giọng hát âm thanh tắt ngấm thay vào là tiếng *Hello* rồi cho đến chiều tối Dân không nghe có tiếng động nào nữa hết.

Trưa, Dân lang thang ra ngoài đi kiếm tiệm ăn dựa biển ngồi nhìn thiên hạ rồi lòng vòng mãi đến tối anh mới trở lại, bên kia im lặng như không có gì xảy ra. Hơi tò mò, Dân cố tình đi quá cửa nhà mình lại gần ngấp nghé nhìn cửa sổ căn B nhưng màn cửa khép kín im lìm. Dân chần chừ vài giây như chờ đợi ánh đèn bật sáng nhưng xung quanh yên lặng nghe được tiếng dế gáy rích rích. Rích rích.

"Anh tìm gì đấy?"

Tiếng người hỏi từ một chỗ tối gần mấy lùm cây khiến Dân giật nẩy người quay lại rồi nhận ra.

"À. Jolera!"

"Xin lỗi. Tôi lại làm anh giật mình nữa rồi. Xin lỗi. Anh tìm gì thế? Tôi đang đi bên kia đường thấy anh lúi húi, tôi nghĩ chắc anh đang tìm cái gì..."

Jolera bật đèn bin cầm nơi tay rọi chùm sáng gần chân Dân. Hơi ngượng, Dân bịa chuyện.

"Tôi... tôi nghe tiếng động lạ nên, nên ra nhìn chừng đấy thôi."

Như để trấn an Dân, Jolera quẹt ánh đèn bin lên mấy chỗ tối.

"Khu này rất an ninh."

Dân sực nghĩ ra cách hỏi.

"Có lẽ tôi lầm với tiếng động nhà bên cạnh?"

Jolera cười.

"Một người gây được bao tiếng động?"

Dân đùa lại.

"Phải có trên hai người mới gây được nhiều tiếng động đáng kể?" rồi nhân tiện tìm hiểu một cách vụng về "Người ở căn bên cạnh... lâu chưa?"

"Cô ấy đến đây nhiều lần rồi. Có khi chỉ một cuối tuần. Có khi dăm ba tuần, cả tháng cũng có. Rất bất thường."

Dân buột miệng.

"Tôi nghe đủ thứ tiếng động... " rồi ngập ngừng sực nhận ra mình có vẻ thú nhận việc nghe lén không mấy tế nhị "... hơi kỳ cục như, như..."

Jolera phá lên cười ngắt lời Dân.

"Như gì? Chỉ phải cái tội hay mở nhạc lớn thôi. À, anh không gặp cô ấy đi nạng mấy hôm trước à?" không đợi Dân trả lời hay có phản ứng, Jolera tiếp "Té nơi thang gỗ dẫn xuống bãi tuần rồi. Hình như vẹo mắt cá hơi nặng. Mất mấy ngày đi đâu cũng lập cập vất vả vướng tới vướng lui cái nạng không quen sử dụng. Sáng này đã bớt nhiều, tôi gặp đi dạo dưới bãi lúc sớm không lôi theo cái nạng nữa."

Dân sực nhớ đến sáng đầu tiên trước khi xuống bãi tình cờ thấy dăm người vây quanh người ngồi duỗi hai chân trên băng gỗ. Thì ra tiếng thụp thùm anh nghe là tiếng người đi lại chỉ dùng một chiếc nạng.

"Cô ấy hay mở nhạc có làm phiền anh lắm không?"

"Không. Không." rồi thành thật "Đêm đầu mới đến tôi hơi mệt muốn ngủ sớm nên có hơi khó chịu một chút."

Jolera nghiêng mặt, mắt hơi nheo nheo. Dưới ánh đèn vàng tù mù dọi từ hàng hiên nơi cửa ra vào ra đến sân, Dân chỉ thấy ánh lấp lánh nơi mắt Jolera, có cảm tưởng Jolera muốn châm biếm điều gì nhưng kịp nghĩ lại nên thôi.

"Năm ngoái có gia đình kia thuê căn của anh. Hai bên than phiền lẫn nhau, vui lắm. Cô ấy than trẻ con đùa giỡn ồn quá trong khi

họ than là cô ấy lúc nào cũng mở nhạc đến khuya. Hễ có mặt ở nhà là có tiếng nhạc." Jolera cười ra tiếng "mà lại thích nghe đi nghe lại mỗi một bài, ai chẳng nổi điên?"

Dân cười theo Jolera.

"Ừ, cũng lạ."

"Nhưng nếu anh phiền thì cứ gọi tôi để tôi nói lại. Cô ấy tương đối dễ chịu. Thế nào? Chỗ này vừa ý anh không?"

"Cô không phải hỏi, tôi rất thích bãi biển ít người."

"Không nghe động tĩnh nơi anh, tôi hơi lo ngại. Sự hài lòng của khách bảo an chỗ làm của tôi!" Câu sau giọng Jolera đổi ra giễu cợt nhưng Dân hiểu có phần nào sự thật trong đó.

"Tôi không có gì để phàn nàn. Đây là một chỗ trốn tuyệt vời."

"Một chỗ trốn? Anh nói đúng."

Dân cười.

"Nhưng chắc chỉ mình tôi đi trốn."

Jolera không cười.

"Đừng vội tưởng. Mỗi người trong chúng ta đều có lúc muốn trốn, cần một chỗ trốn, và mong có dịp để trốn mà thường là không được như ý muốn."

Thụt lui vài bước sửa soạn rời đi, Jolera nói mắt nhìn bâng quơ chung quanh.

"Nghĩ cho cùng, anh nói đúng, đây là chỗ trốn tuyệt vời." rồi nhìn Dân cười mỉm.

"Láng giềng của anh hẳn là đi trốn, đúng với định nghĩa anh vừa nói."

Dân không kịp hỏi, thế nào Jolera có vẻ biết rõ về người thuê nhà bên cạnh nhưng Jolera đã lùi thêm mấy bước nữa rồi chào Dân.

"Tôi để anh nghỉ. Chúc anh ngủ ngon."

"Cô cũng thế."

Dân lên giường ngay sau đó. Nằm trong bóng tối, hơi lạnh điều hòa dễ chịu nhưng Dân lại không ngủ được như đã tưởng. Một chỗ trốn. Dân biết rất rõ mình đi trốn những gì, và cũng biết rất rõ cái hèn của mình trong hành động đó. Nhớ lại định nghĩa của Jolera về một chỗ trốn, hành động đi tìm chỗ trốn, ý tưởng thực hiện hành động, Dân thở dài. Có khi sâu tận tâm tưởng mình không muốn ý tưởng đi trốn biến thành sự thực. Và đó là cái hèn tiềm tàng không dám đối diện, không thể đối diện. Đó là cái yếm thế giấu diếm sâu kín trong người. Thể như biết rằng chỗ trốn ấy không thật sự là điều muốn tìm kiếm, anh lại thở dài, đấy chỉ là ý tưởng nuôi sống một đời tầm thường

vô vị. Thể như để dối với chính mình rằng mình cũng có một ý tưởng, một hy vọng, một niềm tin, một chút sáng lẻ loi rất đáng để lúc nào cũng ngoi mình về đấy. Thể như, Dân thở dài, tưởng rằng mình cũng có một đời sống tinh thần phức tạp với nhiều nỗi ray rức. Tất cả, chỉ là dối trá.

Tiếng điện thoại reo. Dân choàng dậy. Văng vẳng có tiếng chuông reo dài từng hồi. Mấy chập rồi tiếng chuông bị cắt đứt. Dân dụi mắt tỉnh ngủ, đưa tay nhìn đồng hồ nhưng cổ tay trống trơn sực nhớ đã cởi bỏ bên bồn rửa tay trước khi đánh răng. Phòng ngủ rất tối. Dân có cảm tưởng những mảng tối quanh giường, trên người trộn lẫn nặng nề với lặng thinh. Có tiếng cười khẽ. Rồi lớn hơn một chút. Dân lắng nghe, vô tình không nhận ra đầu mình hơi nhỏm trên gối. *Tôi đấy à? Thì cứ cho rằng chỉ mình tôi thế đấy.* Giọng cười dòn vui nhộn. *Tự kỷ ám thị.* Dân không hiểu tiếng cười. *Không. Thì đôi khi cũng nên tâng bốc mình lên với chính mình chứ. Khổ, không ai khổ bằng. Vui, không ai vui bằng. Buồn, không ai buồn bằng. Tuyệt vọng... ờ, gì cũng nhất cả... Cũng là một thứ tâm lý bình thường. Mắc bệnh tưởng.* Giọng nói chậm lại. Những tiếng sau cùng dường như ngiêm trang hơn vì giọng nói trầm xuống. Im lặng rồi tiếng cười lại bật lên. *Ừ... Đúng... Ừ.* Như đang gật gù với người nào đó bên kia đường giây, tiếng chấm câu dịu dàng. *Ừ. Ừ. Đúng đấy.* Tuy tiếng nghe được là "ừ" nhưng Dân không nghe "ừ" mà nghe ra "dạ", hết sức tự nhiên. Giọng nói khi vui thì nhanh và cao, lúc chậm thì trầm thấp rất lạ. Dân hình dung ra nét vui nét nghiêm trọng thay đổi rất nhanh và bất chợt nơi người nói. *Tôi đang lúc chán tất cả mọi thứ chung quanh.* Im lặng rồi cười khẽ. *Anh hùng rồi cũng thấm mệt. Cải lương gớm.* Rồi như có người lạ nào đó chen vào hát mấy câu vọng cổ một cách nghiêm cẩn chứ không đùa giỡn. *Em Lan ơi nào có tội tình chi mà em phải tìm chốn đoạn a a a trường.* Dân không hiểu người này đang đùa giỡn hay đang tâm sự. Sau câu vọng cổ là một im lặng kéo dài. Dân nhỏm người dậy kê sát tai vào tường nơi đầu giường nhưng không nghe thêm gì cả.

Dân xuống bếp tìm được lon bia cuối cùng trong tủ lạnh còn vỏn vẹn vài món rời rạc trên mấy ngăn kệ buồn bã. Ba trái chuối thâm kim đen mốc nằm cạnh hộp thức ăn thừa mang về từ hôm nào không còn nhớ. Hộp bánh pizza nằm ở ngăn cuối. Dân hé nắp nhìn rồi lôi hộp ra ngoài. Tuy đã định cho chúng vào lò nướng nhưng nghĩ sao Dân cặp hai lát bánh lại với nhau rồi vừa cắn nhai vừa đi trở lên lầu, tay kia mở bia.

Mở cửa ra bao lơn, Dân không bật đèn, ngồi ăn hai lát bánh dai dai lạnh ngắt. Bên ngoài dường như đứng gió hay Dân có cảm

tưởng sai lạc, trời đêm không chút gió. Rất yên tĩnh, Dân nghe cả tiếng nhai của mình, tiếng nuốt ực ngụm bia, chợt nghe... *Hey now, all you sinners. Put your lights on...* Dân đổi thế ngồi quay nhìn bao lơn nhà bên cạnh. Có lẽ cửa cũng mở. Có lẽ đèn cũng tắt. Không có người nơi bao lơn nhà bên cạnh. Hai chiếc ghế mây trắng nhờn nhợn đối diện nhau. Tiếng đàn tiếng hát đua nhau chạy từ bóng tối, nơi cửa ra vào bao lơn của nhà bên cạnh, tung ra ngoài không gian lặng thinh vắng ngắt rồi vữa tan đi. Chưa đến nửa bài chợt tắt phụt. Dân hồi hộp chờ đợi mà không rõ đợi gì. Lâu lắm anh ngồi im không cử động. *Em đến nơi này bao điều chưa nói. Lặng lẽ chia xa, sao lòng quá vội. Một cõi bao la ta về ngậm ngùi, Em cười đâu đó trong lòng phố xá đông vui...** Giọng hát lào khào lẩm nhẩm, có chỗ chậm như nói, lặp đi lặp lại mấy câu như dĩa hát bị cà lăm. Rất kỳ cục, sự lặp đi lặp lại không biết chán này.

Tiếng hát dứt cũng đột ngột chẳng kém những thứ tiếng động lặp lại, mở lớn, tắt ngóm lúc nãy. Rồi có tiếng reo vui khẽ khàng. *Xong chưa? Đợi lâu quá... Ừ, đợi lâu thì nói đợi lâu. Nói khác à? Không nói được. Đàng này đã quen ăn nói kiểu của riêng mình.* Tiếng cười rúc rích bẳn nhẳn. À thì ra người đó đang giữ chờ đường dây điện thoại. Cuộc nói chuyện chưa tàn. Từ bao lơn, Dân nghe rõ hơn lúc ngồi trên giường, nhưng vẫn có khi giọng hạ thấp gần như thì thầm, anh nghe chữ còn chữ mất. Bây giờ thì ít cười hơn lúc nãy, nhiều lần hạ thấp hơn, có vẻ từ tốn tuy vẫn giễu cợt. *Lúc nào cũng muốn đi nghỉ hè. Mơ màng đến nghỉ hè. Tơ tưởng đến nghỉ hè. Đến lúc nghỉ hè thật thì... thì chán quá.Tại sao hở? Sao lại hỏi một cách dư thừa như thế này?... Tôi tưởng thông minh hơn và biết tôi rõ hơn thế chứ. À. Ra thế... Ừ, tôi thì thế. Chán tôi chưa? Chưa? Hay lại giả vờ ta đây độ lượng?... Ừ thì mình thương hại lấy mình vẫn hơn người khác thương hại mình... Phải không?... Tôi vẫn yêu... một chút sai lầm... ai không có lúc sai lầm?... Tôi không phải thánh... không... thích là gì? Thế là... sao lại thế?* Giọng nói càng lúc càng nhỏ, rời rạc hơn. Dân nghe không hết cả câu, chỉ có vài chữ không tạo nên nghĩa gì hết đối với anh. *Lúc này tôi dễ nổi giận... không biết tại sao... Có một cái gì bực bội không hài lòng hay một nỗi sợ hãi lo âu gì đó không chừng... Không... Tôi biết... Ừ. Biết chứ... Thì đang nói... Chuyện nhảm!* Đến đây thì Dân bắt đầu chán không muốn nghe lóm nữa. Tiếng chân ghế Dân đẩy sang bên khi đứng dậy hình như khiến người bên kia chú ý nên lúc anh vừa xoay lưng đi vào thì nghe tiếng cửa sập lại vội vàng.

Dân gọi Jolera sửa hợp đồng thuê nhà.

"Tôi ở thêm hai tuần nữa."

"Xin lỗi. Anh chỉ có thể ở thêm ba ngày thôi. Nếu anh cho biết sớm hơn," Jolera thở dài trên điện thoại, "thì đã dàn xếp được rồi."

"Lúc mới đến tôi bận nhiều chuyện chưa giải quyết xong nên không rõ thì giờ, thời khóa biểu của mình ra sao."

"Biết sớm thì tôi có thể dàn xếp được với nhà bên cạnh anh."

Dân ngạc nhiên.

"Là sao?"

"Tôi đổi nhà bên ấy cho người thuê đến sau anh. Họ đã giữ chỗ từ năm ngoái. Tiếc quá, người ở nhà cạnh anh vừa yêu cầu gia hạn thêm hai tuần nữa, tôi đã nhận lời nên không đổi được để anh có thể ở thêm hai tuần. Tôi rất muốn anh ở lại lâu hơn."

Dân tưởng tượng đến nét mặt vui vẻ hồn nhiên xuề xòa bỗng nghiêm lại một cách đầy cố gắng của Jolera.

"Jolera, tôi dọn sang nhà khác cũng được, miễn là cũng trong khu này."

"Anh không hiểu. Đã vào hè, không dễ đổi chỗ hay đổi thời khóa biểu mướn nhà bất ngờ tuy cũng có trường hợp khẩn cấp hủy bỏ hợp đồng vào giờ chót. Nhưng, không ai biết trước được trường hợp khẩn cấp là lúc nào, xảy ra cho ai, để có thể gia hay giảm hạn mướn nhà đúng lúc đúng chỗ mà không làm phiền hay xáo trộn người khác."

"Thế thì thôi vậy. Thêm ba ngày nữa, đâu được thêm bao nhiêu. Thôi, Jolera nhé, cứ giữ nguyên thời hạn cũ."

"Vâng, tùy anh. Tuy nhiên, tôi vẫn cố gắng xem sao."

"Thôi, khỏi phiền cô."

Dân biết rằng chuyện đổi ngày thuê giờ cuối thường rất khó, nhất là ở một nơi nghỉ mát phổ thông nhiều người biết, và tiện hơn nữa khi nó chỉ cách thành phố lớn đông dân cư khoảng ba giờ lái xe. Như cảm được nỗi thất vọng của Dân, giọng Jolera nhẹ nhàng an ủi.

"Hay nếu anh muốn, tôi thử điều đình với người thuê căn B xem sao."

Dân phản đối, đâu đó bỗng nghe *Hey now*... văng vẳng trong đầu.

"Làm phiền người ta. Thôi..."

Dân cười không ra tiếng. Tất nhiên Jolera bên kia đầu dây không hay biết.

"Cứ để tôi thử, nhé."

Dân ừ ào rồi gát máy không hy vọng gì cả. Có lẽ Jolera chỉ muốn chiều khách nên gì cũng cố gắng kể cả việc không thể được.

Mỗi khi bước ra bao lơn, như ngại điều gì, Dân hay nhớn nhác

ngó sang nhà bên cạnh một cái rồi mới bước hẳn ra ngoài. Anh thường cảm thấy nhẹ nhõm mỗi khi chỉ thấy hai chiếc ghế mây trống đối diện nhau, giữa là bàn tròn nhỏ mặt kiếng. Có lần thấy một cốc thủy tinh chân dài trên miếng khăn giấy trắng muốt, Dân thụt lui rồi quay trở vào. Ly còn đầy, khá đầy.

Mọi tiếng động âm thanh từ bên nhà bên cạnh có khi làm Dân khó chịu, có khi không, mỗi khi tình cờ nghe được. Dân không rõ giữa khó và dễ chịu, cảm tưởng nào yên ổn hơn, bởi vì ngay cả khi khó chịu hình như Dân vẫn cứ muốn nghe thêm nữa những gì xảy ra bên kia tường. Vô hình chung, anh biến thành một tên rình mò nghe lén và điều này khiến Dân bực bội. Chẳng lẽ anh phải ra khỏi nhà thật sớm và về thật trễ, mỗi ngày? Điều này khác gì mấy với khoảng thời gian trước khi anh đến đây thuê nhà?

Dân thường dậy thật sớm, pha vội tách cà phê mang theo, ra khỏi nhà. Có khi Ngân dậy theo xuống bếp pha cà phê làm thức ăn sáng, nhưng thường là Dân đã ra khỏi cửa. Chiều về, Dân nấn ná ở lại, lúc nào cũng có việc để làm, có bản tường trình để đọc, để sửa soạn, để quyết định. Anh lấy cớ ở lại sở trễ, vắng người bớt phải trả lời điện thoại, không phải giải quyết những chuyện lặt vặt hàng ngày, không mất thì giờ với người của những khu khác, dễ tập trung tư tưởng và bén nhạy với nhiều chi tiết trên các báo cáo tường trình của cấp dưới và cho cấp trên. Khi Dân về đến nhà, Ngân đã lên giường. Có khi Ngân đọc sách, xem truyền hình, đợi anh nhưng mãi rồi có lẽ Ngân cũng nhận ra. Ngân càng chờ, Dân càng về trễ hơn. Họ chỉ nói chuyện với nhau qua điện thoại, qua điện thư, qua những tờ giấy màu vàng đính trên cửa tủ lạnh. Cũng có lúc Ngân nói chuyện với Dân, mặt đối mặt. Nhưng những lúc ấy thường chỉ mình Ngân nói. Mặt đỏ au. Mắt ướt nước. Giọng gay gắt. Gần như la lối. Lần sau cùng, Ngân nói những gì Dân không còn nhớ, chỉ nhớ đã lẳng lặng xếp vài cái quần chiếc áo vào túi xách giữa những tràng âm thanh xối xả của Ngân, trước khi đi làm. Đã biết rồi sẽ đi đến đó nhưng chần chừ rồi lòng vòng quanh quẩn mãi, Dân thấy mình hèn với hành động tránh né, sáng đi sớm chiều về trễ, rồi bỏ trốn. Chẳng bỏ trốn thì là gì khi Dân bảo thư ký tìm chỗ thuê ngắn hạn cho mình ngay sáng đó, và đã trả lời bừa là để nghỉ hè. Không trách Ana được. Và cũng không thể trách Ana đã cho Ngân biết.

Bên kia có tiếng ly rơi trên sàn gỗ vỡ toang. Những khi vắng lặng êm ả thì nhà bên cạnh lại có đủ thứ tiếng động âm thanh. Dân lắng nghe. Lại có tiếng hát vui vẻ. *Giữa lòng trời khuya muôn ánh sao biển, người trai đi viết câu chuyện. Một chuyến bay đêm. Cánh bằng*

*nhẹ mơn trên làn gió...** Lặp đi lặp lại một cách thích thú chỉ có mấy câu. Hình như có tiếng chân đi lại rất nhẹ. Tiếng hát lúc rõ lúc không. Rồi dứt ngang. Im lặng rất lâu cho đến lúc Dân nghe tiếng cười phá lên vẳng từ cửa ra bao lơn nhà mình. Hơi giật mình tuy thừa hiểu tiếng động từ đâu đến, Dân hướng mặt ra cửa hồi hộp. Cửa ra bao lơn đang mở rộng.

Vớ vẩn. Nói chuyện người thích hơn nói chuyện mình chứ. Người ta mà. Tâm lý thường tình. Hơi đâu mà giận... Đàn ông lúc nhiều chuyện có khi tệ hơn đàn bà nhiều... Đang nghe gì vậy? Ừ. Tôi có thằng bạn thích bài đó lắm. Giọng nói đổi ra hát *Rừng lá xanh xanh cây phủ đường đi. Thành phố sau lưng ôm mộng ước gì..***. Tiếng hát bị cắt ngay bằng một chuỗi cười rồi giọng nói chợt hạ thấp *Nó chết sớm... Khỏe nợ, còn hơn sống lơ ngơ láo ngáo chưa biết điên lúc nào... Chẳng hiểu... Tôi không biết tôi thích gì. Thật. Có lúc tôi bỗng mê tiếng hồ cầm. Có lẽ những khi buồn kinh khiếp, hình như chỉ có tiếng hồ cầm mới làm tôi dịu xuống... Ừ thì khi buồn tôi dễ nổi giận, mất kiên nhẫn.* Dân nhíu mày không muốn nghe tiếp, không phải vì câu cuối mà vì sực nhận ra mực độ trầm trọng trong hành động lắng nghe của mình. Như đang theo dõi một câu chuyện đầu đuôi không rõ ràng nhưng chính sự không rõ ràng mập mờ lại thôi miên thu hút. Như đang cố chấp nối âm thanh tiếng động để tượng hình ra người ở cạnh nhà. Như đang tìm hiểu một người chỉ hiện hữu qua tiếng động. Rất vô lý ở cái hành động thu hút. Dân đứng dậy. Anh khép hai cánh cửa ra bao lơn khẽ khàng tránh gây tiếng động lớn.

Những ngày sau đó, có lúc Dân nhận ra mình chú ý nghe. Tiếng hát làu nhàu *Hey now, all you sinners...* như tiếng chuông báo một ngày bắt đầu của người bên cạnh nhà. Có khi quá trưa anh mới nghe tiếng tây ban cầm dạo đầu. Có khi sáng sớm vừa quá sáu giờ, mặt trời đang lên, màu sáng dịu thay đổi nhanh chóng, bên kia có tiếng hồ cầm rất buồn. Cả ngày như thế. Có khi lặp đi lặp lại mỗi một bài. Thỉnh thoảng có tiếng người, hình như nói một mình Dân nghĩ vậy vì đã biết bên ấy chỉ có một người. Những khi có điện thoại thì Dân đã rõ, bằng cớ là tiếng dĩa hát được tắt hoặc mở nhỏ xuống, và thường thì người đó hay nói chuyện gần hoặc ngoài bao lơn nên nếu Dân để cửa phòng ngủ ra bao lơn mở, sẽ nghe được dù muốn dù không. Thỉnh thoảng có những thứ tiếng động Dân không hiểu, không hình dung được. Như tiếng quăng ném vật gì trúng tường. Nếu là vật thủy tinh hay bằng kiếng, bằng sành, Dân nghe được tiếng bể, tiếng vỡ, nhưng nếu là vật gì khác thì Dân chỉ nghe tiếng thùm, đôi khi giật mình vì ngay tường nơi đầu giường anh đang nằm. Cũng có khi Dân nghe tiếng giày cao gót nhanh

nhẹn vui vẻ đi lại quanh phòng rồi xuống thang lầu, tiếng cửa sập lại, anh chạy theo xuống nhà nhưng không bao giờ bắt kịp dù chỉ là một cái nhìn thoáng. Dân có cảm tưởng đang nghiện ngập một thứ gì chưa biết rõ.

Buổi sớm mặt trời chưa lên, Dân dự định đi ăn sáng rồi lái xe lại một thắng cảnh gần đấy. Anh nhất định phải biến cuộc đi trốn bất ngờ ra một chuyến nghỉ hè đã lâu không có dịp thực hiện. Dân cảm thấy nhẹ nhõm hơn khi đã có một lựa chọn. Lúc khép cửa ra bao lơn đêm qua, Dân thấy rõ quyết định phải làm của mình. Có tiếng chùm khóa chạm nhau, Dân day lại. Jolera đang tiến lại gần. Dân lên tiếng trước.

"Chào Jolera."

"Chào anh. Dậy sớm nhỉ? Hôm nay trời đẹp."

"Ừ, trời đẹp. Tôi định lái xe lên khu hang động phía Bắc."

"Phải đấy, chỗ ấy rất nên đi."

Vừa lúc ấy nhà bên cạnh mở cửa. Jolera đi ngang qua Dân tiến về phía cửa. Dân ngần ngừ tò mò nhìn theo. Jolera đứng trước căn B chào hỏi người nào trong đó rồi nép sang một bên. Một người vác trên vai túi xanh màu olive dài căng phồng, một tay kéo chiếc va ly lớn. Đến ngạch cửa, mấy bánh xe nhỏ của chiếc va ly kẹt lại. Người đàn bà trẻ hơi khom người, hai tay lôi ghì nhưng chiếc va ly vẫn không qua được ngạch cửa. Jolera đưa tay kéo giúp trước khi Dân kịp dợm bước lại gần. Hai người đàn bà hơi loạng choạng cố lấy lại thăng bằng khi chiếc va ly bất ngờ vượt nhanh qua ngạch cửa theo đà kéo. Cả hai cùng cười xòa. Dân chỉ mới đi được vài bước. Người đàn bà xoay người kéo chiếc va ly đi ngang nhìn Dân cười hơi nhếch môi. Cô đi sát gần Dân, mấy sợi tóc thật dài thật đen bay phất ngang vai anh. Mùi nước hoa rất dịu lãng đãng sau lưng người đàn bà có bước dài mạnh dạn đầy tự tin. Dân nhìn theo người đàn bà dáng cao mảnh khảnh rất đẹp ấy ra tận chiếc Mustang mui trần màu đen bên lề đường. Như một thằng bé bất ngờ được món đồ chơi hằng ao ước, Dân ngẩn ngơ đứng khựng một chỗ không kịp có phản ứng. Anh chỉ biết nhìn theo.

"Cô em đến dọn đồ đấy!"

Jolera đứng cạnh Dân lúc nào không hay, lên tiếng.

"Cô em?"

Dân ngạc nhiên quay nhìn Jolera.

"Ừ, cô em. Cô chị đi rồi. Khuya qua." rồi nhún vai "Cứ như một người khùng đấy thôi." Sực nhớ ra điều gì, Jolera hỏi Dân.

"Anh vẫn muốn ở lại thêm vài tuần nữa?"

Dân trả lời không suy nghĩ.

"Không." rồi nhận ra sự cộc lốc không che giấu nỗi bất bình của

mình, anh nói dối "Tôi không được phép nghỉ lâu hơn dự định. Chịu vậy."

Jolera lắc đầu.

"Dịp may đến thì anh lại không được nghỉ. Khuya qua cô ấy lôi tôi dậy hai giờ sáng kêu trả nhà. Bảo là cô em sẽ đến lấy va ly trả chìa khóa buổi sáng, giờ cô ấy phải đi ngay. Không hiểu nổi. Tôi nghĩ đến anh nên không muốn lấy tiền ba tuần gia hạn vừa đồng ý hôm trước. Cô từ chối bảo là vẫn trả đủ dù không ở hết hạn thuê, luôn cả ba tuần gia hạn thêm ấy."

Người đàn bà trẻ nổ máy xe, mang cặp kính mát nhỏ, giấu mất đôi mắt nâu đen, bỗng dưng cả khuôn mặt đẹp thanh tao biến dạng ra cao ngạo bất cần lạnh lẽo. Dân không ngờ một cặp kính mát lại có khả năng lạ lùng không ngờ. Mặt cô hơi hướng về phía Dân rồi quay đi, xe vòng theo con đường nhỏ, chút khói trắng mơ hồ nơi ống bô. Giọng Jolera vang vang trong lúc Dân không còn thấy cần thiết.

"Cô chị thấp hơn nhưng đẹp hơn. Mà cũng khùng khùng hơn. Dở hơi. Tôi độ chừng anh ở cạnh nhà thế nào cũng có thắc mắc mà đợi mãi không thấy hỏi."

Dân quay nhìn Jolera nhún vai.

"Để làm gì? Tôi có biết gì về người đó đâu. Có gặp bao giờ để được thắc mắc?"

Dân chào Jolera ra xe, không rõ đang thất vọng điều gì nhưng biết chắc mình đang thất vọng. Thật sự ra anh có nhiều thắc mắc dù chưa gặp người đó bao giờ. Tưởng như gặp, chỉ là một hành động sau cùng, còn thì Dân đã biết được một phần, một khía cạnh, qua đủ thứ tiếng động.

Khuya qua có một lúc Dân nghe tiếng chân giép đi đi lại lại trên sàn gỗ. Chỉ có tiếng chân mà không có tiếng hát, tiếng đàn hay giọng nói. Chỉ có tiếng chân, sáu bảy bước chiều này, rồi vòng lại, sáu bảy bước chiều kia. Ngoài ra đêm rất yên tĩnh. Có khi Dân nghe được cả tiếng gỗ rạn nứt khẽ khàng dưới bước chân đi. Hình như Dân có nghe tiếng nói chuyện. *Hello... xin lỗi đã đánh thức...* không lâu lắm, vài câu ngắn gọn rồi im. Rồi tiếng chân đi lại. Sau đổi ra tiếng giày không còn là chân giép. Quanh đi quẩn lại. Lên xuống thang lầu. Hình như có cả tiếng mở cửa ra bao lơn. Dân nằm im trong bóng tối lắng nghe, không biết đang là mấy giờ sáng. Những tiếng động cựa quậy của một người không ngủ được ở bên kia, Dân nghĩ vậy, ảnh hưởng lây đến anh, vừa khó chịu không biết làm sao để gạt bỏ vừa muốn đeo đuổi tìm hiểu. Sau, sau đó nữa, hình như có tiếng nói chuyện thì thầm, giọng nói buồn bã. *Có lẽ tôi chỉ yêu tôi mà không biết đấy thôi...* Im lặng.

Cũng có thể... Mối tình lớn là mối tình như thế nào? Thế nào thì là lớn và thế nào thì là nhỏ? Tình yêu là tình yêu, chẳng lẽ còn có lớn nhỏ? Thế thì tất phải có yêu nhiều yêu ít, yêu giả dối, yêu không đồng đều, lầm lẫn tình dục và tình yêu, hay yêu chỉ để thỏa mãn một tự ái chinh phục nào đó? Yêu là gì, tôi không biết, vẫn chưa biết, vẫn đi tìm. Trên đường đi tìm, đấy là hạnh phúc. Tìm ra rồi có khi thất vọng vì thực tế lúc nào cũng đập ngay vào mặt những lúc không ngờ nhất... Bi quan... Dĩ nhiên. Con người tôi là con người bi quan, ở cái nghĩa ly vơi nửa chứ không phải ly đầy nửa. Tiếng cười khẽ. Dân nhớ tiếng cười. Tiếng cười khẽ chở khẳm nỗi buồn. *Phải về lại thôi... trốn được thì đã trốn lâu rồi, việc gì phải chịu khổ... Chắc cũng có lúc. Tôi hay ngẩn ngơ khi được tin tự tử. Ngẩn ngơ, cũng không diễn tả đúng điều tôi nghĩ... Tôi không biết tôi nghĩ gì, chỉ biết mình hụt hẫng. Tôi rất muốn cảm được nỗi thê thảm cùng cực, cái đau tâm thần nặng nề nhức buốt, nỗi thất vọng về đời sống, cái đau đơn lẻ không lối thoát đã đẩy người ta đi tìm cái chết bằng chính tay mình.Tôi không bao giờ thoát khỏi ý nghĩ đó.* Lại cười khẽ. *Không, tôi chỉ muốn cảm được... ừ, có cái nguy hiểm... nhưng tôi nghĩ tôi đã rất gần, nhiều lần... đừng hiểu lầm... tôi chỉ tò mò... Thôi, ngủ đi, khuya rồi, à không, sáng rồi. Ngủ đi.*

Dân ngủ thiếp ngay sau đó, tưởng như hai chữ sau cùng nói riêng với mình. *Ngủ đi.* Êm ái dịu dàng. *Ngủ đi.* Thể như nhắn nhủ, ngày mai không có gì đáng để buồn phiền, không có gì nan giải, không có gì bí ẩn. *Ngủ đi.* Dân nghe lắng xuống một nỗi bình yên. Ngày mai, anh sẽ tìm cách gặp người thuê nhà bên cạnh.

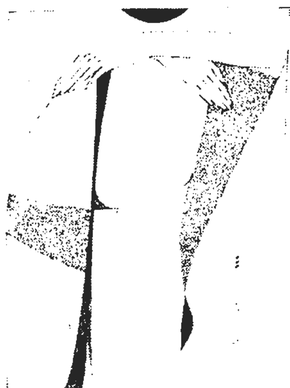
NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

* "Put your lights on", CD, Supernatural của Carlos Santana
* Phố đêm
* Hoa vàng mấy độ, Trịnh công Sơn.
* Một chuyến bay đêm
** Rừng lá xanh, Trần thiện Thanh



TRẦN-VŨ

Dấu hỏi Sorrente



Nhà xoay lưng về đôi mắt đàn ông ẩn sau bức tường quét vôi màu phún thạch đỏ. Đôi mắt im sắc mạnh mẽ lộ rõ đường mày đậm bất ngờ cong ở khúc cuối như một dấu hỏi.

- Señora thuê nhà bao lâu ?
- Tôi chỉ thuê bán thời gian.
- À, mi-tempo...

Bà Ý xoay lưng, chiếc váy cánh dơi vồng lên như điệu múa. Tôi bỡ ngỡ cố tìm đôi mắt đen nhánh đã biến mất chỉ còn chút thoáng mành lay động. Cánh dơi tiếp tục chao lượn phía trước. Tôi bước lên các nấc thang ướt rêu. Sorrente là thị tứ có những lối đi đào trong vách núi. Tôi đã đến nơi này với người đàn ông cũ cũng có đôi mắt đen màu sóng buổi chiều, thứ sóng ngầm yên lặng của vùng nước sâu và rút thật xa.

- Señora hên lắm, nhà mới vừa sơn phết rất nhiều người đến hỏi. Chỉ có cô và ông ấy...

Bà Ý chít khăn đen giống trong tranh Bottello giải thích. Thổ âm của vùng Naples vỡ những thanh sắc ríu rít. Giọng nói giống tiếng hát véo von ngân dài không dứt. Tôi cảm giác nắng cũng vỡ chung quanh.

Nhưng tất cả yên lặng đột ngột lúc chúng tôi lên đến bậc thềm cuối. Ngôi nhà hiện ra trọn vẹn đẹp như một vị thần. Mặt tiền mở tung các cửa sổ thành trăm đôi mắt cùng nhìn xuống những vườn chanh đang trĩu trái. Màu cát vàng ửng trên lan can tay vịn chạy viền khắp. Cánh cửa chính chạm nổi cầu kỳ như đôi môi hơi trễ của một người đàn ông. Phía trên gương mặt trăm đôi mắt đó là mái tóc hung của lớp ngói lợp đỏ tươi đang bồng bềnh trên đầu chàng hiệp sĩ. Tôi yêu ngôi nhà ngay khoảnh khắc ấy. Khoảnh khắc im lặng kỳ lạ của núi lửa Vésuvio trước lúc bùng nổ chôn vùi Pompei.

- Señora, bonjourno.

Tôi giật mình xoay lại. Mario với cần cổ khoẻ mạnh rám nắng. Mario với suối tóc dài xoắn xuýt. Những sợi tóc ươn ướt quăn như trăm dấu hỏi nhỏ rối rắm. Tôi đã chào Mario với người đàn ông cũ. Đã mơ những lọn tóc dài nhảy múa trên lưng anh, đã ham muốn áp mặt vào những dấu hỏi mỏng manh loắn xoắn nghịch ngợm. Người đàn ông có đôi mắt màu sóng buổi chiều không cho phép tôi thân mật với Mario nhưng những dấu hỏi nhỏ đầy nghi hoặc vẫn ở lại quấn quýt .

- Anh đến bao giờ?
- Tôi vẫn chờ Senora.

Mario dịu dàng đỡ tôi rời phà. Bến Marina-Grande tấp nập. Tôi đã yêu ngôi chợ cổ lọt thỏm trong hốc núi, những quầy cá tươi rũ lưới và những hiệu thổ sản treo ớt khô trước bến phà này. Sorrente mãi đằng xa nhấp nhô vịnh biển. Tôi quay nhìn cố tìm xem ngôi nhà có còn ở đó, đôi mắt im sắc mạnh mẽ có còn theo dõi? Tôi chỉ bắt gặp đôi mắt Mario đen huyền, ửng sáng. Mario có đôi mắt sâu thâu tất cả ánh sáng. Đôi mắt đen tuyền đưa tôi lên đỉnh Monte Solaro. Đỉnh núi cao nhất Capri có những tàng ô liu xanh ngã mình xuống vực. Tôi cũng muốn ngã, ngã chới với dịu êm lên đôi tay Mario đang mơn man mời mọc. Điệu Salsa nóng hổi dưới quán hầm sát biển, đôi tay Mario ráo riết xoắn như mái tóc nhiều dấu hỏi. Tôi đợi Mario hôn vào gáy. Đợi đôi môi đa tình của anh chạm vào ngấn cổ đã lâu không có những nụ hôn xa lạ. Tôi nhắm mắt tận hưởng khoảnh khắc im lặng của núi lửa Vésuvio, khoảnh khắc kiêu hãnh pha lẫn sợ hãi của người đàn bà sắp được hôn, khoảnh khắc linh cảm kỳ lạ của buổi sáng tôi đứng ngắm chiếc bóng mình tự tách rời kỳ quặc bước chân vào ngôi nhà có gương mặt hiệp sĩ.

Bà Ý đẩy cánh cửa chạm nổi. Mùi nước hoa đàn ông hăng gỗ tươi, tiêu muối và những lá chanh nõn xông lên. Tôi hơi choáng váng giống hương của tất cả những vườn chanh Sorrente cùng dậy lên một lúc. Các thanh nắng thẳng săm soi lục lọi, vén lên từ từ ngôi nhà rũ

rèm bài trí trang nhã. Mấy bức tượng Nam Mỹ đẽo gọt, nhiều khung ảnh đen trắng ánh sáng tương phản khắc nghiệt phơi bầy thân thể thật sát của người mẫu không rõ mặt. Chiếc ghế bành duy nhất xoay về hướng phòng ngủ chỉ ngăn đôi bằng tấm voan mỏng. Tôi lơ đãng ngắm kệ bếp bầy thật nhiều dầu ô liu, một gói pasta vừa mở, dây tỏi thắt bím buột thõng và những vỏ chai rượu vang uống nửa chừng vất lây lất. Lưỡi lam to bản, thứ dao cạo xưa còn mài trên dây nịt vất trong bồn tắm. Ý nghĩ người đàn ông bừa bãi khiến tôi khó chịu. Tôi nghĩ đến Fabricio đã khó khăn lắm mới tìm ra nhà thuê luân phiên, ngày tiễn hãy còn đùa: *Sorrente là thành phố của tình nhân, rồi em sẽ ngã. Ngã không? Ngã bao nhiêu bận rồi vẫn còn ngã được ư?* Tôi hôn Fabricio ở cổng phi trường nhất định không ngã. Để rồi xem. Anh hơi dỗi, khi vẫy. Nếu Fabricio biết tôi thuê nhà chung với một người đàn ông vô trách nhiệm và khác hẳn mẩu đàn ông tôi ưa thích, chắc hẳn anh sẽ yên tâm. Tôi chạm nhẹ ve nước hoa Eau d'Hadrien đã cạn, hoá ra đây là thủ phạm của mùi chanh ngào ngạt lúc nãy.

Sorrente đẹp nhất những giấc trưa, nắng đan lên các vách tường quét vôi phún thạch dịu mắt. Tôi thích nghiêng hẳn người ra bao lơn lắng nghe tiếng chim chóc líu lo trên mái ngói, tiếng chim lảnh lót như tiếng Ý trầm bổng, tôi thích nhô hẳn người ra tắm không khí thoáng đãng tươi mát của vịnh Naples ấm hơi thở của biển Tyrrhénia, tôi đã yêu vùng Campania chìm trong giấc ngủ mê, những lối đi quanh co dẫn đến các vườn chanh chi chít trái, dẫn đến cạnh sườn duyên hải thẳng dốc đẹp như một kỳ quan. Tôi muốn thay chiếc áo trắng mỏng manh xuống phố ngồi trong những quán nhỏ, tôi hãy còn mê lắm món pasta del mare, hãy còn muốn ăn món cơm Ý risotto trộn ngọt hến.

Đôi mắt hiện ra đột ngột lúc đó đẹp dữ dội với hàng mày đậm. Đôi mắt mở lớn đẩy xuyên qua kẽ mành lời mời gọi đĩ thỏa. Đôi mắt tước dọc người tôi từng sợi chỉ, tháo từng chiếc cúc, cắt từng đường may. Khoảnh khắc của núi lửa Vésuvio trở lại, khoảnh khắc của con người một giây trước phún thạch. Tôi vừa kiêu hãnh vừa sợ hãi. Đôi mắt không chớp, không khép, nhìn thẳng. Đôi mắt cưỡng đoạt. Tôi muốn kêu bà quản gia nhưng không được. Tôi muốn sỉ vả những lời khiếm nhã nhưng không thể cất tiếng. Tôi đứng im kiên nhẫn cho đến cúc áo cuối cùng bị đôi mắt tước mất.

Tiếng vĩ cầm quỷ quái đuổi bắt. Tiếng vĩ cầm rên xiết đứt quãng, ngưng bặt, bất chợt trổi dậy mãi mê rượt đuổi. Không phải Bach, không phải Schubert, nhưng Paganini. Tôi nhận ra ngay điệu vĩ cầm của đĩa nhạc người đàn ông thuê chung nhà để lại. Nhưng tiếng vĩ cầm sống động đến sợ. Hai mươi bốn caprices phù thủy réo gọi. Mỗi

caprice là một tiếng hú dài. Hai mươi bốn caprices thắt gút liên tục. Mỗi tấu khúc là một cơn đau. Mỗi tấu khúc là một điệu múa đến chết. Mỗi tấu khúc là điệu vũ oằn oại hấp hối. Tôi hấp tấp bước lên các bậc thang đá cheo leo, hấp tấp dẫm lên các nền thềm sũng nước, qua đường via Califano ướt mưa, qua quảng trường nhỏ Piazza Tasso trơn trợt, Sorrente buổi tối đông du khách, mưa lất phất trên các tàng dù chợ thủ công đêm đang bầy bán, tôi chen lấn xô đẩy tất cả gần như chạy đến với tiếng đàn ma quỷ thúc dục.

Căn phòng trống rỗng. Chỉ thùng đàn Guarneri để mở lửng khắc dòng chữ ngắn ngủi: Niccolò Paganini. Tôi cảm thấy lạnh se sắt. Tôi cố kéo tấm khăn choàng dạ trùm ấm lên vai nhưng không hãm nỗi những cơn rùng mình từng chập.

- Sofia!
- Señora, tôi lên ngay.
- Ai thuê ở đây?
- Thì Señora.
- Tôi muốn hỏi người đàn ông vắng mặt.
- à, senor Paganini, ông ấy lịch lãm lắm ...
- Don Paganini?
- Si.. si, don Paganini rất lịch sự.

Niccolò Paganini? Tôi lục tung ví tìm bản hợp đồng cho thuê, tên người đàn ông mướn chung đánh máy rắn rỏi đậm như một nét mày. Tôi liên tưởng đến đôi mắt đó, đôi mắt cợt nhã rình rập từng phút ở bao lơn. Đôi mắt theo dõi chỉ dứt ra khỏi thịt da khi đã thỏa mãn. Tôi rùng mình không ngớt, người đàn ông này yêu biển, tôi mở toang tủ áo những sống áo xanh đại dương ập đến mạnh mẽ như trận thủy triều. Những lần gần Fabricio tôi cũng có những cơn rùng mình như vậy nhưng chưa bao giờ tôi cảm giác rõ rệt rạt rào của biển, cảm giác sóng lên xuống trong thân thể mình như có cả một mặt đại dương đang ùa đến. Tôi đứng trân trước chiếc tủ áo cổ xưa treo những bộ costumes đen thõng với ống tay dài bất tận. Niccolò phải có thân hình dị dạng. Tôi muốn hỏi nhưng cánh dơi đã vồng xuống cầu thang mất hút.

Sofia làm việc buổi chiều trong lò bánh. Những chảo gang xếp ngay ngắn từng dẫy. Tôi ngắm ngón tay bà Ý mằn mằn nhào bột rồi cán rộng ra khắp mặt mâm. Lớp bột tán mỏng dẻo như lụa. Sofia có bàn tay thiếu nữ, những ngón nhỏ thuôn thoăn thoắt mảnh khảnh khiến tôi nghĩ đến cườm tay một nhạc sĩ.

- Tôi muốn gặp Don Paganini.
- Don Paganini đi về thất thường, señora.
- Ai ở ngôi nhà đằng sau, Sofia?

Bà Ý lẩn tránh. Tôi hỏi lần nữa *Ai ở ngôi nhà đằng sau?*. Đôi mắt hiện ra lúc đó. Đôi mắt nóng ran. Tôi quay vụt lại nhưng đôi mắt đã biến mất. Sức nóng của lò bánh hực lên ngột ngạt. Sorrente giấc trưa ầm ĩ. Tôi nhìn kỹ vào đôi mắt bà Ý chỉ bắt gặp cái nhíu mày khó hiểu.

- Có những điều đàn bà không nên biết, không nên thử.

Hai kẽ môi cánh dơi gắn chặt không thốt thêm lời nào nữa. Tôi bỏ ra phố, tất cả gương mặt đàn ông đều hao hao giống nhau, điển trai, buông một vài lời tán tỉnh dâm đãng. Nắng gay gắt khiến tôi say sẫm mặt. Buổi tối giọng Fabricio khẩn khoảng trong máy muốn tôi về Roma, tôi thề thốt *Em không ngã, chưa ngã*.

*

Mario có cách lắc hông tuyệt diệu. Điệu nhảy Salsa của anh làm chao mặt biển. Tôi thích ngồi suốt buổi ở khoảnh cát nhỏ giữa hốc đá cuối bãi tắm xinh xắn trông lên căn nhà đỏ. La casa sulla rocaia đỏ tuyền từ mái đến thềm. Đỏ thẫm máu của núi lửa trát lên từng phiến gạch. Căn nhà cất theo hình dáng một chiếc thuyền vướng trên mỏm đá mắc cạn đời đời vĩnh viễn. Tôi đã ngắm ngôi nhà nhiều lần nhưng lần nào cũng choáng váng trước vẻ đẹp ngộp thở của những vồng phún thạch đông lại trên nước. Những cầu vồng phún thạch vây quanh phun từ đáy đại dương đã chết sửng từ triệu năm trước. Người đàn ông nào sống trong căn nhà đỏ chỉ có thể là một vị thần.

- Mario, anh biết ai sống trong ngôi nhà này?

- Người đàn ông trữ tình nhất nước Ý, señora.

- Niccolò Paganini?

Tôi mở lớn mắt nhìn Mario chăm chú. Anh có đôi môi du đãng những khi nhếch lên đùa bỡn. Mario đã ngừng điệu múa rắn hổ, chiếc quần tắm thời trang căng chật ướt sũng đến sát trước mặt. Tôi bối rối cúi nhìn lớp cát vàng nhuyễn như váy tắm con gái. Tôi thích ngâm chân trong nước những chiều mưa tạnh nước biển trở nên ấm như có pha với lửa. Căn nhà phún thạch đỏ vẫn nhìn xuống từ vách đá cao chót vót. Tôi nghe hơi thở Mario sát bên tóc tựa anh sắp hôn. Tôi nhắm mắt đợi nụ hôn tôi vẫn mơ ước, nụ hôn của những người đàn ông La Tinh máu nóng. Tôi hình dung điệu nhảy lúc nãy, Mario có thân hình trơn bóng trong quần tắm săn chắc, cần cổ anh thơm vỏ chanh. Tại sao tất cả đàn ông Ý đều xức nước hoa Eau d'Hadrien? Đó là tên của một vị hoàng đế La Mã. Mario thì thầm. Tại sao anh đem tôi đến chỗ này? Đây là chốn của tình nhân. Tại sao Niccolò Paganini? Người đàn ông bí mật nhất nước Ý. Tôi nhớ Fabricio đã chế diễu: *Tình yêu của những*

con ma. Tôi nhớ gương mặt mình đã làm tỉnh: *Chắc chắn một kẻ mạo tên.* Tại sao tôi cứ phải hoài nghĩ đến người đàn ông này? Tôi đang thèm đến ngất những ngón tay Mario luồn dưới váy.

Tiếng đàn trổi lên lúc đó. Tiếng đàn cao vút buông xuống một tiếng sét. Tất cả vỡ bùng. Tôi nhận ra ngay tấu khúc thứ mười. Tấu khúc có một trăm nốt nhạc trên một cung mã vĩ. Tiếng đàn thủy tinh giận dữ tới tấp đổ xuống từ vòm phún thạch. Mỗi nốt nhạc là một tuyệt kỹ. Ngón đàn điêu luyện vần vũ cuồng phong lướt trên biển. Sóng đánh ướt tôi và Mario, sóng lớp lớp vỡ tung ghềnh đá, Mario hấp tấp dắt tôi lên bờ. Tôi run rẩy chứng kiến khả năng kinh dị của vĩ cầm, Mario hối tôi rời bãi, tôi cố ngước nhìn căn nhà đỏ, đôi mắt đang ở đó dưới trận mưa kéo những đám mây đen quầng.

Tôi bước chân lên các bậc thềm đá. Tôi đếm một, hai, ba, Sorrente có những nấc thang chông chênh khúc khuỷu, ở mỗi nấc thang tôi trông thấy lại đôi mắt đàn ông sâu nền biển. Đôi mắt đẹp như một lời hứa. Tôi biết Niccolò đợi tôi ở nhà. Tôi biết thùng đàn Guarneri đã mở lửng và tiếng đàn sắp cất lên từ bao lơn. Niccolò phải có đôi mắt sâu hút của đại dương, đôi mắt chứa chan vực thẳm không giới hạn, không có sự dừng lại của ước muốn. Mây vờn trên các lớp rêu trơn trợt dưới chân, tôi tiếp tục đếm từng nấc thang quanh co đào trong đá, bến phà dưới xa nhấp nhô sóng, tôi đã bỏ Mario để trở về căn nhà hiệp sĩ, các cửa sổ lúc này mở tung thành trăm đôi mắt nhìn xuống. Niccolò sẽ biểu diễn cho tôi nghe bản đàn nào? khúc nhạc khiến anh nổi tiếng ở thành Gênes, hay các tiết tấu biến anh thành phù thủy? Tôi thấy thấp thoáng ánh đèn vàng mờ ở căn phòng bà Ý. Tiếng đàn cất lên dìu dặt như cánh tay một người đàn ông giất đưa tôi vào nhà. Tiếng đàn mở ra phòng khách rũ rèm vén lên từ từ một bó hoa khô rũ riệt đỏ chát, chiếc váy đầm hở lưng treo lửng lơ thánh thoát, Niccolò biết tôi ưa thích được đàn ông hôn vào giữa trũng lưng, tôi thay chiếc váy dạ hội dành cho những đêm trình tấu nhạc, tôi mở tủ áo để hình dung Niccolò trong bộ áo viền ren đen đang đứng đó, cườm tay anh che ngang mặt, ngón tay anh cong dấu hỏi nhấc lên rồi bấm xuống các dây đàn cổ xưa rung lên khúc nhạc ma quỷ. Tôi nhắm mắt tận hưởng chuổi âm thanh hoan lạc mê đắm không ngớt mơn trớn, không ngớt thì thầm những lời tình tự tha thiết. Cung mã vĩ chở mang mái tóc Mario loắn xoắn thả tung trăm dấu hỏi nhảy múa rũ rượi đổ xuống ngực tôi, chở mang những ngón tay Mario tra vấn quấn quýt, mỗi tấu khúc là một trận lửa, mỗi caprice là một cơn triều nhấp nhô lên xuống, tôi muốn gọi Fabricio nói em sắp ngã, muốn gọi Fabricio nói em đang ngã đừng dỗi, tôi hôn trả từng nụ hôn hờn mát, đôi môi quyến rũ của Mario, đôi môi say mê

của Fabricio, đôi môi nghiêm khắc của cả người đàn ông cũ có đôi mắt màu sóng. Thanh mã vĩ vuốt ve tháo chiếc váy dạ hội mềm mại, thanh mã vĩ thơm hương chanh nõn, thanh mã vĩ đưa tiếng đàn xoáy tròn trong nhà, ùa vào người tôi ngàn mũi kim, trì kéo xâm nhập vào giữa trũng lưng tôi ham muốn, làm nứt vách tường phún thạch mở ra với đôi mắt đĩ thoả rồi khép chặt lại như một vành môi, một miệng núi lửa.

Tôi thức giấc một triệu năm sau. Thành phố yên lặng như Pompei tàn phá sau cơn nham hoả. Không gian trống rỗng im phắc tôi chỉ nhận ra thực tại khi trông thấy chiếc váy đầm vẫn ở đó, dưới chân giường sõng soài như một tách rời thân xác. Tôi gọi cho Fabricio, giọng anh hốt hoảng, tôi cúp máy, bản đàn Niccolò để lại trên bàn đêm nét chữ thảo tài hoa như một lời tỏ tình. Tôi mở toang cửa sổ, nắng sung sướng chan hoà lấp lánh óng mật, nắng vướng quyện mùi chanh vẫn tỏa ngào ngạt.

*

- Tình yêu của những con ma, rồi em sẽ mất trí.

Fabricio tiễn tôi lần cuối ở phi trường giận dỗi. Fabricio không hiểu tôi cần những khoảng trống xen kẽ những người đàn ông và tiếng đàn lấp đầy những khoảng trống. Tôi hôn đầu ngón tay anh quyến luyến. *Em xin lỗi*. Tôi muốn nói *Em đã ngã*, nhưng tôi không thể nói trước mặt anh, trước đôi mắt u ám trông theo buồn bã.

Bến Marina-Piccola im sóng. Tôi trở về Sorrente với tâm trạng của một người đàn bà hạnh phúc. Tôi vẫn biết cuộc đời tôi sinh nở ở đây, cuộc sống tôi diễn ra chốn này. Những hang động Grotto Azura xanh ngọc, đoạn đường đèo vắt ngang Positano nghiêng ngã rừng ô liu, chiếc cổng trời trong vườn Augusto sừng sững và những quán ăn đêm êm đềm giữa vườn chanh thơm ngát. Không có nơi nào có thể đẹp hơn Sorrente. Tôi sẽ không bao giờ còn đi đâu nữa. Tôi trở về với Niccolò, người đàn ông của riêng tôi. Những đôi mắt màu sóng cũ, những mái tóc lỏa xoã quấn quýt, những đôi môi hờn mát trả lại thời gian. Tôi đã yêu Niccolò, đã yêu tiếng đàn tinh diệu của từng đêm. Tôi đem theo nhiều hành lý, bốn va li với một rương hòm lớn. Tôi sẽ không bao giờ đi đâu nữa. Tôi mường tượng nụ cười mừng rỡ của Niccolò, mường tượng điệu vĩ cầm uốn éo vui tươi đón tôi trở về. Tôi mua thật nhiều thứ cho anh, khăn tắm, áo choàng dạ, giày mũi nhọn, túi gấm đựng đàn và cả những quần lót đàn ông mềm mại. Tôi sẽ xếp tất cả ngay ngắn trên ngăn tủ, sẽ đợi tiếng đàn cuồng si mỗi tối, sẽ làm

người tình mê đắm. Niccolò sống ở Sorrente. Tôi sẽ sống ở Sorrente. Tôi muốn kêu to *Em đang trở về , em sẽ không bao giờ đi đâu nữa.* Quảng trường Piazza Tasso tấp nập, tôi gọi xe về ngôi nhà hiệp sĩ, vẫn giống ngày đầu tiên mái tóc hung cháy rực dưới nắng chỉ các cánh cửa sổ khép kín. Tôi hấp tấp bước lên các nấc thang, do dự một lúc ở bức tường phún thạch. Hàng mành trắng phẳng lờ không lay động, vách đá câm nín như chưa hề có người ở. Tôi hồi hộp nhìn kỹ vách đá đã khép, đôi mắt đã vĩnh viễn biến mất chỉ cành phượng tím buông lẳng bất động. Tôi thở mạnh, đẩy cánh cửa chính tạc hình đôi môi trễ.

- Sofia, lên ngay!

Tôi chồm qua bao lơn gọi. Tiếng gót chân bà Ý gõ nện. Ngôi nhà không còn mùi lá chanh nõn. Thùng đàn Guarneri đã biến mất. Tôi chạy vào bếp, những dây tỏi vẫn buột thõng treo rũ mái tóc thắt bím nhưng dao lam cổ xưa không còn trong buồng tắm. Các bức ảnh khoả thân ai gỡ mất. Tôi mở tung cánh cửa tủ áo kê sát giường, những sống áo đại dương tan biến chỉ còn trơ trọi chiếc váy dạ hội hở hang buông rũ một ảo ảnh.

- Sofia, ai đã dọn đồ đạc của Don Paganini?

- Không ai hết, Señora.

- Tại sao tất cả biến mất?

- Senor Paganini đã trả nhà cách đây một giờ.

- Trả nhà?

Tôi nhìn bà Ý kinh hãi. Niccolò đã bỏ đi. Nhưng gương mặt cánh dơi đầy ghét bỏ.

- Senor Paganini chỉ mê âm nhạc không bao giờ yêu đàn bà.

Giọng cười bà Ý tinh quái đắc thắng, tôi vụt nhớ những cái nhíu mày khó hiểu trong lò bánh, có những thứ đàn bà không nên thử, nhưng các âm sắc đã vỡ thành miểng thủy tinh rơi rắc xuống các nấc thang. Tôi chạy trốn. Niccolò không bao giờ yêu đàn bà, Niccolò chỉ mê âm nhạc, ha ha... Tôi chạy đuổi theo tiếng đàn của người đàn ông bây giờ đã hoá ra giọng cười ghê tởm. Mỗi giờ chỉ có một chuyến phà, Niccolò hãy còn trên chuyến tàu về Naples. Các nấc thang tuột dốc nuốt trôi tôi xuống vực thẳm. Tiếng đàn trổi lên lúc đó, vẫn quyến rũ lẳng lơ trầm bổng. Ngón đàn cuồng điên vang vọng từ xa kéo tôi xuống mặt biển. Tôi ngã trên các bậc nền đá, nhưng nỗi đau thân xác vô nghĩa, chỉ có tiếng đàn thách đố. Những vườn chanh hiện ra rồi biến mất, chỗ tôi đã ngồi với Mario, những trái chanh tròn như mặt trời cùng rượt đuổi. Sorrente vỡ thành trăm ngàn mảnh. Các quán Pizza bầy bàn ghế tràn lấn ra lòng đường, tôi xô đẩy tất cả, chen lấn vào những chợ dưa gang dài ngút ngắt, xô gạt những quầy rượu chanh, các

dây ớt khô buột túm, va vào mâm phó mát bào sẵn, những sạp khăn thêu xô lệch. Tôi lao qua đường via Califano bất kể tiếng kèn xe inh ỏi. Lữ quán Excelsior hiện ra đẹp như một viện bảo tàng. Tôi đã sống ở đây trong những căn phòng cổ kính với người đàn ông có đôi mắt màu sóng, tôi biết lối đi tắt ở đại sãnh dẫn ra vườn đá xuống bến phà. Tôi đi như chạy, mộng du, thất lạc. Tiếng còi tàu rúc trong không khí như tiếng rú đau đớn của một loài cá voi thảm thiết. Tôi chạy qua bến ngổn ngang dây thừng, những lưới cá hãy còn tươi rói rong rêu sò ốc. Tôi dẫm lên những rổ cá còn dẫy dụa. Tôi vùng khỏi người gác trạm muốn tôi mua vé.

Những người đàn ông nhìn ngắm tôi kỳ lạ. Tiếng đàn đã tắt. Sóng nhấp nhô đánh lên bất ngờ khiến tôi ướt tóc. Tôi đưa tay vuốt mặt, nước đẫm lòng bàn tay. Những sợi thừng thắt gút rút khỏi bờ, chiếc phà rùng rùng chuyển động. Tôi trông thấy tất cả. Trông thấy người phụ máy tất tả rời cabine hỏi tôi có chuyện gì, trông thấy kiểm soát viên giúp tôi lấy vé, trông thấy những lượn sóng xẻ man dại ở mũi tàu và cạnh sườn duyên hải ở hai bên tách rời dần. Tiếng đàn đã tắt ngấm. Những dấu hỏi trong đôi mắt những người đàn ông yên lặng. Tôi bước xuống các hàng ghế, một thiếu phụ trao tôi chiếc khăn tay giúp lau áo, sóng đánh ướt chiếc váy mỏng sương tôi dành mặc cho Niccolò. Người phụ máy nói chút nữa tôi rớt xuống biển hỏi có cần gì không? Tôi cần Niccolò. Tôi trả lời. Nhưng không ai hiểu. Tàu chòng chành, tôi nắm lấy thanh vịn gỗ lảo đảo muốn ngã. Tất cả những gương mặt đàn ông đều nhìn tôi chăm chú, tôi cố đoán dưới những nét mày đậm một ánh mắt của Niccolò, ánh mắt đen nhánh thường hay rình rập theo dõi, ánh mắt mạnh mẽ đôi lúc đĩ thỏa nhưng đầy tài hoa. Tất cả im lặng. Tại sao tiếng đàn tắt? Tại sao những người đàn ông im lặng? Tôi gọi N*iccolò*? Những giọng cười tục tĩu. Người đàn ông ngồi ở bìa băng có đôi mắt đen đậm cần cổ quá rộng, người đàn ông ở dẫy bên có cườm tay nhỏ xương nối cánh tay dài ánh mắt quá trong, người đàn ông ở hàng ghế sau gương mặt cổ quái, sống mũi nhọn nổi cộm trên gò má sần đanh ác, người đàn ông ở dẫy ghế sau nữa lực lưỡng mái tóc dài rối rắm, người đàn ông ở hàng sau chót đường mày cong dấu hỏi, những dấu hỏi nghi hoặc bối rối khổng lồ lôi cuốn bám đẩy xô hất tôi đến cuối đuôi tàu. Tôi muốn bật khóc thành giọng hát nấc nở của Roberto Murolo đang rền rĩ trong loa phóng thanh vừa trổi, tôi muốn bật khóc xối xả thành những lượn sóng trắng đang đánh tung ở bánh lái tàu nhưng tôi chỉ ngửng lên ngắm nền trời lồ lộ, ngắm đám mây âm u trôi qua trên mặt biển nhức nhối quái dị, ngắm các vồng phún thạch đen đang chìm xuống biến mất. Một giờ nữa phà sẽ cập



TRẦN MỘNG TÚ

Thơ tình

Em yêu anh ở trên vầng trán
Những nụ hôn như ngụm nước trong
Em yêu anh ở dưới bàn chân
Những ngón chân hồng lên mắc cở

Anh yêu em trên bờ vai mỏi
Hai ngón tay bối rối tháng ngày
Tình yêu như chiếc khăm quàng cổ
Anh quấn cho em sáng hôm nay

Trong mắt anh có mảnh gương vỡ
Em nhìn vào em tìm thấy em
Trên ngực em đóa hoa vừa nở
Anh cúi hôn từng cánh rất mềm

Anh nói yêu em tối hôm qua
Anh nói yêu em sáng hôm nay
Ngày mai anh còn yêu không nhỉ
Em đổi trăm năm lấy một ngày

TRẦN MỘNG TÚ
6/2000

bến Naples. Một giờ nữa tôi sẽ đến một nơi nào đó. Ngày mai tôi sẽ đến những thành phố mới, ngày mai tôi sẽ sống với những người đàn ông khác. Còn Sorrente?

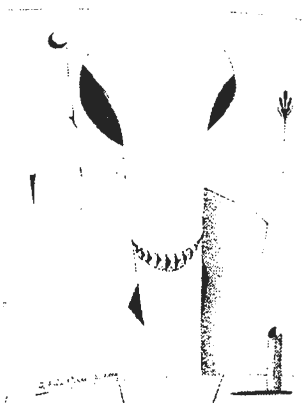
Tôi sẽ trở về như bản nhạc định mệnh bất diệt, trở về để còn nghe lại tiếng đàn kỳ tài trác tuyệt của người thầy vĩ cầm Paganini.

TRẦN VŨ
Sorrento 6/ 2000



TRẦN SA

Ở bóng



Nhà xoay lưng lại một khu đất rộng mênh mông bỏ hoang nhiều năm cây cỏ mọc um như rừng. Cuối hè, những đám hoa dại bên ấy từng chùm trăng trắng tim tím đan lẫn vào nhau đã gần tàn hết. Chỉ còn mấy cái bông chuông màu hồng lấm tấm đốm nâu là còn tươi. Đêm qua mưa lớn, có con chim nào kêu thảm thiết mãi bên kia hàng rào, giọng non như chim con, tôi muốn mặc áo mưa cầm đèn pin ra tìm nhưng lại sợ rắn. Có lần trên lối đá sau vườn, một con rắn xanh biếc trườn thật nhanh từ trong cỏ tới sát ngay cổ chân, tôi vừa sợ vừa thấy nó đẹp. Mân nói: - Biên đứng im đợi nó đi đã, đừng làm nó sợ, nó chỉ cắn nếu nó sợ! Mân cầm chiếc vỏ rắn trên tay, mắt ánh lên, ngắm nghiá, vuốt dọc rồi ném vào bụi, ngồi xuống bên tảng đá rêu bám xanh rì tì tay làm cầu cho những con kiến vàng to tướng nối nhau chạy qua. Tay Mân bám đầy kiến, những râu kiến dò xét ngúc ngoắc ngo ngoe. Xem này, có bị cắn đâu! Mân cười hiền lành, trẻ thơ.

Đứng bên này hàng rào nhìn sang tôi thấy tiếc đã không chụp ảnh những chùm hoa dại ấy khi chúng đang còn rộ đều. Đó là một thảm hoa tuyệt đẹp cho Khuê nằm nghiêng ban đêm, với hai phần ba không gian màu đen nhung. Mân hỏi: - Mà có sờ được không, cái độ mịn cuả những cánh hoa ấy, có thấy man mát ở những ngón tay không?

Những câu Khuê chẳng bao giờ hỏi.

*

Tôi thấy mình giống nàng Psyche trên đỉnh Olympus trong huyền thoại, kết hôn với một người không bao giờ được phép nhìn thấy mặt. Hình ảnh duy nhất cuả Khuê tôi có nằm choán hơn nửa cái bià cuốn sách trên bàn ngủ. Có buổi sáng đụng tay làm rơi cuốn sách xuống sàn, tôi đứng sững, chênh vênh nhìn xuống. Hai con mắt đen sắc ngó ngược lên. Thấy là lạ, tôi chưa bao giờ nhìn ai theo chiều thẳng đứng như thế này. Tôi dẫm nhẹ chân xuống, rồi đứng hẳn trên cuốn sách, sự trơn láng cuả giấy bià trãi đều dưới lòng bàn chân. Nửa mắt Khuê không bị che, giận dữ, như những con chữ đầy kín bên dưới. Tôi cúi xuống nhặt cuốn sách, lấy giấy lau cái bià cho thật sạch, bứt rứt. Khó chịu như mỗi lần đọc lại nó. Bao nhiêu lần rồi? Khuê viết về thế giới đàn ông như một điạ ngục vây hãm, trong đó nhân vật nữ cuả Khuê bị sử dụng, đàn áp, phản bội, vùng vẫy, quẫy đạp, đau đớn, thù hận, không thể thoát. Những ý nghĩ và cảm giác dữ dội, rạch chém mọi thứ trong đời sống, nhiều nhất là chính mình, nhưng rõ ràng vẫn chưa thoát ra! Chúng làm tôi đau, vì đã làm Khuê đau, ngay cả trước lúc Khuê ngồi vào máy mím môi gõ từng chữ cái. Khuê vỡ rạn, lòng tôi nứt ra, chảy máu...

Các buổi chiều cuối tuần không đi ra ngoài, tôi hay ngồi trên băng gỗ nơi hàng hiên sân sau để uống cà phê và đọc một cuốn sách, một tờ tạp chí nào đó, nhiều khi cũng không muốn đọc gì cả, chỉ ngồi không hút thuốc lá, những ý nghĩ vẩn vơ chạy lung tung, mắt thả rong vào khoảng trời hoang vu trước mặt. Lần nào tôi cũng nghĩ, chỗ này Khuê thường ngồi nhất vào những buổi chiều? Cổ hơi duỗi ra sau, mắt khép lại? Thật mệt mỏi sau những chuyến đi dài vào thế giới cuả quyền lực và tham vọng như Khuê đã tả trong sách ? Những đót thuốc lá màu trắng trong chiếc gạt thuỷ tinh để bên cạnh bàn còn mềm dấu son, thỉnh thoảng lẫn vài cái màu nâu nhạt, như đôi khi trong phòng ngủ còn để quên những chiếc vớ, trên thành ghế bành có một chiếc áo khoác hay cà vạt cuả ai đó. Màu sắc kiểu cọ cuả chúng thay đổi lung tung, lúc thời trang trẻ trung, lúc nghiêm trang già nua. Tôi bắt gặp mắt mình lục lọi hơi lâu ở những người đàn ông ngoài đường mặc một chiếc áo khoác hay mang một cái cà vạt hao hao giống những chiếc áo khoác hay cà vạt tôi đã thấy trong căn nhà. Những kẻ ấy đã làm Khuê đau đớn, có sẽ tiếp tục làm đau đớn? Tôi ghét những con người xa lạ ấy biết chừng nào, ghét sự mâu thuẫn cuả Khuê biết

chừng nào...

Mân cười diễu cợt: - Ghen à, thế thì sai lắm, cô ta không bao giờ thật sự yêu ai vì dục tình đâu. Nếu không để sinh sản và nuôi chung những đứa con - mà cô ta quá trầm cảm để có con - thì thân xác là trò chơi sát phạt nhất giữa đàn ông và đàn bà, rồi đều khánh tận cảm giác hết thôi. Không phải Khuê đã viết thế sao?

- Tôi không muốn phân tích tình cảm mình trong lúc này, đánh móng tay giùm tôi đi. Tí nữa tôi đi ăn sinh nhật, cần ra khỏi căn nhà này một lát.

Tôi co đầu gối, để bàn tay trái trên đó, Mân quệt chậm rãi chất lỏng màu lục óng ánh kim tuyến lên mỗi nửa móng tay, rồi chuyển sang bàn tay phải. Tôi đưa mười ngón lên thổi, ngắm nghiá nửa mười móng dưới để trống.

*

Tiệc bày trong một khu vườn lớn. Đông người, nhưng tôi chẳng biết ai và ai. Người bạn giới thiệu tôi với vài người anh ta cho là cùng tuýp có thể chuyện trò trao đổi được với nhau. Hoạ sĩ B., văn sĩ T., thi sĩ V., kịch sĩ F., sinh viên ngành xã hội X., chuyên viên tâm lý W., điêu khắc gia B.... Chúng tôi có vẻ giống nhau ở vài điểm duy nhất là đàn ông thì để tóc dài, đàn bà cắt tóc thật ngắn, tên nào trông cũng nghèo nghèo. Tôi ngó quanh quẩn. Trong cái âm thanh rào rào, mọi khuôn mặt, hình dạng, cử động, nghiêng người, chống nạnh, chống cằm, ngẩng cổ, cúi xuống... đều giống hệt nhau. Tôi thấy Mân đứng từ xa, nhìn về phiá tôi, hai mắt như đọc thấu: - Có vẻ bổn phận rồi, có vẻ hơi khổ sở rồi, còn làm bộ lịch sự ra phết, nhưng chán rồi, phải không, Biên có phải là người cuả đám đông đâu. Thì Mân cũng thế, nếu đang đứng đó, một chân thẳng một chân dạng, thỉnh thoảng lại đổi chân, cánh tay trái co lại đỡ cái cùi chỏ phải, ly rượu làm kiểu, lâu lâu đưa nghiêng lên một tí, hớp một ngụm nhỏ xíu chỉ cho đủ ướt môi, lâu lâu lại liếc, cười một khoé miệng. Tôi chớp mắt, tìm kiếm, Mân không có ở đó. Bộ não tôi chỉ hay chơi trò dán ghép như vậy. Tôi thật bất trị cô đơn trong mọi đám đông, chẳng tự đánh lừa mình được. Một cách hơi bi quan, tôi thấy quá sớm là mọi người đều sẽ lục tục ra về, chẳng nhớ gì nhiều về kẻ khác. Chẳng ai đến thật gần nhau, điều ấy chỉ xảy ra giữa đôi ba con người.

Tôi bỏ đi, đến đứng lẫn trong vòng người đang xem một gã mập ú đang biểu diễn cái trò thật buồn cười. Gã không mặc quần áo gì cả, ngồi xếp bằng trên một phản gỗ, hai con mắt mỏng hí, miệng nhỏ

chúm chím trên chiếc mặt phúng phính tròn xoay, ngực bụng núng nính. Trước mặt gã chừng một mét là dãy vỏ bia sắp hàng ngang. Gã nâng vò bia vàng óng sủi bọt lên, ngửa cổ uống ừng ực một hơi dài, hai má phình ra như Louis Armstrong thổi kèn. Người ta ồ lên cười và vỗ tay khi thấy cái luồng nước từ bộ phận sinh dục bé bằng ngón tay cái cuả gã phóng lên cao, rơi vòng xuống, rong rỏng chảy thật chính xác xuống miệng một vỏ chai. Tiếng tiền cắc hớn hở quăng leng keng xuống chiếc mũ dạ bên cạnh. Gã lại cười chúm chím, hai mắt nhấp nháy, ngồ ngộ, cúi chào một vòng: - Cám ơn, cám ơn, để đáp lại thịnh tình... Gã lại tu một hơi rồi làm đầy cái vỏ chai kế tiếp. Tôi liếc nhìn dãy chai sắp hàng dài. Tội nghiệp, gã có phải đái biểu diễn như vậy suốt đêm?

Không thể đứng xem mãi một trò quỉ như vậy. Ngoài kia một đám người đang chất củi đốt lửa trại, những đóm than đỏ hồng bắt đầu lách tách bay lên. Tôi ra tới chiếc bàn dài để thức ăn đứng làm đuôi chờ. Một đứa bé gái ba bốn tuổi lạc lõng đứng nhìn hàng người lấy thức ăn, vẻ thèm thuồng. Tôi nhìn chung quanh, trong tiếng cười nói và đàn ghi ta rộn ràng rôm rả chẳng ai đang để ý gì đến nó. Đứa bé lọt thỏm giữa đám người lớn, đầu ngẩng lên, hai mắt lay láy. Tôi hỏi, Mẹ đâu? Nó không đáp. Cha đâu? Nó nhìn về phiá nhà trại, chỗ đám đàn ông đang chơi bài, uống rượu. Đói không? Đứa bé lắc đầu, oà lên khóc. Tôi lấy xong thức ăn, đến ngồi cạnh đứa bé, ăn chậm rãi. Càng lúc đứa bé càng khóc to. Tôi đã thấy bức tranh vẽ đứa bé này ở đâu đó, những giọt nước mắt trong veo, sơn dầu. Một lát, tôi lặng lẽ đút cho đứa bé ăn, nó vừa ăn vừa tấm tức thổn thức, cuối cùng nín hẳn. Sau khi ăn sạch điã, nó chợt đưa bàn tay mủm mỉm nhỏ bé ra, nắm lấy mấy ngón tay tôi. Tôi cầm tay nó, cả hai đứng ngó bâng quơ ngọn lửa bập bùng trước mặt.

Mân đang ở phía bên kia ngọn lửa, nghiêng cổ nhìn sang. Tôi nhìn lại. Không có. Tôi chỉ đang có đứa bé này làm bạn. Chẳng biết con ai thế này.

Đứa bé bắt đầu ngáp, hai mi mắt riu ríu lại. Tôi dắt đứa bé đi tới nhà trại, tìm một khuôn mặt nào thật giống nó. Tôi đi về phía một gã mặc áo sọc xanh trạc ngực, tóc dờn dợn, hai mắt tròn to, nhưng đứa bé đã vuột khỏi tay tôi chay qua một hướng khác và leo lên chân một người đàn ông mắt một mí, mày rậm tua tuả như sâu róm.

Với cảm giác lạt lẽo không quen biết ai trong cuộc vui chẳng thấy gì là vui này, tôi rời khu vườn về bãi đậu xe. Người bạn chủ nhà đang đứng chuyện trò nấn ná với nhà văn T. trước cổng. Cô này có

khuôn mặt sáng, trán cao, mắt đen lánh, nhưng quầng mắt hơi thâm, cái nhìn đôi khi thật mệt mỏi. Ban nãy cô ta có nói chuyện với tôi một đỗi. Cô có một truyện dài mới xuất bản, bị thiếu ngủ kinh niên, cũng sống một mình. Cô nói để viết truyện, người ta phải đánh đổi nhiều, khó để bản thân dễ dàng chấp nhận đời sống, cứ buộc phải chạy theo những xúc cảm mới, liên tục mâu thuẫn, bất mãn, phá huỷ, tìm kiếm... Nhiều lúc cô thấy mình sống và biến hoá theo những nhân vật. Cô muốn thôi viết truyện dài để chuyển sang làm thơ. Dù sao một bài thơ cũng chỉ có một đời sống ngắn nhất định, xong là thôi, có thể nghỉ ngơi. Tôi cười, tôi có những người bạn thi sĩ không bao giờ chịu ngưng nghĩ. Lúc nào cũng nghĩ và nghĩ gì đó, cứ lãng đãng như đang ở một thế giới khác, trông tuồng chừng như lôi thôi khó tin cậy để giao phó cho bất cứ một công việc thực tế nào. Nhìn thấy tôi, T. chợt nhớ ra, viết số điện thoại lên một tờ giấy. Nhớ gọi tôi ngay nhé. Về chuyện nhà tụi mình nói ban nãy. Tôi bỏ tờ giấy vào xách tay, thoáng thấy Mân đang nhảy lên chiếc xe một bánh, làm trò xiếc nhảy lộn nhào trên yên xe: “Xem này, không té nhé!” Rồi ngoẹo cổ nhìn tôi cười và đạp vút đi trên con đường mờ mờ đèn vàng giữa hai vòm cây tối.

*

Đã trốn được mấy tiếng đồng hồ, giờ lại đối diện với căn nhà im lặng đầy sự vắng mặt cuả Khuê, tôi bật hết những ngọn đèn, không thích bóng tối lẫn những con mắt cuả các đồ vật làm bằng gỗ vẫn câm nhìn tôi mỗi ngày. Băng nhanh qua phòng khách và hành lang đi thẳng vào phòng ngủ, tôi cởi áo móc vào tủ, mắt tần ngần đậu trên chiếc áo ngủ sa tanh màu xám bạc. Lại đưa mấy đầu ngón tay vuốt nhẹ lên . Rồi như những lần trước, tiếng cười mơ hồ vang khẽ, tiếng thân người đang ngã nhẹ xuống mặt nệm và rồi một giọng sâu thầm thì từng câu ngắn, rời rạc. Sau lưng tôi, một bờ lưng săn cúi xuống, một cánh tay mềm mại quấn lên. Tim tôi thắt lại một phút, trí bắt đầu mụ mị. Từng khuôn mặt người lướt qua thật nhanh, tôi cuống quít không còn nhận ra từng đường nét cuả khuôn mặt nào đang cúi xuống, cúi xuống liên tục, chỉ thấy hai con mắt Khuê thật ướt, thật sắc, thật đen, đau khổ và kiêu hãnh, thanh thoát lẫn đam mê. Người tôi nóng lên rạo rực. Tôi thèm hôn đến điên khùng hai bầu vú căng tròn, ưỡn ra, đầy sữa. Hai bầu vú giống hệt cuả mẹ tôi năm ba mươi chín tuổi. Cảm giác khát thất cồn cào sâu dần xuống, đứa bé lớn vụt thành đàn bà, đòi được yêu khắp cùng linh hồn và da thịt.

Quay lại nhìn đi. Quay lại đi. Tiếng Mân buồn bã thúc giục.

Tôi lắc đầu. Đừng đập vỡ khao khát cuả tôi, tình yêu, cái bầu sữa mà môi lưỡi linh hồn tôi từ lâu đã mất, cứ phải mãi mãi đi tìm. Mân đưa hai bàn tay, dằng cổ tôi bắt xoay lại cho được. Chiếc giường đơn phẳng phiu, lặng lẽ, không có ai, mặt drap xám dịu lấm tấm những chiếc hoa vàng nhạt, một chiếc gối vuông. Trên bàn ngủ, cuốn sách nằm trơ trọi. Khuôn mặt người đàn bà choán hết hơn nửa cái bià sách, nhan sách vỏn vẹn bốn chữ, K, h u, ê.

Thấy chưa? Mân nhìn tôi chăm chăm, đau đớn không chỉ lộ trên hai mắt bình thường yên bình tươi vui hoặc nghiêm trang cương nghị. Cả khuôn mặt Mân cằn cỗi khô vất đi, như một trái hồng vừa bị quẳng vào lò sấy. Mân trông thật lạ, đứa con trai cứng cỏi mà hiền lành luôn quấn quít săn sóc an ủi khuyên nhủ tôi, Mân đang làm sao vậy?

- Chỉ có Mân và Biên là cuả nhau thôi. Để Khuê thuộc về quá khứ đi!

Tôi ôm mặt, nước mắt bung chảy, không kềm chế được nữa.

- Không thể. Tôi cố gắng, nhưng không thể. Cô ấy bám trong não, chảy trong máu tôi. Tôi hít thở không khí cô ấy đã hít thở. Tôi sống cuộc đời cô ấy.

- Tại sao? Mân hét, tôi ghét cái thứ nữ tính uỷ mị lãng mạn đó cuả Biên, nhờn ướt như một con rắn!

- Tôi yêu Khuê.

- Cái thứ tình kỳ dị! Như một thứ tôn giáo, như sự tự phỉnh gạt!

- Nhưng đó là tình. Nó nuôi dưỡng sự sống chán ngấy và đầy bất bình cuả tôi. Nó cho tôi còn có cảm giác...

- Cảm giác gì? Cảm giác này, phải không?

Mân dộng rầm rầm vào gương cửa sổ, nắm cả bình hoa bằng đất trên bàn để nện lên đó. Chiếc gương vỡ toang. Mân đập mạnh cườm tay xuống cạnh gương vỡ sắc. Tôi nhào tới.

- Chỉ có Mân mới thật lòng yêu Biên thôi, yêu Biên cho đến chết, hiểu không? Biên mù, mù!

Mân rên lên vì đau, máu ròng ròng nhỏ xuống sàn gỗ. Tôi đẩy Mân ngồi xuống giường , hốt hoảng tìm băng cứu thương. Máu Mân đỏ loang trên mặt gối trắng tinh, tôi kinh sợ quay quay chóng mặt, muốn ngất. Mân có bao giờ như thế này đâu. Tôi vừa khóc vừa rịt vết thương, Mân chợt nắm tay tôi, đưa lên ngực.

- Hãy biết yêu thương Mân.

Tôi cúi xuống hôn lên cánh tay Mân, ngậm da Mân mằn mặn. Mân kéo tôi ngã xuống, nửa mặt tôi chạm vào những cánh hoa năm cánh vàng tươi trên nền màu xám dịu nhảy muá. Ừ, yêu thương Mân,

tôi nhắm mắt, đừng buồn nữa... Mân vuốt ve tôi, cầm tay tôi vuốt ve Mân. Mắt Khuê đong đưa nhìn, miệng cười quyến rũ. Người Mân nóng rực, hơi thở thơm mùi cỏ, mùi lá. Những ngón tay bắt đầu bốc cháy, đốt bỏng. Tôi cháy, hoang, thảng thốt, lửa táp mặt mày tay chân ngực bụng, nhập vào Mân, cùng lan lan, rực rực như rừng...

Trong mê man, tôi thấy mái tóc đen nhánh của Khuê bay tung trong gió như bờm ngựa, tấm lưng trần tươm ướt lóng lánh mồ hôi, Khuê dồn dập lên tôi như một thanh niên đang tràn đầy nhựa sống. Căn phòng vụt mất, không gian loãng tan đi biến thành đồi cát mênh mông nối xa vào biển, tôi bay bỗng bốc hơi biến mất đi, nắng vàng tươi tưới lên khắp khuôn mặt Khuê thân thể Khuê khoẻ mạnh cuồng nhiệt trên Mân.

Cả người tôi rung lên dữ dội rồi duỗi ra như ngọn sóng đã về đến bờ khi Mân buông ra một tiếng kêu hoan lạc. Mân ôm tôi co quắp trong tay rơi ngay vào giấc ngủ. Tôi nằm như sa mạc ban đêm, mặt trời đã rút khỏi, chỉ có gió và cát trơ trọi trống trãi, không còn chút dấu vết nồng nàn điên dại nào của sự sống.

*

Tiếng chim ồn ríu ran sau khu đất hoang gọi tôi dậy vào buổi sáng. Thoạt tiên là hơi lạnh đầu thu tràn ngập chung quanh. Tôi đưa tay tìm, không thấy Mân bên cạnh. Mắt tôi chới với lên những giọt máu bắt đầu sẫm nâu trên chiếc drap hoa. Đêm qua có thật? Psyche đã lỡ soi đèn nhìn mặt chồng mình để sẽ không bao giờ còn được ở trong căn nhà trên đỉnh Olympus? Tôi gọi Mân ơi! Những bức tường trắng ngà nhìn tôi lành lạnh. Tôi gọi nhỏ trong đầu, Khuê ơi, Khuê ơi, biết mình lại đang gọi tên một cái bóng. Tôi nhìn cuốn sách trên bàn ngủ, khuôn mặt của tôi trên chiếc bià lặng lẽ ngó trả tôi xa lạ.

Căn nhà chỉ còn mình tôi. Tôi nằm im đỗi lâu, chiếc gối úp trên mặt. Mùi hương của Khuê, những giọt máu của Mân. Tí nữa tôi xuống bếp, đi trên sàn đá trắng lạnh ngắt, mở cánh cửa sổ nhìn ra khu đất hoang rừng bên kia lại um tùm cỏ dại sau một đêm. Tôi sẽ pha cà phê, ra ngồi trên băng ghế gỗ, hút những điếu thuốc của Khuê, một mình.

Khi ngồi dậy, bàn tay phải đang chống trên mặt nệm vụt đau nhói lên. Tôi nhìn xuống, những vết cứa dọc ngang đang thâm máu. Đêm qua Mân đau gấp mấy lần? Mân có sẽ trở lại với tôi, bao giờ, hay ghét tôi nữ tính ướt nhờn như rắn. Hay Mân đang nghĩ, tình yêu sẽ cháy rụi đi bằng ngọn lửa đam mê, đừng để cho lửa bùng lên nhiều

quá như thế nữa, đừng vượt khỏi lằn ranh biên giới; hãy cho tình yêu sống thật lâu dài, thật nhiều năm, đừng mê ngã vào thân xác nhau để rồi chẳng còn gì nữa?

*

Không có Mân nhào lộn trên chiếc xe một bánh ngộ nghĩnh, lẩn quẩn theo tôi thấp thoáng ngoài vườn trong bếp, chỉ bảo điều này điều nọ với cái giọng đôi khi như một đứa trẻ con, đôi khi như một người cha người mẹ. Tôi yếu đuối cô đơn hơn khi chẳng có Mân bên cạnh. Tôi không thể ở lại căn nhà này với cả hai sự vắng mặt chết người. Tôi đi tìm tờ giấy ghi số điện thoại cuả T. Giọng T. reo trong máy:

- Ê, Mân-Biên gọi tôi mừng lắm, đang mệt phờ người vì cái truyện đang viết, và cô độc chết được!

- Viết sắp xong chưa? Tôi hỏi.

- Sắp, nhưng tôi phải ăn nằm với những nhân vật cuả tôi cho thật đã đời rồi mới thả ra cho người khác đọc, T. cười rúc rích.

Tôi nhắc chuyện thuê nhà. T. nói người bạn cuả cô đi nuóc ngoài thường xuyên, mỗi lần ở lại vài ba tháng, căn nhà khá xinh trong khu vực đẹp và yên tĩnh tạm thời cô đang ở để trông coi, cho thuê với giá tượng trưng trong mỗi khoảng thời gian bạn cô đi vắng, một chỗ ẩn núp tạm cho những người cần không gian riêng tư để viết.

- Tôi rất yêu căn nhà, Mân-Biên à, nếu không kiếm ra người, thì tôi vẫn cứ ở, tôi mê cái vườn hoa làm theo kiểu Anh phiá sau, vòm gỗ có hoa wisteria xanh biếc nở vào muà xuân, cây bông hồng sát hàng rào năm kia có con chim chết dưới gốc bây giờ ra hoa thật to, cánh thật dày, màu đỏ rực lạ lùng.

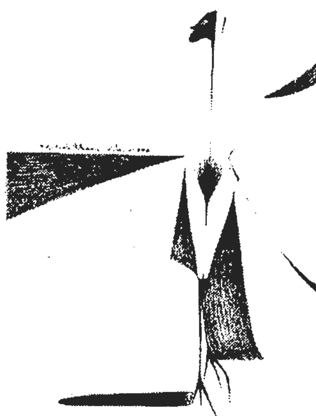
T. nói tiếp, cái âm thanh lúc trầm lúc vui cuả cô bây giờ trở nên thân thuộc bên tai: - Để tôi kể chuyện cho Biên nghe, Nhà xoay lưng lại một khu đất bỏ hoang nhiều năm cây cỏ mọc um như rừng. Cuối hè, những đám hoa dại bên ấy từng chùm trăng trắng tim tím đan lẫn vào nhau...

TRẦN SA
Toronto, 6.2000



PHAN NGUYÊN

Già Rossy và hương cô quạnh



Nhà xoay lưng về những đợt sóng vỗ nhịp từng hồi lên vách núi, thường xanh màu rong rêu, nhưng giờ là nền đen mờ mờ bên bờ vực lởm chởm đá, nối liền với biển sâu hút tận chân trời. Thật ra, khó mà phân biệt được trời đất âm dương lúc không giờ một ngày hè oi bức nơi ven biển. Từ bao lơn phòng sau nhìn xuống, không gian như khối đen lơ lửng, đặc quánh, bao trùm nuốt chửng cả vạn vật sinh linh. Đã bao lần tôi đứng đây căng mắt dõi vào màn đêm mênh mông vô tận, mà cảm thấy chơi vơi một nỗi cô đơn vô cớ đến rợn người.

Trên bao lơn nhỏ như lưỡi mèo liếm vào khoảng không, tôi đứng nghe tiếng sóng rì rào, cố hình dung ra nhan sắc thiếu nữ trọ luân phiên cùng phòng chưa từng gặp, nhưng trước mặt, chỉ có màn đêm đang mở nụ cười tươi đỏ chót. Gió bắt đầu lạnh. Mưa lất phất rơi. Tôi quay vào ngả lưng lên chiếc giường nệm đơn kê sát cửa, chăn gối còn phẳng phiu, tay vẫn mân mê thỏi son nhặt được dưới chân bàn lúc nãy và nghĩ thầm, chắc nàng còn trẻ lắm...

- Vâng. Độ ngoài hai mươi... Vâng, cô ta cũng lui tới cách tuần như ông... ông thông cảm, tôi chỉ còn căn phòng ấy.

Già Rossy ngập ngừng, vẻ ái ngại như việc bất đắc dĩ phải trả lời rồi rời ghế ngồi, lưng đổ về phía trước, lấy hộp thuốc trong túi bảo tôi

hút thử, của Hòa Lan, loại sợi thô, thơm mùi mận, hút vào êm, ngọt, không rát cổ... Già lảng sang chuyện khác thật khéo mỗi khi tôi hỏi han những điều Già cho là rắc rối. Mỗi sáng khi xuống cầu thang, tôi đều gặp Già Rossy ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế bành cũ kỹ ngay cửa sổ phòng khách, vén màn nhìn ra dốc đường bộ vắng tanh không một bóng người. Dốc lát đá ô vuông thoai thoải dẫn đến đường cái để có xe xuống phố. Chiều về, mở cổng vào sân, tôi vẫn thấy vầng trán nhăn nheo trên cặp lông mày rậm bạc vắt chéo nơi khung kính, tưởng như chưa hề lay động. Chỉ có đôi mắt Già hơi sáng lên vì một niềm vui gặp gỡ. Nhiều lần thành lệ, tôi dành cho Già khoảng thời gian ngắn ngủi lúc đi hoặc về để nhàn tản ngồi lại với tách cà phê, với ly rượu mạnh, cùng nhồi một tẩu thuốc nhả khói lâng lâng và để nghe Già kể chuyện bằng giọng đặc sệt miền nam đảo Corse. Già cũng thú chơi ống vố như tôi nhưng vố của Già đẽo hình sọ người, xương trắng phau, cũng lạ. Già nói để nhìn thẳng vào mặt thần chết cho quen vì bà vợ đã theo lão này cả chục năm về trước...

- Cũng là lẽ tự nhiên thôi, tôi còn sống đến hôm nay mới không bình thường ông ạ! Đời sao mà lắm chuyện phản tự nhiên đến thế!

- Chuyện gì nữa hả Già ?

- Ôi! thiếu gì... chuyện cá voi lao vào bãi đá chết cả đàn năm ngoái năm kia chẳng hạn! Chuyện thiên hạ thích đi tu dưới phố! Chuyện ngừa thai phá thai! Chuyện ông độc thân không vợ! Cả chuyện thần chết nữa... Tôi có gặp lão ta rồi đấy, trong căn nhà này, nói chẳng ai tin!

Già nói chậm rãi, mắt nhìn mông lung, cái sọ người trên môi Già gật lên gật xuống biểu đồng tình và tiếp tục phun khói. Tôi nổi gai ốc, nhưng hiểu Già là người to gan can đảm, xem cái chết chẳng ra gì. Qua làn khói bay, Già kể từ ngày vợ nhắm mắt nắm tay bảo Già đừng buồn, rồi sẽ còn gặp lại nhau, Già không đi biển nữa, chỉ quanh quẩn đơn độc trong phòng khách, từ đi-văng qua khung cửa sổ rồi từ cửa sổ đến ô truyền hình, ngày đêm không tắt. Căn phòng của vợ chồng lúc trẻ cạnh phòng tôi Già cũng khoá cửa bỏ trống. Thỉnh thoảng ra đường, là để đưa tang một người bạn tri âm tri kỷ nào đó năm xưa. Già nhìn về phía đồng hồ quả lắc dựng đứng, to đen như hung thần giữ cửa.

- Chỉ có nó hiểu thôi! Nhân chứng của một đời người!

Tôi lắng nghe tiếng quả lắc đong đưa đều đặn tưởng cùng một nhịp tim đập với thời gian, và nhớ đến nhà thơ đã từng hát những lời ai điếu cho hòn đảo xanh dương châu ngọc này. Nhà thơ ấy đã yên nghỉ nơi một góc trời xa xôi ngập nắng. Bạn thơ ơi, vĩnh biệt.

- Thế truyện của ông đến chương nào rồi?...

Tôi trở lại với Già Rossy sau cái vẫy tay chào hướng về phương bắc và chợt thấy giọng cực nam nước Pháp nghe cũng dễ chịu, có duyên, có lẽ quen tai nên cảm chăng? Già cười bảo cái gì chả vậy, quen rồi cảm, cảm rồi yêu, rồi nghiện là chuyện tự nhiên.

- Không khéo ông sẽ không rời đảo được đâu!

- Vâng, có thể lắm.

Cái ống vố của Già gật gật với tôi. Già rót thêm rượu vào ly, đưa lên ngang mặt và ngả người theo hương bốc.

- Từ ngày ông ở đây tôi cũng đỡ trơ trọi, ngày bớt dài đêm bớt lạnh lẽo. Tôi không đi xa và không leo dốc được nữa. Bạn bè lần lượt theo lão thần chết cả rồi, chẳng còn ai.

- Còn cô gì ...?

- Vâng... cô... Anna... Phải rồi... Phải rồi, hai người không thể gặp nhau...

Tôi giữ im lặng. Già nhìn vào ly rượu vàng óng ánh.

- Khi ông về thì cô ta đã đi khỏi, thỏi son tôi sẽ đưa lại... Anna còn trẻ và tốt bụng lắm, đến giúp tôi mọi việc những khi ông đi vắng, và ngủ lại đây, cùng người làng Bonifacio cả...Cô ta còn quên gì nữa không?

Tôi lắc đầu rồi xin mượn Già hình ảnh cái ống vố kia để mai đây đưa vào truyện.

Nhưng có một thứ không thể vay, cũng không trả được mà Anna thường để quên, để lại trong phòng dai dẳng suốt cả tuần, đó là một mùi hoa rất lạ. Nửa hương Quỳnh nửa Phù Dung. Cũng không hẳn là hoa mà một mùi hương mát dịu như trăng đêm, lành lạnh như sương sớm, càng về khuya càng trong, càng đượm, càng ngát, ru tôi vào giấc ngủ nhẹ của thiên thần. Không biết nó đến từ đâu mà cứ thoang thoảng khắp phòng, luồn lách khắp nơi, ươm trong chăn, ủ trong gối miên man day dứt mãi không tan. Có điều rất lạ, ra khỏi phòng là mùi hương khựng lại như bị dao cắt, đứt gọn như có ranh giới vô hình nào nó không vượt qua nổi và tôi không ngửi thấy nó nữa. Không ngửi thấy nhưng nó tiếp tục ám ảnh, bám riết lấy cân não, in đậm trong trí nhớ không tài nào quên. Đúng như Già Rossy đã nói. Thoạt đầu tôi bỡ ngỡ, vài ngày sau quen, vài tuần sau cảm rồi đâm nghiện, và bây giờ, lần đầu tiên trong đời tôi biết nhớ một mùi hương... nôn nao như nhớ một người tình. Tôi vẫn tưởng ký ức chỉ ghi nhận âm thanh, hình ảnh và màu sắc ...

Tôi đem chuyện hỏi Già Rossy vào một buổi tối mưa dầm gió

bấc. Những căn nhà mái đỏ san sát bên sườn núi đã tắt đèn, gối đầu lên nhau ngủ vùi im lặng. Chỉ có gió rít nhẹ qua khe hở chỗ tôi ngồi, và bên ngoài hai cánh cửa chớp bật qua tạt lại vẫy gọi từng cơn. Già đốt lò sưởi cho thêm ấm áp. Thắp ngọn nến hồng để giữa hai ly rượu trên chiếc bàn vuông thấp, vẻ mặt tư lự.

- Thật không? Hay ông tưởng tượng, đôi khi cũng lên lầu sao tôi không hay biết?

Tôi cam đoan với Già là không bịa và kể lại hiện tượng hương hoa lạ lùng kia. Nó đang bị tù hãm trong căn phòng nhỏ hẹp, dứt khoát không tan, bay toả ra ngoài, dù tôi có để cửa mở trông ra biển vẫn thế. Không lẽ chỉ mình tôi ngửi thấy. Nhưng Già Rossy không tin. Nheo mắt nhìn tôi nghi ngờ, và hạ thấp giọng.

- Thế ông có gặp Anna chưa?

- Chưa lần nào!

Già bảo để hỏi Anna xem sao, trong căn nhà này mùi gì mà Già chẳng tường tận, mùi ẩm mốc trên bốn bức tường đá ong vào mùa đông lạnh giá, mùi dầu thông trên giường tủ bàn ghế khô cong lúc mùa hạ, mùi oải hương, mùi bông giấy, mùi chăn mền tẩm mồ hôi trộn với khói thuốc thành thứ mùi ngai ngái không tên, và át đi tất cả là mùi gió biển quanh năm tanh tanh mặn mặn. Chưa bao giờ Già nghe nói đến mùi của Anna, hương hoa trong phòng có bao lơn nhìn xuống biển, bình thường vẫn chỉ ngập mùi thời gian bụi bám. Tôi hiểu, Già nhớ mùi như một kinh nghiệm của khứu giác, không như tôi với mùi hương của nàng. Già gõ ống vố lên gạt tàn và châm lửa nhả ra cụm khói xanh đậm đặc. Tối nay Già không dùng vố sọ người, thay bằng ống điếu dài khắc hình những thai nhi cuộn tròn châu đầu nơi mồi lửa, cuống nhau chạy dài đến cuối cán dính lên môi Già rồi chui thẳng vào mồm. Tôi chắc Già còn nhiều thứ quái đản hơn thế.

- Ông còn thấy hiện tượng gì nữa?

Tôi nhìn Già ngồi đối diện lò sưởi, ánh sáng lập loè nhảy múa trên khuôn mặt đầy đặn hằn sâu nếp nhăn như sóng biển, tóc bạc trắng bạt ra sau bồng bềnh gió khơi nhưng đôi mắt Già buồn. Buồn vời vợi. Già hỏi dửng dưng không cần câu trả lời. Và tôi, tôi vẫn ngửi thấy mùi hương nồng nàn của Anna phảng phất đâu đây. Ngửi bằng trí nhớ. Nó không ở ngoài mà ở trong tôi, có thật, vật chất như tim gan, nó nhập vào tôi và ... nó sống.

Tôi hỏi Già làm thế nào gặp được Anna.

- Mai tôi phải rời Bonifacio đi Florence, tuần sau sẽ về.

- Ông định gặp để làm gì?

- Để nhìn thấy mùi hương bằng da bằng thịt. Người đã cho tôi

thêm một khung trời.

Tôi nói với Già là tôi tỉnh táo chứ không mộng mị hay tưởng tượng kiểu tiểu thuyết gia đang tìm hứng. Đó là sự thật. Già vỗ vai tôi, nhỏ nhẹ.

- Vâng tôi tin ông... Chúc ông ngủ ngon.

Nhưng đêm hôm ấy Già thức rất khuya, không ngủ, lục đục mãi và hình như có tiếng bước chân Già chậm chạp lên cầu thang, lách cách mở cửa vào phòng đôi vợ chồng hồi còn trẻ.

*

Anna đã mở cho tôi một khung trời mới, nói đúng hơn, một không gian khác thường. Không như Già Rossy nhớ mùi gió biển, mùi mồ hôi, hay mùi khói thuốc. Tôi nhớ mùi hương của Anna như nhớ một người tình, bằng cảm xúc, bằng mộng mơ, bằng ảo giác, triền miên cả đêm lẫn ngày. Thời gian đầu, mùi hương chỉ nhẹ nhàng phất phơ như gió thoảng, làm cho cơ thể và đầu óc thư dãn, bớt được cơn lừ đừ mệt nhọc sau những giấc ngủ trưa. Mặt trời đổ những tia nắng chói chang lên mái nhà Già Rossy hừng hực nóng, cảnh vật ngoài kia thẳng đứng, im lìm chịu trận cái oi bức ngộp thở giữa trưa hè, và biển bốc hơi. Nhưng trong phòng tôi thì vẫn mát rượi một mùi hương cực kỳ quyến rũ, nó vuốt ve mơn trớn khắp người và cho tôi cái cảm giác lâng lâng, phe phẩy của một chiếc quạt trầm hương. Không gì thú vị bằng. Nó lả lơi khêu gợi bắt tôi phải để ý đến nó, và dụ dỗ tôi đến xiêu lòng phải thay đổi một số thói quen. Già Rossy cũng ngạc nhiên bảo.

- Dạo này thấy ông ít ra đường, không viết lách ban đêm, lại viết ban ngày?

Tôi nói với Già không hiểu sao tôi không thức đêm được nữa. Cứ xâm xẩm tối là mắt mỏi rũ vì một cơn buồn ngủ kéo đến rất nhanh, không cưỡng lại được. Già nghĩ tại tôi làm việc quá sức đó thôi. Nhưng tôi biết không phải thế. Vì một lý do khác.

Có lần vui chơi với bạn bè, tôi đã thử một loại nha phiến gốc Nam Mỹ, hút vào, không gian căng phồng ra với thứ ánh sáng vàng vọt lung linh của ngọn đèn dầu lạp, mọi vật chung quanh như chuyển động quay cuồng, người dập dềnh nhẹ tênh và cơn buồn ngủ tức thời ập đến. Ngủ mà như thức, thức thì như mơ và sáng ra đầu nặng như đeo chì. Tôi chợt khám phá là tôi buồn ngủ vì mùi hương của Anna trong trạng thái gần tương tự như thế, nhưng dễ chịu, sảng khoái gấp trăm lần. Mùi hương trong căn phòng này khác với mùi hương ma tuý, nó làm tôi say nhưng không mệt, khi thức dậy vẫn hăng hái làm việc, viết

lách như mọi ngày. Từ đó, tôi thèm những buổi hoàng hôn lúc mặt trời lặn xuống biển và nghiện những giấc ngủ đầy khoái cảm, ấp ủ cùng mùi hương. Thời gian sau, tôi còn nghiệm được nhiều điều rất lạ. Già Rossy hay bảo Già ngủ lúc nào... không biết. Nhưng tôi trái lại, chỉ cần nhắm mắt mơ màng, tôi đã biết mùi hương lượn lờ đến bên cạnh, ve vãn, kể lể, ôm ấp xác thân và óc não dần dần tê dại đi. Một luồng gió mát từng bước xâm nhập vào người, chạy khắp châu thân từ trong huyết quản, từ đầu xuống vai, từ vai đến bụng rồi toả rộng râm ran đến tận mười đầu ngón chân tay, và tôi sung sướng tưởng mình có thể hoá thân thành muôn loài, thành chim thành bướm, thành núi thành sông, thành ngàn vạn phấn hoa bay của rừng già.

Chỉ có điều đáng tiếc, Già Rossy cũng lên phòng những khi tôi đi vắng, cũng ngủ vài đêm nhưng Già không cảm được gì. Vì Già không ngửi thấy mùi hương của Anna. Già nghĩ ngợi nhiều, không hiểu và có vẻ buồn, một hôm Già nói.

- Vậy là ông may mắn, hạnh phúc hơn tôi!

Từ ngày mang trong người tinh hương của loài hoa xa lạ, tôi như được thêm đôi cánh bay bổng, thênh thang giữa đời. Nhìn đâu cũng thấy sáng ra, màu sắc đậm hơn, tươi hơn, có khi đi giữa thành phố dầy đặc sương mù mà vẫn nhìn tỏ mặt người. Những dốc đường quanh co khúc khuỷu, với nhà cửa thấp tầng xếp cạnh nhau như bát úp, ở ngã ba nào đó, nay bỗng quen thuộc như đã từng đi qua, nhưng rộng, cao, và thoáng hơn với màu gạch cua tươi rói. Hàng cây Tùng Bách bên kia đồi uốn khúc lên tận đỉnh, trước không hề thấy, nhưng giờ cũng xanh um màu lá mạ, thản nhiên với mây trời. Tai mắt tôi trở nên bén nhậy tinh tế lạ thường. Có nhiều đêm, tôi nghe được hơi thở của Già phập phồng dưới nhà mặc dù rất nhẹ, Già đã ngủ say, ở trên phòng qua mấy lần cửa kính, tôi vẫn biết táo đang rụng ngoài sân và lá đang bay đầy ngõ. Nghe nói, thị giác cho phép con người nhìn thấy chính mình, giống như khi xem tranh ta chỉ thấy chính ta. Nhưng trong cái nhìn hiện tại tôi lại không thấy tôi, mà chỉ thấy Anna, một nàng hương cô quạnh và thèm sống. Bằng một quyền lực vô hình nàng đã biến tai mắt tôi thành tai mắt của nàng. Tôi nhìn thấy những gì nàng muốn thấy, nghe được những gì nàng muốn nghe, và cảm được những gì nàng đang cảm.

Như lúc này, tôi biết Anna đang muốn về thăm một nơi chốn cũ. Nàng không phải dân đảo Corse. Quê hương nàng không phải nơi đây mà tận phương trời Đông Bắc, quanh năm tuyết phủ ngập đường. Tôi

thấy gió lạnh mơn trớn làn da giữa mùa hè nắng gắt, tai nghe văng vẳng những tiếng lục lạc trên bờm ngựa phi. Tiếng chuông nhỏ trong veo như tiếng thuỷ tinh leng keng xa dần...xa dần và Anna bật khóc. Khóc vì một nỗi xa xôi dặm trường. Tôi buồn vui theo tâm trạng của nàng, khi đi qua từng vùng kỷ niệm thời thơ ấu. Có ai biết nàng không thích những buổi chiều mưa dầm dề trên thành phố biển, nhưng lại mê nhìn tuyết rơi? Tuyết rơi phủ trắng những cánh đồng vạn dặm trên xứ sở nàng, cũng như ở đây, tuyết bay trắng biển, trắng núi, trắng những căn nhà mái đỏ, trắng những dốc đường quanh co, trắng như tâm hồn thiếu nữ và trắng cả những cuộc đời còn son trẻ. Tôi còn biết nàng yêu nhạc cổ điển và thích nhảy múa, những lúc ấy, trong đầu tôi lại reo vui một vũ điệu Caucasien bập bùng ánh lửa cùng với nhịp vỗ tay rộn ràng. Và đâu đó thấp thoáng một khuôn mặt thuỷ thủ phong trần, cằm vuông, lông mày xếch ngược. Nàng nói với tôi trong giấc mộng du là nàng yêu đời và muốn sống. Bao nhiêu hình ảnh hiện ra như cuộn phim muôn màu, khi tỏ khi mờ, nhưng tôi vẫn chưa từng đối diện Anna. Không biết Anna đã lưu lạc đến đây từ bao giờ? Nàng đang ở đâu mà tôi chưa được thấy nhan sắc? Có điều chắc chắn, đeo trên thân xác tôi, mùi hương của nàng thoát được căn phòng chật hẹp ra ngoài. Và tôi đã mở cho nàng đôi cánh cửa tự do.

*

Tuần sau tôi trở về, cố tình sớm hơn mọi lần nhưng Anna đã lại đi mất. Trước tôi một ngày. Không hiểu sao nàng tránh gặp mặt. Hỏi Già Rossy Già cũng không muốn trả lời. Tôi tặng Già chai rượu cùng hộp thuốc Hoà Lan, hỏi thăm Già vài câu vội vã vì nóng lòng muốn lên phòng. Căn phòng vẫn trông ra biển, vẫn sạch sẽ và ngập mùi hương. Nhưng lần này tim tôi loạn lên vì trên nền gối trắng, nằm nghiêng một nhánh hoa Vàng. Vàng Mai. Nhưng sao hoa vẫn tươi như vừa mới cắt? Khi tôi cầm lên hoa liền đổi màu, lần lượt ngũ sắc như kính vạn hoa lấp lánh muôn hình, biến, hiện rồi tan. Tôi biết Anna tinh nghịch và nàng đang ở đâu đây, rất gần. Hình như có một nụ cười dịu dàng trên mặt gương gợn sóng. Vài cánh chim mòng biển chao qua chao lại ngoài kia, cất tiếng gọi trên cao tha thiết lúc chiều về. Bầu trời xuống thấp và bóng tối đang lướt vào từ ngoài khơi...

Tôi nghe bước chân Già lên cầu thang mở khoá vào phòng bên cạnh. Có tiếng cử động sột soạt của da thịt trên mặt vải khô cứng và giọng nói chậm rãi quen thuộc của Già.

- Cố uống bát thuốc này đi ... cho mau lại sức...

- Cố lên nào...
- Đêm nhiều sao, chắc mai trời đẹp đấy...

Già thì thầm như vỗ về tình nhân. Đột nhiên tấp nập những bước chân nện trên sàn gỗ và rất đông người qua lại, nhộn nhịp, hối hả lên xuống cầu thang, rồi đập cửa phòng tôi thình thình, vang dội. Tôi bật dậy... Nhưng ngoài hành lang không có ai, phòng kế bên vẫn khoá cửa im ỉm và trong nhà hoàn toàn yên lặng. Chỉ có tiếng quả lắc đong đưa một mình với bóng đêm vì Già Rossy đã tắt đèn yên giấc. Trăng đã lên cao. Đồng hồ tay chỉ ba giờ rưỡi.

Những hôm sau, tôi vẫn nghe nhiều tiếng động lạ vang vang trong giấc nửa khuya và bóng dáng Anna chập chờn ẩn hiện. Không biết tỉnh hay mơ?... Tôi thấy một buổi chiều lang thang xuống phố, bắt gặp mùi hương lơ lửng ngang đầu, rồi dẫn đường tôi đến một tiệm ăn nổi trôi trên mặt biển, lênh đênh như bèo dạt giữa đại dương. Tiệm lại trang hoàng theo lối cổ kính, sang trọng, đông khách, nhưng khi tôi bước vào mọi người đều đứng dậy bỏ đi. Còn lại một thiếu nữ tóc nâu cắt ngắn ngồi xoay ra ánh mặt trời, lưng trần vai thon, để lộ một nốt ruồi son với nước da trắng sữa. Tôi biết chắc chắn là Anna, vì từ thân thể nàng ngào ngạt toả ra thứ hương thơm kỳ diệu. Chỉ ba bước nữa thì chạm được vai nàng mà chân tôi không nhấc nổi, toàn thân như bị đóng đinh dính chặt xuống đất. Nhưng bỗng chốc, nàng chạy ra cửa ôm chầm lấy một chàng trai, hôn môi đắm đuối, và bóng đổ dài rơi vãi phía sau cùng với tôi bâng khuâng, ngỡ ngàng. Tôi còn gặp Anna thêm nhiều lần khác. Nàng ngồi trên ghế bành của Già nhìn mây bay vùn vụt qua cửa sổ, và những tảng mây đen cuồn cuộn đầy ắp không gian. Không bắt được dung nhan của nàng, nhưng tôi vẫn cảm được nỗi mong chờ u uẩn trong lòng người thiếu nữ. Nàng nói với tôi là nàng lạnh lắm. Và mới đêm qua, thấp thoáng bóng nàng đứng trên bao lơn ngắm xuống biển, hình như có lúc, nàng đến ngồi bên đầu giường nhìn tôi ngủ như mơ...

Tôi kể cho Già Rossy nghe những giấc mơ kỳ lạ và cố tình quên những đoạn vô cùng ướt át, say sưa với nàng. Già rót cà phê mời tôi buổi sáng sớm và bảo dạo này Già hay lục đục, đang dọn căn phòng hai vợ chồng thuở trước cho Anna. Để khỏi phiền tôi. Già nhìn tôi đăm đăm qua làn khói thuốc, vẫn bằng đôi mắt ướt buồn bất tận.

- Ông yêu nàng hương rồi!
- Anna là ai? - Nàng đang ở đâu? - Già làm ơn cho tôi gặp mặt!
- Vâng... ông yên tâm... để tôi bảo Anna. Tuần sau trở lại ông sẽ

gặp...

*

Lần cuối tôi trở về căn nhà có phòng sau nhìn xuống biển, Già Rossy không ra đón, cũng không thấy Già ngồi nhìn ra đường như thường lệ, và phòng khách âm u không ánh đèn. Cảnh nhà yên bình, mát lạnh, hoang vắng. Tiếng quả lắc đong đưa vẫn tích tắc đều đặn như những dấu hỏi ai ơi nghìn trùng. Bình thường Già báo trước những khi có việc phải xuống phố, nhưng đã lâu rồi Già có đi đâu? Linh tính báo điều không hay, tôi đảo một vòng rồi lên lầu. Trời tối đen, tiếng sóng biển ùa vào từ cửa bao lơn mở rộng, trên bàn tôi thấy ống vố của Già chặn lên một mảnh giấy trắng. Dấu vết nhăn nhúm trên nệm giường chứng tỏ có người vừa ngồi ở đây, và nét chữ Già cứng cáp viết cho tôi mấy dòng.

Anna là vợ yêu quý nhất đời tôi.
Chiếc chìa khoá này sẽ cho ông biết sự thật.
Lão thần chết đang cỡi sóng vẫy gọi ngoài kia.
Tôi đã quyết về với biển.

Tôi bước ra bao lơn nhìn xuống vực sâu mà lòng quặn thắt, tay cầm chìa khoá phòng vợ chồng Già Rossy hồi còn trẻ. Trong phòng, một bộ xương người nằm thẳng trên mặt nệm vàng úa, và chung quanh rải đầy hoa, tràn ngập những hoa, hoa khắp nơi, hoa trên giường, hoa dưới đất, hoa leo lên tường, hoa bám lấy trần nhà, hoa khô, hoa héo, hoa tươi. Nhiều vô kể. Gìa đã ướp xác Anna bằng trăm nghìn loài hoa đủ màu đủ sắc và hương thơm lừng. Tôi đứng lặng người, nước mắt chảy vào trong...

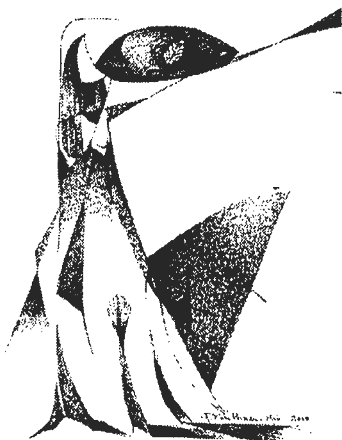
Tôi vẫn chưa được biết dung nhan của nàng, và mãi mãi không bao giờ biết. Tôi xuống nhà theo mùi hương bay, đến ngồi vào chiếc ghế bành ngay cửa sổ phòng khách, vén màn nhìn ra dốc đường bộ vắng tanh và... thấy Già. Già Rossy.

PHAN NGUYÊN
Paris, tháng 6 - 2000



MIÊNG

Bóng chân



Nhà xoay lưng vào bià núi. Con đường nhỏ ngoằn ngoèo bên sườn như cắt mái đá xám làm đôi. Ruộng hoa cải dầu vàng tươi bao quanh nhà và trong sân, những cây mẫu đơn, cây mận cây đào rực hoa bên cạnh hàng rào xanh mượt như tấm thảm Ba Tư đầy màu sắc.

Cô gái như tìm gặp căn nhà trong mơ, đảo mắt chiêm ngưỡng chung quanh một lần nữa trước khi đưa tay nhấn nút chuông nằm ẩn dưới vòm che sứ trắng. Cô hồi hộp vu vơ mặc dù không phải lần đầu tiên đi thuê nhà xứ lạ. Tiếng chim líu lo trên các cây bên đường nghe vui tai và xa xa đâu đó, một con cú cất giọng đùng đục như thể cần nhằn ngủ suốt mùa đông chưa đẫy giấc. Cô hân hoan ngửa mặt lên đón nắng và khép hờ mi, mỉm cười vô tư với buổi sáng xuân bình an thơm mùi hạnh phúc...

- *Bonjour, mademoiselle.*

Cô gái giật mình, chào người đàn ông đứng tuổi đang nhoẻn cười và qua lớp kính, ánh mắt thẳng thắn dìu dịu của ông làm cô yên bụng. Màu da sậm với mái tóc muối tiêu hơi bồng bềnh ôm khuôn mặt xương xương khắc khổ. Có cái gì nơi ông gợi lên lòng tin cậy dễ gần. Cô nói ý định mình, ông tự giới thiệu là quản gia và đưa cô vào nhà

trên lối đi nở vô số uất kim hương và iris...

- Cô là người Việt Nam ?

Ông quản gia bất chợt hỏi. Rồi không chờ câu trả lời, trỏ tay vào ngực :

- Vợ tôi cũng người Việt. Còn tôi chà và.

Thấy vẻ ngỡ ngàng của cô gái, ông cười vui vẻ tiếp :

- Tức là người Ấn Độ, bán vải ở Sàigon. Cô còn trẻ quá, chắc không biết.

Bỗng nhớ đến câu hát *''Chà và ma ní tí te, Cái bụng chè è con mắt ốc bươu''* sao mà khác xa với người trước mặt, cô gật gật đầu nhìn ông, hồn nhiên nở nụ cười thân mật. Bốn bực thềm men đỏ dẫn vào căn phòng khách rộng rãi bày biện kiểu xưa. Cô thầm nhủ nếu có Thu Hà ở đây, chị sẽ nói mình nghe bộ xa lông này, chiếc bàn ăn và tủ sách cao nghệu sát tường kia thuộc thời Louis thứ mấy. Nhưng chắc vẫn không ghê gớm bằng hai tủ cẩm thạch chị đặt mua từ bên Tàu. Lại còn những bức tranh và vô số đồ xưa ! Ồ, một ngày nào mình sẽ cố thuyết phục Thu Hà cùng lên đây để chị ngắm nhìn và đánh giá. Cái gì chớ đồ cổ là chị mê, mình quê mùa nên ngược lại...

- Trên lầu, mời cô...

Ông đưa tay về phía chiếc cầu thang gỗ bóng nhẫn đã bắt đầu hơi lõm. Bước rất khẽ nhưng cũng nghe tiếng gót giày vang dội khắp nhà, cô chợt e ngại mình khuấy động một cái gì đang yên tĩnh lắm...

Cô gái. Tuần thứ nhất.

Nhận phòng sáng chúa nhật, buổi chiều cô dạo phố. Thành phố nhỏ miền núi trông thân mật dễ thương, nhà lên xuống theo triền dốc và hầu hết là cửa hàng mùa này thưa khách. Khác với các vùng biển hay đồng bằng miền Nam, ở đây các bà không tụm năm tụm ba hay ngồi trước hè nói vọng qua bên kia với hàng xóm, con nít không chơi banh ngoài đường và các ông già không đánh *boules* trên những khu đất trống. Cô tha thẩn suốt buổi chiều nhìn ngắm mọi điều trước mắt. Một thành phố sống nhờ vào du khách không bao giờ thấy ai là lạ mặt. Cô thầm nghĩ ở trên xứ người mà mình không cảm thấy là ngoại quốc như năm kia về quê hương...

Ra khỏi khu phố nhỏ, hai bên đường mọc đầy hoa dại, những loại hoa miền núi chẳng bao giờ biết mùi cửa kiếng. Ánh vàng rực mặt trời buổi chiều hãy còn lưu luyến rong chơi và vài con chim chiều xa xa trên bầu trời trong vắt. Trong lòng thung lũng, hai chiếc *deltaplanes*

đỏ nổi bật giữa màu rừng, đang chao lượn. Cô nghe tiếng sỏi lạo xạo dưới chân như tiếng trẻ con đùa nghịch nghiến răng và tiếng lá rì rào trong gió như to nhỏ tự tình. Cô hít thật sâu bầu không khí trong lành như để chuẩn bị sức lực cho ngày mai bắt đầu làm việc.

Căn nhà chìm trong yên tĩnh hoàn toàn khi cô về sau bữa ăn tối. Chỉ phòng của ông quản gia còn sáng, và âm thanh của đài truyền hình yếu ớt vọng ra. Cô lên cầu thang rất khẽ...

Người đàn ông. Tuần thứ nhất.

Theo lời ông quản gia thì cô ấy có cái đẹp khoẻ mạnh và vui vẻ tự nhiên. Sáng nào cô cũng chạy bộ lên đồi sau nhà rồi về tắm xong là đi mãi tới tối mịt mới về. Cả tuần qua ông thấy cô mỗi sáng nhưng chỉ có dịp trò chuyện vài lần trước khi cô trở lại Paris.

Tôi vào phòng buổi chiều hôm đó, lười biếng ườn người lên giường với chăn gối của cô. Hơi hướm đàn bà hãy còn phảng phất ngập ngừng khiến lòng tôi ngây ngất nao nao. Tôi cố tưởng tượng hình dáng cô nằm : nghiêng, hai chân hơi co lên ôm chiếc gối vào lòng hay thẳng, duỗi dài chân và hai tay đặt hờ lên ngực ? Và mắt cô nhìn đâu, phía cửa sổ trước nhà với xa xa ngọn núi mờ trong mây hay phía cửa sổ bên hông với đỉnh rừng phong đang mùa đơm lá ?

Sáng hôm sau nắng mai trườn lên người và đánh thức tôi với giọng ấm áp nhẹ nhàng. Bỡ ngỡ trong căn phòng này hầu như xa lạ, tôi đảo mắt nhìn quanh. Chiếc mũ đàn bà móc trên tường nhìn tôi đăm đắm như muốn kể niềm vui suốt tuần đã theo cô tới đâu và bảo vệ mái tóc làn da cô thế nào. Tôi mỉm cười với nó, làm quen. Những cộng lát sơn trắng tranh cãi gì đó với những cộng lát màu xanh biển, phải nhờ giải lụa màu trời làm trọng tài đứng giữa. Giải lụa nhu mì, vừa hoà giải những cộng lát đa đoan vừa nháy mắt mỉm cười với tôi trong ánh nắng...

Cô gái. Tuần thứ hai.

Cô trở lại vùng núi chiều chúa nhật tuần thứ ba của tháng. Trên bàn hãy còn vài tờ báo địa phương và quyển *"Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà"* của Victor Hugo. Trên bệ sưởi, hai bức tượng nhỏ kiểu Hy Lạp đầu người mình thú mà ông quản gia bảo là của người thuê phòng xen

kẽ với cô. Quái, nhà này, ngay cả người thuê cũng có «gu» cổ điển !

Cô sắp các thứ ấy vào một góc vì không sính những hình thể bất thường dù là nghệ thuật. Đối với cô người đẹp là người cân đối, không phải một khuôn mặt nhỏ xíu nằm chót vót trên chiếc cổ dài ngoẵng kiểu Modigliani. Cô cũng rút cái đèn đọc sách ở giường dẹp đi. Kiểu cái đầu người méo mó màu đen để ánh sáng toát ra từ miệng và hai hốc mắt làm cô ghê người. Và khi tháo tấm khăn giường và bao gối có hình cá sấu há miệng thật lớn, gớm ghiếc, cô nhún vai mỉm cười...

Cô lại tới sân golf. Tuần này phải nhắm địa thế để làm ít nhất hai cái hồ nhân tạo cho parcours. *Parcours* ba cây số hai là quá dài, với đường núi lên xuống gập ghềnh chóng mệt. Cô dự định sẽ bắt đầu *parcours* từ *tee* thứ hai, chỗ *tee* thứ nhất sẽ sửa lại thành nơi *practice.* Như vậy hợp lý hơn, banh sẽ văng ngược lên chỗ dốc và phải phá mấy bụi rậm cho banh không mất. Tiếp theo phải tính *farway* cần bao nhiêu đất lấp những chỗ lồi lõm đầy sỏi làm bước đi khập khiễng khó chịu. Golf là môn thể thao thư dãn, sau khi đi một vòng *parcours* người ta phải thấy thoải mái, khỏe ra. Ngoài ra phải đào thêm một bunker và chữa lại cái đã có, vừa nhỏ vừa dốc quá.

Và cô bước đi dưới nắng, giấy bút trên tay, vừa chỉ trỏ cho hai đồng nghiệp đi bên cạnh.

Người đàn ông. Tuần thứ hai.

Tôi không phật lòng khi thấy đồ đạc mình bị gom vào một xó, bơ vơ dưới đất. Vậy mà khi bày ra, tôi chỉ hy vọng chút nghệ thuật sẽ làm vui lòng cô gái thuê nhà. Tôi cũng lịch sự không dẹp bức tượng Đức Mẹ bày trên bệ sưởi. Người có niềm tin vào thánh thần, theo tôi, vẫn là người đạo đức.

Tôi nhìn quanh phòng : bình hoa hồng đỏ sẫm vẫn còn tươi trên bàn, đôi giày đi núi màu da bò nằm cạnh chân giường, sọt rác đầy giấy nháp... Có cảm giác như người ăn vụng, tôi hôn mấy đoá hoa và nghĩ đến đôi môi son trẻ của cô. Tôi ôm đôi giày vào lòng như vuốt ve đôi chân xinh đẹp của cô. Và tôi cầm những tờ giấy kéo từ sọt rác đầy hình, mỗi tờ vẽ một mẩu đất với nhiều ghi chú. Tôi ôm chúng vào lòng như ôm lấy nghị lực và sức sống của cô... Bỗng dưng tôi ao ước được gặp cô. Tôi thèm được nhìn thấy cô mặc dù trong thâm tâm, chẳng biết để làm gì. Chưa bao giờ tôi thoải mái khi đối diện với đàn bà. Thực ra là tôi chẳng thích trò chuyện với ai cả. Tôi thường gửi gấm

nỗi lòng mình cho mây chiều hờ hững chẳng biết về đâu. Tôi thường tâm sự với sương mù vây quanh đỉnh núi mỗi sáng nắng chưa về hay mỗi chiều nắng đi vội vã. Và xa xa, những mây những sương với hình thù kỳ ảo chập chùng sẽ che dấu nỗi niềm tôi rồi mang đến mở ra cho người nào đọc được cùng ngôn ngữ - thứ ngôn ngữ mà đối với cô hẳn là xa lạ. Và tôi đâm ra thèm muốn thứ tiếng cô dùng...

Buổi chiều, tôi ngồi hằng giờ nhìn mông lung qua cửa sổ. Ráng chiều ửng hồng các bìa mây và xa xa, đỉnh núi nhô lên một thân cây nhỏ trơ trọi, cô đơn. Tôi như thân cây kia, lúc nào cũng xa cách mọi người. Nhưng nếu nó trốn chạy, vượt lên cao rồi buồn rầu ngạo nghễ nhìn xuống nhân gian có bao sinh linh đang sống và đang chết - thì tôi, một con người tầm thường vượt lên được tới đâu và nhìn xuống cái gì, ngoài sự cô đơn vừa cao khiết vừa quằn quại của mình ? Bởi tôi sống mà một nửa đã chết rồi, niềm vui nỗi buồn chẳng ảnh hưởng gì tới mình nữa. Mọi thứ tình cảm đều như mơ hồ không thật. Vậy mà tôi lại mong gặp người con gái thuê phòng, dù chẳng biết để làm gì ! Chắc tại ý nghĩ ra vào cùng một cửa, nằm cùng trên một giường - còn có sự đụng chạm nào gần gũi thân mật hơn thế nữa ?

Cô gái. Tuần thứ ba.

Vừa bước vào phòng, cô ngạc nhiên đầy thú vị khi thấy bình hoa hồng tươi thắm trên bàn (mà sáng hôm sau được cám ơn, ông quản gia tỏ vẻ bối rối nói không phải của mình). Đống đồ «nghệ thuật» vẫn nằm lặng lẽ ở góc nhà và thêm vào căn phòng là cái máy truyền hình và đầu máy vidéo với cuốn phim *"Cái Trống"* theo tiểu thuyết của Günter Grass. Vở *"Con mèo cái trên mái tôn cháy bỏng"* của Tennessee Williams nằm ngơ ngáo trên mặt bàn đêm. Máy nghe nhạc của cô được đặt cẩn thận trên chiếc tủ nhỏ cạnh giường.

Cô lại tới sân golf. Tuần này phải nhắm địa thế gần cổng ra vào để nới rộng căn phòng vừa cho thuê dụng cụ, vừa thu tiền. Căn phòng hiện tại nhỏ như cái hộp chỉ vừa đủ chỗ cho một cái bàn con với khoảng chục bộ đồ golf. Ngộ nhỡ trời mưa thình lình thì khách nấp vào đâu ? Khách khát nước phải tìm chỗ nào ? Khách cần điện thoại ? Và cần phải có một máy cho thuê banh...

Cô dạo một vòng xuống Saint Martin, ngôi làng e ấp nằm lọt trong thung lũng đẹp nên thơ. Đường vòng khu phố râm bóng mát, nhà cửa khang trang và các loại hoa muôn màu nằm ngoan ngoãn như con nhà lành trong vườn rào thấp. Con đường phố chính hẹp dốc theo triền

núi, giữa lòng đường có rãnh, nước suối chảy xuống trong veo mát rượi. Nhà hai bên thường là cửa hàng cho du khách, trông kín đáo, trang nhã và thân tình. Nhưng suốt làng chỉ có một bảng quảng cáo sân golf !

Người đàn ông. Tuần thứ ba.

Tôi sung sướng săm soi mẫu giấy nhỏ trong tay, tim tưởng muốn nứt ra. Cô viết cho tôi ! Nét chữ cô mềm mại mà mạnh mẽ, đầy cá tính. Chỉ mấy chữ thôi, gọn quá, mà tôi như thấy cả một rừng văn học. Văn chương là nơi tôi ẩn mình tìm lãng quên, an tịnh. Mỗi tác phẩm, tôi tìm kiếm hình ảnh một nhân vật có cái gì chung với mình rồi chuyện trò bắt đầu bằng tâm sự mà họ đã bày ra trên giấy. Nhưng chẳng bao giờ ai tỏ ra lưu tâm tới sự ân cần đầy thiện cảm của tôi. Ngay cả trong sách, con người cũng lạnh lùng cách biệt. Và như một cái bóng, tôi theo dõi họ âm thầm mà dai dẵng.

Nhưng bây giờ đã có người lưu ý sự hiện diện của tôi ! Tôi sung sướng đến hổn hển và choáng ngợp niềm hạnh phúc. Tôi ấp mảnh giấy nhỏ lên môi, cảm giác như chạm vào đôi môi cô - trinh nữ. Tôi nhắm mắt tưởng tượng giờ này cô đang làm gì, ở một nơi chưa bao giờ chân tôi đặt đến ? Những chữ viết cho tôi có làm cô bối rối - hay biết đâu, biết đâu cô cũng chẳng còn nhớ gì đến mẩu giấy con con này nữa? Cùng lúc tôi thấy giận dỗi và ghen tị vu vơ. Tôi muốn biết cô đang làm gì nơi ấy ?

Tôi lại lôi trong giỏ rác, những tờ giấy vẽ căn nhà nhỏ cạnh cổng ra vào, mấy ngọn đồi lên xuống với nhiều chú thích chuyên môn tôi không hiểu hết. Cùng với những tờ tuần trước, tôi cất chúng cẩn trọng như những lá thư đầy kỷ niệm. Một ngày nào có dịp, tôi sẽ trải dài chúng ra, từng tờ cho cô xem, gợi cô nhớ lại những ngày đầu thuê chung phòng với một người khác phái, xa lạ. Và chúng tôi sẽ nói cho nhau nghe những gì đã nghĩ về nhau trong thời gian thuê cùng căn phòng như chơi trò cút bắt.

Tôi nâng chiếc gạt đầy tàn thuốc gần như thành kính, và run rẩy vụng dại nhặt một mẫu có dấu môi son màu hồng nhạt, châm lửa. Tôi hít khói thuốc vào như hít hơi thở đầy sinh lực của cô. Rồi tôi ho, sặc sụa, bị cô trừng phạt. Tôi mím chặt môi trên đầu thuốc, tôi cắn, răng môi xé nát đầu lọc nhỏ tội nghiệp, như môi ai...

Tôi mở tủ áo, những váy ngắn váy dài làm tôi băn khoăn tội lỗi. Ông quản gia nói ngay cả đầm, ít ai có cặp giò đẹp như cô. Tôi đặt chiếc váy ngắn với chiếc áo cánh mỏng của cô lên giường. Rồi tôi

nằm bên cạnh. Và chúng tôi bắt đầu trò chuyện. Tôi kể cô nghe những gì tôi làm trong ngày, không nhiều nhặng gì, bởi tôi cũng dấu nhẹm những bài thơ vụng về dù rút tận cùng xương tủy của lòng chân thật. Và tôi chờ đợi nghe kể những việc cô làm, hẳn là lý thú...

Chúng tôi hẹn nhau trên ngọn đồi thấp sau nhà. Tôi mang theo giá vẽ, nhẩn nha ngồi nhìn mây bông gòn đùa nghịch đuổi bắt nhau trong gió chiều, chờ cô đến. Không gian yên ắng đến nỗi nhịp tim tôi dồn dập như quá ồn ào. Gió vi vu nhè nhẹ và cây lá xạc xào hỏi tôi đang làm gì ở đây, đơn chiếc. Tôi vội vàng phơi trải lòng mình với thiên nhiên, bảo rằng tôi chờ đợi như chưa từng chờ đợi, tôi nôn nao như chưa từng nôn nao. Và tôi pha màu, một màu hồng rực rỡ để tô lên đôi má xuân thì, một màu đen huyền nhiệm để tô lên mái tóc trẻ trung và một màu xanh biêng biếc như bầu trời cho chiếc áo mỏng lộ hai cánh tay trần...

Chợt hoa lá reo vui như đón mời bước chân ai đang đến, hơi ngập ngừng rồi dừng lại. Tôi hối hả quay nhìn trên lối đi : cô bước nhún nhẩy bất an như con sóc nhỏ, tay kéo cao váy tránh những bụi gai rừng... Bỗng tất cả lặng im, hoa tái nhợt cui đầu như muốn xỉu và lá đỏ mặt, không còn ba hoa nữa. Và tôi nhìn... và tôi nhìn... trời ơi, đôi chân cô ...

Cô gái. Tuần thứ tư.

Cô nhìn bức tranh nằm ơ hờ trên tường, ngọn núi xa xa với một thân cây trơ trọi, cô đơn. Và trên tường bên kia là bức tranh có bình hoa hồng nhung sẫm, tách trà bên cạnh, bốc hơi. Màu sơn còn mới. Biết rồi, anh chàng vẽ ngọn núi trước nhà chứ gì ! Cô lắc đầu mỉm cười, không thích tranh tĩnh vật, và phong cảnh thì không thể vẽ cái gì tươi tắn hơn sao ? Màu sắc gì mà u ám !

Cô muốn viết vài giòng nói về hai bức tranh, nhưng suốt tuần bận quá, cô còn khối việc phải làm và buổi tối về nhà quá trễ, mệt nhoài tắm xong là ngủ vùi rồi sáng hôm sau lại bắt đầu một ngày mới đầy bận bịu. Cô làm việc cật lực, tối đa ba tuần nữa phải xong. Chưa chi mà cô đã được đề nghị cho một dự án khác. Đôi chân dài bước nhanh trên đường sự nghiệp.

Người đàn ông. Tuần thứ tư.

Tôi hơi buồn khi thấy trên bàn, mấy CD nhạc vẫn chưa bóc giấy.

Cầm mẩu giấy nhỏ cô viết cho mình trên tay, tôi mang cảm giác kẻ thất bại. Giỏ rác đầy giấy nháp, tràn lan ra ngoài. Tôi gom hết lại, nhìn ngắm từng tờ và cẩn trọng vuốt thẳng từng nếp, xếp cất như nhặt nhạnh linh hồn đau đớn của mình. Căn phòng hơi bừa bộn, vài món đồ dùng vương vãi và trong phòng tắm hãy còn mấy món riêng tư... Tôi thu dọn, âu yếm như một người chồng giúp vợ trong nhiều bận bịu hằng ngày.

Gần chín giờ tối cô mới về nhà. Tôi biết là khoảng năm ba phút sau cô sẽ tắm...Tôi hồi hộp nhìn vào lỗ khoá, cô đang trần truồng dưới vòi sen, mờ ảo qua lớp kiếng và ánh sáng đèn màu hồng. Cô ngửa mặt lên, nước chảy dạt dào lên tóc cô, nước chảy dạt dào lên bóng của mái tóc cô ép sát da đầu... Nước tràn lan lên mặt cô sáng trưng, nước tràn lan lên bóng khuôn mặt cô nhạt nhoà bồng bềnh trong nước... Nước xối xả xuống tấm thân cô nõn nà màu sữa đặc, nước xối xả lên bóng thân hình cô đu đưa như liễu... Đôi gò ngực thanh tân cao vút núm vú nhỏ màu hồng, từng luồng nước lăn tăn vội vã đuổi bắt nhau như tranh giành độc quyền ve vuốt. Và nước chảy xuống, chảy xuống khu rừng nhỏ rộn rã niềm hoan lạc. Và nước chảy xuống, chảy xuống len lách vào khe rạch như người đi săn tìm kiếm con mồi. Và nước như thác tuôn ào ạt, ào ạt, xuống đôi chân, trời ơi, trời ơi, xuống đôi chân mỗi lúc mỗi cong queo, khẳng khiu, xấu xí đến nao lòng !

Tôi nín thở, nhìn. Tôi nghẹn ngào, nhìn. Tôi sung sướng, nhìn. Tôi thấy bị ngộp thở. Có cái gì cắt ngang cổ họng, đau điếng. Tôi nuốt nước bọt ở đâu dâng trào như suối ngàn mùa lũ lụt. Tôi cắn môi đến bật máu rồi nuốt ực những giọt tanh tanh mằn mặn hoà cùng nước mắt... Tôi thương cô quá đỗi. Tôi mãn nguyện quá đỗi. Và tôi ung dung mở cửa bước vào phòng tắm, ôm chầm lấy tấm thân cô tràn trề sinh lực. Nước trên cao đổ xuống hai chúng tôi da thịt chạm vào da thịt, mềm mại, gợi cảm. Mắt hai đứa nuốt trững nhau, môi hai đứa cấn xé nhau, tranh giành với nước từng ly từng phân thân xác. Tôi lơi vòng tay để nhìn xuống vùng núi đồi ngạo nghễ, vùng đồng bằng như những đụn cát mịn màng và bãi cỏ non e ấp thẹn thùng. Tôi quấn đôi chân mình vào đôi chân tàn tật của cô, hoàn toàn hả dạ... tôi kêu lên sung sướng và giật mình vì chính tiếng mình kêu, bước ra khỏi phòng tắm người ướt đẫm vì mồ hôi trong cơn bàng hoàng tỉnh giấc...

Lòng chùng xuống, tôi trằn trọc thâu đêm. Thật lâu, rồi tôi rũ rượi khập khiễng bước vào giấc ngủ đầy mộng mị. Đang đêm, tôi chợt thức giấc vì tiếng mèo gào tìm đực. Tiếng gào nghe sao mà dữ dội, bức thiết và buồn như ai khóc. Tiếng gào như xuyên thủng núi rừng, xuyên suốt trăng miền núi vằng vặc trên cao. Tiếng gào như kêu cứu,

như van xin, như cùng đường, như gây hấn, như đe doạ... Con mèo cái bên ngoài và người đàn ông bên trong cùng một nỗi niềm. Chỉ khác là người đàn ông gào thét âm ỉ trong lòng và trong phòng. Còn con mèo cái thì gào lên thành lời, giữa trời không dấu diếm. Tôi muốn bước ra xua đuổi như xua đuổi lòng mình, nhưng chân tay bỗng nhiên bủn rủn. Một luồng điện chạy qua làm tôi tê liệt rồi chạy ngược về thiêu đốt tôi hực hở. Toàn thân tôi run rẩy, quờ quạng trong đêm. Chị Hằng lấp ló nhìn trộm từ cửa sổ, rồi bỗng trêu ngươi rực rỡ lách người vào, khoan thai mà trần tục, tươi thắm đĩ thỏa trườn lên người tôi, trườn lên, trườn lên... Tôi bật dậy như lò xo rồi lại nằm vật xuống. Mắt chị sáng trưng, nồng nàn ham muốn, như thể gần gũi tôi chị sẽ được hoá thân. Một phần thân thể tôi đau đớn , nhức nhối, hoảng loạn... Tôi tự cào cấu lên tay, lên ngực. Tôi vò đầu, giựt từng chùm tóc. Tôi úp mặt xuống gối, trăn trở. Rồi tôi ghì chặt gối vào lòng, chặt hơn, chặt hơn nữa. Và tôi lăn lộn như một con thú bị thương. Tôi lên cơn sốt. Tôi lên cơn đồng thiếp. Tôi kêu rên. Tôi bập bẹ những lời không đầu không đuôi. Tôi hổn hển đứt hơi. Tôi cuống quýt vụng về ... Tôi giúp mình qua cơn đau đớn... Tôi phải giúp mình qua cơn đau đớn... Tôi và cô gái... Tôi và chị Hằng... Cô gái và chị Hằng... Tôi với cô gái và chị Hằng... Ba chúng tôi quấn vào nhau như những sớ dừa bện sợi. Ba chúng tôi siết vào nhau như những lọn tóc dài thắt bín. Ba chúng tôi vật vã, rên siết, quay cuồng...Và tôi rú lên như con thú hoang, như con mèo cái...

... Tôi đưa bàn tay nhớp nhúa lên ôm mặt, xấu hổ, tủi nhục, lặng lẽ khóc như bao lần...

Cô gái. Tuần thứ năm.

Cô hơi khựng nhìn đóa hồng nhung nằm trên gối. Bình hoa, đĩa nhạc hay hộp kẹo chỉ khiến cô mỉm cười vu vơ, biết là có người quan tâm tới mình nhưng chỉ là một cảm giác hời hợt thoáng qua. Nhưng đóa hồng nằm đây, nó biểu hiện một cái gì khác hơn là sự chỉ quan tâm tới một người không hề quen biết. Cảm giác đó làm cô hơi ngẩn ngơ, vừa thắc mắc thú vị vừa thấy bâng khuâng nhè nhẹ.

Cô cầm đóa hoa lên, phản ứng là đưa lên mũi, không, cô đưa lên môi, một sự động chạm khe khẽ khiến cô bối rối. Bỗng dưng cô thở dài. Có thể như bạn bè thường nói là cô hơi lạnh nhạt, nhiều tham vọng, chỉ biết lưu tâm đến công việc và những thành công trong đời. Cô chưa hề để tâm tới một người đàn ông nào nếu không nói là sự tán

tỉnh làm cô khó chịu. Có người còn nói cô bị chứng lãnh cảm hoặc con tim ngoài nhiệm vụ hô hấp chẳng dùng được vào việc gì. Nhưng bây giờ, cầm đoá hồng của một người xa lạ, bỗng dưng lòng cô hơi chùng xuống, rộn ràng.

Đoá hoa vẫn trong tay, cô bước tới cửa sổ nhìn mông lung ra ngoài như thể bất chợt sẽ nhận ra người ấy. Ý nghĩ đó khiến cô nhìn sững một người đàn ông đảo mắt nhìn căn nhà rồi dừng lại nơi cửa sổ có người con gái đang áp đoá hồng lên môi. Bốn mắt gặp nhau. Một cái nhìn trong tích tắc xui khiến cô lao xuống thang lầu, chạy băng ra đường dáo dác kiếm tìm. Nhưng trong bóng chiều, người đàn ông không để dấu tích gì trên con đường làng...

Cô trở về phòng, cẩn trọng đặt đoá hồng lên bàn rồi thay tấm trải giường. Bỗng cô giật bắn người khi dời chiếc gối : chiếc xi-líp nhỏ màu hồng mà tuần trước đó vội vàng bận bịu, cô đã bỏ đâu đó trong phòng tắm... Cô nhìn sững. Có phải của mình không ? Đúng là của mình ! Có phải mình bỏ quên trên giường không ? Không ! Một cảm giác như ghê tởm làm cô lợm giọng. Cô tức tối như bị sỉ nhục. Thế là suốt cả tuần, người đàn ông kia đã ôm ấp một phần thân thể của cô ! Chỉ một người bịnh hoạn mới có thể làm điều đó. Chỉ là một thằng đàn ông không ra gì, ngu xuẩn, bẩn thỉu, vô lại... Cô nghẹn và uất, không biết tìm từ ngữ nào nữa. Cô vẫn nhìn sững, bàng hoàng đến nỗi e như không phải đồ dùng của mình, như thể sợ phải nhặt nó lên. Cô chợt rùng mình nhìn quanh, cảm tưởng như có người đang ở bên cạnh, đang theo dõi từng cử động. Vô thức, cô quàng hai tay trước ngực và bấu chặt vai, mắt vẫn dán vào chiếc xi-líp vô tội màu hồng...

Cô hậm hực, khinh bỉ, điện thoại tâm sự với bạn rất lâu xong xuống phố, thành phố đã lên đèn. Và cô lang thang tìm kiếm, bất mãn vì thấy như người đàn ông nào cũng mang dáng dấp của người đã nhìn cô trên cửa sổ. Cô không hiểu nếu gặp, mình sẽ phản ứng ra sao, sẽ nói cái gì, sẽ có tình cảm như thế nào. Nhưng cô muốn gặp, cứ gặp rồi hẵng tính. Đi suốt dãy phố vắng vẻ, vào hết mấy tiệm ăn, quán cà phê, cô nhìn từng người. Chợt trong quán cà phê cuối phố, một người đàn ông đang đứng ở quầy có cái nhìn làm cô giật mình. Chỉ một cái nhìn rất nhanh, rồi người ấy bỏ đi, phía cửa sau. Cô vội bước theo nhưng không kịp nữa. Cô có cảm tưởng *hắn* biết và tránh mặt mình. Cô uể oải ăn tối, uể oải ra về và cuối cùng, uể oải vất chiếc xi-líp hồng vào giỏ, uể oải thay ra trải giường...

Nhìn lên hai bức tranh buồn thiu cô đơn, cô nhớ tới lời bạn nói khi chiều và suy nghĩ. Ờ, Quyên có lý phần nào (dù có kèm theo tiếng cười chọc phá) khi bảo nếu hắn bịnh hoạn thì chắc đã vẽ theo bức

tranh *«Nguồn gốc nhân loại»* của Gustave Courbet rồi ! Đây chỉ là người kín đáo, cô độc, buồn và thiếu dạn dĩ tự tin. Bất chợt cô thở dài. Một thứ tình cảm là lạ khó định nghĩa nhen lên làm cô xốn xang - lần thứ nhất trong đời.

Nhìn qua cửa sổ, vầng trăng khuyết treo lửng lơ trên bầu trời đêm trong vắt sậm màu như ngả tím, đỉnh cây thông nổi lồ lộ màu đen, song cửa sổ khắc hình một người đang đọc sách ... mọi cái đều mang hình ảnh nghiêm trang và thanh tịnh làm cô chột dạ. Cô vùng dậy xới tung đống sách đặt bên lò sưởi : toàn về cuộc đời ẩn cư của tu sĩ, về những người cô độc và những kẻ tài hoa nhưng bất hạnh...

Thở dài, cô nhìn lại lòng mình, một cảm giác êm đềm gần như lòng trắc ẩn dấy lên làm cô khó ngủ...

Sáng thứ sáu, cô điện thoại về sở ở Paris, nói chuyện rất lâu.

Người đàn ông. Tuần thứ năm.

Tôi chờ cô trên đồi. Vẫn nắng chiều vùng núi êm ả vắng người và mây thì lang thang vô định. Tôi ngồi bên gốc cây thông già tróc vỏ sần sùi như mụt ghẻ, như linh hồn tôi trầy trụa. Những trái thông khô nằm nghiêng ngả hớ hênh rải rác trên bờ đường đầy sỏi, bất trắc như con tim tôi yếu đuối. Tôi muốn gom góp các trái thông khô, nhóm lửa. Ngọn lửa thông sẽ thiêu đốt những gì đang chất chứa trong tôi. Khói thông sẽ mang đến cô lời tạ tội thành kính của tôi. Và tro thông sẽ làm chất keo dán hai tôi gần lại. Ô, lẽ ra, lẽ ra tôi phải cẩn trọng hơn. Lẽ ra tôi không được bỏ quên một phần đời mình trên gối...

Tôi vẫn chờ, lòng như muôn ngàn tổ kiến. Một tiếng chim kêu cũng làm tôi rùng mình và một chiếc lá rơi cũng làm tôi thấy hụt. Gió nhè nhẹ đùa nghịch từng nhóm tóc trên đầu bốc lửa, tôi dáo dác nôn nao. Từng giọt rồi từng giọt lệ âm thầm chảy ngược vào tim. Từng tiếng rồi từng tiếng nấc rưng rức ngập hồn. Tôi chắp hai tay thành khẩn nguyện cầu. Lời nguyện cầu thổn thức quặt què...

Chẳng biết bao lâu, tôi không còn khái niệm gì về thời gian nữa, cuối cùng thì cô đến, như hào quang từ trời hiện xuống. Tôi chói vì nước mắt long lanh trước cô rực rỡ. Tôý nghẹn vì muôn nghìn tiếng tranh nhau muốn trào ra cùng lúc. Tôi đau đớn khó thở vì không gian như chỉ quanh quẩn bên cô. Tôi muốn chạy đến ôm đôi chân khẳng khiu, cong queo xấu xí đến nao lòng của cô, nhưng hai chân tôi như có gì vướng víu, bận bịu gỡ không ra khỏi đất. Tôi loay hoay cuống quýt. Còn cô, lạnh lùng dửng dưng, sải dài từng bước về hướng đâu đâu.

Tôi muốn kêu lên, muốn khóc to cho cô nghe, nhưng cái gì chận ngay ở cổ... Tôi chới với đưa tay về phía cô... Chẳng thèm đoái hoài, cô cứ sải dài bước chân, rồi từ đỉnh núi này bước tới đỉnh núi kia nhẹ nhàng khoan thai như đi dạo, cô hơi chồm người về phía trước nhổ thân cây nhỏ trơ trọi cô đơn... Tôi kêu lên như chính linh hồn mình bật gốc. Đá ở bìa núi vỡ ra ào ào đổ xuống tung bụi mịt mù ... Đất trời như trải qua cơn cuồng nộ, sâm sét, tiếng cây cối , tiếng đá đổ ầm ầm vang rền nghe đến rợn người...

Ông quản gia quýnh quáng mang nhầm dép. Vùng núi chẳng ai gọi cửa giờ này, và nếu là cảnh sát... nhưng việc gì mà cảnh sát tới tìm?

Ông chạy xuống thang lầu, bật đèn khắp nơi rồi vừa lật bật mở cửa vừa lên tiếng bảo chờ một chút. Khi cánh cổng mở ra, ông hốt hoảng như gặp ma : cũng nơi này, vào một buổi sáng cách đây mấy tuần, ông đã đón tiếp một cô gái tươi cười hồn nhiên rất thánh thiện. Giờ thì cũng cô gái ấy nhưng trong đêm, sắc mặt có vẻ khẩn trương, hổn hển :

- Cho tôi lên. Tôi muốn gặp người thuê cùng phòng.

Ông quản gia lúng túng khép cổng :

- Không được đâu cô... chắc ông ấy ngủ rồi !

- Mặc kệ, tôi sẽ xin lỗi.

- Không ! không được...

Xô mạnh ông quản gia qua một bên, cô vụt chạy lên lầu. Ông quản gia già đáng thương chạy theo, hốt hoảng, rụng rời... Cô mở cửa phòng như một cơn lốc, bật đèn :

- Đâu ? Người nào thuê phòng này ?

Nhìn chăn nệm có vẻ như có người nằm, cô sờ thấy còn hơi ấm. Cô bước nhanh tới phòng tắm bật đèn, hoàn toàn trống vắng. Ông quản gia bối rối tránh ánh mắt giận dữ của cô, im lặng. Cô bước qua phòng bên cạnh :

- Và phòng này là một bà nhân viên kế toán thuê ? Và phòng này là cô tiếp viên hàng không thuê ? (Cô gào lên như hụt hơi) Ông nói dối ! Mà tại sao ông nói dối ? (Cô cắn môi) Ông trả lời đi chứ ? Tôi không về Paris, tôi ở khách sạn góc đường kia để nhìn : ba ngày nay không một bóng người nào ra vô ngoài ông thôi !

Cô hổn hển vì tuyệt vọng, vì căm tức. Mặt cô đỏ gay, mắt long lanh như người lên cơn sốt, hai tay bấu chặt cầu thang. Té ra người đàn ông này đã ôm ấp chiếc xi-líp của mình ! Cô đã đem lòng tin cậy một người tưởngnhư đồng hương. Nhưng giờ thì cô nhìn, thấy đôi mắt như con thú bị thương kia đang hăm hở lật từng trang sách Kamasutra. Cô

ngồi bệt xuống thang lầu như người bị ngất. Một cảm giác kỳ lạ làm cô nghẹn. Nước mắt bỗng trào ra. Cô không biết mình đang ghê tởm hay thương hại người đàn ông này, hay thương hại chính thân mình. Ông quản gia bở ngỡ lấm lét nhìn cô, mắt ươn ướt.. Ông ngần ngại bước tới đưa tay ra, môi run run như muốn nói cái gì. Nhưng cô vùng đứng lên, không, không thể để cho người ta thấy mình yếu đuối. Cô chạy vào phòng quơ nhanh áo quần hãy còn treo trong tủ và một số vật dụng cá nhân, nhét vội vào xách. Cô lao xuống cầu thang như mũi tên. Ông quản gia buồn rầu gọi với theo, tuyệt vọng... Ông chạy theo sau như con chó lạc đường, luống cuống, vụng về... Cô gái xẹt như tia chớp, xuống nhà, ra cửa, ra vườn, ra khỏi cổng. Không một tiếng cửa nào đóng sầm lại : không phải cô tức giận, mà cô trốn chạy, như thể ở thêm một giây phút nào ông cũng có thể làm hại đời mình...

Ông quản gia bước ngược lộ trình, từ cổng lên lầu. Trông ông thiểu não như vừa đánh mất cái gì ghê gớm lắm. Ông thở nặng nề. Trong phút chốc, ông như già sụm hẳn đi. Ông vào căn phòng tối om, bật đèn. Ánh đèn vàng vọt cho thấy một người đàn ông ngồi ở bàn, quay lưng lại. Ông quản gia nói như rên :

- Cô ấy...

Một bàn tay đưa ra ngăn ông nói tiếp. Ông bước tới sau lưng ghế, im lặng. Người đàn ông quay mặt nhìn phía cửa sổ. Hiểu ý, ông quản gia đẩy chiếc ghế bành - không, đó là chiếc xe lăn - về phía ấy và vén màn. Từ cao nhìn xuống làm ông đau lòng : mái tóc rậm đen mượt hơi quắn, đỉnh mũi cao, thẳng... E dè một lát rồi ông nói như xưng tội :

- Con nghe hết cổ nói không ? Cổ tưởng ba có ý gì mờ ám, cổ sợ. (Thở ra) Thôi, con đừng buồn...

Con trai ông không trả lời. Ông nhìn qua vai, nhìn xa xuống chút nữa, hai ống quần cột lại đong đưa, đong đưa... và nhớ ngày con trai vừa lên tám, một hôm đã chạy băng qua đường gọi Tí ơi, hàng về, hàng về, ba tao lột vải ra nhiều lắm, qua lượm hình... Hình mấy cô đầm tươi cười trong cây vải bỗng nhăn mặt khi con trai ông chạy trở về vẫn kích động réo Tí ơi, quên không nhìn trước nhìn sau như ông dặn. Một chiếc xe thắng gấp. Một tiếng rú, nhiều tiếng rú nổi lên. Ông chạy ra điên dại ôm con, một thằng con lên tám không còn hai chân nữa... Và ông cũng đã gọi thất thanh, mẹ nó đã gọi thất thanh, nó như chết rồi, không trả lời... Người cha chép miệng ngập ngừng :

- Chẳng mấy thuở gặp người cùng quê...

Người con trai vẫn im lặng.

- May là tuần rồi cổ nhờ ba đem hình đi rửa, ít nhứt mình cũng còn kỷ niệm ...

CHIA VUI

Tòa soạn nhận được hồng thiệp
của ông bà Trần Hữu Thục (tức nhà văn Trần Doãn Nho)
báo tin trưởng nữ là
cháu **Trần Thảo Tiên**
sẽ đẹp duyên cùng
cháu **Huỳnh Văn Tòng**
thứ nam của ông bà Huỳnh Văn Lộc.

Hôn lễ sẽ cử hành vào lúc 11 giờ sáng thứ Bảy
ngày 12 tháng 8 năm 2000
(Nhằm ngày 13 tháng 7 năm Canh Thìn)
tại tư gia số 332 Chandles St.
Worcester, MA 01602. USA

Chúc nhà văn Trần Doãn Nho có được rể quí
và hai cháu Tòng Tiên trăm năm hạnh phúc.

Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Khánh Trường

Nhưng con ông bỗng bẫn gắt chua chát ngắt lời:

- Không ! Mấy tấm hình đó không thật, không thật !

Dưới đường, phố đêm miền núi vắng teo. Ở góc ngã ba con đường nhỏ, ánh đèn yếu ớt rọi lên phần dưới đôi chân dài di động vội vàng. Người con trai xốn xang nhìn theo đôi chân càng lúc càng nhạt nhoà xa - một đôi chân khẳng khiu, cong queo, xấu xí đến nao lòng đang khua gót nhỏ trên đường phố vắng...

MIÊNG

Paris, Juin 2000



NGUYỄN BỰ

Phi Tử tiếu

làm thế nào để giữ lại được bước chân em
bởi rồi thì em cũng sẽ ra về
dù bên ngoài mưa vội, nắng gắt, xa lộ giờ này đang lúc kẹt xe
tôi đã từng tìm hai ba bốn năm lý do như thế
[không sợ lấm lem bờ môi vừa thoa hồng]
em đã hôn tới tấp trên trán trên mặt tôi
đó là những lúc đôi môi em núng nính mềm mại
như khoanh bánh phu thê
[không sợ rối buộc mái tóc vừa chải mượt]
em đã dụi đầu, cọ mũi trong vai trong ngực tôi
ấy là những khi hai má em hôi hổi đỏ bừng
nắng rát mùa hè, tám mươi dặm đường dài tìm nhau

tôi loay hoay với những bài thơ tình mới nhất
vẽ lại em cuộn mình trong tấm khăn phủ giường vừa trải đêm qua
trên là đôi mắt đen lay láy, dưới ngón chân sơn màu tầm quân:
lần sau cũng chỗ này-này, anh nhé
[ở chỗ này-này, ở chỗ nào-nào, ở chỗ nọ-nọ kia-kia]
để em trườn mình, áp má trên gối, tựa cằm vào bụng
để em chồm người, rũ tóc trên trán, ủ ngực vào vai
*chung một trái tim**, nhưng khi chia tay, cớ sao có đến hai ngả về,

nên tôi cứ băn khoăn tự hỏi mình làm cách nào cho đỡ nhớ
[em lại nói càng làm thì càng nhớ, mới chết cha tôi]

hai mươi sáu tháng hai - lần đầu cúi hôn phiến lưng hoàng hạc
có người hoảng hồn, hết vía, tưởng chuyện nói chơi
nụ tử đóa ửng hồng màu mơ chín,
trong lược huyền, trâm vân, dung nghi vẫn nhiều yểu điệu
[giữa hồn anh, muôn năm sau còn ngát mãi tình hương]

làm thế nào để giữ được những giọt nước mát trên da em
đã làm ẩm tấm khăn vàng thoảng mùi băng phiến tôi mang tới
khi em từ phòng tắm, bàn chân rón rén sàn nhà trơn
tôi reo trên vai, tôi tràn xuống ngực
tôi đậu lại cánh tay đầy lông măng dài nên mướn mướt đông thiên
ngồi nán lại, chuyện mình sao lắm thế, giờ này qua giờ khác,
nằm ôm nhau, mãi không biết mệt, hai đứa cùng vỡ tan
nắng xuân thu, nhớ bụi xuân thu thuở trước, mùa Phi Tử tiếu
trong lòng tôi, một em giai lệ, loại hết ba ngàn cung tần.

NGUYỄN BỰ

* *tôi với người chung một trái tim* / thơ Du Tử Lê



NAM DAO

Trăng thuê ảo ảnh



Nhà xoay lưng về phía cây liễu lá thuôn cong mình sà xuống ven hồ lát bằng cẩm thạnh mầu nâu vàng loáng thoáng vấy đỏ như vết roi rướm máu quất trên lưng cuộn tròn một tên nô lệ. Phía trước, con đường rải sỏi trắng sau chiếc cổng sắt han rỉ chạy vòng đến một khoảnh đất đủ chỗ đậu hai chiếc xe hơi. Con đường lấp lánh sáng ánh lên thứ nắng vàng tơ, thứ nắng thiếu thời ôm hờ một thuở tấm bé ở đó thời gian chưa vội chạm vào ý thức. Xây theo kiểu thuộc địa, ngôi nhà hai tầng tường vôi trắng loang lổ vết xanh rêu, cầu thang lên tầng trên lộ thiên uốn loằng ngoằng như trăn rừng. Hai hàng chậu đặt trên bực thang toàn là xương rồng gai trắng gai vàng đâm ngóc lên khiến con trăn rừng vẩy nhọn dẫu bất động vẫn tạo ra cảm giác đe dọa. Mụ quản gia xương xẩu trong bộ *djellaba* thùng thình màu đen lẳng lặng xách vali lên thang, vừa bước vừa khò khè thở, cong lưng lách người ngoắt vào hàng hiên lát đá hoa trắng ngà có điểm những lát đỏ gụ, thứ đá hoa để lại từ thời Pháp, nhoang thoáng dấu nhờn nhẫy mồ hôi của chí ít là ba thế hệ cởi trần nằm ngủ trong những đêm nhiệt đới oi bức.

Tra chìa vào ổ khóa, mụ quản gia vặn loạch xoạch rồi đẩy cửa

bước vào. Mụ lẳng lặng đến kéo những tấm màn cửa, khoen móc bằng gỗ lọc cọc kêu, rồi nắng tràn vào như lửa dầu cháy loang lên vách lên trần. Cháy loang lên gương lên bàn lên tấm thảm trải sàn có hoa văn Ả Rập ngoằn ngoèo. Kéo chiếc vali vào, mụ không nhìn tôi, hai tay đưa hai chiếc chìa khóa, một cho cổng vào, và hai là cho căn phòng này. Tôi hỏi " Tên bà là gì ? ". Mụ quản gia không đáp, quay lưng lại, lững lững vào phòng tắm mở rô-bi-nê. Tiếng nước chảy. Mụ ra, vẫn im lặng, tay phẩy động tác vẫy chào. Tôi móc đưa mụ một trăm diarham. Mụ cầm, ngoắt người quay đi, miệng thều thào cám ơn *Shoukrane...* . À, thế ra mụ không câm. Nhưng còn điếc, điếc hay không chưa kiểm chứng được.

Từ cửa sổ nhìn xuống, ở góc vườn đối diện với cây liễu ven hồ trúc đào mọc thành một rặng hoa sắc hồng ngát đâm cạnh những chiếc lá nhọn hoắt xanh màu bích ngọc dưới nắng chói chan. Xa xa tháp Mosquée chọc thẳng lên trời, đỉnh thuôn tròn như đầu qui, cái bộ phận tạo ra mọi tội lỗi thế gian, động cơ của sinh sôi nảy nở trên trái đất ngày một hẹp, và mỗi lúc một thêm bi tráng trong chuyển động giãy giụa của cả giải ngân hà trên kia mênh mông. Ở khoảnh đất cạnh rặng trúc đào, lại Venus đứng đấy, vẫn cụt tay, lưng khom khom, ngực hơi xệ xuống. Và vẫn nhất định không mặc quần mặc áo, mắt vô hồn nhìn vào cái vòi sen phụt nước giữa hồ đã bị tắc lại không biết tự bao lâu. Nếu Venus đêm nay thoát kiếp tượng để thành người và đến phòng gõ cửa, tôi sẽ phải làm gì để quên cánh tay cụt khi ái ân ? Bật cười, tôi ngả mình xuống chiếc giường đệm lò xo.

Đệm giường nhún nhảy đẩy tôi vào một loại hình thể thành khuôn từ lâu ngày. Nằm thế này, thật khó chịu. Xoay ngang, chân lại thòi ra bên ngoài đến mươi phân. Đành nằm chéo, tôi tìm phần chiếc giường cho thích hợp nhất với cơ thể mình, tính nhắm mắt nhưng lại phải chồm dậy đi tắt chiếc máy lạnh đã quá cũ cứ rì rầm đến sốt ruột. Áp mặt xuống gối, tôi thiếp đi trong hơi nóng hầm hập không biết được bao lâu. Khi tỉnh, giụi mắt, và ngay cạnh chiếc gối, một sợi tóc vàng óng ánh trong ánh sáng mơ hồ của thoáng nắng tà huyễn hoặc. Tôi xỏ vội chiếc quần jean, choàng lên vai tấm áo khoác, tay cầm sợi tóc đi xuống. Gõ cửa, mụ quản gia thò đầu ra. Như vậy là mụ không điếc. Chìa sợi tóc vào mặt mụ, tôi sẵng : "Drap giải giường có sợi tóc này. Bà thay cho tôi, tôi không ngủ trong drap bẩn...". Mụ quản gia thò tay chụp vội sợi tóc, miệng nói một tràng, cả hàm răng là răng vàng chóe, ngoe nguẩy vung tay hoa chân. Mụ vào rồi đi ra với tấm drap mới, cái áo gối mới, lại nói, nói bằng thứ tiếng nửa Ả rập nửa Pháp nhưng đoán cũng hiểu phần nào. Xòe bốn ngón tay, mụ xỉa xỉa,

miệng ngọng nghịu : " Vendredi, Samedi, Dimanche pas toi... *Hamdouli Allah*". Phải, tôi chỉ ở từ thứ hai đến thứ năm, thứ sáu phải về Casablanca làm tổng kết mỗi tuần về việc rao giảng cho Công Đoàn. Điều này mụ chẳng cần nói lại. Nhưng đâu vì vậy mà kẻ này phải ngủ trong tấm drap của một nàng tiên tóc vàng nào đó.

Sáng thứ hai, tôi lấy xe lửa để về ngôi nhà xoay lưng về phía cây liễu ven hồ. Lần này, tôi mang theo giá vẽ, khung vải và túi màu acrylic. Mụ quản gia lạnh lùng đầu gật chào rồi quay vào bếp. Tôi nhìn theo. Cạnh lát bánh đặt trên bàn là một chai vang đỏ đã vơi nửa, loại Sahari, thứ rượu địa phương rẻ tiền nhất. Nhưng Hồi giáo cấm uống rượu, cớ chi mụ quản gia dám phạm luật ghi rành rành trong Kinh Coran ? Tôi ngạc nhiên, rồi chép miệng. Thì uống nửa chai đâu cứ thể là đã báng bổ Allah. Tôi vừa bắt đầu chớm chút cảm tình với mụ thì mụ chẳng nói chẳng rằng ra đóng sầm cửa lại. Lên phòng, tôi để giá vẽ vào một góc, thừa biết là tôi chẳng thiếu thì giờ ngoài công việc đến nói đi nói lại với đám nữ công nhân viên về qui ước lao động quốc tế nước Maroc thân yêu của họ đã ký kết. Rồi để rồi nhìn họ cúi mặt rúc rích cười dưới lớp vải thưa che nửa mặt, mặc tôi vụng về vò đầu vò tóc như một kẻ không bình thường, thậm chí ngu độn.

Vào phòng tắm, tôi mở nước chảy định bụng ngâm mình trong bồn cho sạch mồ hôi nhớt nhát, rồi ra ngồi viết vài chữ cho An. Ngoài trời, nắng trưa hầm hập đổ lửa lên nung để đất vùng Marrakech từ từ chảy ra sền sệt quánh đọng mầu nâu đỏ của nham thạch, hắt lên trời những cơn nóng cháy da bỏng thịt. Vẳng từ Mosquée tiếng cầu Allah qua những cái loa phóng thanh rên rỉ vang xa, ê a kéo dài dằng dặc như ru ngủ. Tôi tắt nước, trần truồng leo vào bồn tắm. Ngả người nằm dài xuống tôi mới thấy ở góc bồn một búi tóc. Búi tóc màu vàng, vàng như sợi tóc tôi nhặt trên drap giường. Tôi vớt, đưa lên ngang tầm mắt, thầm chửi mụ quản gia. Phòng hai người thay phiên ở thì việc của mụ là lau chùi sạch sẽ, chớ sao lại để bẩn thế này, hả Allah ? Nhưng Allah đâu vời xuống những vấn đề đơn giản như rửa một bồn tắm cho sạch, Người chỉ tạo ra những mớ tóc vàng óng ánh, và chắc giờ này Người ngủ trong tiếng cầu kinh của thế gian phủ phục dưới quyền uy của Người.

Khi tôi xuống thì mụ quản gia cũng đã ngủ, mặt áp xuống bàn cạnh chai rượu cạn, mồm há, hàm răng vàng chóe lên dưới ánh nắng lẻn vào soi, và o o ngáy. Bực mình, tôi nói to "Allah, mụ đã bẩn, lại uống rượu !". Mụ quản gia giật mình, thấy tôi lại xua tay. Tôi bước đến để lên mặt bàn búi tóc vàng ướt nhẹp, nhưng mụ đã gục đầu xuống tiếp tục ngáy trong hơi rượu nồng nặc. Mụ quả là một con quạ.

Một con có răng vàng, lại thích rượu đỏ.

Lên phòng tôi đọc lại bức thư viết dở:

"An thân yêu, những con đường ở thành phố này trồng toàn một loại cây hoa hình hoa phượng nhưng màu tím, tím nhạt, lá thì không xum xuê và lại không có tiếng ve. Thời gian ở đây dài hơn ở mọi nơi, đều đều mỗi hai mươi bốn tiếng là bốn lần tiếng cầu kinh ê a phát từ loa phóng thanh, và cứ sáng tinh mơ tiếng kinh từ Mosquée ở gần nhà đánh thức. Nhà thuê trong tuần là một phòng tầng trên của một ngôi biệt thự kiểu thuộc địa. Cuối tuần lại có một người đàn bà đến ở, biết thế là qua những sợi tóc vàng rơi rớt trong phòng, và thỉnh thoảng đâu đấy vướng vất mùi nước hoa hăng hăng bạch đàn, có thoáng chút hương hồng và hương loài lilas... Sự việc cho Công Đoàn cứ ù lì. Đàn bà xứ Hồi không thể tiếp cận được những quan điểm lấy thế giới đàn ông làm chuẩn mực để so sánh. Phản ứng của họ là bụm miệng cười khi đả động đến nữ quyền, lảng đi mỗi khi ai đó đụng đến thứ từ ngữ như bình đẳng, đấu tranh, đòi hỏi... Mình mất kiên nhẫn, và ở chốn trọ này, mình bỗng lẻ loi như một chấm sao lạnh lẽo ...".

Cắn bút, tôi thả chấm sao vào mơ màng. Búi tóc vàng lềnh bềnh trong bồn tắm lại đâu đó hiện ra chập chờn trôi như những cụm hoa lục bình dập dềnh trên sông nước. Tóc vàng, chắc cô ta là người nước ngoài. Không, cũng có thể gốc Berbère. Thật lạ lùng, giống này trông bề ngoài như dân Bắc Âu, nhưng ngôn ngữ thì lại hoàn toàn xa lạ. A, cô em Berbère, mắt cô cũng xanh màu ve chai ? Da cô cũng trắng, trắng nõn, như sương tuyết ? Giá có cô ở bên, tôi sẽ bớt cô đơn. Một phần, là phần hồn. Còn phần kia nữa, cái phần vuốt ve được, hôn hít được. Luồn tay vào quần lót, tôi hiểu nó đấy, chẳng kém gì phần hồn, cũng biết đòi hỏi, biết nhận, biết cho, có khác chăng là không trừu tượng, không lý lẽ, không đặt những câu hỏi và tìm những câu trả lời vô vọng. Thiếp đi, tôi mơ. Nhưng không phải An, mà là một người lưng xoay về phía tôi như căn nhà lưng xoay về phía cây liễu, tóc chấm ngang eo óng ánh màu vàng của những sợi kim tuyến mềm dịu uốn theo vòng vai, đổ xuống ôm lấy thân thể lõa lồ trắng màu trắng hồng của tuyết dưới ánh chiều đang chuyển sắc sang đỏ thẫm. Tôi vùng dậy. Quơ quần jean, xỏ vào, tôi vội vã ra đường trốn chạy thứ cảm giác vật vờ chút tội lỗi, chút khoái lạc, chút thách thức, tất cả chìm đắm trong một bầu không khí loãng ra và mát dần với những cơn gió thổi về từ sa mạc.

Tôi băng lộ chính tìm đường đến *Médina* , khu chợ Ả Rập từ thời Trung Cổ lúc nào cũng đông nghẹt người. Lúc nào cũng đầy tiếng động. Tiếng còi xe. Tiếng rao hàng. Tiếng chuông leng keng

của bọn bán nước. Chúng đi từng bọn bốn, năm đứa, ăn mặc quần áo đủ màu sặc sỡ, một trong bọn ôm bình nước bằng đồng sáng choang, tay kia cầm cái ly cũng bằng đồng, vừa lắc vừa reo "Venez, venez...". Nhưng đây đâu phải sa mạc, và thế là nước rao bán phải cạnh tranh với Coca, Seven Up, Fanta... Biết thế, chúng kéo theo vài con khỉ cổ đeo xích sắt, hoặc dăm ba con rắn quấn ngang mình, quanh cổ, trên vai để hấp dẫn du khách. Đang tò mò nhìn quanh, bên tai tôi bỗng có tiếng khỉ choe chóe kêu. Ánh flash sáng loè lên làm tôi nhắm mắt, lùi lại, người xô vào một đứa bé gái đang nâng đầu con rắn hổ gí vào mặt, miệng chào *Salamalaikhum* . Tôi hốt hoảng định kêu thì một tên cười hô hố, hàm răng cũng bằng vàng như răng mụ quản gia, ngọng nghịu nói "Pas méchant..." và tay vuốt đầu rắn, tiếp "Gentil, gentil...". Tôi lắc đầu lách mình bước, cả bọn lại đi theo. Một tên giúi cho tôi tấm ảnh chụp bằng máy Polaroid, ảnh tôi và con khỉ, chung quanh là bọn bán nước với bình bằng đồng, ly bằng đồng, miệng cười để lộ răng bằng vàng. Chúng đồng thanh "Beau, beau !", tay thợ chụp ảnh đệm theo "Pas cher. Cent dirhams...". Tôi không đáp, gạt tay rồi vào tiệm ăn, lên lầu chọn một chỗ nhìn ra bãi rộng nằm lối vào *Medina.* Bọn bán nước nhìn lên, miệng nói, tay vẫy.

Khi ăn xong đĩa *couscous* có thịt trừu nấu với những quả mận khô ngọt lịm phơn phớt gia vị *harissa* thì trời tối sẫm, và giá tấm ảnh xuống còn mười, chớ không phải là cả trăm dirhams. Tôi bỏ bức ảnh vào túi, lững thững thả bộ trong gió đêm thổi cái lạnh khô của vùng giáp giới sa mạc, lòng vẫn bâng khuâng không điểm neo chỗ tựa. Thỉnh thoảng mắt tôi vướng vất hình ảnh con rắn hổ, những bình nước bằng đồng sáng choang, rặng trúc đào hồng ngát và tượng Venus cụt một tay. Rồi búi tóc vàng, sợi như tơ một mảnh lụa. Tôi so đo chiều dài sợi tóc vướng trên drap giường, chỉ tưởng tượng ra được một người con gái mảnh khảnh. Về đến phòng, tôi ngồi vào bàn. Bức thư cho An vẫn còn dở dang nhưng tôi chẳng viết tiếp. Xé một tờ giấy còn trắng, tôi vội vàng ngoáy "... Nhặt được tóc vàng, bắt được một hình ảnh nhưng vẫn chưa hình dung ra người. Bạn ở đâu tới, còn tôi, tôi từ Montréal bên kia bờ Đại Tây Dương..." Nhìn những hàng chữ viết vội, tôi bỗng xấu hổ. Tôi đang làm gì đây ? Cớ chi tôi lại giây giưa với một kẻ không quen biết ? Mở chai Whisky mang theo, tôi uống một ly, rồi hai ly, cứ thế.

Tiếng cầu kinh ở Mosquée rền rĩ vang lên vào lúc gần bốn giờ sáng, lại ê a *Allah wa akbar...Lla Ill....Allah Mohammeh rasurol...Allah...*Khoảng bảy giờ tôi vào xí nghiệp, mười một giờ về ăn uống qua loa, rồi vẽ. Vẽ suốt trưa, đến độ ba giờ thì tắm, rồi lại vào xí

nghiệp. Bây giờ, tôi đổi chiến lược, tránh không nói đến những nguyên tắc trừu tượng và cụm từ nam - nữ bình quyền, đề nghị ai có điều chi cụ thể thì mang ra bàn chung. Gộp ý kiến của cả hai phái tính, nhưng tôi để mỗi phái tính họp riêng, lý do là khi đàn ông nói gì thì đàn bà không bao giờ phản đối ra mặt. Còn vẽ, tôi phải bắt lấy mầu đất nâu đỏ, bầy lạc đà đủng đỉnh dưới những rặng dừa, bộ *djellaba* thùng thình, mảnh voan thưa mập mờ che những nụ cười, con quạ có răng vàng thích rượu đỏ. Tôi phải ghi lại màu tím nhạt của loại hoa mang hình thể hoa phượng, đám xương rồng chọc lên trời một đống gai trắng ngà và vàng nhạt, những con rắn hổ vòng qua vai đứa bé ở *Médina* miệng rao trong tiếng leng keng, tiếng kèn xe, tiếng mời hàng và tiếng còi cảnh sát. Tôi phải vẽ. Nhưng vẽ phải chăng là để ghi nhớ ? Hay thực ra, tôi bỗng tự hỏi, vẽ là để quên đi sự ám ảnh của búi tóc vàng nổi lềnh bềnh trong bồn tắm ? Tôi không muốn trả lời, mở toang cửa cho ánh sáng trong suốt ùa vào rửa sạch mộng mị. Tôi tung cửa ra ngồi dưới rặng trúc đào. Tôi nằm ngửa dưới một gốc cây nhìn lên, nhìn bằng cái nhìn của một con sâu, một con bọ, một con bướm. Lá trúc đào hóa thân thành những mảnh tinh thể màu xanh bích giữa những đám mây trắng thong dong bay trong một bầu trời hoa hồng ngát. Chuyển động theo cánh hoa chập chùng như chim vỗ cánh, và gió, gió dạt dào gọi về những giấc mơ tưởng là đã chìm hẳn vào quên lãng. Chạy vội lên phòng, tôi ôm giá vẽ xuống. Tôi nặn màu. Dĩ nhiên trước tiên là trắng. Rồi xanh cobalt. Đỏ. Vàng.

Mụ quản gia ở đâu thò đầu ra. Mụ có thấy lá trúc đào nhìn ngược bằng đôi mắt của sâu của bọ của bướm, có thấy hoa hồng ngát bay như chim ? Mụ nhìn mây trắng. Liệu mụ có thấy gió ? Có thấy ngày tháng và những bước chân quay về ? Tôi chỉ thấy mụ bĩu môi, tay chỉ vào rặng trúc đào, rồi lắc lắc như bảo không, không phải thế ! Bực đến độ nổi hung, tôi quay lưng về phía mụ, nhưng hàm răng vàng chóe lại ánh lên thứ ánh sáng lạnh lẽo chất kim vẫn trêu chọc. Tôi bước về phía Venus, tay áp vào vết thương cánh tay cụt, đưa lên nhìn nhưng chẳng có đến một giọt máu. Một cánh bướm ở đâu bay lại, chập chờn múa may, rồi đậu lên ngực Venus. Một tay tôi để lên vú, tay kia tôi nhẹ nhàng túm được một cánh bướm. Bướm vùng vẫy. Cánh nó tả tơi. Cho đến khi tôi kẹp được cánh nó giữa hai ngón tay, con bướm đạp khẽ những chiếc chân khẳng khiu van vỉ. Bụng bướm phập phồng. Cái bụng thon mềm con gái phập phồng dưới ngón tay tôi ve vuốt đọng chút phấn màu nâu than. Tôi bỏ tay, con bướm lao đao rơi xuống rồi bay lên, bay chập choạng. Có lẽ chính cái chập choạng của cánh bướm tả tơi khiến tôi chạy vội lên phòng. Nhưng động cơ nào đẩy tôi

ghim vào khung vải bức tranh vẽ dở mảnh giấy viết vội cho người phụ nữ có những sợi tóc vàng vướng vất ?

Về Casablanca, tôi ngơ ngẩn suốt một cuối tuần. Thằng bạn làm trong công đoàn CSN bảo, chắc mày mệt, ra bờ biển đi disco với tao. Tôi lắc đầu. Nó nhìn, vẻ thương hại, lại đề nghị, nếu không thì đi xem múa bụng *baladi*, tao biết một địa chỉ có ghi trong "Le Routard", quyển sách hướng dẫn du lịch năm nay. Tôi vẫn lắc đầu. Nó tần ngần, vừa đi vừa ngoái lại khuyên tôi ngủ sớm. Tôi chỉ mỉm cười. Rồi tôi hỏi khách sạn cho tôi liên lạc về Montréal bằng E-mail. Viết cho An, tôi kể chuyện bức ảnh mười diarham chụp bằng Polaroid, món *couscous* có thịt trừu cay vị *harissa*, mụ quản gia uống rượu cấm mặc tiếng cầu Allah cứ ngày bốn buổi ê a qua loa phóng thanh. Không hiểu sao tôi viết thêm "...chưa kể là còn một búi tóc vàng mê hoặc cứ bập bềnh trước mắt. Vì thế, hãy qua ngay đây, bạn tình ơi !".

Quay lại Marrakech, tôi đâm bổ lên phòng. Mở cửa, bức tranh vẽ dở của tôi đâu rồi. Tôi lại cắm đầu chạy xuống hỏi mụ quản gia. Mụ lầu bầu, thủng thỉnh leo từng bực thang bên cạnh để những chậu xương rồng, vừa leo vừa thở. Mở cửa một căn xép nằm xế phòng tôi trọ, mụ chỉ tay. Bức tranh của tôi nằm trong góc, cạnh đủ loại đồ vật ngổn ngang, từ chiếc ghế gãy chân cho đến những tấm thảm bạc màu rách tươm. Mụ lại chỉ bức tranh, rồi chỉ vào căn phòng trước mặt, tay lắc lắc ra dấu, mồm tiếp tục lầu bầu, mũi hỉnh lên ngửi ngửi bức tranh rồi nhăn mặt, tay khoác khoác, lại chỉ chỉ căn xép. Tôi hiểu ý mụ, chắc là vì mùi *térébenthine* nên mụ muốn tôi để tranh trong căn xép khi tôi đi. Gật đầu, tôi bê bức tranh về phòng.

Mảnh giấy tôi ghim vẫn đấy. Nhìn quanh căn phòng, tôi đi lục lọi, mở hộc kéo, lật thếp giấy viết thư. Không, không một chữ trả lời. Tôi thất vọng. Tôi đau, thậm chí tôi tủi thân như một kẻ bị hắt hủi, bị tình phụ.

Khi trí tuệ và tâm cảm chao nghiêng, cách tôi lấy lại cân bằng là vẽ, và vẽ ngược hẳn lại cái động tác rớt ngã, hụt hẫng, cái phần hồn bỗng dưng hun hút chiều sâu một vực thẳm đen ngòm. Tôi lại nặn màu, lấy palette quẹt lên sắc đen, rồi đỏ, tay gỡ mảnh giấy tôi viết cho người phụ nữ tóc vàng cùng trọ một phòng. Trời ơi, ngay lưng mảnh giấy là những dòng chữ viết bằng mực xanh dương : "Tôi rất yêu bức tranh bạn vẽ. Cái mới trong thẩm mỹ có được là từ góc nhìn : hoa trúc đào từ dưới ngắm lên cho tôi cái cảm giác bay bổng, tự do, thoát ra mọi ràng buộc và ước lệ. Bravo. Câu bạn hỏi tôi ở đâu tới làm tôi nhớ đến thủ đô âm nhạc. Có lẽ là từ đó chăng ? Hay chỉ là vì tôi nhớ, nhớ khôn nguôi, nhớ suốt bốn năm nay tiếng vĩ cầm trong dàn Philharmonie

thành Vienne ? Mila". Đầu tôi bỗng văng vẳng điệu hát Trở về Sorrento. *Về đây khi mái tóc còn xanh xanh.* Vâng, có thật tôi đã về chăng. *Về đây với màu gió ngàn mông mênh.* Tiếng vĩ vầm vút lên *Về đây với những ngày tháng nhạt nhòa* rồi nức nở chuyển sang âm trầm vẽ bước lãng du. *Ôi ! Lãng du quay về điêu tàn.*

Mila, Mila. Hai âm ghép là hai nốt nhạc dịu dàng quấn lấy nhau trong một đoản khúc có suối tóc vàng và tiếng vĩ cầm lửng lơ câu hát *Về đây nghe tiếng hú hồn mê oan.* Từ hoang vu nằm tít tắp chốn tiềm thức ẩn nấp vọng lời gọi *Về đây lắng trầm khúc nhạc truy hoan.* Tôi nhắm mắt ngả người xuống giường, tai nghe đâu đó mơ hồ *Về đây nhé cắm xong chiếc thuyền hồn.* Thì thào buột miệng ngân nga điệp khúc *Thôi nhé đừng hoài âm xưa,* cô đơn ở đâu sụp xuống như cơn giông đánh úp. Tiếng hát nghẹn nấc bùi ngùi khóc *người ngồi im bóng, lắng nghe tháng ngày qua.*

Chụp vội cây bút như bám vào phao trên biển sóng. Mila, Mila, tôi viết, chỉ thêm dấu nặng vào chữ Mi thì bạn có thể thành Mị, Mị La, và Mị La nhắc nhở Mị Châu, Mị Châu của Trọng Thủy. Tôi kể cái mối tình huyền thoại với tích nỏ thần thành Loa. Tôi trách Trọng Thủy đánh cắp nỏ làm bằng móng Kim Qui, để cha mình đánh chiếm đất đai nhà vợ. Khi bỏ chạy, An Dương Vương để Mị Châu ngồi sau ngựa. Đã hẹn trước, Châu ngây thơ giứt lông ngỗng áo choàng để dấu cho người yêu tìm mình. Thế là đến đâu cũng vẫn bị truy lùng. Đến cùng đường, An Dương Vương cầu thần Kim Qui. Thần bảo giặc ngay sau lưng mi. Vương quay nhìn con, hiểu ra, tuốt gươm chém rồi ném xuống biển trước khi tự vẫn. Mị Châu chết, nước mắt nhỏ vào biển khiến những con trai từ đó đơm ngọc, và tôi hỏi Mila, Mila có một sâu ngọc trai làm bằng nước mắt không ? Tuần sau, Mila ghim một tờ giấy trên bức tranh vẽ dở, đáp "Không, nhưng đèo làm gì dấu nặng vào Mi. Chuyện bạn kể về Mị làm tôi thao thức cả đêm. Phải chăng con đường rắc lông ngỗng cứ mãi mãi là đoạn chót của mọi con đường tình yêu ? *Inch Allah* , xin tôn vinh ý Người, sống kiếp đàn bà là cuối cùng đem hòa nước mắt vào biển cả để hóa ngọc trai làm ra thứ trang sức mê hoặc thế hệ này sang thế hệ kia. Thôi thì thế, vì còn có những tiếng vĩ cầm cứu rỗi...".

Cuối tuần, tôi đáp, bạn có tiếng vĩ cầm cứu rỗi, nhưng cứu rỗi thế nào ? Với tôi, đời sống là màu sắc. Tình yêu là màu sắc. Đau thương và hạnh phúc đều là màu sắc. Nhưng tôi nào được cứu rỗi ! Tôi giơ tay vớt trời xanh, tay tôi xanh, tranh tôi xanh. Tôi vớt dòng nước xanh, tay tôi không màu, và nước trong tranh là ánh sáng sắp đặt thế nào để lừa thị giác con người bằng ảo ảnh. Nhưng bạn ơi, vẫn thiếu.

Vì làm sao một bức tranh có thể tạo ra thứ xúc giác như vuốt ve một bộ ngực căng mọng, gầy lên khứu giác như hít thở da dẻ bạn tình, chuyển thành âm thanh như tiếng hát Trở về Sorrento.

Mila lại viết "...cứu rỗi đôi khi đến từ một phủ nhận quyết liệt, chẳng hạn như kiên định rằng hạnh phúc nơi trần thế là không có. Còn cứu rỗi thế nào ?...". Mila lại lơ lửng, bảo là tùy người, rồi xoay ngang, bắt gọn một câu "...bạn ạ, tôi yêu nhất là nằm áp mặt hôn lên bụng người tình. Tôi không thích thứ bụng rắn chắc cuồn cuộn hai hàng cơ bắp trông như thân một con sâu uốn khúc đâm vào phần dưới của hạ thể. Còn bạn ?". Tôi không đáp câu hỏi, viết "...nhưng này, sao bạn lại cầu Allah, phải chăng bạn là một người đàn bà Berbère tóc vàng ?". Mila bảo "Không, nhưng sao cứ phải là Berbère mới được tin vào Allah. Ngài áp đặt niềm tin, bày ra đủ luật lệ nghiêm khắc. Nhưng chính vì thế mà con người không ai có cảm giác lạc lõng chênh vênh, cái cảm giác ám ảnh gớm ghiếc, và cứ mỗi lần độ cô đơn lên đến mức không chịu nổi thì tiếp đó là cơn điên tập thể, điên như bọn Nazi chẳng hạn ! Mila là Berbère hay không, quan trọng gì hở bạn ? Nhưng bạn đâu có đáp câu tôi hỏi, chưa bảo tôi, phần cơ thể nào là phần bạn thích nhất... Còn tôi, áp mặt lên bụng, thè lưỡi nhấp nháp làn da mềm mại nhung lụa, rồi khóc... Đâu đó tiếng vĩ cầm vẳng lại, từ một cõi thiêng liêng, và thế là tôi lặng đi trong niềm an bình... Đấy bạn biết thế nào là cứu rỗi với tôi rồi, *Inch Allah* !".

Lời lẽ Mila lạ lùng, khiêu khích và mê hoặc. Nỗi ám ảnh khiến tôi mơ. Mơ trong lúc thiếp ngủ vào giữa trưa, khi trời ngộp ngạt nóng 40 độ C, và thình lình chồm dậy lúc tiếng cầu kinh từ loa phóng thanh cất lên rên rỉ. Mơ khi giữa đêm, tiếng gió sa mạc đập nhẹ vào cửa đánh thức, nhìn ra ngoài cửa sổ là cả một bầu trời bí ẩn sao đêm lấp lánh thực hư. Mơ thấy bụng con bướm bắt trên vai Venus phập phồng, cái bụng hình thoi thon tròn mươn mướt một lớp lông li ti dính chút phấn nâu than. Mơ thấy mái tóc vàng bỏ xoã trên vai, tiếng vĩ cầm, cặp môi nhung áp vào ngực và cái lưỡi nhờn nhợt xoáy tìm từng lỗ chân lông rung lên theo tiếng trống căng da dồn dập đập với nhịp tim. Tôi choàng dậy. Tôi mở mắt. Không, tôi phải đi, phải bước, phải ra ngoài để tìm lại những cái mốc cắm của thực tại.

Trời về chiều. Khu *Medina* đông hẳn lên vì đã đỡ nóng. Tôi lại gặp bọn bán nước. Đã có kinh nghiệm, tôi không nhìn chúng, lấy kính râm ra đeo. Lại tiếng níu kéo *Salamalaek*. Tiếng chào hàng, "Souvenir, beau, beau souvenir !". Tôi cứ bước, lơ đi như mù như điếc. Rồi tiếng kèn lẫn tiếng hát như than vãn. Tôi ngoái nhìn. Một người trung niên đầu quấn khăn đỏ cuộn lên có chỏm kiểu phù

thủy, quần rộng túm vào cổ chân, áo khoác xanh viền kim tuyến vàng chóe, đang nâng kèn lên ngang miệng. Cạnh đó, một đứa bé cỡ mười hai, mười ba tuổi múa tay, miệng ngậm dầu phun vào ngọn đuốc cầm tay, lửa cháy bùng thành từng vệt vàng khè bốc lên rồi tắt ngấm. Dưới đất, sáu con rắn hổ đầu rướn lên, cổ thẳng băng như đóng ván, mắt liên láo, lưỡi cứ thè ra thụt vào đen loang loáng. Ôi chao, những cái lưỡi rắn. Tôi đứng lại, như bị thôi miên, ngẩn ngơ nhìn. Không chịu nổi cảm giác buồn buồn chạy khắp thân thể, tôi nhắm mắt. Những cái lưỡi rắn vẫn thè ra, thụt vào, nhờn nhớt mỡ liếm láp vào da vào thịt. Tôi bỏ về, đi như chạy. Đẩy cổng vila, tôi bước về phía bức tượng Venus. Suốt một ngày phơi nắng, da dẻ Venus bừng bực nóng. Trong bóng đêm, tôi nhẹ nhàng ve vuốt, cảm thấy cái hơi ấm như hơi người truyền vào tôi. *Inch Allah* ! Khúc tay bị cụt ram rám vẫn đây. Tôi đặt môi lên, rõ ràng thấy máu giây vào miệng vị mằn mặn. Rồi ngực, rồi đùi. Và bụng. Tôi thè lưỡi liếm vào, như lưỡi rắn. Rồi tôi gục xuống, mặt áp vào đôi mông cong lên, a cái mông đàn bà, cái phần cấu tạo dịu dàng nhất của đấng vô cùng vinh hiển.

Mụ quản gia ở đâu xồ ra, răng vàng chóe, mắt rừng rực. Mụ lại nói, và tôi, tôi chẳng hiểu gì, đồ chừng mụ tưởng tôi điên, tôi một con người đang ôm xoắn lấy bức tượng thạch cao. Tôi bỏ lên phòng, và không còn tự chủ, tôi viết vội “Mila, tôi hiểu chiếc lưỡi mềm trên da bụng bằng nhung của đàn bà. Tôi muốn gặp bạn, liệu bạn có thể làm người mẫu cho tôi vẽ không ?”. Đầu tuần sau, Mila bảo không, không bao giờ. Tôi bàng hoàng, và suốt mấy đêm liền, tôi mơ thấy lưỡi sáu con rắn hổ rúc qua lớp áo ngủ liếm láp tôi từ đầu đến chân, mỗi một vết liếm là một lần nguyền rủa Mila, người đàn bà tóc vàng đánh thức cái thứ xúc giác đã một lần tưởng tượng đến thì như nếm qua, và chẳng thế nào quên được đời đời kiếp kiếp. Về Casablanca, tôi lại gửi E-mail “An ơi, những chiếc lưỡi của loài rắn hổ rình rập từng phần vuông trên da bụng mềm như nhung êm ái như lụa, cánh tay Venus rướm máu nơi gãy cụt, cơn nóng hừng hực, những cành phượng màu tím nhạt, tên phù thủy thổi kèn và những đêm vương vất đâu đây dăm sợi tóc vàng trong tiếng cầu Allah ê a giữa thinh không khiến thời gian thành chất lỏng chảy ra hệt như nhựa cây phong đặc sệt như đường quyện vào tuyết trắng. Vì vậy, đời sống dài ra đến không còn chịu đựng nổi, với muôn vàn ước muốn và dục vọng thầm kín ẩn trong những tế bào chỉ chực vùng dậy, như cái vùng đầu tiên của vũ trụ này ... Ngược lại, sự chết không hiểu thế nào lại hấp dẫn như một khoái lạc. Lạy Chúa Trời, tự tử không phải là tội trọng !”.

Khi quay lại Marrakech, tôi mua hai chục bông hồng cắm vào

lọ hoa, tay để gai đâm tóe máu, tôi viết "Mila ạ, bạn không phải là một người tự do sao ? Hãy nhận những bông hồng tỏ tình, và để tôi gặp bạn, dẫu chỉ một lần". Mila trả lời "...tôi đã chọn lựa rồi. Hãy tưởng tượng tên nô lệ kia cả nghìn năm nay đã bị đánh đập hàng ngày. Đau đớn tồn tại lâu thành thuộc tính, và để tiếp tục sống, tù hãm hóa thân thành một điều kiện sinh tồn tất yếu. Một hôm, không ai đến quất roi lên lưng tên nô lệ, rồi nó chẳng biết hôm sau ra sao. Nếu cho chọn giữa ngọn roi và bóng tối của một ngày mai bất định, bạn chọn gì ? Với tôi, ngọn roi biến thành phép lạ, và chính thế nó phi lý, nhưng lại là cái khả năng đạt hạnh phúc cuối cùng cho tên nô lệ. Tôi nô lệ, và thừa biết chẳng một con người nào dám thành thật cho mình là tự do. Đầu tiên, tôi nô lệ vì mẹ Thiên Nhiên cấu tạo cuộc sống với ngay sự bất toàn hảo. Điều đó, có cả một xã hội vun vào, cái xã hội không nhận ra sự bất toàn là một cách định nghĩa ngược cho sự toàn hảo của bầy đàn khiến họ yên tâm... ". Đọc những dòng chữ của Mila, tôi liên tưởng đến đám công nhân viên mặt che voan, cười rúc rích khi tôi thao thao nói về nữ quyền, về tự do và sự bình quyền nam - nữ. Bực bội, tôi đáp "... sẽ bất ngờ, rất bất ngờ, tôi đến gõ cửa phòng bạn, bạn mở và tôi ở đấy, bạn tình ơi !". Mila không trả lời, vò nát những bông hồng đã bắt đầu héo. Sau đó, là im lặng. Bấy giờ, chỉ còn tiếng kinh cầu Allah ngày bốn buổi, kể cả buổi vào khi tảng sáng. Đêm, đêm dài với những giấc ngủ chập chờn và những cơn mộng mị có tiếng kèn gọi rắn, vệt rám cánh tay cụt thần Venus ứa máu và màu trời xanh không còn nắm bắt được trong lòng tay.

Tôi van vỉ Mila, xấu hổ nhìn mình trong gương, nhưng van vỉ và cứ thế, vô vọng. Những mảnh giấy viết cho Mila vẫn ghim sau những bức tranh vẽ dở để vào căn xép trước cửa phòng, nhưng chắc không một ai đọc, trơ trẽn như xác bướm ướp khô. Tôi đi lùng những sợi tóc vàng, áp mặt vào chăn, vào gối, vào bức màn treo cửa sổ tìm chút hơi hương. Tôi vuốt ve tay cầm chiếc ghế bành, mặt bàn viết, cái núm cửa ra vào, tìm bóng dáng một bàn tay. Vô vọng. Có lẽ Mila không đến nữa để tránh một kẻ liều lĩnh đến gõ cửa phòng. Điều này dễ, thật dễ. Chỉ cần hỏi mụ quản gia là biết ngày nào tôi đi. Phần mụ, hai tuần nay mụ hằn học, đưa tiền cho thì mụ vẫn nhận, nhưng chẳng thèm cám ơn bằng hai câu khàn đặc *Shoukrane*, và nay mặc, không thay drap giường, áo gối, thậm chí không phẩy bụi, quét nhà. Ngày cuối, tôi đưa vào tay mụ bốn chai Sahari, loại mụ từng uống. Nhìn mụ lẳng lặng xách rượu vào bếp, tôi cầu, Allah vinh hiển, xin ngài phép cho mụ uống cả bốn chai tối nay.

Gọi taxi, tôi xách vali xuống, nách kẹp bức tranh vẽ dở, miệng

cười với mụ quản gia, tay giúi thêm cho một trăm dirham. Mụ nhe răng hàm răng vàng chóe, tay đưa lên vén chiếc khăn đen xùm xụp trên đầu khiến mụ nhìn như một con quạ mỏ vàng, miệng khàn khàn nói *Shoukrane* và nhếch lên cười lạnh lẽo. Tôi ngoái nhìn chốn trọ. Cây liễu lá thuôn xanh ven hồ cẩm thạch vàng rướm máu, bức tường loang lổ rêu, nàng Venus cụt một tay, lối cầu thang lên như con trăn rừng ngoe ngẩy những chiếc gai xương rồng, rặng trúc đào nhìn ngược hóa ra những tinh thể bích ngọc chọc xuống từ một bầu trời ngun ngút xanh lơ. Chiếc taxi từ từ lăn khỏi cổng. Tôi vẫy. Mụ quản gia vừa đóng cửa, vừa nhìn theo, vẫn trơ trơ như một thây ma.

Đến nhà ga xe lửa, tôi xuống. Lát sau, tôi lại vẫy taxi, đưa địa chỉ khách sạn MohammedV tôi đã dành sẵn một phòng từ hôm trước. *Inch-Allah*, tôi không có cách nào khác.

Đợi đến chín giờ tối, khi mặt trăng đã ló ra bên đỉnh Mosquée cạnh *Médina*, tôi đến tiếp tân nhờ gọi taxi. Đến đầu con lộ dẫn vào chốn trọ, tôi ra dấu cho xe ngừng. Lách vào ngõ sau, tôi mặc tiếng chó hàng xóm sủa, men vách vila đi về phía rặng trúc đào, từ đó nhìn lên là cửa sổ căn phòng tôi đã ở. Nghe tiếng tim mình, tôi tự hỏi, mi sợ gì ? Con tim kỳ quái cứ đập, và dẫu trời nóng hầm hập, mồ hôi lạnh ứa ra chảy ròng ròng xuống cổ. Tôi lả người ngồi bệt xuống gốc cây dừa mọc cạnh chân vách, đầu dựa vào thân cây, mắt nhắm lại. Bỗng tai tôi nghe văng vẳng tiếng vĩ cầm. Dăm tiếng đầu thưa thớt có lẽ để lên dây chỉnh âm. Rồi im bặt. Tôi hồi hộp đứng lên men về phía cửa sổ. Allah vinh hiển, thế gian này cả sáng danh Người, sau bức rèm thấp thoáng ánh đèn. Mila ơi, thế là Mila đã về. Tiếng vĩ cầm bỗng dìu dặt cất lên véo von, rồi dịu dàng, thê thiết, rủ rê. *Về đây khi mái tóc còn xanh xanh.* Lặng người, tôi đắm chìm vào những thanh âm đến từ phép lạ, tôi, đứa con chiên trong đàn cừu lạc loài ghé chân đến vùng đất đỏ này, có bóng dừa, những cây phượng tím, có phù thủy gọi cho rắn hổ ngửng đầu thè lưỡi, có bãi đất cạnh *Medina* là nơi lạc đà hàng đàn xếp chân quì phủ phục trong nắng chói. Phải, tôi về để *Đốt ánh đèn in bóng vào rêu xanh.* Về để cắn răng *Xé môi cười tan vỡ hồn đêm đêm,* mê mụ đưa tay vuốt mặt nhìn bóng dưới ánh trăng như *In dấu ai đang tìm bước về*. Xin cứ để tôi quay về với tôi, *Inch Allah*, dẫu sau gót lãng du là rồi điêu tàn. Tất nhiên phải thế, hỡi Allah hiển hách quyền uy, Allah sáng tạo cả oái oăm và oan nghiệp.

Đã tính trước, tôi vòng ra mô đất từ đó có thể trèo tường vào. Tôi đu lên, tay nắm. Chao ôi, mảnh chai cắm đầu tường cứa vào tay. Tôi rụt lại, máu chan hòa nhỏ xuống. Kệ, hề chi. Lấy mùi-xoa, tôi buộc lại, bình tĩnh như một tên trộm nhà nghề, mần mò đầu vách cho

an toàn rồi mới nắm chắc co người lên. Vào sân, tôi nấp sau bức tượng Venus, mắt nhìn về phía bếp, đèn tắt tối om. Với bốn chai rượu tôi cho, mụ quản gia giờ này chắc đã say ! Nhẹ nhàng như một con mèo, tôi leo lưng con trăn rừng vẩy là gai xương rồng, lên thang và lách vào hàng hiên. Đến trước cửa phòng, tôi giơ tay định gõ cửa, nhưng lạ chưa, cửa có một sợi xích sắt hai đầu chập vào một chiếc khóa cổ bằng đồng to hơn nắm tay. Tôi ngẩn người. Mila ở trong, như nô lệ tù hãm à ? Chưa biết xử sự thế nào, tôi bỗng nghe tiếng chân loẹt xoẹt, rồi tiếng hát khàn khàn, âm sắc toàn là *kr, sra*... láy đi láy lại ở cuối câu. Tôi vội mở cửa căn xép, lẻn vào, tim lại đập, đập mạnh đến độ thình lình tôi hiểu thế nào là tim đập như trống ngũ liên. Trong tiếng trống, tôi hé mắt nhìn ra.

Từ đầu cầu thang, một người tay cầm chiếc đèn dầu như đèn A-la-đanh, quần phùng phình túm lại ở cổ chân, lưng quấn dây đỏ, áo khoác ngoài màu vàng đính kim tuyến, đầu đội khăn buộc chão có đính một mảnh trang sức lấp lánh như những *Sultan* trong phim ảnh. Vẫn tiếp tục ê a hát, hắn lừ lừ đi lại, tay kia cầm roi da thỉnh thoảng lại quất lên sàn đá hoa, tiếng chan chát chói vào tai. Tôi căng mắt khi hắn đến gần, và không, tôi không thể nhầm, khi hắn mở miệng hát thì đúng là bộ răng vàng chóe của mụ quản gia chói lên dưới ánh đèn. Trời ơi, mụ thẳng lưng, mắt tô đen, sườn giắt một con dao quắm và một chai rượu, loại Sahari tôi mua tặng mụ. Đặt roi xuống đất, mụ móc lấy chìa, mở khóa, tiếng lách cách. Hai cánh cửa bật tung ra, mụ cúi lấy cây roi rồi quất mạnh. Tôi nhướng mắt nhìn vào trong phòng, nắm tay chặt đến độ vết thương đau nhói lên như kiến lửa đốt. Tôi chỉ thấy một mái tóc vàng óng ả rủ xuống vai rồi rơi ngang lưng một người quay mặt vào tường, bên cạnh là cây vĩ cầm nằm chơ vơ.

Cửa phòng đóng sầm lại. Rồi tiếng xích kéo loảng xoảng, tiếng khóa lách cách. Lần này, ổ khóa bằng đồng nằm trong phòng. Ngồi xệp xuống trong căn xép, đầu óc trống rỗng, thực tại biến đâu mất hút trong đáy sâu đen ngòm tôi lần đầu bắt gặp. Tiếng roi trong phòng chan chát, rồi tiếng cười, tiếng van vỉ, tiếng rên la và thỉnh thoảng lại có tiếng hát ê a, ê a như tiếng kinh cầu *Allah... wa... akbar... La Illah... ill. Allah* mang lời Thượng Đế truyền giảng để khai sáng, Thượng Đế đa đoan nặn ra loài người ngay cả với sự bất toàn bất hảo không thể bảo hiểm được như tai nạn xe, nhà cháy, mưa bão, lũ lội...

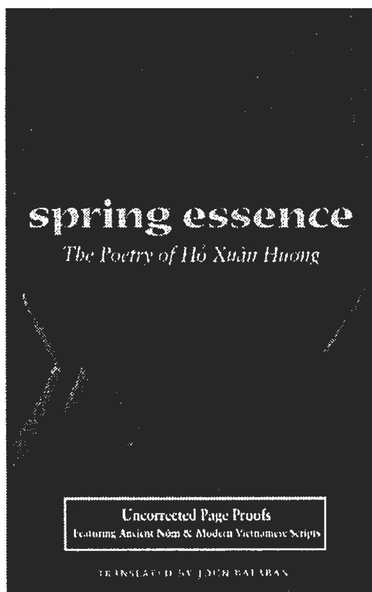
Tôi mất hết ý niệm về thời gian nhưng dần dần phục hồi được một số trí năng, biết đau khi nghe tiếng roi quật xuống, và hân hoan khi nghe tiếng Mila rú ôi, ôi thôi, đừng ! Bỗng ống quần Jean tôi ướt đẫm. Thôi chết. Đến là đoảng. Từ năm tôi mười ba, mẹ tôi đã dặn

là con gái phải biết đếm ngày, lớn lên quen đi, dùng phương pháp Ogino-Knauss để ngừa thai. Mẹ dặn, nhưng xưa tôi cười, thế mà mẹ cũng đẻ đến sáu lần. Tôi chập choạng đứng dậy, mở cửa căn xép, lết về phía cầu thang, mặc cho những giọt máu bầm rơi trên mặt đá hoa lát hàng hiên. Tai tôi, vẫn tiếng roi quất trên thân thể một người đàn bà nô lệ, đúng như ý Allah, *Inch Allah*, Thượng Đế vinh hiển. Tôi bỗng ợ lên, cơn buồn mửa xộc tới khiến tôi gập đôi người lại.

Chạy vội xuống thang, tôi chúi mình ngã, chân đập vào một chậu xương rồng kê mấp mé. Hình như có tiếng sành toang vỡ. Nhưng mặc, tôi loạng choạng lần tới ven hồ, cắm đầu, tay vớt nước úp vào mặt, bụng quặn quặn đau rứt từng khúc. Đến khi tôi ngước nhìn thì dưới ánh trăng lu chốn trọ, vị *Sultan* đang hả hàm răng vàng chóe, tay giơ chiếc dao quắm sáng loáng quơ lên. Về đây, tôi về nghe tiếng hú hồn mê oan, khám phá ra mình lưỡng phái tính dục qua một sợi tóc vàng. Về đây, bước về lắng trầm khúc nhạc truy hoan, *Inch Allah*, có lẽ đâu lại kết thúc như khúc chót một cuộc bạo dâm có lưỡi dao cắm vào lút ngực. Tôi thầm thì, An yêu dấu, nếu anh ở đây thì đỡ cho em biết mấy. Và tôi nhắm mắt. Nhưng vẫn thấy ánh trăng hôn mê, như mơ.

Hỡi Allah cả danh Thượng Đế toàn năng, xin Người hãy khiến trăng kia là trăng thuê từ ảo ảnh.

NAM DAO
Quebec, 31-05-2000





NGUYỄN MẠNH TRINH

Bao giờ

bao giờ nước lớn lên ghềnh đá
trăng bạc đâu đi lúc cổ sơ
thành phố dửng không làm mặt lạ
ở về đi đến chuyện thờ ơ

chợt thức giấc canh khuya trằn trọc
đêm rỗng không tiếng gió quặn mình
bước chân kẻ nào trong thoảng chốc
gợi tiếng gà tưởng cõi u minh

đếm ngón tay tháng ngày hoa mộng
quá muộn màng bến đậu về sau
hai mươi năm đi vào khoảng trống
vội vàng chi nước chảy chân cầu

sách phép ước thiên thu còn giở
đành chia tay xanh ngát biển dâu
sấm chớp lóe cuối trời thịnh nộ
ghềnh đá xưa sóng cuộn theo nhau

bây giờ thiên địa trầm giọng hát
ru nhẹ nhẹ ta mộng lớn ơi
quán trọ náu thân mưa gió tạt
thương mình lạnh lẽo giữa lưng trời

người bỏ đi xa còn tấc nhớ
mùi hương tóc thả vẫn một mình
góc vườn tâm thức hoa hồng nở
hết rồi áo mộng chút hư vinh

sương long lanh đọng vài giọt nắng
mắt nai tơ đợi chuyến xe đời
vai vác ngàn cân buồn thêm nặng
vút cao dốc nhớ đến trùng khơi

khuya nay giấc ngủ như mật đắng
máu về tim máu có thương ai
vườn kỷ niệm phơi tà áo trắng
vẫn mãi chưa quen đến dặm dài

bây giờ đôi mắt tròn ứa lệ
em đã quay lưng chẳng ngó nhau
hai mươi năm lạc lõng thân thế
ngóng mãi phương trời mấy ánh sao

đừng hát nữa bài ca cố lý
dưới giàn hoa giấy tiễn người đi
giọng trầm bổng nỗi niềm tri kỹ
mấy câu thơ nhắc tuổi đương thì

ngừng lại giùm ta nào hỡi gió
áo mỏng chừng phai chút ngậm ngùi
cây bưởi vườn sau hoa lại nở
nụ hôn thơ dại tiếc khôn nguôi

vệt nắng dãi trên chăn chiếu cũ
sợi tóc phai góc kẹt ngùi quên
con bướm vàng chập chờn đến rủ
màu mây biếc thắm cất dành riêng.

bây giờ chiếc lá rơi về cội
bài hát đồng giao đã mải mê
vết thương phế phủ ngàn muôn nỗi
thinh lặng còn nghe lạ tiếng thề.

vờ cười khóc thỏa thuê vở kịch
bềnh bồng theo dòng bách lênh đênh
có một lúc quay lưng diện bích
không nhìn nắng rọi cuối đường quanh

sống heo hút vèo cơn trường mộng
cầu trăm năm chưa đến tuổi già
ga vắng không còn ai đưa đón
tình ngùi ngùi cơn gió chướng xa

nếu có lúc trốn vào cõi vắng
một mình ngồi để nhớ để quên
hai đường tàu song song vạch thẳng
điểm nào hội tụ được niềm riêng...

NGUYỄN MẠNH TRINH



PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

Chim bay biển Bắc



behind the curtain
in the pantomine
the show must go on....
....
empty spaces
abandoned places...
...
...Words &music by Brian May,
Freddie Mercury (Queen)

Nhà xoay lưng vào vách đá thẳng đứng. Kia rồi, *chị Tư ơi*, căn nhà chờ đợi!

Nó hiện ra đột ngột ở khúc quành, sừng sững một mình. Cơn mưa suốt khoảng đường dài cũng đã ngừng tự bao giờ, phía trước bừng mở một mặt trời thoi thóp. Những mảng mây sống sót ửng hồng trên mặt đại dương. Một nửa mống trời ngũ sắc nhợt nhạt vắt ngang qua đường viền nơi chân trời đụng góc biển, phần còn lại khuất sau vách đá.

Tôi đã bỏ sau lưng nhiều thành phố, thị trấn, đèo dốc...; mơ hồ nghe mình bắt đầu cuộc hành trình xa trần gian thực tại, nhất là khi xe rời xa lộ dấn thân vào những con đường nhỏ ngoằn ngoèo. Cơn mưa bắt đầu ngay lúc ấy. Mưa trắng xoá vây kín xung quanh. Những sợi roi nước xối xả đe doạ và ngăn cản. « *Đừng sợ, em. Có chị đây, bảo chúng liệu hồn !* »

Rồi giờ đây, cõi lạ kia rồi.

open your eyes

look up to the skies

Tôi nhìn về phía sau. Dãy tường thành thiên nhiên trôi chậm lại. Bờ đá dựng đứng nhấp nhô, giống như một cái bánh kem trắng đá vôi xếp lớp, bị gậm nham nhở theo thời gian. Những bệt cỏ tranh và dây leo như lớp bơ xanh màu pistache chảy mềm xuống theo các vết gậm. Ở vài chỗ lõm nắng không thể tới, những mốc meo, rong rêu đen vàng nổi bật như những nhát cọ aplats.

Con đường đất mấp mô, hai bên bờ toàn cỏ dại linh lăng, cúc gai, khuy vàng, đưa đến ngôi nhà xoay lưng vào vách đá.

Trước nhà là bờ vực ngó xuống biển. Ngôi nhà nằm chơ vơ trên một nấc thang khổng lồ duy nhất nối lưng chừng vách đá với biển dưới kia.

Thoạt nhìn, với ba tầng lầu và các bờ tường đá lửa, nhà đầy vẻ đường bệ vững chãi. Từ cuối dốc ngó lên, những ống khói lò sưởi như với được tới đầu vách đá phía trên.

Xe chậm rãi sóng sánh bò đến trước cổng. Tôi tắt máy, mở cửa xe, khoan khoái đặt đôi chân tê dại xuống nền đất mềm mọng nước. Hơi nước, hơi biển, cả mùi hoa nữa, thơm lừng không gian. Cổng đóng im ỉm; tôi tựa tay vào những song sắt tròn dầy một nước sơn đen sần sùi, ngắm ngôi nhà. Chỉ cần phủ một chút xác xơ tuyệt vọng lên màu đen bẩn của bụi thời gian trên tường, tôi sẽ thấy căn nhà nơi Norman Anthony Perkins ở với bà mẹ già chết khô... Ô không đâu, đừng nghi ngờ. Anthony lắp bắp: *Norman ngoan lắm, thưa mẹ*. Bởi vì nhà cũ kĩ nhưng không hề hoang phế.

Trước đó, chuyên viên ngâm nga :« *Suốt dọc vùng biển vách đá falaises này, vous không tìm ra được một chỗ nào khác như thế! Không có những ngôi nhà như thế !*»

« *Tại sao à*? »

Anh chàng tròn mắt nhìn tôi hỏi lại. Chuyên viên cho thuê và mua bán nhà. Người rất trẻ, dáng dấp sáng sủa nhưng bị nghẹt mũi kinh niên. Bài diễn văn như bản thi tài hùng biện đôi ba lần bị cắt đứt bởi một tràng hắt hơi dài tiếp theo một tràng « xin lỗi ». Có lẽ chàng dị ứng với phấn hoa hoặc bụi bậm. Nhưng nhà cũ, nhà mới, nhà xấu, nhà đẹp, phòng hai, phòng ba, phòng hầm, phòng nóc; nhà nào, phòng nào chắc chàng cũng nhét được vào mồm kẻ bơ vơ đang cần nơi nương tựa. «*Oh oui, c'est bien à votre image*!» « *Elle vous ressemble!*» *Nhà này quả là biểu tượng, là hình ảnh của quý vị !*». Lời khen khéo đưa

chuột vào rọ. Hình ảnh nào? Hình ảnh trước/sau khi được cha mẹ sinh ra? Hình ảnh tự hoạ theo một trí nhớ không có trí nhớ?

Chỉ một điều chắc chắn: chàng sẽ tước được chúng dễ dàng từ những chủ nhân khánh kiệt hay trước ngõ rẽ tâm tình.

Khi đó nhà sẽ mất giá như cái hạnh phúc vừa quay lưng? Khi đó nhà chỉ còn là những mảnh vụn chướng mắt cuả tình yêu?! Chàng sẽ nói sao? «Quý vị chẳng còn xứng đáng với cái nhà ấy nữa»?. «Ôi thôi! Hình ảnh quý vị đã nhạt nhoà, không còn đẹp đẽ như cái nhà ấy...Và tôi, kẻ tận tụy, sẽ chân thành tìm ra người chủ mới, đầy đủ tiêu chuẩn xứng đáng với nó».

Sau mươi lần hắt hơi, tán tụng ngôi nhà và nịnh nọt: *«elle est bien à votre image!»(* ô conneries! ô bullshits!) giữa khuôn mặt đẹp trai kia là cái mũi đỏ cuả ông thần lưu linh, đỏ một màu bordeaux médoc với saint émillion!

Ơ hay, tôi giận cái mũi kia hay tôi đang tìm cách biện minh cho mình? Và tôi cũng nghe mình ngứa mũi. Nhưng bàn tay tôi đưa lên bị đổi hướng giữa đường, thành ngón trỏ đẩy nhẹ gọng kính râm. Tôi thản nhiên lập lại. *Vâng, tại sao*?

Anh chàng quyết định không phải giữ gìn nữa. Vì tôi đã kí giấy thuê, kí chi phiếu trả tiền thế chân hay vì hắn cảm nhận được rất nhiều khiêu khích vô cớ trong ngón tay và giọng nói mệt mỏi cuả tôi?

Tôi vuốt nhẹ mảng bông băng che nửa gò má trái cuả mình, gián tiếp nhắc nhở anh chàng rằng tình trạng nhan sắc cuả tôi thê thảm hơn. Quả nhiên, giọng nhựa rượu đắc thắng:

- Dễ hiểu lắm ạ: bởi vì hoặc chúng đã rơi cả xuống biển hoặc chúng đang bị niêm phong vì lí do an ninh!

Ông thần hít hít mũi và trả đũa bạo hơn:

- Nhưng *vous* đừng lo, chúng tôi bảo đảm an ninh! Đã có nhiều người thuê nơi ấy. Nhà đẹp và vô cùng yên tĩnh. Cả vùng biển này chỉ có ngôi nhà ấy. Mặt trời hiền, nắng dịu. Bãi biển kín đáo. Một nơi lí tưởng để an dưỡng.

*

Đúng là ngôi nhà duy nhất trên suốt một vùng biển dài những vách núi đá cao thấp lồi lõm. Một lâu đài bé tí và cô quạnh. Nơi ẩn náu cho người chạy trốn trách nhiệm. Ba mặt tường đá lửa điểm xuyết những đường viền ngang dọc nhỏ nhắn bằng những hàng gạch brique đỏ, hài hoà. Vàng lửa và đỏ gạch đã ngã nâu. Kiểu nhà normande đặc Bắc phương. Mái ngói ardoise đen mỏng với ba đỉnh nóc hình tháp

chuông, uốn lượn những đường rất mềm. Những tầng dưới im lìm những cánh cửa sổ gỗ trắng đóng kín. Tầng trên cùng với những cửa tò vò lucarne khung nâu sẫm như những con mắt vuông trừng trừng nhìn vào khoảng không trước biển.

Hai bên con đường sỏi trắng đưa vào nhà là thảm cỏ xanh nhung lấm tấm những chùm hoa xuân. Từ phía trái nhà, vài cây magnolia cao xếp hàng chào biển, các cành nhánh toả tròn quanh thân với chi chít những nụ như những búp lửa ngọn đèn sáp, bên dưới là những khóm thuỷ tiên xen với những thảm pensées, myosotis . Bên phải, sát bờ vực là hàng thông thùy dương chen lẫn forsythia, cognassiers đầy hoa. Cả Norman và bà mẹ, lẫn Hitchkock đều không thể có những bàn tay yêu và dưỡng hoa. Đây là căn nhà của Watteau, nơi an dưỡng sau «những nỗi nhọc nhằn chiến tranh». Chị Tự cãi «Những kẻ chán chường cuộc chiến. Mày cứ trứng khôn hơn rận!!»

Không gian vẫn đậm đặc một màu vàng nửa quế nửa nghệ.

Ngôi nhà cố bám vào vách đá falaise. Đôi cổng sắt đầy can đảm tuyệt vọng, làm tiền đồn ngăn bước tiến của bờ vực trước tiếng gọi của thời gian và biển cả.

Một nơi lí tưởng để *an dưỡng tinh thần và thể xác*?

empty spaces
abandoned places
I guess we kwow
the score
...on and on...
does anybody know
what we are looking for ...

A, thần lưu linh khi làm việc, vẫn tỉnh táo. Nghĩa là thấy ngay rằng tôi không bình thường khi muốn thuê căn nhà này ?

Dưới kia biển sắp chuyển sang màu tím, bọt sóng chậm rãi vẽ những vòng chỉ trắng đứt quãng mờ nhạt song song với bãi biển hình cánh cung.

empty spaces
abandoned places
...on and on...

- Coi chừng ! Đất sụt !

Tôi giật mình quay lại. Cánh cửa cổng đang rì rì tự động mở. Người đàn bà đứng bên kia cửa tự bao giờ, bất ngờ lên tiếng.

Cái giọng dịu dàng và trẻ trung qua điện thoại hôm nào đến từ một gương mặt khô cằn góc cạnh da dán xương, khắc khổ và khép kín.

Áo sơ mi trắng, váy đen dài quá gối, tóc túm bới cao phiá sau, người đàn bà giống hệt những bà quản gia trung thành, thầm yêu và đợi chờ vô vọng người chủ lâu đài từ năm mươi năm nay. Thế thì không phải mẹ già chết khô của Norman; tôi cũng chẳng là Jane Eyre. *Nhưng sao tim mày đánh trống loạn nhịp thế kia, hả em*?

- Phải cho xe vào ngay, không khéo mai kia cuốc bộ!

Tôi lái xe vào, rất bằng lòng khi thấy ngôi nhà như bé lại và bớt cô đơn.

Một chút ngạc nhiên trong mắt khi bà nhìn tôi lôi ra tấm ván trượt sóng. Và chút ngạc nhiên trở thành sững sốt khi bà đỡ lấy chiếc túi nhỏ. Tôi gật đầu xác nhận. Đôi mắt khô lạnh kia cũng tắt ngấm ngọn đèn tò mò. Một người giữ nhà lí tưởng, một quản gia A. Hopkins, của Vestiges du jour, của J.Ivory.

- Chào bà! Tôi là Du Nguyễn.

Lời chào trả khô, ngắn. «Odile Dumont»

Tôi ngoái nhìn cổng đang khép lại. Bên kia mặt trời đang chìm.

behind the curtain
in the pantomine
the show must...

Odile mở cánh cửa gỗ đen to và dầy với những hoa văn chạm trổ chạy quanh, ở giữa là huy hiệu một gia đình vọng tộc nào đó, với khiên mộc, cờ xí làm nền cho một đầu ngựa bờm tung gió.

Trong một giây, trời đất tối sầm ở bên trong. Odile lẳng lặng bất bình khi thấy tôi vẫn giữ nguyên đôi kính râm. Bà đưa tôi xem nhà; nói năng vắn tắt, lịch sự. Tôi cũng lẳng lặng theo sau, đè nén hồi hộp và tò mò; cố nghĩ rằng mình có cả một không gian và thời gian bất tận trước mặt.

Phòng khách thênh thang và trang hoàng theo kiểu cổ. Tất nhiên. Người đàn bà nói to «*Thế kỉ 18 đấy*». Cổ xưa từ chiếc lò sưởi đồ sộ với từng mảnh vuông đá hoa cương lạnh lẽo viền quanh. Cổ xưa từ những tấm gương to lấm tấm nơi góc vài chấm khuyết thủy ngân mệt mỏi đến những tấm thảm nhung đã mòn sờn nhiều chỗ. Những bức hoạ chân dung với khung gỗ thếp vàng, những cái nhìn ung dung, không tuổi tác.

Tất cả dấu tích vô giá của hai trăm năm trước, từ cái tủ sách dày đặc sách bìa cứng, gáy in chữ kim nhũ chiếm cả một khoảng tường cao và dài suốt cả bề dài của căn phòng, đến cây dương cầm bằng gỗ ronce, đường vân đỏ tròn cuồn cuộn như những vòng mây reo vui bên hàng phím ngà ngoan ngoãn. Trên chiếc bàn làm việc, bề thế và chạm trổ cầu kì, một vài quyển sách mở, một xấp giấy trắng, vài phong bì...

Tim tôi lại bắt đầu cuống quít.
does anybody know
what we are living for
Thế kỷ 18 đấy. Đúng rồi.Đồng hồ quả lắc rất đồng thời, đồng bộ với bàn ghế, với thảm treo tường kể chuyện những thời thánh chiến. Thảm trải trên sàn gỗ vẹc ni nâu đầy hơi hướm ngàn đêm lẻ, trần cao vời vợi với chùm đèn pha lê lơ lững lóng lánh như kim cương. Tôi chỉ muốn nằm xuống ngủ. Quá khứ chồng chất quanh tôi khiến không khí trở nên dày đặc.

Bà Dumont vẫn nhẹ nhàng, và vắn tắt, đôi khi bỏ lững câu nói. Muốn sử dụng piscine, mở máy nước nóng trước một giờ.... Bên cạnh là atelier, nhà xe. Cô muốn làm việc thì bảo tôi mở khoá, atelier từ lâu không ai dùng tới... Xin tự tiện... Sách, cô tránh ...Cô thông cảm, tuy nhiên... cô có thể mang sách về phòng nếu đừng quên nói cho tôi biết... . Đây là nhà bếp. Đầy đủ dụng cụ, rộng rãi, ngày trước vẫn nhộn nhịp vào mùa khách đông đảo, bây giờ ... Tốt nhất... nên nấu ăn *trên kia*, cô tự do, thoải mái hơn.

Tầng thứ nhất chưa có khách trọ.

Trên kia cuả tôi, ở tầng nhà thứ hai, tôi phải chia sẻ với một người khác. *Người ấy*. Ông Nguyễn. Chia sẻ cả phòng tắm, phòng khách và nhà bếp. Tuy nhỏ hơn, nhưng tất cả các phòng đều sáng suả, ấm cúng; bàn ghế, giường ngủ bày biện gọn gàng, không nặng màu xưa cũ. Đều thuộc thế kỉ 20, đầy đủ những tiện nghi cuối thế kỉ 20.

- Ông ấy trả tiền thuê cả năm, trung thành nhưng lui tới bất thường... Cô không phải lo, ông ấy tốt và dễ chịu. Khi cần chi, cô gọi interphone, tôi sẽ xuống. Tầng trên cùng là nơi «riêng tư» cuả tôi. Cầu thang bên ngoài, ở phiá sau cũng thế.

Bà cộc lốc lễ phép chào đi ra, chúc «bon séjour».

Tôi khoá trái cửa, thở phào hấp tấp gỡ kính, tháo bông băng, tóc giả, sờ lên đỉnh đầu trọc, cởi quần áo, giầy vớ rồi nằm vật ra giường thiếp đi.

does anybody know...

*

Buổi sáng ngập sương mù, tôi men theo con đường đất nhỏ xíu vòng vèo, xuống đến sát bên dưới bậc thang. Bậc thang như tấm lưng người khổng lồ Sisyphe đang cố cõng ngôi nhà leo lên vách núi.

Vai đeo túi và tấm ván trượt sóng gập đôi trên lưng, tôi loay hoay

tìm đường xuống biển. Một lát sau, tôi xuống đến bãi.

Ngay dưới chân vách núi, còn vài vụn đá chưa bị biển thời gian lôi đi. Đá cũ xanh đen những rêu rong sò ốc, đá mới trắng vôi lẩn lộn đất thịt nâu đỏ tua tuả rễ cỏ dại. Rồi chân tôi bước ngượng ngập trên lớp đá cuội trắng to như trứng chim bồ câu. Sóng từng lớp lăn nhẹ vào bờ, nối tiếp nhau, miên man xô đẩy từng đợt đá. Những viên cuội lăn tròn, gõ vào nhau, trượt lên nhau, tiếng vang lục cục. Thứ âm thanh đều đều reo vui, kiên nhẫn hồn nhiên. Tôi nhìn quanh. Chỉ có tôi. Với biển mênh mông phiá trước. Và vách núi sau lưng.

Tôi nằm trên mảnh ván trượt sóng, nhẹ nhàng bơi ra khơi. Biển lặng, gió đứng. Phải bơi đến hơn trăm sải tay mới ra khỏi vùng đá ngầm. Khi tôi ngoái lại nhìn, ngôi nhà thu gọn vào tầm mắt. Những chiếc cửa sổ ở các tầng đều mở rộng, kính lấp lánh ánh mặt trời.

Tôi mở túi lấy cell phone bấm số. Giọng chị Tự yếu ớt, xa xăm. Bao giờ cũng vậy, phải một thế kỉ sau tôi mới nhận ra chị. Nhận ra chị cuả mười, hai mươi năm trước. Vào thời chị em còn quấn quít nhau, hồi hộp chờ nghe tiếng bước chân mẹ về ngoài hành lang tối tăm cuả một foyer Sonacotra nào đó. *Em đang ở đâu*? Câu hỏi đầu tiên, mãi mãi cuả chị. Tôi cần nghe, rất cần nghe. Như đêm về, phải có tiếng nhạc toả quanh. Mềm áo giáp, tháo gỡ mặt nạ, râu ria và săn sóc những vết thương.

«Sắp xong rồi chị ạ.» «Nhưng làm sao ...» «Ơ, đến plutonium người ta còn bán cả kí lô ngoài chợ trời kia» «Em cẩn thận nhé, mày là vua ẩu...»

Tôi ngắm lại ngôi nhà lần cuối. Bấm nút ngòi nổ điện.

Mặt biển rung lên, vách đá tung ra trăm nghìn mảnh vỡ. Bụi mù đặc cả một vùng trời. Ngôi nhà bị hất lên cao, xoay tròn trong không trung. Ba đỉnh tháp chúi mũi trút xuống từng chùm ngói đen. Những viên đá lửa rời rã tung bay. Trên mảng tường mặt tiền nhà, những cánh cửa volet lăn lộn, mở đóng, đóng mở vô vọng trăm cánh chim. Kính cửa sổ vỡ tan, triệu hạt bụi nắng kim cương lấp lánh, ném ra ngoài tấm lòng thư viện. Sách lượn lờ thả tung những trang giấy rời phất phới. Enclyclopédie, «thư từ» cuả Montesquieu, hài kịch cuả Voltaire. Cả một Thế kỉ những Ánh sáng, những Hào quang trí thức nhân loại, công trình Diderot, tâm tình Rousseau... đang thành hoa bụi. Bầu trời đầy những cánh chim chữ, lá chữ, giấy bạc chữ, lượn đảo quay cuồng. Nhưng tuyệt nhiên không một tiếng động. Như trong một phim câm quay chậm. Tất cả những mảnh vụn nhà cửa, cây cối hoa lá, thong dong, lả tả rơi xuống chân vách đá. Odile Dumont đầu tóc xổ tung, nụ cười và đôi mắt đắm say, đôi cánh tay chới với hướng về chàng quý

tộc. Chàng nhìn tôi, hít hít mũi, ô, hoá ra là anh chàng cho thuê nhà với chiếc mũi đỏ vênh váo, ngón tay trỏ đặt trên môi. Tôi muốn kêu lên. Suỵt. Suỵt. Để ba nghỉ. Suỵt suỵt. Yên nào, cho ba ngủ.

Sóng ập nước lạnh buốt vào mặt tôi. Tôi nghe mình nặng đá, thiếu hơi thở. Và rồi thấy mình chìm lĩm.

*

Tôi lăn lộn, vùng vẫy... và cuối cùng hốt hoảng, mở mắt, ngồi bật dậy. Định thần rất lâu mới biết mình đang ở nơi trọ mới. Cánh cửa sổ đóng mở cành cạch từng cơn theo gió. Nồng nàn hương biển về đêm. Nhớ lại giấc mộng, tôi lắc đầu, sờ mặt, vuốt tóc, mỉm cười chế nhạo mình. Vết sẹo nhỏ trên gò má trái đã lành từ hơn hai mươi năm nay, nào có bông băng gì đâu, cũng như mái tóc dài vẫn nguyên vẹn. Ác mộng cũ có thêm được nhân vật mới, khung cảnh mới. *Chị Tự ơi*, kì này em là terroriste. Chống lại những causes justes?

Tôi mò mẫm mở cửa ra hành lang. Nghe ngóng. Vẫn chỉ có tiếng gió. Những luồng gió biển vẫn lướt dài trên sóng, từ ngoài khơi về bờ, những viên cuội gõ nhịp, những sợi cỏ mềm lao xao như vết cọ xoa nhẹ mặt trống. Tiếng nhọn, tiếng trầm lên xuống theo nhịp gió, khi thong thả, khi dồn dập, xoắn tròn thành những con trốt bào vào thành vách đá, đưa vào căn nhà rộng một giọng ru êm đềm.

Mơ hồ quanh đây những âm thanh ngày cũ. Tiếng thì thào cuả má. Yên lặng, các con để ba ngủ. Mơ hồ quanh đây những mảnh vụn phim câm, những bức hình chụp đã vàng ố.

Cái mũi đỏ cuả ba và mùi bia rượu.

Ngay đêm cuối cùng, tôi cũng chỉ nhớ đến mùi bia rượu, chiếc mũi đỏ và nước mắt cuả ba. Sau này, khi tôi nói với chị Tự rằng đêm ba từ giả mấy mẹ con, «em nhớ ba khóc ra bia chị ạ!» Chị nhìn tôi kinh ngạc và đau đớn «Mày chỉ nói bậy». Chị hét «Chuyên môn nói bậy!» Rồi dịu dàng «Khi đó em mới bốn tuổi, em nhớ sai bét!»

Mẹ càng cả quyết ba không hề là bợm nhậu, tôi càng nhớ đến chiếc mũi đỏ và hơi rượu. Đến nỗi tôi có cảm tưởng chỉ còn hình ảnh đó trong kí ức mình, mỗi khi nghĩ về ba.

*

Khi tôi xuống dạo vườn, gặp Odile đang hái hoa, đứa con trai dáng thấp và vạm vỡ ôm rổ ngoan ngoãn đứng bên cạnh. Những khóm hoa vẫn như trong giấc mơ. Mùi hương và ánh nắng vàng rạng rỡ. Rất

thật, không lọc qua kính râm.

«François, con trai duy nhất của tôi đấy, chào cô đi con cưng của mẹ».

Giọng nói mềm nhẹ này cũng rất thật, tôi tự nhủ.

Đứa con trai buông rổ. Những nhánh hồng, thuỷ tiên rơi tung toé. Nó choàng đôi tay vụng về mạnh bạo ôm tôi hôn lên hai bên má. Tiếng nói cười lạ lùng hấp tấp, dồn dập, phát ra từ chiếc lưỡi dường như dày và cứng đơ trong cổ họng, ồm oàm, ồ ề những âm thanh nguyên thuỷ, rất trầm sâu hang động. Hai con mắt ngây ngô đầy nét vui mừng.

Odile cúi xuống nhặt hoa vừa kêu «Từ từ nhẹ nhàng chứ con! Cô đừng sợ, có người lạ là cháu phấn khích cảm động như thế. Cháu sắp ba mươi nhưng như trẻ con năm tuổi và hiền như cừu con».

Người đàn bà bỗng không còn là người đàn bà khô khan hôm qua, lạnh lùng và tuyệt vọng chờ chàng trở lại, chàng xa xôi, chàng quý tộc chủ lâu đài đang thất tình một bóng dáng khác.

Tôi ngỡ ngàng tự hỏi vì sao mình lại đầy ác cảm với bà trong giấc mộng đêm qua. Rồi ngượng ngùng đánh trống lãng, hỏi thăm về thời tiết, thuỷ triều. Odile dịu dàng, từ tốn chỉ trỏ những nơi tôi có thể ngắm núi, ngắm biển, nhìn bình minh, hoàng hôn. Bãi nào có thể tắm, nơi nào có đá ngầm hay nước xoáy. Muốn trượt sóng, phải lái xe đến nơi cách đây hơn ba mươi cây số v..v.. Thỉnh thoảng bà xin lỗi, xoay qua khẽ khàng mắng con vụng về hay ngăn tay nó lại. Bởi vì François cứ khục khục nói cười trong cổ họng, nghiêng bên này hôn mẹ, ngả bên kia choàng vai tôi, hết luồn tay vào mái tóc dày to sợi của tôi lại sờ lên đầu tóc vàng mềm của mẹ, như để so sánh.

Không, người đàn bà này sống với đứa con. Và từ lâu lắm, sống trọn vẹn hiện tại, không trông chờ một phép lạ nào.

Bà nói về ngôi nhà cũ đã hơn trăm năm tuổi, về François, về những người khách trọ trung thành hoặc mỗi năm một vắng.

Rồi bất ngờ:«Cô là thân nhân ông Nguyễn? Tôi lạnh lùng: «Chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên... Cứ như họ Kim của người Đại Hàn, cứ như họ Martin ở đây thôi!»

Cho nên tôi khiến bà bừng tỉnh. Bà bẽn lẽn cắt ngang câu chuyện, viện cớ có việc dang dở, hấp tấp giục con vào nhà.

Tôi thơ thẩn đi quanh, cố bỏ ra ngoài những ý nghĩ và hình ảnh của đêm qua. Nhưng tôi không bình tĩnh được lâu hơn nữa.

*

Lúc chạy vội lên thang lầu, trong phòng tiếp tân thênh thang, tôi thoáng nhìn thấy François nhỏ bé sau chiếc bàn làm việc đồ sộ, nghiêng đầu hí hoáy trên xấp giấy, mặt đầy nét chăm chú, si mê.

Trong phòng khách trên lầu hai, tôi chậm rãi xếp những đĩa nhạc của mình vào máy. Máy của ông ta đấy, có dán họ Nguyễn hẳn hoi.

Kià, chị Tự ơi, nghe kià, xem kià: Freddie ưỡn ngực, dậm chân, nắm tay cầm micro giơ cao.

we will we will...rock you !. We will, we will ...rock you !...

Chị sẽ chạy vào, nhìn tôi trách móc. Yên chứ, cho mẹ nghỉ ngơi! Tôi sẽ lặng lẽ chuyển đĩa sang walkman, nằm cuộn tròn trong chăn, và tiếp tục đọc Simenon, Stephen King, Bradbury với Dan Simmons.

Trong mùi thơm biển, trong tiếng gió đùa sóng, tôi muốn sắp xếp những mảnh vụn trí nhớ.

Tìm những dấu mốc. Nhưng vô phương, lại chỉ có mùi bia rượu. Suỵt, suỵt. Yên lặng chứ, các con. Những tiếng động vô thanh chỉ có trong đầu mẹ, thứ tiếng vô hình đã ăn mòn não bộ, xoá mất hiện tại và tương lai.

Chị Tự reo vui: «a lô, em biết không, hôm nay mẹ nhìn ra chị ngay. Mẹ còn hỏi: em con đi học về chưa?».

Rồi vài phút sau, chị hét: «Mày chuá là rabat-joie! Có giỏi thì về đây, rước mẹ về và lo săn sóc mẹ đi!»

Nơi sân trường cũ ngày xưa, dăm ba đứa tụ tập thì thào sau lưng tôi «đồ kiêu ngạo!».

Ở nhà, trong khi Freddie phán bảo «keep yourself on life», mẹ ngồi trong bếp, áp tai vào chiếc máy cassette cũ mèm hiệu Philips, nghe Thanh Tuyền nỉ non «con ơi... ạ ơi... đây là giấc ngủ ban đầu... mẹ ru con...»

Đôi lúc tôi nhớ mẹ cũng đã ru tôi một điệu như vậy. Giọng chẳng kém não nuột thảm thiết.

«Thương nhớ ơ hờ thương nhớ ai. Sông xa từng lớp lớp mưa dài»..[1]

«Mưa chi mưa mãi. Buồn hết nửa đời xuân. Mộng vàng không kịp hái»[2]

Nhưng nhớ nhất có lẽ là đôi mắt âm u lạ lùng của mẹ, khi mẹ ru «chim bay biển Bắc... em tìm biển Đông!»

oh mama mia.*

Và giọng trầm nào nói về «...đoàn quân không mọc tóc...»?

Chị Tự cười ngặt nghẽo. «Tức là trọc đầu ... Ba thích bài thơ ấy lắm»

Dường như có lần, lần duy nhất, tôi nghe mẹ chua chát nói về «xây dựng tương lai... sửa đổi dĩ vảng». Ai sửa đổi và xây dựng? Tương lai, quá khứ nào, ở đâu?

Tôi không đủ vốn tiếng hỏi mẹ vì sao *em cứ biển Đông* tìm hoài?

Về sau, trong những ngày trống trải còn lại, đến lượt mẹ chậm chạp quay về tuổi trẻ cuả mình. Chỉ có chị Tự hiểu được mẹ. Tôi càng lúc càng xa mẹ, càng xa những hàng chữ Việt chi chít những quá khứ xa lạ. Xa rời những hình ảnh mẹ tìm thấy, mà vô phương nhìn thấy mình trong đó.

Tôi không còn đặt câu hỏi. Vì nỗi tò mò cũng như mớ kỉ niệm, sách vở ít ỏi cuả ba mẹ, biến mất dần theo những lần dọn nhà. Chỉ mơ hồ còn lại cái đầu trọc nhớ hoài bàn tay ấm cuả hơi bia.

now I'm here
now I'm there
I'm just a, just a new (wo)man
a baby I was when you took my hand

*

Tôi chạy đến trước cửa phòng người ấy, gõ dồn dập. *Người* ơi! Ông gì ơi ơi!

François lấp ló ở đầu cầu thang, nhìn tôi cười ngây ngô. Tôi tiếp tục gõ cửa. Người có thật hay không? Hãy mở cửa cho tôi!

Không một tiếng trả lời.

«Thấy chưa! Chị đã nói!»

«Thấy chưa! Tao đã bảo, còn gì nữa đâu»

Đôi khi chị Tự đổi: «Thấy chưa! mẹ đã nói». Nhưng dù là *ai nói* đi nữa, có gì quan trọng đâu? Tôi đập cửa mạnh hơn. Ông ơi!

Dạo ấy, đưa mẹ vào bệnh viện rồi, hai chị em ngồi kiểm gia tài mẹ để lại. Hai chiếc va li nhỏ, một thùng các tông còn mang tên cuả hãng dọn nhà cuối cùng. Chị thở ra «Mới đó mẹ bệnh đã năm, sáu năm rồi. Mẹ làm sao mà đồ đạc chẳng còn gì! Mất hết cả.»

Sau khi foyer nơi chúng tôi trọ, tại ngoại ô vùng Strasbourg, bị đám skinheads đốt cháy, chị than «...mất hết!»

Hình như lần hoả hoạn ấy, mẹ chỉ lôi được chị Tự và vớ vài món đồ lặt vặt trong đó có chiếc máy Philips với cuộn băng cũ. Thật ra mỗi lần dời nhà, chúng tôi chỉ «mất hết» một vài thức nhỏ nhoi nào đó thôi.

Chị thường than thở: «Mất hết! Sau lần ấy là mất hết!» Và tôi ngẫm nghĩ: «Có gì? Và có từ bao giờ mà còn với mất?»

Tôi cằn nhằn: «Mẹ không thèm cứu em!». Chị cười tươi «Con khỉ con nói vớ vẩn, hôm ấy mày ở vườn trẻ. Mẹ ở nhà giữ tao, tao bỏ học vì bị sốt». «Phải chi hôm ấy em cũng bệnh, có khi mẹ phải làm một cái *Sophie's choice* thì làm gì có cuộc đời em cho thêm phiền?». Tôi nói thêm «... lựa chọn giữa em và kỉ niệm cuả mẹ, chắc không khó lắm!» Và tôi bỏ đi khi chị mắng: «Phiền ai, hả!? Cái gì khó, cái gì dễ?».

Trong chiếc hộp chứa giấy tờ hộ tịch, hành chánh, ngoài những tờ giấy chi chít chữ viết tay chị tìm thấy vài bức hình nhỏ. Những tấm ảnh chụp trong buồng máy tự động photomaton, có lẽ mẹ đã thu nhặt lại từ những hồ sơ xin trợ cấp, nhà ở v...v.

Chị bảo đấy là những gì còn lại cuả ba: vài bài thơ, dăm ba trang bản thảo sáng tác hoặc bài Việt dịch các tác phẩm cuả Thế kỉ Ánh sáng. Chị đọc cho tôi nghe, nhưng tôi chẳng hiểu ba muốn gì. Trời hỡi, Thế kỉ Ánh sáng! Nó đem hào quang thức tỉnh đến nơi nào, cho ai?

Ảnh mẹ, trẻ hơn ngày nay rất nhiều nhưng tôi vẫn nhận ra nét lặng lẽ, câm nín quen thuộc. Ảnh chị Tự nghiêm trang, hai bím tóc nhỏ, nụ cười kềm môi chúm lại vì vừa rụng răng sữa. Chị ngồi nghiêm một mình, mắt nhìn thẳng về phiá trước.

Còn hình tôi, đầu trọc, trên má dán một miếng băng nhỏ, nụ cười chưa nở trọn, đã thấy kinh hoàng trong ánh mắt, đôi bàn tay bụ bẫm bám vào cánh tay cuả ba. Ba tôi trong hình chỉ là cánh tay phải vạm vỡ và chéo áo sơ mi tay ngắn kẻ sọc. Và những ngón tay trái giữ cho cái đầu trọc cuả tôi nhìn thẳng về phiá trước. Chị Tự cười nhắc: «Em có ghẻ trên đầu nên bị mẹ cạo sạch tóc»

Từ những ngón thon dài nghệ sĩ ấy, từ cánh tay, chéo áo, tôi lắp ráp, vẽ vời một điểm tựa cho mình.

*

Tôi tiếp tục đập cửa cho đến khi nhìn thấy François tiến lại gần và giơ cao chùm chià khoá

Nó choàng ôm vai tôi vỗ về rồi lấy chìa khoá mở cửa. Nó đi thẳng vào phòng, dáng vẻ như quen thuộc nơi chốn, mở cửa sổ rồi ngồi ngay vào bàn, mở ngăn kéo, lấy giấy ra ngồi vẽ.

Tôi lặng người đứng dựa cửa ngắm quanh. Từ bao lâu rồi, người ấy chưa trở lại? Căn phòng trống trải như chưa hề có người ở. À, kia, trên chiếc giá vẽ dựng sát cửa sổ, tấm khung toile... Tôi thất vọng vì trên mặt vải trắng chỉ có vài nét chì loăng quăng chưa ra dáng vẻ gì. Có khi lại là tác phẩm tương lai cuả François không chừng.

Trong tủ kính dựa tường, vài ngăn chứa đầy sách tiếng Việt. Một ngăn khác xếp hàng những băng nhạc quen thuộc tôi vẫn thấy thuở nhỏ, thời 70 và 80, thời của ba mẹ. Và của cả chị Tự nữa. Chị vẫn mày mò đi lùng kiếm chúng ở Paris vào ngày nghỉ việc hoặc cuối tuần. Những Simon & Garfunkel, Bob Dylan, Joan Baez, Greateful Dead... và những *tiếng hát vượt thời gian*, *vũng lầy* và *hồn thương đau*, *diễm ca* với *băng vàng...*

Tim tôi chợt dịu lại. *Chị Tự ơi, em đã tìm ra rồi...*

Tìm ra điểm tiếp nối cái quá khứ không rõ ràng đã bị ngắt quảng kể từ đêm giả từ ấy. Kể từ đêm hoả hoạn. Kể từ đêm trong lòng mẹ, bồng bềnh trong tiếng sóng vỗ mạn thuyền. Kể từ buổi chụp hình, trong vòng tay của ba tôi. Nụ cười bị tắt ngang vì ánh flash của buồng máy photomaton. Những ánh flash không soi rọi những bước đường đưa về ngày xưa. Chỉ những ngón tay thương yêu giữ yên chiếc đầu tròn.

Ngày xưa ấy, tôi thầm ao ước được những vết bầm trên lưng, trên tay chân như con Agnès, hoặc như con Tâm học cùng lớp. Tâm năn nỉ tôi xác nhận và làm chứng rằng người Việt chúng tôi trị bệnh cảm cúm theo truyền thống bằng cách «attrapper/gratter le vent» trên trán và «taper sur le vent» dọc theo vai, gáy, và hai bên xương sống. Bầm dập tím đỏ là bằng chứng «gió độc» bị chế ngự. Tôi nhỏ giọng khoe thêm với bà hiệu trưởng «Ba em lại đi xa. Mission secrtète ở Davao, sứ mạng bí mật!». Bà dịu dàng « Thế thì ông ấy đã rời vùng Tam giác vàng để về Phi Luật Tân, cũng xa đấy Du ạ!»

Mấy con nhỏ snob trong lớp, bĩu môi:«*mythomane, va*! -Thứ nói xạo!-». Giờ tan học, chị Tự hung hăng:«Đâu, đứa nào ăn hiếp em, chỉ mặt chúng nó cho chị xem.»

Tâm xuýt xoa: «Tao thích hơn nếu bố tao như bố mày, đi tìm bắt bọn trùm buôn lậu bạch phiến thích hơn chứ ?». Tôi muốn nói với nó điều ngược lại: *nhiều lần* những cái tát, những cú đấm đá để *dấu vết thật* hơn *một lần* những ngón tay chỉ giữ cho cái đầu đừng quay dọc quay ngang khi chụp ảnh.

Nhưng con bè này ngu lắm. Chẳng khác gì bọn kia. Thì nói làm gì.

« François! François!» Tiếng gọi thất thanh của người mẹ khiến đứa con trai đứng phắt dậy, chạy đi. Tôi cũng vội vàng về phòng mình..

*

Ông làm gì nơi đây? Odile chẳng có duyên như mẹ tôi, François mongolien hơn là (austro-) mongoloide. Nghĩa là họ không dính dáng gì đến ông, một khách trọ lang thang.

Vì sao ông không trở về với chúng tôi? Mỗi năm, sau những lần «nhập thất» nơi này để nghiền ngẫm về cuộc... đời, ông đi đâu, làm gì? Đối với ông, chúng tôi có thật hay chỉ là cơn (ác) mộng? Vì sao đến một lúc nào đó trong cuộc sống -êm đềm? hạnh phúc?- điều gì đã khiến ông quyết định ra đi? Và đi đâu? Có phải vì chị Tự không ngoan ngoãn? Hay tại tôi hay khóc đêm? Ông đã sống ra sao từ suốt hai mươi năm nay?

Tại sao ông chọn nơi hiu quạnh này làm chỗ tạm dừng chân? Ban đêm, trong tiếng sóng, tiếng gió, có lần nào ông thẩn thờ buông bút, tự hỏi con bé con ngày xưa, được cánh tay nào khác níu giữ chở che? Có bao giờ ông nhớ nhung quay quắt? Những công trình bỏ dở hay đã hoàn thành? Dĩ vãng, tương lai nào được sửa đổi như ý muốn?

Những câu hỏi mới cũ, dồn dập. *Chị Tự ơi, tim em, đầu em sắp nổ tung.*

Đêm đến, tôi lại lẻn vào phòng ông Nguyễn. Tất cả vẫn yên ắng, nhưng an ủi, mời đón. Tôi lặng người nghe ngóng, cố tưởng tượng, hình dung người vắng mặt, nghe mình tràn ngập một thứ cảm giác lâng lâng êm ái.

Tưởng tượng ông đang ngồi viết miệt mài. Cửa sổ mở rộng trước mặt. Gió và biển thì thào.

Những tờ giấy đầy đặc chữ. Những dòng, những chương gói trọn tâm tình, hoài bão. Mẹ tôi rón rén ra vào, đặt li cà phê sữa, những ngón tay ve vuốt, lướt nhẹ trên gáy, trên vai ba, bàn tay dọn đi mâm chén dĩa; rồi thì thào dặn chúng tôi phải ngoan.

Trời hỡi, Thế kỉ Ánh Sáng! Chưa lâu lắm, cách đây chưa đến hai trăm ngày, cả trái đất ăn mừng ngày tàn cuả thế kỉ 20. Ông có biết không, người xa lạ yêu dấu?

Năm kia, gặp Tâm, nó rối rít cho tin «Bố Tâm lại vừa vào bệnh viện. Ông bị cirrhose -xơ gan- Phải như papa cuả Du thì Tâm thích hơn, vẫn khoẻ, vẫn đi làm xa...». Bao nhiêu năm qua, Tâm vẫn may mắn. Và chẳng khôn ra mấy chút. Thì tôi còn có thể nói gì thêm?

Hôm qua, hai ông Tổng Thống Đại Hàn bắc nam đã gặp nhau cười toe toét trước mặt thế giới. Vậy ra có những cô bé đã xa bố gần đúng năm mươi năm! *Chị Tự ơi, hai chị em mình vẫn là may mắn lắm, phải không?*

Tôi chỉ tìm thấy những bức vẽ cuả François chất đầy trong ngăn

kéo của bàn viết. Chẳng gì khác ngoài hai chiếc va li to có khoá số nằm trong tủ. *Chị Tự, đừng mắng em « Mày muốn tìm kiếm gì nữa đây*?»

Tôi nằm trên giường, cuộn tròn trong mớ chăn gối chưa có hơi người, tưởng tượng cánh tay ba choàng giữ cái đầu tròn « ngồi yên nào, bé con của ba!»

Bỗng nhiên tôi chợt hiểu. Ôi, những lực bất tòng tâm, những cuộc đời bé nhỏ. Những giấc mộng vá trời ... và hành trang đầy giới hạn.

Suốt đêm, tôi ngồi viết cho ông Nguyễn. Bắt đầu *chuyện kể* hai mươi năm. Những chuyến dọn nhà. Những trận cãi giữa hai chị em. Tôi kể tỉ mỉ trận hoả hoạn, như thể tôi chứng kiến hôm qua. Tôi nói về bệnh của mẹ, hi vọng tràn trề, từ hai năm nay, mẹ hầu như không nói năng được nữa, biết đâu, khi gặp lại người xưa...

Trong những ngày sau đó, tôi nhẹ nhõm, thong thả xếp đặt thời khoá biểu và công chuyện phải làm sắp tơi. Tôi bắt chước François, mày mò vẽ biển dưới mây, vẽ gió trên vách đá. Những bức vẽ nặng nề u tối khiến François vỗ tay cười. Đôi khi, chúng tôi vứt cọ vứt khung, đi dạo thật lâu dọc theo bờ vực.

Tôi dạy cho François không còn sợ nước sâu, can đảm bám vào mảnh ván thả nổi trong hồ bơi. Ngắm nhìn mãi hai mẹ con, cõi lòng tôi reo vui và độ lượng. Trước khi đi, tôi hứa với François sẽ thỉnh thoảng gọi về và sẽ nhớ mua quà cho nó.

*

Ba tuần sau, trên đường về lại ngôi nhà ven bờ vực, tôi cười thích thú khi nghe tiếng chị Tự càu nhàu trong điện thoại. Chị trách tôi đã không gọi về chị thường hơn «Còn cười được à? Nhặt dâu tây xứ Hoà Lan chứ có phải đi bẻ dưa hấu Tây Ban Nha đâu? Sao không nói vì em là vua lười thì đúng hơn? Nhưng này, nếu em mệt thật, phải đi khám bệnh, nhớ nha! Tin gì mới lạ, sao hứa mãi mà chưa nói rõ cho chị?»

Con đường dài chẳng còn dài, và lần này, tôi nghe mình bồn chồn một cách rất dễ chịu. Tôi biết sẽ gặp ông Nguyễn.

Ngôi nhà hiện ra trước mặt, đẹp đẽ vô cùng. Đất trời vào cuối xuân thật ấm áp, nắng rực rỡ và xung quanh xanh thật xanh, mọi mầm xanh cây cỏ đã vươn lên khỏi đất, đã trưởng thành. Những hoa trắng hai ba tháng trước đang biến thành quả.

«Monsieur? Papa? Daddy?» *Chị Tự ơi, phải nói như thế nào*?

Rồi đây tôi sẽ trở lại tìm anh chàng mua bán nhà. Hi vọng chàng ta đã qua muà dị ứng. Bây giờ, tôi với chị Tự, với ba, không cần nghe bài kinh về những hình ảnh tiêu biểu, tượng trưng, chúng tôi sẽ giống y hệt, sẽ vô cùng xứng đáng với ngôi nhà dựa vách đá này. Thanh bình, vững chãi, không đợi chờ... Mẹ con Odile sẽ thuộc về «gia đình tái tạo» này. Tại sao không? Có sao đâu?

François và mẹ nó đứng chờ tôi trước cổng. Tôi ngước nhìn lên những cánh cửa trắng mở rộng, tìm kiếm.

Nhưng Odile ái ngại báo tin ông Nguyễn đã đi từ hai hôm trước. Ông về Việt Nam thăm gia đình. Tôi ngẩn ngơ không hiểu.

Odile dịu dàng: «Ông ấy có biên thư cho cô.»

*

Tôi gọi chị Tự: « Em về đây! Lần sau sẽ đi miền Nam chị ạ. Chẳng nhọc nhằn hơn lại được ấm áp. Em chán những thứ biển Bắc này rồi chị ơi! ...Thật bất ngờ chị ạ, người ta cho chúng mình tin sai bét. Nhà này là nơi bọn trộm chứa đồ ăn cắp. Chị nhớ báo chí hay nhắc đến bọn «Clan des châteaux» vẫn hoành hành tại cái vùng lắm lâu đài xưa cũ này? Đúng. Họ ăn cắp theo đơn đặt hàng, toàn đồ quý giá thuộc thế kỉ 18, đem về đây chờ ngày tuồn về các nước Bắc Âu hay Bắc Mĩ. Phải chi chị nhìn thấy cái kho cuả họ. Chất đầy những tranh xưa, này, có cả tranh Rubens. Nào còn tủ, bàn Louis 13, 14, nào horloges, đồng hồ quả lắc, bát đĩa sứ Sèvres, muỗng nĩa bạc... Đêm qua cảnh sát bao vây, còi hú, loa kêu... cứ như trong phim ấy, tóm gọn cả băng. Trùm đảng là bà quản gia, ghê chưa?».

Tôi quay đầu nhìn lại phía sau, thò tay ra ngoài vẫy tay chào Odile và François.

Odile ôm mảnh ván trượt sóng, nghiêng đầu, đầy dáng vẻ bâng khuâng.

François giơ cao chiếc hộp giấy cứng đựng kẹo bánh, quà tôi mang về cho nó như đã hứa. Rồi mở nắp. Những mảnh giấy bay tuá ra. Như tro than tống táng. Tối hôm qua, bức thư dài đã được tôi và nó cắt vụn và nén vào đầy hộp; xong, hai đứa ngồi vừa cười vừa ăn sạch đống kẹo, bánh đổ ra khắp sàn nhà.

Hai mươi năm hoá thành đàn bướm trắng tung tăng theo gió bay ngược về phía đỉnh vách đá. Trong đó có cả lá thư ngắn và một vài tấm ảnh cuả người trốn chạy. Ông Nguyễn.

Nét bút của người không mềm mại như mấy chữ ba đã để lại trên tấm ván trượt sóng «Cho Minh Tự và Vân Du yêu dấu».

Ông Nguyễn viết: «...Thông cảm cô nhiều, nhưng tôi rất tiếc... Phan không phải tên tôi. Dù sao mượn lời kẻ khác, xin nhắc cô rằng: Một người không thể chỉ thu tóm về một quá khứ. Con người nào cũng còn có tình cảm, óc tưởng tượng, năng lực, ý chí, và những nguyên tắc.»**

Tôi muốn hỏi ông: «Còn có tương lai không?» Nhưng tôi nào biết đích xác ý ông muốn nhắn nhủ mẹ tôi hay tôi.

I've paid my dues
Time after time
I've done my sentences
But committed no crime

Ngôi nhà đã khuất. Vài mảnh đời con con còn bay lượn vật vờ phía trên vách đá. Mặt trời to và vàng đỏ vừa ló dạng trên mặt biển. Bầu trời xanh cao chỉ thoáng vài gợn mây trắng mỏng nói với tôi rằng cứ thế mà chạy một mạch, đếnnửa đêm sẽ về tới nhà.

Lá thư ngắn của người đồng trọ chưa gặp mặt bắt đầu ra khỏi trí tôi.

Và tôi cũng bôi dần những hình ảnh ông đã gửi tôi, như sóng xoá những vết chân trên cát: hình ảnh một gia đình hạnh phúc. Ba nụ cười rạng rỡ cho nhau và những vòng tay, những ngón tay níu giữ nhau. Người đàn ông xa lạ, bà vợ xa lạ và đứa con trai nhỏ cũng hoàn toàn xa lạ. Với tôi.

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
28/6/2000

* Freddie Mercury và Queen
1 Quang Dũng
2 Lưu Trọng Lư
** O.Sacks



THƯỜNG QUÁN

Dưới ba lớp da báo



I

Nhà xoay lưng Xoay Xoay Quay sao được Xoay Xoay Lưng Nhà không quay Nhà xoay lưng Xoay nhé Xoay

Xoay thì xoay như merry-go-round ngựa nhún chạy vòng vòng tròn tròn vòng thoan thoan ngựa phi gia tốc nhanh càng lúc càng vệt thoáng ánh mê mẫn mê ròn tan tiếng vừa nói vừa cười trai thanh gái tú mười hai khuôn đầy đủ sáng loáng tràng rào rạt ngọt tinh quái

Ông Năm mở mắt nhìn vòng tròn xoay mười hai ghế bồi thẩm thấy hơi hụt một lẽ gì tính rút thì ông già áo đỏ gầy khảnh trên bục gụ giữa đại sảnh đường đứng dậy chậm rải nghiêm nghị thả một câu, nghe lạnh :

" Này người hãy quyết định. Câu hỏi là: Q hay X ? "

Hai tấm bảng từ dưới mặt sàn đá kéo lên song song hai bên ông già thẩm phán nhìn trừng ông Năm. Chữ Q một bảng. Chữ X một. Q tròn ngọt bay phướn, vẩy đuôi. X như một dấu thích vào trán tử tội. Hai mươi sáu con mắt trong đại sảnh chầm chầm chờ.

Q hay X ? Than ôi. Giờ đã tới Chọn một giờ Ngiêng một cánh. To be or not to be. Có mặt hay đi vắng. Hamlet hay Ophelia. Đỏ hay Trắng.

Họ lại cười, trai thanh gái tú. Những tràng lựu vỡ hạt vang xa đi hết ba dãy hành lang trong nhà vòm trần cao thơ vần cột trụ sonnet thẳng thớm. Không khí kiến trúc tân cổ điển chốn sảnh đường lạnh cột sống. Giá mà giờ ai cho vấn một cẩm lệ ?

Như đọc được vanh vách ý tưởng vọt thoáng của ông Năm, ông già áo đỏ thẩm phán tuyên một câu:

" Người lẹ làng cho một quyết định đi Câu hỏi là Q hay X Trong nội thất, như người rõ Cấm hút thuốc là lệnh. Q hay X ? Quyết định Rồi tất cả còn được ra về, chí ít cũng cẩm lệ . "

Nói tuôn một câu như thơ tự do mà ông già phán quan vẫn lạnh Enlightenment, nhướn vai áo rộng như Tuồng , nhẹ duỗi một cần tay, chậm đưa tay năm ngón khảnh chỉnh lại cầu vai, nơi dải lụa bạc chạy dọc xuống áo chùng đỏ, làm tất cả luôn một trận, nhẹ bâng. Lại thẳng thớm. Lại nghiêm chờ. Trai thanh gái tú mười hai vị trên bục bồi thẩm cũng chờ . Ôi cái giọng nghiêm túc Pontius Pilate kẻ ấy rõ ràng thế kia thì thôi ta hãy, ông Năm nhìn lại lần cuối: Mặt chữ Q vẫn thế tâm thành như lần ghé mắt ban sơ một thuở. Nhưng mà X thì ... chết chưa: X đổi rồi. *X đã hơi chao một cái.* Hai vạch cong cớn một chút gì đã như loã thể gái nằm

" X Đúng rồi, đấy bác ơ quên anh Nhà Xoay ai lại nhà Quay" Một giọng nữ lìm lịm ngọt đường phổi bên tai ông Năm. *X rướn tới một gang, căng lên cong cớn.*

II

Ra khỏi Nhà Trọ Costi một trận gió mát vồ lấy ông Năm, gió từ mạn sông Arno uà lên, vui như mở trận, ông Năm đứng ngây ra mà hít lấy hương gió chiều tối, đèn các cửa tiệm sáng trưng, đèn đường nhấp nháy ba chớp rồi đồng loạt sáng. Mấy ngôi sao lên sớm nhấp nháy xa xa . Không chừng đã muộn mất, ông Năm lục túi ngực áo tìm cái đồng hồ tròn có nắp của gia bảo xem giờ. 6 giờ 50 tối Chết thực, giấc ngủ ngắn chơi khăm mình nó kéo dài đã dư hơn ước định nửa tiếng. Cái đồng hồ hậu Nã Phá Luân lại không chuông báo. Điệu cái va li lên vai ông Năm rảo nhanh về hướng cầu Ponte S. Trinita . Những nhà Versace, Lada với Lombardi ... mannequin phơ phơi mời mọc mà mắt ông Năm thôi không dám ngó, cứ thế va li vác bước một mạch đi hết Via de Tornabuoni, bước lên cầu, qua sông.

Tháng Năm. Như thế là trở lại. Buổi chiều tối đầu xuân phơ phất chút ráng hồng như xưa trước. Hồng nhạt trước giờ. Giờ gì Lô Giang em hở ? Giờ gì đáo hạn yêu kiều ? Ông Năm với cái va li nhà họ Nguyễn thông thốc làm một vệt trên nền xanh của một bầu trời ráo tạnh. Màu nước Arno đã thẫm không thấy được hướng nào sông chảy . Sông nhỏ không thuyền bè. Ngó ngược lên cầu chợ Ponte Vecchio đèn vàng nhìn không ra hàng quán, đèn hắt xuống sông rần rện, chợt như có ai kêu . Rồi đột ngột lại vắng im thin thít. Đã hết cầu , rẽ phải,

ba mươi bước sãi, Via Coverelli, quẹo trái. Nhớ rồi, con lộ tối, hai bên nhà cổ không đèn đuốc, vẫn y như xưa . Ôi tối tăm mother-naked/ ageless-ancient, như câu thơ của C. Day-Lewis, Chuyến Bay Tới Ý. Cơn lạnh uà lên không dưng. Chiếc áo măng-tô đã xếp vào vali chẳng có mặt giúp người một hứng, đôi chân kẻ giữa đường thấy nặng, và mỏi, như người có tuổi mới nhận ra đầu hôm chân như sự thực ấy là tuổi tác đã đưa tay. May chưa kịp khụy thì cửa Nhà đã rành rành một cổng. Xoay Lưng vào hậu liêu của S. Spirito.

Nel Mezzo de Cammin. Tấm bảng đồng dưới nến điện. Ba bậc tầng cấp. Đèn hắt ra đường. Tấm màn nhung đỏ. Như sân khấu cựu tuồng. Quán Nửa Đường. Ông Năm tự cười với mình (ai nhìn hẳn thấy răng rồ dại)

- Ông Nguyễn - Xin gọi tôi là Năm - Ông Năm - Năm. Đúng thế. - Ông thực đúng giờ - Giờ đã hẹn - Tôi, Brunetto - Advocate Brunetto (Người có mặt đây ư, thẩm phán) - Không dám - Phòng số 5 - Phòng cũ - Ông từng trọ đây rồi ư ? - Chắc Brunetto không nhận ra chàng thanh niên thuở nọ bao lâu kia ? Ồ 25 năm - Than ôi, ông nói chơi hay là ông nói giỡn ? - Thực thế, chính xác 25 năm, có thể lẽ một ngày - Vì cô ấy ? - Cô nào ? Khách thuê xen kẽ với ông. Cô ấy chỉ rời vào đêm thứ sáu. Không thì ông đã có phòng từ hôm qua . Tôi nhắc lại nhé: chuyển phòng mỗi tối thứ sáu và trưa thứ hai . - Thứ sáu ... vì bắt đầu ồn lan vào từ Piazza - Ông biết cả thế à - Không, tôi có biết gì đâu. Chỉ... - Đúng thế, như xưa thôi, thanh niên thanh nữ vẫn tụ về piazza mỗi khuya sáu, bảy, và lắm khi còn lan qua chủ nhật. - Chật ních, vẫn, cả hiên San Spirito - Đúng thế. Thôi ông Năm cho vali lên phòng đi. Đây chìa khóa. - Lầu ba, tôi nhớ rồi , bên phải cầu thang. Thế, tôi xin chào Brunetto .

Uả, cái vali này là của ông Năm ? Brunetto nhíu mày nhìn cái vali, rồi có cái sự gì hơi vui, ông ta cười lửng, ngó trổng lên trần.

Brunetto nhớ chưa ? Vali đi trắng về màu ... Loanh khoanh lốm đốm Ấy: màu mai sau Ông Năm sổ thơ vần trong đầu, khi kéo vali, từng nấc một, lên cầu thang.

III

Một phần tư thế kỷ là một nửa đời con người ta chứ có giỡn đâu; leo lên ba vòng cầu thang, với cái vali đốm 25 kí lô, ông Năm thở dốc. Cửa đỏ, tay khóa men trắng, nằm trên ổ: phòng chờ. Khiếp, cái giây phút chờ được mở . Ông Năm đã toát mồ hôi vì ba vòng trèo lên, muốn đứng thêm tim vì giây phút đợi. Gõ. Cửa sẽ mở. (Mở rồi gì nữa, cửa ơi?). Căn phòng tối om. Ông Năm đứng lặng trong bóng tối (Ôi ngát

hương thời gian mùi thạch thảo, Apollinaire ơi). Tay lần mò cuối cùng cũng chạm được một công tắc điện. Phòng vẫn thế: một chiếc bàn nhỏ, kê sát cửa sổ, một tủ aó, một chiếc giường đơn, một tủ cao tầm như bàn giảng nhà thờ, một tủ kiếng thấp có những quyển sách xếp ngay ngắn. Ông Năm còn như đọc thấy tấm carte viết tay:

Galeotto fu il libro e chi lo scrisse: Quel giorno pìu non vi leggemmo avante .

Và ông còn thấy như in con người năm trước gọi là em; người đã dịch đôi câu thơ vẫn nọ ra thành một ngôn ngữ mà ông nghe được đại khái là: Ngày kẻ trung gian vừa là tác gỉa vừa là tác phẩm thì ngày ấy chúng ta bỏ sách, mất chẳng màng. Và rồi Ông Năm thực sự muốn khép mắt thực. Khép mươi giây để nghe những mệt mỏi chạy lân lan trong thân trong thể. Và để nghe lỡ hương thơm vẫn còn trong không khí hôm nay về. Ông khép mắt mà lại cười cái sự khép. Xưa tới đây hai mươi ai có cái vụ này nè trời ! Nhưng lạ, có để chứng minh duy thức học gì đâu mà quả: hương thơm tâm cảm bỗng dậy rần, mùi xưa da thịt cũng ngần ấy thôi, ông Năm chao đảo, bước tới cửa sổ, mở hai tấm cửa kiếng, cho gió mát lùa vào thong thả một trận, bớt ngộp vì hương không đâu. Tiếng nói cười từ dưới Piazza vang tới làm ông Năm cũng tĩnh trí bớt, vặn nhỏ ngọn đèn ông Năm thả người xuống mặt đệm. Trần nhà vẫn mênh mông, cao .

IV

Lâu lắm một giấc ngủ đầy, không mơ mộng nhớ, ông Năm thức dậy , trời đã ửng xanh trên mái dãy lầu đối diện.

Nằm đốt thuốc nghe im lặng của buổi sáng, có sự gì thiêng liêng. Ngôi sao mai nhấp nhánh. Như buổi sáng đầu tiên ở Roma 25 năm về trước khỏang này. Cuối tháng tư. Chuyến bay không hẹn. Vớt từ một lề đường Sài Gòn - trong nghĩa đen của chữ vớt. Lề đường chợ sách Lê Lai. Triều, áo trắng sinh viên Chủng Viện khoa khoa tay gọi. Ly bia mừng gặp, và mừng bạn sắp thụ phong. Rồi câu hỏi : Nếu bây giờ có chỗ bay ra, cậu đi không ? Năm từ Huế vào, chỗ sống còn ngặt, huống gì là được Bay

Nhanh gấp nhé ! Chúng ta đốt cháy Rome cận kề , giây phút phượng bay Trần truồng của mẹ, cổ sơ không tuổi Thức trong phục hưng nàng ngà ngọc đôi tay

Buổi sáng, Roma trước mặt, cháy, như một stanza ấy của C. Day-Lewis; nắng cháy, như hôm sau, trong sân nhà thờ Huyện Sĩ đầu tháng tư của một Sài Gòn căng thẳng. Triều trở lại, với người phụ tá Giám Mục một giọng nhỏ nhẹ bảo: đã ơn trên, anh có thể bay chuyến ấy,

với Triều. Nắng ngập đầy cả khuôn mặt của người linh mục trẻ. Nắng bóng đốm vạn hoa suốt một khuôn viên Huyện Sĩ. Ông Năm nhìn bạn mĩm cười : "Lạ quá mi. Sao lại ?". Rồi xoay đủ ba vòng, ngó lên thiên thanh, ông thốt: "Ôi sự chọn ! ". Người bạn trung học thời ở Phan Châu Trinh, Đà Nẵng, sắp tới trước mặt chúa nhận thụ phong, sẽ giữa lòng Roma, được bay thì đúng lý, còn anh sinh viên tên Năm, đi chùa cũng chẳng đi đạo cũng không, đang chân ướt chân ráo chạy loạn phương Nam, bất ngờ giờ thứ mười một, nơi thủ đô lánh nạn, rãnh rang, không việc gì, đi tìm mua mấy cuốn sách thơ và triết trên chợ sách cũ thì ở đâu mà được ơn ấy. Gõ, cửa sẽ mở. Ông buổi ấy chưa cả gõ. Chỉ khi đứng bên cạnh Triều trong nhà thờ San Pietro trước Pietà nhìn khuôn mặt Mẹ lặng lẽ ngó vào vết thương ngực phải của Jê Su, ông Năm mới bàng hoàng biết : phải thế

Căn phòng xanh ngập. Chim én bay cắt kêu như tiếng trẻ nít. Ông Năm bước lại cửa sổ. Những vệt nắng đầu đang dội xuống mảng tường phẳng phiu như một tấm drap xám. Cảm giác lại chông chênh. Ông Năm vin tay vào thành cửa, lui lại một bước. Trên chiếc tủ cao tầm ai đã đặt ở đấy một khuôn bố, và trước khuôn bố trắng: ba trái cam vàng rực, tròn đầy. Có lẽ nó đã có mặt ở đấy, từ đêm qua, trước khi ông mở cửa.

V

Khi trở lại phòng lần thứ nhì, cũng thứ sáu, ông Năm được tấm giấy của người thuê phòng xen kẽ.

Thưa ông, ông hỏi xem em có nhường lại cho ông khung bố ấy. Ông thực muốn sơn chồng lên tranh của người khác à. Ông đừng giận vì sự làm như đùa nghịch nhé. Quả nó là một bức tranh đã vẽ xong. Nhưng mà không sao hết đó ông ...

Ông Năm nhìn lại bức bố vẫn còn nguyên. Ba trái cam, vẫn nguyên phía trước khung bố.

VI

Suốt cả tuần lễ trong khi đi dạo hết những hang cùng ngõ ngách của Florence, hình ảnh của cô gái thuê phòng cứ ám ảnh ông Năm. Ông thấy buồn cười cho sự vụng về của mình, điều ấy không kể, nhưng câu chuyện đằng sau bức tranh cũng hay hay, tấm giấy lâu lâu ông lại giở ra đọc như lần dò một đồ bản hướng dẫn tham quan

.. Gọi nó là tranh cũng được mà không phải cũng xong Ông xem, có bao nhiêu thứ để vẽ trong thành phố đẹp đẽ này. Chắc ông cũng phác họa bao nhiêu là hình tượng trong đầu . Bao nhiêu nung nấu ?

Tranh tượng ở đây tràn ra khỏi viện bảo tàng, góc đường nào cũng tranh cũng tượng. Tràn ra cả trên những khuôn mặt người dân thành phố . Ôi những cô gái mang tên Muà Xuân, Sao Mai của B. Những cô gái rực rỡ như Beatrice của D . Tôi thấy được lòng say đắm nào đó ở ông, khi đòi vẽ lên khung tranh để lại, ồ nó khiến tôi nghĩ ông còn trẻ trung lắm, dù trong tấm carte ông bảo về lại căn phòng này sau 25 năm(?), tìm kiếm một hình ảnh cũ nào đó. Ồ sự tìm kiếm Tại sao chúng ta cứ mãi tìm kiếm hở ông ? Mẹ tôi cũng thế, có lẽ cả thế hệ của bà. Sự kiếm tìm như ăn chặt vào máu huyết của họ. Sự rồ dại, hoang dại, lãng mạn, đơn độc và điên loạn. Tôi tìm kiếm sự thanh thản. Trong im lặng thanh thản, tôi thấy lại mẹ tôi. Đúng thế, buổi chiều, một buổi chiều ở Bắc Ấn, tôi chạy trong căn vườn lát gạch. Và bà ngồi sửa soạn bữa cơm chiều, viết thư từ , đôi khi vẽ tranh, hay đan may. Tôi chạy vòng vòng quanh bà. Một buổi chiều cú chạy vòng ấy đã làm tôi chóng mặt (ông có bị chóng mặt khi bị chạy xoay vòng không ?) tôi té xuống, ngã dập đầu xuống sân. Lần đầu tiên thấy máu mình, ở trán. Và mẹ tôi chồm dậy. Trước tấm drap trắng đang phơi ngoài trời, bà như bay lên, sáng rực, đẹp đẽ lạ thường. Tôi được mẹ cho vào nằm trong căn phòng thờ, nhìn ra cửa. Cây cam ngay trước cửa sổ. Có thể với tay là hái được đấy ông. Ngay trước mắt tôi ba trái cam, tròn vàng chín, nằm ngay hàng. Sự ngay hàng thẳng thớm của chúng trong khung cửa ấy làm tôi nhớ mãi. Ông có biết một nhạc sĩ Nga có một tấu khúc : Tình yêu cho Ba Trái Cam không ?

VII

Bức tranh màu trắng, thực ra có ửng tông xanh (nếu nhìn kỹ) và ba trái cam ở lại trên chiếc tủ gần cửa sổ phòng số 5 trở thành một mạch nối kết giữa hai người thuê phòng. Mỗi tuần, ông Năm trở về lại căn phòng ba hôm từ tối thứ sáu, tới chiều thứ hai đầu tuần, thì lại ra một pensione khác. Cô gái người Ấn cuối tuần thì rời khỏi căn khách sạn nhỏ xoay lưng lại nhà thờ San Spirito như để trốn tiếng ồn dưới Piazza Spirito. Ông Năm về lại căn phòng số 5 cốt để tìm lại dư vị một khỏang thời gian 25 năm về trước, đã tới Florence, sau khi rời Roma. Ngày ấy ông không ở phòng số 5 đâu . Phòng số 5 là của một thiếu phụ người Nga, tên Anna. Nhưng mà ông Năm được phép gọi là Lô, tên gia đình vẫn gọi cô ấy từ nhỏ. Hai tuần lễ với Lô hay Anna thực là đẹp. Ông Năm và Anna như đôi bạn cũ bất ngờ tìm gặp được nhau trên một mảnh trời ngoại xứ xa lạ. Họ đi rong với nhau. Nhà thờ S. Spirito và S. Frediano cổ kính đơn sơ bên này tả ngạn Arno, rồi S. Croce, S. Marco, S. Lorenzo hay S. Maria del Fiore rực rỡ bên hữu ngạn. Vườn Boboli

bên tả, Viện bảo tàng Degli Uffizi tranh tượng Phục Hưng, Museo Marino Marini hiện đại, bên hữu. Piazzale Michelangelo bên tả. Piazza del Duomo bên hữu. Hai tuần ông Năm sống quên hết mọi chuyện, từ Triều và Roma của tuần lễ trước, cho tới lịch sử, chính trị, triết học: ông chỉ đi rong, với người thiếu phụ gốc Nga, tới từ đâu, và sẽ đi về đâu ông cũng chẳng hỏi. Câu hỏi của người thiếu nữ về tấu khúc gì đó mà ông chưa hề nghe không dưng khiến ông vấn vương nhớ lại người thiếu phụ ngày nọ, người đã nói với ông những câu rất hay, chẳng hạn : " Ồ chúng ta sẽ biến mất, nhanh lắm, trong cái Il gran rifiuto cuộc từ khước lớn kinh này ". Rồi lời nhắn nhủ của người ấy , ngày cuối của hai ngườiở Florence dạo nọ : "bạn thiết ơi, hãy vất bỏ hết mọi hy vọng, hãy gia nhập hàng ngũ những người bị thất lạc; chúng ta chỉ thế thôi."

Những ngày cuối, thứ lửa tình yêu nhóm cùng với nhựa muà xuân Florence 75 đã để lại một cái gì có thể gọi là tình yêu trái muộn (cuống lung lay). Ông Năm vẫn nhớ về cô gái tên Anna đã gặp, nhất là độ sau này, buổi làm như mỗi con người con kẻ sẽ phải hồi vấn đoạn đường chân mỏi đã băng ngang. Thường, khoảng nhớ rơi vào lúc chạng vạng tối; ông thấy cô (cô Anna cô không bao giờ già) đi trên những con đường, có lúc thì là một đường sát bờ sông một thành phố nào đó hướng ra cảng, màu trời xanh đậm thẫm, chỗ sắp chuyển giao cho bóng mực nhoè; có lúc con đường đã tối tăm, thành vách bảy trăm năm dư vôi vữa thời gian phủi trôi sắp hết. Người đi một mình và khi trở lại nhà hay ngồi xuống, với một cô con gái, hai mươi. Hai người trong một căn phòng rộng trần thiết ấm cúng, một bếp lửa củi reo. Căn phòng có những bức tranh màu nâu và màu lửa hỏa hoàng. Một thành phố nằm bên đông . Trong lần trao đổi thư với khách thuê lần tới ông Năm viết những điều ấy.

VIII

Ông Năm gởi theo tấm giấy với chút gì nôn nóng. Cả hai tuần trôi qua, hay có lẽ nhiều tuần, ông Năm không tính được. Khi đảm nhận phòng tuần cuối thì ông Năm nhận được lá thư của cô gái và tấm tranh bọc bên trong mấy lớp baó.

Ông, hồi tưởng và tưởng tượng qủa có đưa chúng ta lại gần nhau ông ạ . Tôi rất tiếc phải đi sớm hơn dự tính. Bồ Đào Nha hẹn cuối xa kia . Sớm hơn dự tính . Xin lỗi ông, ở cuối tuần trước hẳn ông đã đợi nơi tôi mấy giòng chữ, phải thế không ? Thực ra tôi có nói dối ông, rằng chỉ có mẹ tôi và những người trong thế hệ của bà mới kiếm tìm rồ dại ... Bản thân tôi... chuyến đi này là gì, nếu không nằm trong một kiếm,

một tìm, một trơ vơ bất định. Chuyến đi này đã ám ảnh tôi nhiều năm, sau ngày mẹ mất, lúc tôi mười sáu và mẹ chưa quá năm mươi. Mẹ vẫn nói với tôi về nơi lẽ ra tôi được sinh ra, một căn phòng trọ, một khách sạn, cách bờ sông một đoạn phố . Bà nói về cha tôi, người mà tôi chưa hề biết mặt. Chúng tôi sống ở Đề Li, sau ngày ông ngoại tôi, một thương gia Do Thái di cư từ Nga qua. Tưởng tượng thực kỳ thú. Cả tuần này em cũng nao nức cùng tưởng tượng. Coi nào biết đâu bức tranh này và lần gặp của chúng ta sẽ dẫn đưa tới một điều gì lành.

Em sẽ chờ ông; đúng 7 giờ tối , trong căn phòng giao chìa khoá, tối thứ sáu này. Ông nhớ cho nhé. Như thế ông nhé. Alana .

VIII

PER ME SI VA NELLA CITTÀ DOLENTE
PER ME SI VA NELL 'ETERNO DOLORE
PER ME SI VA TRA LA PERDUTA GENTE

Qua ta là ngõ đường vào phố thành buồn bã. Qua ta là ngõ đường vào khổ lụy thiên thu . Qua ta là ngõ đường gia nhập những người thất lạc .

Tấm bảng bước vào Đại Sảnh Đường rõ nét hơn hẳn trước. Ông già thẩm phán: vẫn chiếc áo đỏ, cũ màu, rách vá một vài nơi.

Khi được đưa tới sát gần bàn thẩm phán, ông Năm buột miệng muốn kêu lên: Ông ơi hãy tuyên án. Gấp giùm cho một án, ngài ơi .

Người thẩm phán già quá già, đôi mắt trắng, như mù hẳn, phong thái đứng và kéo cầu vai áo thì vẫn như xưa, không nói, chỉ nhìn ông, rồi bước lui vào bóng tối .

Căn phòng đại sảnh lạnh kinh hồn. Ông Năm nhìn về phía tiếng cười dạo nọ Không còn ai ở đấy. Mười hai bồi thẩm viên nam thanh nữ tú không biết đã lạc phương nào.

Rồi thì hai người lính gác mang quân phục đen kéo ông Năm xuống căn hầm tối mịt.

IX

Ấy là giấc mộng ngắn của ông Năm trước ngày rời Florence. Ông đã không gặp được người con gái tên Alana. Một ly rượu chiều quá chén ở một căn quán dọc đường đã khiến ông về muộn. Lấn lách hết đám thanh niên thanh nữ tay cầm bia, tay cầm thuốc, lọt vào tới Nel Mezzo del Cammin thì đã gần 8 giờ tối . Ông già Brunetto trao thư và tấm tranh trong giấy báo, nhìn ông Năm, thoáng gì như buồn bã lắc đầu. Ông Năm thấy già Brunetto lắc đầu thực . Ông Năm leo hết ba cầu thang, vào phòng, đọc ngốn lá thư, chạy xuống thì ông già đã đi

ngủ. Cửa chính vào Nhà đã khóa trái.

Ông Năm rủa mình. Rủa cái trớ trêu, sự sa đà không ngờ được ở quán eXotica khi chiều tối xuống. Căn hầm rượu cửa quỉ vào giờ mà căn quán trong hẽm Verra Rosa gọi là giờ Happy Hour đã giết chết một cuộc hẹn bất ngờ. Không có cú đi lạc vào hẽm ấy, ôi sự gì sẽ đã xảy ra ? Alana, hãy tha thứ. Một lỗi lầm quá lớn trong hàng trăm lỗi lầm ta đã phạm. Nhưng tuồng như đây là lỗi lầm lớn nhất của một anh già. Ông Năm vừa rủa xả mình, vừa xé lớp giấy báo.

Bức tranh chấm màu theo phong thái của thổ dân sa mạc Úc chỉ ba màu nâu, trắng và đen. Tấm thiếp gắn sau tranh đề hai chữ : Nhãn Để. Ông Năm nhìn lại chiếc vali của mình, cũng những chấm màu tròn ngày xưa Anna đã vẽ, những chấm trắng và đen trên thành da nâu một nửa mặt vali, đi đâu ấy cũng là mặt ông xoay vào trong.

Ông còn thấy, như in, khuôn mặt cười sáng tỏa cả căn phòng một đêm: "Vẽ một nửa thôi, tặng anh. Nửa kia, ai biết ? " Khuôn mặt của Anna. Của Alana. Của những thành phố ông đã lặn lội di qua, cùng họ.

* Chú thích của người viết truyện: Hai chữ *Nhãn để* trong truyện này tôi mượn từ câu thơ *Nhãn để phù vân khan thế sự* cuả Nguyễn Du . Khá nhiều chữ trong truyện này tôi đã mượn của Dante Alighieri (Divina Comedia), xin sẽ phân bua sau . Phần ông Năm: ông đã đổi vé máy bay, rời Nhà Xoay Lưng sớm hơn dự tính để đi Bồ Đào Nha, thay vì Anh Quốc. Đất Bồ cũng mênh mông, nhưng tôi, là một, cầu nguyện cho ông, ít ra, cũng vượt được giấc mộng sa hầm của ông .

THƯỜNG QUÁN
Dawn 3/7/2000

LÊ THỊ THẤM VÂN

Nhắc, nhủ nhau & một nơi chốn

gửi Nguyễn Hương

vai phải kề vai trái   nhả/nhập
tóc lưng chừng cổ-xương tựa 20 ngón tay móng cụt không màu
vạt tóc ve chai vớt chút điệu đà buông
                                        lơi   sao cứ lẫn vào đêm?
"chấm dứt. dứt điểm. thôi-đừng để
                                nhọc lòng ta nữa"
một nơi chốn
một nơi chốn
có không một nơi chốn
cần không một nơi chốn
ôi một nơi chốn
.....
đêm ngủ trên (một nơi chốn) chỉ 1/3 đời người
ngày lìa thân hai đứa chưa (kịp) có kinh
"cũng không thể được" (thở ra)
"rất phức tạp" (thở vào)
đứa cố khơi củi than sắp lụi tàn
đứa cố vặn dây đàn cứng lì ngày tháng

đưa người ta không đưa sang sông
sao có tiếng sóng trong lòng...
ta đợi em từ ba mươi năm

uổng hoa phong nhụy hoài trăng rằm...
của hai người đàn bà
một đã mủn xương một còn phải thở
40-50 năm mốc
mà vết thương thẹo (đây) còn sôi sục mủ

chẳng (cần) đeo nhẫn nhưng biết có cánh tay để bấu
níu mỗi khi đầu bung bụng thắt
violin-A. soccer-Q. tennis-hai đứa lớn
thực tại nhoài người theo kim nhẩy đồng hồ đếm đo trên xa lộ
trí tưởng sắp-đặt-xếp-để 24 chữ cái có những con dấu ngược chướng

khó cho lòng
trụ vào nơi không vách

.....
nắng 10 giờ phơi trên cánh máy bay sắt
nhắc nhủ: "những lần như thế này chỉ còn đếm được trên đầu ngón tay"
nhìn nhau: "thôi rán giữ bình yên, nhé"

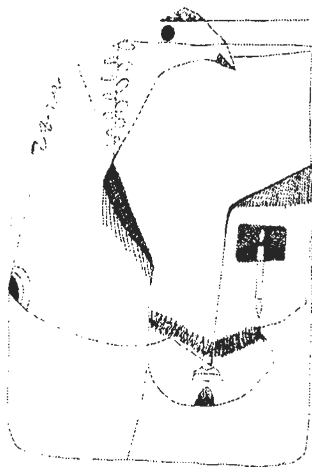
một nơi chốn
khuất
không tan
mãi mãi loang
(Ám)

LÊ THỊ THẤM VAÂN
một đêm tháng tư, 2000



PHÙNG NGUYỄN

Dựng truyện



"Nhà xoay lưng về đâu thì có quan hệ gì không?"

"Chắc là không. Tôi nghĩ rằng những người chủ trương muốn loạt truyện khởi đi từ một điểm chung. Trong trường hợp này, ba chữ 'Nhà xoay lưng' là điểm xuất phát."

"Điều kiện gì mà kỳ cục!" Người đàn bà nhướng một bên chân mày cùng lúc với câu nói.

Lúc này hai người đang ngồi ở chiếc bàn nhỏ trong một quán cà phê của phi cảng Fort Worth. Còn khoảng một tiếng đồng hồ nữa trước khi chúng tôi phải đáp chuyến bay kế tiếp đến Fort Lauderdale. Chuyến bay trước đó, cất cánh từ Orange County, khá trống trải và do đó tôi đã không gặp trở ngại nào khi xin phép người đàn bà cho mình được ngồi vào chiếc ghế trống cùng dãy cạnh cửa sổ. Rời mắt khỏi khung kính bầu dục xuyên qua đó tôi có thể nhìn thấy mặt biển xanh lấp lánh nắng, tôi quay lại hỏi người đàn bà có phải nơi đến là Dallas hay không.

"Tôi về Fort Lauderdale," người đàn bà trả lời. Tôi bảo người đàn bà là tôi cũng đến đó. Sau lời tiết lộ này, câu chuyện có vẻ như trở nên dễ dàng hơn. Khi chiếc máy bay rời phi đạo để quẹo vào con đường dẫn vào trạm vãng lai của phi trường Fort Worth, tôi quay qua hỏi người đàn bà, "Tôi có thể mời cô một ly nước được không?"

Người đàn bà càng lúc càng biểu lộ nỗi thích thú của mình về những điều có liên quan đến cái truyện ngắn tôi sắp viết ra. Trước đó tôi cho cô ta biết tôi là nhà văn. Chuyến đi này của tôi là một kết hợp giữa công việc và "nghiệp dĩ." Văn chương là nỗi đam mê không rời của tôi, tôi bảo người đàn bà, hy vọng cách sử dụng từ ngữ của mình sẽ gây một ấn tượng ở cô ta. Tôi không chỉ muốn tuân theo những qui định do nhóm đưa ra. Truyện mà tôi đang dàn dựng sẽ chạm đến những rung động vi tế nhất của tình cảm, và tôi muốn được sống thực với những tình cảm đó trước khi bắt tay vào truyện, tôi tiếp tục với giọng điệu của một nhà thơ tài hoa đang rao giảng trước đám cử tọa phàm tục về những điều nhân gian không thể hiểu!

"Truyện sẽ gồm có ba nhân vật chính, và chỉ ba mà thôi. Hai người khách thuê nhà và người chủ nhà."

"Còn điều kiện gì nữa không?" Người đàn bà chồm người tới, đôi khuỷu tay chống lên trên chiếc bàn tròn, ngước mắt lên nhìn.

"Còn chứ. Hai người mướn nhà không được gặp nhau trong suốt thời gian cả hai cùng mướn căn nhà. Điều này thực là đáng tiếc!" Tôi trả lời, thị tuyến rơi chậm chạp từ khuôn mặt xuống phần trũng ngực của người đàn bà. Lần này thì cả hai hàng chân mày cắt tỉa cẩn thận cùng nhướng lên.

"Tại sao lại đáng tiếc?"

"Bởi vì tôi nghĩ rằng mẫu người của cô vô cùng thích hợp trong vai người thuê nhà thứ hai của truyện. Chúng ta cùng thay phiên mướn chung một căn nhà, nhưng không được phép gặp nhau trong bất cứ tình huống nào. Cô thử tưởng tượng xem, hai người này sẽ không bao giờ gặp nhau, chỉ biết về nhau qua những dấu vết để lại trong căn nhà hoặc qua trung gian của người chủ. Liệu có thể một điều gì đó sẽ xảy ra giữa hai con người này hay không? Tìm cách mở cái 'gút' này không phải là một điều thú vị hay sao? Đáng tiếc là cô không còn hội đủ điều kiện. Chúng ta đã ở cạnh nhau trong chuyến bay vừa rồi và sẽ còn gặp nhau trong chuyến đi sắp tới."

"Thì có sao đâu? Ông có thể không nhắc đến chi tiết này trong truyện mà!"

"Tất nhiên là tôi có thể làm như vậy. Nhưng tôi muốn được sống trong không khí của truyện. Mọi gượng ép đều có thể làm hỏng đi công trình nghệ thuật này."

Người đàn bà có vẻ thất vọng. Rõ ràng là cái ý nghĩ trở thành nhân vật chính trong truyện của tôi đã làm cô ta thích thú. Gõ gõ mấy ngón tay lên chiếc bàn hình tròn, tôi nhăn trán suy nghĩ rồi lên tiếng:

"Cô có thể đóng vai chủ nhà. Nhân vật này rất quan trọng.

Truyện chỉ có thể thành công khi người chủ nhà thể hiện được cái vị trí 'bản lề' của mình, nghĩa là trở thành cái gạch nối không thể thiếu cho hai người kia. Trong ba nhân vật, chỉ có người chủ nhà có thể gặp gỡ hai người khách trọ bất cứ lúc nào."

"Vậy cũng được. " Người đàn bà có vẻ yên tâm.

"Phần còn lại là căn nhà để mướn, và nhân vật thứ ba. Chuyện này coi bộ không dễ đâu! Cô có thể giúp tôi tìm một căn nhà nào đó được không?"

Chuyện coi vậy mà lại không đến nỗi khó khăn cho lắm. Người đàn bà sẽ cho tôi mướn căn nhà nơi cô ta đang cư ngụ Nhân vật thứ ba là một người đàn ông; ông ấy hiện đang thuê một căn phòng ở đó. Nhân vật này chỉ có mặt trong căn nhà vào những ngày trong tuần, từ thứ Hai cho đến thứ Năm. Ông ấy rất bận vào những ngày cuối tuần, người đàn bà cho biết. Điều này xem ra thuận tiện cho tôi. Tôi có thể ở khách sạn vào những ngày làm việc, và chỉ về lại căn phòng của mình vào những ngày cuối tuần, bắt đầu từ chiều thứ Sáu và sẽ ra đi vào tối Chủ Nhật hoặc ngay cả sáng thứ Hai nếu cần.

"Tôi sẽ phải trả cho cô bao nhiêu cho hai tuần lễ?" Tôi hỏi, dự tính truyện sẽ hoàn tất trong thời gian này. Người đàn bà ngần ngừ một chút rồi nói ra một con số lớn gấp đôi giá thị trường. Tôi đoán cô ta chỉ nói bừa, hiếm khi có ai cho mướn nhà theo kiểu này. Tôi bảo là giá cả như vậy rất phải chăng, không cần phải bàn cãi gì nữa. Ngày hôm qua tôi đã rút ra một số tiền mặt khá lớn để dùng cho chuyến đi này.

Vào lúc người đàn bà đang hào hứng nói về những dự định của mình để sửa soạn căn phòng cho người khách mới, tôi xin lỗi cắt lời cô ta và bảo rằng còn một điều kiện vô cùng quan trọng mà tôi thấy cần thiết phải nêu ra trước khi cái "giao kèo làm ăn" này có thể được ký kết.

"Cái gì nữa?" Người đàn bà hỏi một cách lo lắng. Rõ ràng là cái khả năng trở thành một nhân vật tiểu thuyết và trong cùng một lúc có được món tiền trời ơi đất hỡi là một điều không dễ bỏ qua!

"Bọn chúng tôi đồng ý là phải có quan hệ tình cảm giữa chủ nhà và người khách." Tôi ngập ngừng một chút rồi tiếp với giọng ái ngại, "Lúc nãy tôi có nói tôi chỉ muốn cô đóng vai trò người mướn nhà kia, tôi thực không muốn xúc phạm đến cô."

"Đám nhà văn mấy người chỉ giỏi việc bày trò quái quỉ!" Người đàn bà nhăn mặt.

"Hay là thôi vậy, tôi nghĩ mình có thể tự tìm được một nơi khác."

Tôi nhìn sâu vào đôi mắt cô ta, vẻ thành khẩn. Tôi không biết chắc mình có hy vọng gì không.

"Nhưng chỉ thuần tình cảm thôi đấy nhé!" Người đàn bà ngước lên, vẻ dứt khoát.

"Nhất định là như vậy, chỉ thuần là tình cảm ... trong sáng." Tôi trả lời, mừng rỡ.

Chúng tôi không có dịp ngồi cạnh nhau trên chuyến bay về Fort Lauderdale, và điều này xem ra đã giúp cho người đàn bà bớt đi cái cảm giác không được tự nhiên trong khi trò chuyện với tôi. Bất kể cô ta đã nghĩ gì về cái vai trò phải đóng trong những ngày sắp tới, người đàn bà đã cười thực tươi với tôi khi chúng tôi chia tay nhau ở phi cảng. Còn cách nào thích hợp hơn để chia tay một nhà văn và đồng thời là người tình tương lai của mình?

*

Nhà xoay lưng lại một khu đất trống rào chắn cẩn thận. Có vẻ như người ta sẽ xây một khu chung cư mới ở đó. Căn nhà mà tôi sắp dọn vào gồm ba phòng, trên lầu. Căn phòng dành cho tôi ở cuối hành lang, phía bên trái, cùng dãy với căn phòng của người đàn ông, và ở giữa là phòng vệ sinh. Căn phòng lớn nhất thuộc về người đàn bà chủ nhà, chiếm gần hết chiều dài của phía đối diện. Như vậy, để vào phòng mình tôi phải đi ngang qua cửa của hai căn phòng kia.

Đồ đạc trong phòng không có gì nhiều, và hình như mới được sắp xếp hay mang vào sáng nay. Một vài dấu vết trên bức vách bên phải cho tôi biết một bức tranh hay một khung hình đã được tháo gỡ trước đó không lâu. Chiếc giường nhỏ và chăn nệm còn mới tinh, nhưng chiếc bàn giấy nhỏ cạnh cửa sổ thì lại quá cũ. Xem ra người đàn bà không muốn tiêu phí số tiền cho mướn nhà một cách bừa bãi. Một ông khách trọ vừa là nhà văn vừa rộng rãi trong chuyện tiền bạc không phải là điều mà người ta sẽ gặp thường xuyên!

Buổi chiều tôi đón taxi ra biển, lang thang trên những khu phố đông nghẹt những hàng quán, người ngợm. Tôi ghé vào một vài cửa hàng, săm soi những món đồ nho nhỏ, nghĩ bụng sẽ chọn mua một món gì đó cho Ngọc, bà chị dâu của tôi. Tôi bước ra khỏi những nơi đó tay không. Tôi sẽ trở lại đây ít nhất một lần trước khi về lại cái thành phố nằm ở bờ biển phía Tây. Vào lúc chập choạng tối, tôi đến ngồi ở chiếc bàn nhỏ làm bằng những cọng mây uốn cong của một tiệm ăn ở góc

đường Las Olas. Chiếc ghế tôi ngồi cũng làm bằng mây, nhưng phần tựa lưng là những sợi nylon xanh lục lẫn trắng bện vào nhau. Tôi gọi một chai bia, uống thong thả. Mặt biển đã sạm màu khi những ngọn đèn đường được thắp sáng. Từ chỗ ngồi, tôi có thể nhìn thấy những chùm sáng lập lòe phát ra từ những chiếc tàu lớn đang bỏ neo ngoài kia. Người ta đang sát phạt nhau trên những chiếc tàu đó. Luật của thành phố Fort Lauderdale nghiêm cấm cờ bạc, nhưng cánh tay của luật pháp không thể dài hơn ba dặm tính từ bờ biển. Xa hơn nữa là hải phận quốc tế. Ở đó người ta có thể làm được nhiều việc, kể cả việc mở sòng bài.

Ông khách trọ chung nhà với tôi đang ở trên một trong những con-tàu-sòng-bài đó, người đàn bà đã tiết lộ với tôi ngày hôm nay. Tôi dọn vào căn nhà của cô ta vào buổi trưa. Người đàn bà đưa ra nhận xét là tôi chẳng có đồ đạc gì hết. Tôi vỗ vỗ vào chiếc túi xách tay và bảo là mình có đủ những thứ cần dùng cho những ngày cuối tuần ở đây.

"Thế thì những ngày kia ông ở đâu?"

"Ở một khách sạn dưới phố."

"Ông không mướn xe để đi lại hay sao?"

"Không cần. Tôi thích đi taxi hơn." Tôi trả lời.

Tôi không có ý định cho người đàn bà biết nhiều về mình. Tôi cảm thấy hài lòng vì những câu trả lời vừa rồi không giúp cô ta biết thêm chút nào về tôi ngoài cái tên và cái "nghiệp dĩ" nhà văn mà tôi đã tiết lộ trước đây. Ngay sau đó, tôi chuyển hướng cuộc đối thoại về người khách trọ vắng mặt. Ông ấy cũng là một nhân vật quan trọng của truyện, và tôi cần một số chi tiết về ông để có thể xây dựng thành công nhân vật này, tôi bảo người đàn bà.

"Ông ấy làm việc trên một chiếc tàu vào những ngày cuối tuần..." người đàn bà bắt đầu một cách ngập ngừng.

"Ông ấy là thủy thủ?"

"Không, ông ấy làm việc cho sòng bài ở đó."

"Ông ấy có bà con bạn bè gì ở đây không?"

"Tôi không biết. Ông ấy đến từ một tiểu bang khác. Tôi chỉ biết như thế."

Tôi đưa mắt nhìn người đàn bà một cách lặng lẽ. Tôi chờ cô ta tiếp tục. Hơi nghiêng mặt đi để tránh ánh mắt của tôi, người đàn bà lên tiếng:

"Tôi gặp ông ấy trong sòng bài, lúc đó ông chỉ là khách thôi. Ông ấy thua sạch, trông rất tội nghiệp."

Tôi biết rất rõ cái cảm giác này, thua sạch! Tôi không nhớ đã có

ai tội nghiệp cho mình.

"Rồi cô mang ông ấy về cho tạm trú chứ gì?"

"Ông ấy thua lớn lắm. Ở sòng bài người ta cũng muốn giúp ông ấy, cho làm việc vào những ngày cuối tuần. Những ngày khác, ông ấy cần một chỗ để ở."

Câu chuyện lắng xuống một chút. Người đàn bà đột nhiên im lặng, vẻ bứt rứt. Tất nhiên là cô ta không cảm thấy dễ chịu. Không khí của cuộc đối thoại khô và lạnh như của một buổi thẩm vấn. Biết làm thế nào được, tôi không phải đến đây để chơi đùa!

"Giữa cô và ông ấy vẫn ... tốt đẹp cả chứ? Tôi muốn nói quan hệ giữa hai người." Tôi hỏi, vẻ khiêu khích. Tôi cần làm cho cô ta nổi giận. Nói cho đúng hơn, tôi cần một cái cớ. Và ngay tức khắc, tôi nghĩ mình đã thành công khi người đàn bà quay lại nhìn thẳng vào tôi, chân mày bên trái nhướng lên cao cùng lúc với giọng nói của cô ta:

"Quan hệ? Ý ông muốn nói gì? Không lẽ tôi phải có quan hệ tình cảm với tất cả các người mướn nhà hay sao?"

"Thực ra điều này không cần thiết. Một quan hệ thôi cũng đủ. Tôi chỉ hỏi vậy thôi mà!" Tôi trả lời với vẻ không nhượng bộ.

Người đàn bà xem ra hậm hực. Nhà văn các người chỉ giỏi vẽ rắn thêm chân, cô ta nhận xét. Đây là lần thứ hai người đàn bà đưa ta một nhận định như vậy về những người viết lách. Tôi nghĩ đến mấy tên đã bày vẽ ra cái vụ "truyện ngắn có điều kiện" và cảm thấy có chỗ đồng ý với cô ta. Ý nghĩ này khiến tôi buồn cười. Tất nhiên người đàn bà không biết là tôi đang cảm thấy buồn cười. Cô ta đang giận tôi.

*

Uống cạn chai bia thứ hai, tôi đưa mắt nhìn những đốm sáng lung linh ngoài khơi một lần nữa rồi đứng dậy bỏ đi vào một tiệm bách hóa gần đó. Tôi cho rằng mình có thể và nên kết thúc câu chuyện một cách chóng vánh. Tôi về đến căn nhà trọ vào lúc mười một giờ đêm. Tôi vào phòng mình, sửa soạn thật nhanh rồi đến gõ cửa phòng người đàn bà. Vệt sáng phía dưới cánh cửa và tiếng nhạc vọng ra từ đó cho tôi biết cô ta còn thức. Ánh mắt người đàn bà rời khỏi đóa hồng màu đỏ trong tay tôi và đậu lại ở một nơi nào đó trên bức vách sau lưng tôi. Xem ra cô ta vẫn còn giận.

"Thay cho lời xin lỗi. Lẽ ra tôi không nên sỗ sàng như thế." Tôi giải thích.

Người đàn bà cười nhỏ, chỉ vào chiếc túi giấy ở đó thò ra cổ chai rượu vang, hỏi:

"Thế còn cái kia để làm gì?"

"Để bắt đầu một kỷ niệm dịu dàng và khó quên," tôi trả lời, nghiêng mình bước qua khung cửa vừa được người đàn bà mở rộng.

Tôi đưa mắt quan sát căn phòng thực nhanh, không phải để ghi nhớ. Có một chiếc bàn tròn nhỏ và hai chiếc ghế nệm đặt ở góc phòng, cạnh cửa sổ. Chai rượu vang và hai chiếc ly nhỏ được lấy ra đặt lên bàn, và cái túi giấy được gấp lại cẩn thận trước khi người đàn bà có thể nhìn thấy món dụng cụ điện tử xinh xắn nằm bên trong. Khi chúng tôi cùng ngồi xuống ở chiếc bàn, người đàn bà hỏi tôi đã làm gì suốt buổi chiều hôm nay.

"Đi lang thang ở bờ biển," tôi trả lời.

"Có phải nhà văn các anh thường đi tìm cảm hứng ở những nơi như vậy?"

Người đàn bà hỏi tiếp. Tôi bảo cô ta là đôi khi cũng có như vậy thực, nhưng nguồn cảm hứng của truyện tôi đang khai triển chính là ở nơi đây, trong căn phòng ấm áp này, vào giây phút này. Câu chuyện ngưng lại một chút rồi tiếp tục, lần này người đàn bà hỏi về những công trình nghệ thuật của tôi. "Tôi dự định cho in một tập truyện ngắn vào cuối năm, và sau đó sẽ lao đầu vào một dự án mới. Tôi hy vọng mình sẽ hoàn tất một cuốn tiểu thuyết trong vòng hai năm sắp tới." Tôi lại cảm thấy buồn cười, truyện ngắn, truyện dài, và còn gì nữa? Một tập thơ, nên chăng?

Khi ly rượu vang thứ ba của mỗi người sắp cạn, tôi bảo người đàn bà là có thể tôi sẽ không trở lại vào cuối tuần tới.

"Tại sao vậy?" Người đàn bà hỏi.

"Tôi cảm thấy mình đã có tạm đủ dữ kiện để viết. Hơn nữa, cái ý nghĩ cô phải miễn cưỡng đóng vai tình nhân của tôi trong vòng hai tuần lễ làm tôi cảm thấy bất an. Tôi nghĩ rằng mình đã đòi hỏi nhiều quá ở một người đáng mến như cô..."

"Nhưng giữa chúng ta đã có gì đâu? Ông đã bảo..." Người đàn bà ngập ngừng.

"Đúng vậy. Cái mắt xích cuối cùng để liên kết các tình tiết lại với nhau vẫn chưa có. Nếu như cô có thể cho tôi một cảm xúc đẹp đẽ nào đó..." Tôi dừng lại, không giấu được vẻ lúng túng.

"Như là gì?" Người đàn bà hỏi, một bên chân mày nhướng lên, nghịch ngợm.

"Một chiếc hôn, chẳng hạn."

Chiếc hôn mềm và có vị chua của rượu nho. Chiếc hôn thứ hai ấm áp và bớt chua. Chiếc hôn thứ ba đầy ắp mùi da thịt nồng nàn tỏa

ra từ cơ thể người đàn bà. Tôi ngưng đếm những chiếc hôn sau đó. Những tiếng kêu nhỏ thoát ra từ miệng cô ta giữa những hơi thở gấp gáp khi chúng tôi quấn vào nhau trên vuông thảm mềm cạnh chiếc bàn nhỏ. Người đàn bà bám chặt vào tôi như một con trăn gió, cơ thể căng lên như cánh cung rồi chùng xuống từng hồi. Những tiếng kêu vô nghĩa từ miệng cô ta phát ra càng lúc càng tăng dần cường độ, cho đến khi cả căn phòng như bị chao nghiêng đi bởi ngọn sóng nhục cảm. Tôi lịm đi sau đó, đầu óc chông chênh như thể đang ở trên một con tàu giữa cơn bão lớn. Tự dưng tôi nghĩ đến những con-tàu-sòng-bài và ông khách trọ vắng mặt.

*

Khi người đàn bà trở dậy và bước vào phòng tắm, tôi thu dọn quần áo và chiếc túi giấy đi về phòng mình. Tôi trằn trọc một lúc rồi ngủ thiếp đi, và chỉ thức giấc khi có tiếng gõ cửa. Khi tôi lên tiếng trả lời, người đàn bà bảo tôi là cô ta sẽ chờ tôi ở phòng khách. "Tôi có việc cần nói với ông," cô ta giải thích, giọng lạnh lẽo. Tôi bước xuống phòng khách, ngồi đối diện nhìn người đàn bà ăn mặc trang nhã và đang giận dữ. Chỉ mới đêm hôm qua cô ta còn quấn chặt lấy tôi như con bạch tuộc quấn mồi!

"Ông đã không giữ lời hứa! Bây giờ làm sao tôi dám nhìn mặt ông ấy."

"Ông ấy?"

Tất nhiên tôi biết "ông ấy" là người khách trọ vắng mặt. Người đàn bà nhìn tôi, vẻ trách móc.

"Ông ấy yêu tôi lắm. Đi làm xong về quanh quẩn bên tôi, kể từ dạo đó."

"Tôi không biết ông ấy là chồng cô. Tôi thực không biết ..." Tôi lắp bắp.

"Chúng tôi chưa hề là vợ chồng. Ông ấy cứ đi đi về về như khách trọ. Như một kẻ đào vong. Chỉ có tôi là bạn của ông ấy. "

"Nếu biết chuyện xảy ra đêm qua, ông ấy có thể chết được!" Người đàn bà tiếp, giọng ướt sũng.

Tôi thực muốn tin là người ta có thể chết đi vì một điều như thế. Cũng như Ngọc, chị dâu của tôi, đã chết héo khô từ ngày ông anh tôi bỏ đi biệt dạng. Người đàn bà chỉ vào chiếc phong bì nhỏ màu trắng vẫn nằm trên chiếc bàn cà phê tự nãy giờ, bảo:

"Tôi trả lại ông tiền. Tôi muốn ông rời khỏi đây trong ngày hôm nay. Sẽ không còn vết tích nào của ông trong căn nhà này khi ông ấy

trở về ngày mai."

"Tôi thực ân hận. Nếu tôi biết sự thể như vậy..."

Tôi không có dịp nói hết câu. Người đàn bà bỗng dưng nổi giận trở lại.

"Nếu ông biết thì sao? Liệu ông sẽ dừng lại ở nơi nên dừng lại? Đám nhà văn mấy người chỉ được cái nói huyên thiên và dối như cuội!"

Chỉ dối như cuội thôi sao? Nếu người đàn bà biết được tôi phải trả một giá cắt cổ để được đi cùng chuyến bay với cô ta từ Orange County về Forth Lauderdale qua ngã Dallas. Nếu cô ta biết được cái gì trong chiếc túi giấy tôi đã mang vào phòng cô ta đêm hôm qua. Nếu cô ta biết được những gì tôi sẽ làm vào ngày mai. Tất nhiên là tôi không bao giờ tiết lộ với cô ta những điều như thế. Tôi móc túi lấy ra xâu chìa khóa đặt lên bàn và lặng lẽ quay đi.

"Còn số tiền này nữa. Tôi không muốn gì của ông hết!"

Tôi quay lại cầm lấy cái phong bì nhét vào túi. Sẽ có chỗ dùng sau này, tôi nghĩ thầm.

Tôi rời căn nhà trọ mười lăm phút sau đó. Người đàn bà đã quay về phòng của mình. Tôi không có dịp chào từ biệt cô ta, và cũng không mong sẽ gặp lại. Nhưng tôi sẽ trở lại chốn này ngày mai, trước khi ông khách vắng mặt xuất hiện và sau khi người đàn bà chủ nhà đã đi làm. Tôi có một bộ chìa khóa giống hệt như bộ tôi đã bỏ lại ở chiếc bàn cà phê trước đó.

*

Tôi trở lại ngôi nhà của người đàn bà vào lúc mười giờ sáng ngày thứ Hai. Băng qua căn phòng khách vắng tanh, tôi bước lên cầu thang và dừng lại ở khung cửa căn phòng dành cho người khách trọ vắng mặt. Treo chiếc phong bì màu vàng khổ lớn lên nắm đấm cửa, tôi lùi lại ngắm nghía. Tên của người nhận và người gởi được viết thực lớn và tô đậm để ông ấy có thể đọc được ngay cả khi chưa lên hết cầu thang. Tôi biết chắc ông ấy sẽ mở phong bì ngay sau khi nhìn thấy nó. Ở phần người gởi, tôi đã để tên thật của mình. Trong chiếc phong bì là một tấm hình chụp hai người đàn ông trẻ đang quàng vai nhau tươi cười. Hình chụp vào ngày ra trường của tôi cách đây năm năm. Ngoài ra, còn một phong bì nhỏ trong đó đựng số tiền mướn nhà mà người đàn bà đã trả lại cho tôi đêm qua. Tôi không nghĩ ông ấy thực sự cần đến nó, nhưng nếu ông ấy muốn, số tiền nhỏ này sẽ đủ trang trải phí

tổn cho chuyến đi về phía Tây, ở đó có một người đang chờ ông. Tôi đã ngần ngừ khá lâu trước khi kèm theo món tiền này trong số đồ vật tôi dự định gởi cho ông. Tôi không chắc mình có thực sự muốn ông ấy thực hiện một chuyến đi như vậy hay không. Vật cuối cùng trong cái phong bì màu vàng là chiếc máy ghi âm nhỏ xíu hiệu Olympic tôi mang theo trong chuyến đi. Đêm qua, chiếc máy ghi âm đã được mang vào phòng người đàn bà chủ nhà cùng với chai rượu vang và hai chiếc ly nhỏ.

Tôi rời căn nhà mười phút sau đó. Tôi có thể quanh quẩn ở đây thêm một chút nữa, thậm chí có thể ở lại trong căn nhà để gặp gỡ ông khách trọ vắng mặt. Nhưng đó chính là điều tôi không muốn xảy ra, không phải vì điều này vi phạm một trong những qui định dành cho loạt truyện ngắn bắt đầu với ba chữ "nhà xoay lưng" mà chính vì một điều khác. Trong những điều kiện đặt ra cho loạt truyện ngắn quái quỉ này, chẳng có điều nào đề cập đến quan hệ tình cảm giữa khách trọ và chủ nhà. Điều kiện này chỉ áp dụng cho những người ở trọ, ông khách vắng mặt và tôi. Tôi không có gì phải lo lắng về mặt này. Giữa ông ta và tôi luôn có một quan hệ tình cảm sâu sắc. Chính là điều này đã khiến tôi không muốn gặp mặt ông ấy. Tôi có thể sẽ không kiểm soát được phản ứng của mình, sẽ chạy lên lầu, giật tung chiếc phong bì màu vàng trong có tấm hình ông quàng vai tôi tươi cười liệng bỏ đi trước khi ông kịp nhìn thấy. Và như vậy, mục đích của chuyến đi Fort Lauderdale của tôi sẽ hỏng bét. Và Ngọc sẽ tiếp tục chết mòn mỏi héo hon. Và tôi thì không còn chịu đựng nỗi điều này! Tôi nhìn căn nhà một lần cuối rồi quay lưng bước ra đường, nơi chiếc taxi màu vàng đang nổ máy chờ. Tôi bảo người tài xế đưa tôi ra phía biển. Tôi còn phải mua cho Ngọc một chút quà trước khi leo lên máy bay để về lại cái thành phố nằm ở bờ biển phía Tây.

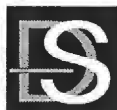
*

Ngọc gọi điện thoại cho tôi vào buổi tối, bốn mươi tám tiếng đồng hồ sau khi tôi trở về. "Anh ấy mất rồi!" Giọng của Ngọc ráo hoảnh. Có vẻ như Ngọc đang báo tin cho tôi về cái chết của chính mình. Vào buổi tối, ông ấy xuất hiện ở một trong những con-tàu-sòng-bài ngoài khơi Fort Lauderdale. Trong vòng ba tiếng đồng hồ, ông ấy thắng liên tục và làm chủ một số tiền lớn. Ông cho người chia bài một món tiền "tip" vừa đủ để cô ta sẽ còn nhắc đến tên ông trong vòng ba mươi ngày sắp đến, và rời sòng bạc. Ông đi lên sân thượng, ở đó ông

buộc mình vào một trong những chậu hoa lớn đặt dọc lan can boong tàu và ôm chậu hoa nhảy xuống biển. Phải mất hơn bốn tiếng đồng hồ trước khi người ta tìm thấy xác ông. Không có dấu vết gì của chiếc phong bì ông nhận được vào buổi trưa hôm đó. Ông đã cẩn thận xóa bỏ mọi dấu vết có thể dẫn đến sự can dự của tôi vào cái chết tình nguyện của ông. Vật duy nhất người ta tìm thấy là chiếc hộp đựng số tiền được bạc của ông kèm với mảnh giấy có tên Ngọc với đầy đủ địa chỉ và số điện thoại. “Hãy tha lỗi cho tôi,” tờ giấy viết như thế.

Ngọc sẽ đi Fort Lauderdale vào buổi sáng ngày mai. Tôi sẽ đến đón và đưa Ngọc ra phi trường. Nhất định tôi sẽ ôm lấy Ngọc và nói nhỏ với Ngọc lời tạm biệt. Tôi sẽ cố gắng để không ôm Ngọc quá chặt. Tôi sẽ cố gắng để không nói với Ngọc là tôi luôn yêu Ngọc, từ lúc chúng tôi còn là bạn học và ngay cả sau này khi Ngọc trở thành chị dâu của tôi. Tôi sẽ cố gắng để không nói với Ngọc về cảm giác của mình khi nhìn thấy Ngọc chết dần mòn từng ngày kể từ khi ông ấy bỏ Ngọc ra di biệt mù tăm tích. Tôi sẽ cố gắng để không nói với Ngọc là chính vì Ngọc chứ không phải vì sự thách thức của cái loạt truyện quái quỉ “có điều kiện” kia đã khiến tôi thực hiện cuộc hành trình mấy hôm trước đó. Và tôi sẽ cố gắng để không nói với Ngọc là tôi sẽ không cho phép bất cứ ai làm Ngọc đau lòng. Tôi sẽ nói với Ngọc tất cả những điều trên rất lâu sau khi Ngọc trở lại cùng chiếc quan tài bằng kẽm đựng xác ông ấy. Nhưng tôi sẽ không bao giờ nói với Ngọc là một người đàn bà đã có lần bảo tôi người ta có thể chết được vì một nỗi thương tâm. Ngọc không nên biết điều này.

PHÙNG NGUYỄN
tháng sáu, 2000



HOÀNG KHOA KHÔI

Đọc và bình luận Giọt nước trong biển cả của Hoàng Văn Hoan



LTS: *Bài viết rất công phu của cụ Hoàng Khoa Khôi do nhà văn Phan Thị Trọng Tuyến dịch, là một tư liệu quí về mặt lịch sử, thiết tưởng, bất cứ người Việt Nam nào cũng cần đọc.*

Tuy nhiên, vì bài viết quá dài, không thể đăng trọn, Hợp Lưu buộc phải chia làm nhiều kỳ.

Chân thành xin lỗi tác giả, dịch giả và độc giả.

HỢP LƯU

1. Tóm lược cuốn sách Giọt nước trong biển cả của Hoàng văn Hoan

Giọt nước trong biển cả là tên quyển Hồi kí mới ra đời * của Hoàng Văn Hoan (HVH), (1987 *Hồi kí, tập 1*, không ghi nhà xuất bản và giá bán). Năm 1979, ông li khai khỏi đảng Cộng Sản Việt Nam (CSVN), trốn sang Bắc Kinh tị nạn, tại đây ông đã công khai ra mặt chống lại ban lãnh đạo đảng mình.

HVH không phải là kẻ tầm thường. Vốn là bạn đồng hành của

Hồ Chí Minh ngay từ những giờ phút đầu tiên, ông đã lần lượt có mặt ở những địa điểm then chốt của cuộc Cách mạng Đông Dương như Xiêm, Trung Quốc, Việt Nam. Nhân viên trong Bộ Chính trị từ 1956 đến 1976, ông giữ một địa vị quan trọng trong ban lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam. Khiêm nhượng thật hay giả vờ khiêm nhượng, ông tự ví mình như ***giọt nước trong biển cả*** của phong trào cách mạng mà ông đã tham gia từ hơn năm mươi năm nay.

Tác phẩm của ông lí thú trên nhiều phương diện. Ông cho chúng ta rất nhiều dữ kiện về sự thành lập các nhóm cách mạng Việt Nam đầu tiên tại Xiêm và Trung Quốc trong những năm 1920 và 1930. Ông tiết lộ bí mật về chính sách của Đảng Cộng Sản Việt Nam và mối dây liên hệ giữa đảng này với Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Màn bí mật vén lên, soi rọi vào một số bóng tối trên đường đi - lắm lúc ngoắt ngoéo - của Đảng CSVN, một đảng đầy mưu mô xảo quyệt và đã từng che giấu lịch sử vào hạng tột bậc. Nhưng chúng ta sẽ không để bị mắc lừa. Những gì tác giả kể lại chỉ là phần nổi của băng sơn. Chúng ta không quên rằng tác giả được đào tạo từ lò Staline và vẫn là một tín đồ tuyệt đối trung thành và kiên trì của chủ nghĩa Staline trong địa hạt lí thuyết cũng như trong hành động. Nhưng đây là một quyển sách đáng đọc, chỉ cần ta cảnh giác và giữ vẹn óc phê bình.

Trong quyển hồi kí, HVH dùng thẳng đại danh từ ngôi thứ nhất chứ không như Hồ Chí Minh, nói về mình nhưng lại dùng đại danh từ ngôi thứ ba. HVH ôn lại những kỉ niệm của chính mình và trái hẳn với Hồ Chí Minh, ông viết như một nhà văn thật sự có tài. Những bài thơ của ông có một giá trị khác hẳn "thơ Bác"[1]. Nhưng ông không bao giờ bỏ lỡ dịp trích dẫn Hồ Chí Minh mà ông coi là bậc thiên tài về văn chương cũng như chính trị.

Hành trình của một người trí thức trẻ tuổi

HVH sinh năm 1905, tại làng Quỳnh Đôi, tỉnh Nghệ An, trong một gia đình cựu Nho nghèo. Quanh năm cha ông đi đến những tỉnh phía Bắc hành nghề ông đồ dạy chữ Hán, Tết mới về đôi tuần, mẹ ông vay nợ mua tơ lụa gánh đi bán các chợ xa nên vắng nhà cả ngày. Tuổi thơ ông trôi nổi giữa ông ngoại và hai người bác, dượng là những người lãnh phần nuôi dạy ông. Ông học chữ Hán đến năm 14 tuổi và thú nhận rằng "*tôi học không lấy gì làm thông minh, chỉ được chút ưu điểm là viết chữ tốt và đọc sách rành mạch* "(tr.4). Năm 1919, vì các khoa thi cũ bị bãi bỏ, cha ông cho ông vào học trường Pháp-Việt. Năm

1923, ông ra trường với bằng Sơ học Pháp Việt nhưng không nộp đơn thi vào trường Quốc học. Cha ông buộc ông nộp đơn xin thi vào Quốc tử Giám' (trường đào tạo các quan lại tương lai cho Pháp và triều đình Huế) nhưng đơn không được nhận vì thiếu lo lót (-tr.14-). Sau đó ông thi vào trường Sư phạm Nam Định, nhưng bị hỏng, rốt cục chỉ còn một cách để sống là dạy chữ quốc ngữ cho trẻ em trường tư. Đường tương lai này rồi ra cũng bị bít lối. Từ 1929, các tư thục phải xin phép mới được mở cửa dạy. Trường làng nơi ông dạy bị giấy quan huyện gửi về bắt đóng cửa, thế là, như đa số người trẻ thời bấy giờ, HVH rơi vào tình trạng bế tắc. Về sau, ông xin thi tuyển vào sở Hoả Xa và sau khi thi đỗ, được bổ về ga Phủ Diễn "*tập sự ký ga làm thu vé, bán vé và đánh điện báo*" (tr. 24). Một việc làm vừa không vừa ý lại chẳng có tương lai gì. Cuối cùng HVH xin thôi việc.

Trong chương thứ nhất, tác giả kể rõ các chi tiết thời tuổi trẻ của mình, gặp trăm nghìn khó khăn của buổi giao thời. Chính sách mới thay cho một thời phong kiến vừa tàn. Thay đổi và lựa chọn không phải là chuyện dễ. Khác với Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp đã chọn theo học nền văn hoá Pháp, HVH cũng như Hồ Chí Minh là người thuộc thế hệ xưa, lúc bấy giờ là những nhà Nho nửa vời. Hành trình "*dẫn tới con đường cách mạng*" của ông cũng giống như đường đi của một số người có học vào thời ấy. Với vài khác biệt nhỏ, đường đi của ông giống như đường đi của Hồ Chí Minh, người mà ông tôn thờ, nêu làm gương mẫu và không ngừng trích dẫn trong suốt quyển hồi kí này.

Theo tác giả, điểm khởi đầu đưa ông vào con đường cách mạng là khi ông biết có một nhóm người Việt ái quốc hoạt động cách mạng ở Trung Quốc. Rồi từ việc thực dân bắt giữ Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh đến những tác phẩm văn chương của hai sĩ phu yêu nước này, lời kêu gọi đấu tranh, các ý tưởng cách mạng từ hải ngoại chuyển về nước, tất cả đã thúc đẩy HVH vùng dậy, quyết chí đấu tranh cho đất nước được độc lập. Đến lúc ấy, ông chỉ có một ý nghĩ là xuất dương tìm đến những người cách mạng. "Không có gì quí hơn độc lập, tự do" khẩu hiệu của Hồ Chí Minh đưa ra về sau này có thể coi như của chính ông vào lúc ấy. Độc lập là mục tiêu tối thượng. Tự do sẽ từ độc lập mà ra, tự do nghĩa là tự do sống trong một nước không còn bị ngoại bang chiếm đóng[2]

Năm 1926, HVH bắt liên lạc được với "anh giáo Lập" là cán bộ cách mạng bí mật trong đảng Thanh Niên[3] đang chuẩn bị đưa người sang TQ. Mùa thu năm đó, ông từ giả quê hương và cha mẹ, lấy cớ lên đường đi tìm việc làm (tr.27). Thế là ông dấn thân vào cuộc phiêu lưu lớn bên cạnh những đồng bào mà ông chưa rõ tính danh cũng như dự

định thật sự của họ.

Tại Quảng Đông, HVH gặp anh Vương, tức Nguyễn Ái Quốc, tức Hồ Chí Minh sau này. Đây là cuộc khám phá lớn lao. Cho đến lúc bấy giờ, HVH không biết gì về chủ nghĩa cộng sản. Nhờ Hồ Chí Minh, ông biết rằng cuộc đấu tranh giành độc lập sẽ được xem như cuộc đấu tranh của phong trào cộng sản thế giới do Đệ Tam Quốc tế lãnh đạo. Lẽ ra phải chính thức vào trường võ bị Hoàng Phố, của chính phủ Quốc Dân Đảng Trung Quốc (QDĐTQ), ông được chỉ định theo học lớp huấn luyện chính trị do Vương, đại biểu Đông phương của Quốc tế Cộng sản (Đệ Tam Quốc tế) chủ trì . Một chi tiết quan trọng là các giảng viên, trừ Hồ Chí Minh, đều là người Trung Quốc, trong số này có Lưu Thiếu Kỳ, về sau trở thành Chủ tịch nước Cộng hoà Dân chủ Trung Quốc. Các bài học được Hồ Tùng Mậu, Tản Anh và Lâm Đức Thụ dịch sang tiếng Việt, đôi khi Hồ Chí Minh dịch. Chương trình học gồm ba phần : *Cách mạng Thế giới, Cách mạng Việt Nam* và *Phương pháp vận động và tuyên truyền cách mạng.*

Về *Cách mạng Thế giới*, giảng viên chú ý phân tích sự khác nhau giữa Cách mạng vô sản Nga với Cách mạng tư sản Tây phương do tư sản và tiểu tư sản lãnh đạo. Về Cách mạng Việt Nam, giảng viên nhấn mạnh rằng công nông là lực lượng chủ yếu để đánh đổ thực dân và phong kiến. Đường lối chính trị của Phan Bội Châu, với chủ trương phò Cường Để và chính sách bất bạo động của Gandhi cũng được phân tích và phê phán là không thích hợp và không tưởng. Về *Phương pháp vận động và tuyên truyền*, chính Peng Pai (Bình Bái), người lãnh đạo phong trào nông dân (*nông hội*) TQ và Lưu Thiếu Kỳ, lãnh đạo phong trào công đoàn (*công hội*) của đảng CSTQ, đảm nhận phần giảng dạy. Sau mỗi bài giảng là phần thảo luận, cho đến khi nào tất cả các học viên đều "thấm nhuần" phần chủ yếu ("*nắm vững toàn bài* " tr.30). Địa điểm lớp học là số 5 đường Nhân Hưng Cai ở Canton (Quảng Châu). Khoảng hai tháng sau, lớp học kết thúc, các học viên được dẫn đến trước mộ Phạm Hồng Thái[4] để làm lễ tuyên thệ và được kết nạp vào đảng Thanh Niên (tiếng gọi tắt của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí hội). Trở thành cán bộ, HVH liền được bố trí về nước hoạt động.

Mùa xuân 1928 đánh dấu sự mở đầu cho cuộc đời chính trị của ông.Theo lệnh cuả Kỳ Uỷ Trung Kỳ, ông mở cuộc vận động phong trào chống đối việc tàn sát người cộng sản ở Trung Quốc. Ông tổ chức rải truyền đơn kêu gọi người Hoa nổi dậy chống Tưởng Giới Thạch và chống sự đàn áp người cộng sản Việt Nam tại Quảng Châu. Vì trong cuộc đàn áp này, Tưởng đã bắt giam Hồ Tùng Mậu và một số

cán bộ cách mạng VN.

HVH và hai đồng chí rải truyền đơn ở Vinh, một trong hai người này bị mật thám bắt. Thế là hoạt động bí mật cuả HVH bị lộ. (Tr.34)

Bị lùng bắt, ông được gửi đi trốn tại Xiêm (Thái Lan) và ở lại bên ấy từ 1928 đến 1935.

Hoạt động cuả phong trào Thanh Niên tại Xiêm.

Chương thứ hai của quyển hồi ký
nói về hoạt động của HVH ở Xiêm.
Tại đây ông gặp lại một số đồng chí
bạn học cũ với ông ở Quảng Châu ngày trước.

Xiêm là đất nước đặc biệt thích ứng cho các hoạt động cuả người cách mạng Việt Nam và cũng là nơi ẩn náu của những cán bộ, đảng viên bị mật thám thuộc địa truy lùng. Sau khi phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh bị thất bại, hàng trăm chiến sĩ chạy sang Xiêm trốn. Đây cũng là nơi đảng Thanh Niên đào tạo cán bộ và chiến sĩ . Tóm lại, Xiêm là một hậu cứ giống như hậu cứ thứ nhất ở TQ. Nhờ vậy mà sau cuộc khủng bố tàn khốc của nhà cầm quyền thuộc địa Pháp ngay trước Thế chiến thứ hai, Hồ Chí Minh đã cứu vãn được thành phần cốt cán chủ yếu, trong khi đó, những người Đệ Tứ trốt kít Việt Nam, sau cuộc khủng bố này đã hoàn toàn bị tiêu diệt. (Chú thích của người viết)

Tại Xiêm, khi HVH đến, thì hội Thanh Niên, thành lập từ 1925, đã vững chắc. Trên một tổng số 30.000 người, hội lãnh đạo hai đoàn thể : Hội Hợp tác và Hội Việt kiều Thân ái . Hội Hợp tác, khoảng một trăm hội viên có sứ mạng trở thành chiến sĩ của Thanh Niên. Hội Việt kiều Thân ái, có tính chất mở rộng hơn, gồm tất cả người Việt của cộng đồng, không phân biệt tôn giáo và chính kiến. Tại các nơi đông đảo, hội này có thêm các bộ phận khác như Hội Phụ Nữ, Hội Thanh niên, Hội Thiếu niên.

Sinh hoạt của Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí hội tại Xiêm rất đa dạng : xuất bản báo chí, mở lớp học cho thanh thiếu niên, tổ chức những buổi diễn thuyết và thảo luận chính trị, tổ chức các lễ kỷ niệm có tính cách yêu nước và diễn kịch. Ngoài hoạt động chính trị, Hội còn tổ chức đưa cán bộ từ trong nước qua Xiêm hoặc TQ, để tiếp tục hoạt động cách mạng hay học chính trị. Năm 1927, Phân bộ Thanh Niên ở Xiêm đã gửi người qua Lào để thành lập Chi hội Thanh Niên tại Vientane và đặt cơ sở giao thông liên lạc giữa các thị trấn Lào. Hội đã thiết lập được một đường dây liên hệ bí mật giữa Xiêm và Việt Nam . Sách báo đủ loại in ấn ở Xiêm đã được đưa về Việt Nam, gây

được tiếng vang đáng kể, đến nỗi đảng quốc gia Việt Nam Quốc Dân đảng (VNQDĐ) đã tìm liên lạc với Thanh Niên. Vẫn theo HVH, mùa xuân năm 1928, hai năm trước khi có cuộc khởi nghĩa Yên Bái, VNQDĐ gửi ba đại biểu sang Xiêm (Nguyễn Ngọc Sơn, Hồ Văn Mịch và Nguyễn Văn Tiềm) yêu cầu Thanh Niên giúp khí giới để về nước chuẩn bị cuộc nổi dậy. Phái đoàn đại biểu được Thanh Niên tiếp đón thân mật nhưng từ chối giúp khí giới. Khi về nước ba người đại biểu này đều bị bắt và khai thật với mật thám. Trong hai năm 1928 và 1929, Thanh Niên và các Hội trong phong trào

*"trên đà phát triển tốt. Đó là nhờ sự đóng góp của nhiều người kể từ những bậc tiền bối như Phan Bội Châu, Đặng Tử Kính cho đến những thanh niên mới từ trong nước ra và những em nhỏ (...) nhưng người có công lao to lớn nhất về việc xây dựng cơ sở Việt kiều lâu dài ở Xiêm thì phải nói là **Đặng Thúc Hứa**, mà kiều bào đã quen gọi với một tên rất tôn kính và trìu mến là "Cố Đi" hay "Thầy Đi"* (tr47)

HVH đã dành tám trang để nói về Đặng Thúc Hứa, một nhân vật đặc sắc và phi thường. Rời Việt Nam năm 1908, đến Xiêm 1909, năm 1910 Đặng Thúc Hứa gặp Phan Bội Châu và cùng Phan Bội Châu xây dựng cơ sở một tổ chức chính trị giữa cộng đồng người Việt ở Xiêm. Được gọi là Thầy Đi hay Cố Đi vì ông chuyên đi bộ từ nơi này sang nơi khác, bất kỳ chỗ nào dù hẻo lánh nhưng hễ có đông người Việt là ông đến hô hào thương yêu, tập hợp tổ chức, đoàn kết, không quên nguồn gốc, và luôn nhớ lấy nỗi nhục mất nước. Từ đó ông giúp họ xây dựng và đấu tranh. Cùng với bạn bè, ông đã gây dựng được một số cơ sở và đường dây liên lạc khắp nước Xiêm . Chi hội Thanh Niên lúc đó đã thừa hưởng thành quả cuả nhóm Tâm Tâm xã do Lê Hồng Phong, Phạm Hồng Thái thành lập tại Xiêm từ năm 1923. Cố Đi qua đời vì bệnh vào năm 1931, thọ 61 tuổi.

Với cái tên Vương, Hồ Chí Minh được Đông Phương cục của Đệ Tam Quốc Tế gửi qua Xiêm công tác hai lần. Lần đầu từ tháng 8 năm 1928 đến tháng 9 năm 1929, lần thứ nhì tháng 3 đến tháng 4 năm 1930, lúc đó ông 38 tuổi.

Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí hội tại Xiêm đổi thành Đảng Cộng Sản Xiêm.

Trong lần công tác thứ nhất ở Xiêm, Hồ Chí Minh đề nghị hợp pháp hoá một số hoạt động của Thanh Niên như việc xin phép mở trường dạy học ở Noỏng Búa. Được phép của nhà cầm quyền Xiêm,

các đoàn viên đã góp công góp của xây cất cơ sở trường này.

Hồ Chí Minh với sự cộng tác của HVH đã dịch quyển *Duy vật sử quan* (Le Matérialisme Historique[5]) và *ABC của chủ nghĩa cộng sản*[6], ông Hồ đã đổi tựa đề cuả quyển thứ nhất thành *Lịch sử tiến hoá của loài người.* Các dịch giả chủ ý tóm tắt và giữ các ý chính chứ không dịch sát nghĩa. Điều đáng lưu ý là họ sử dụng bản dịch Trung Quốc chứ không dùng các bản dịch tiếng Pháp như về sau này. Óc thực tiễn và sự khôn khéo tài tình của Hồ Chí Minh thường được HVH ca ngợi và nhắc nhở. Một giai thoại khá tiêu biểu được HVH kể lại như sau : Đến U Đon và Xa Côn, nhận thấy một số gia đình người Việt thờ phụng Đức Thánh Trần và hay cầu cúng, lên đồng để xin tàn hương nước thải chữa bệnh, xua đuổi ma tà v..v... Bác Hồ bèn soạn bài ca nhắc nhở, kể rõ tính danh đức Thánh Trần, và ca ngợi lòng yêu nước của ngài. Đức Thánh Trần chính là anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo đã đánh đuổi quân Nguyên. Đọc bài thơ, người ta nhận thấy rằng sự mê tín dị đoan không bị bài trừ mà được sử dụng như công cụ tuyên truyền chính trị (tr. 59). Theo HVH, nhờ thế mà các *đệ tử* cuả đức Thánh Trần trở thành *đệ tử* cuả Hội Thân Hữu, do Thanh Niên lãnh đạo.

Ông còn kể lại một chuyện bên lề khác với một sự khâm phục chẳng kém : được giao trách nhiệm thảo một bức thư gửi nhà cầm quyền TQ trước khi cùng các đồng chí (ở vùng dân tộc thiểu số VN mới sang TQ) trở về Việt Nam, HVH đưa bản nháp cho Hồ Chí Minh duyệt. "Bác Hồ" bôi xoá vài chữ và thêm vào vài chữ khác. HVH lấy làm lạ vì như vậy dù nội dung thư không thay đổi, nhưng văn pháp thì sai. "Bác Hồ" mới trả lời ông rằng :

"Chú chỉ biết viết thư là viết thư, chứ chưa biết chính trị. Người Việt Nam ở vùng dân tộc viết chữ Trung Quốc thế nào mà đúng văn pháp được. Viết sai như vậy họ mới tin là anh em viết. " (tr.140)

HVH kết luận : "*Việc tuy nhỏ nhưng đối với tôi là một bài học rất sâu sắc về công tác quần chúng và công tác thực tế.*"

Cũng trong lúc ở Xiêm lần thứ nhất này, Hồ Chí Minh hay tin đảng Thanh Niên , trong Đại hội Việt NamThanh Niên Cách Mạng Đồng Chí hội nhóm họp ở Hương Cảng (tháng 5/1929) đã chia rẽ thành hai nhóm : nhóm Quốc Anh (tức Trần Văn Cung) và Kim Tôn bỏ đại hội về lập *đảng Cộng Sản.* Nhóm kia bèn biểu quyết khai trừ nhóm Quốc Anh không chờ ý kiến *đồng chí Vương* (tr.60).

Hồ Chí Minh quyết định rời Xiêm đi hỏi ý kiến Đông Phương cục của Quốc tế Cộng sản.

Tháng 9/1929 được uỷ quyền hành động của Quốc tế Cộng

sản, ông Hồ tổ chức hội nghị thống nhất các khuynh hướng tại Hương Cảng. Nhờ vậy, đảng Cộng Sản Việt Nam, do hai đảng Cộng Sản An Nam và đảng Cộng Sản Đông Dương hợp lại, ra đời ngày 3/2/1930.

Hai nhiệm vụ của "*đồng chí Vương* "khi đến Xiêm lần thứ hai là :

1) Báo cáo về sự thống nhất thành công cuả các nhóm cộng sản (Thanh Niên) Việt Nam

2) Đổi Phân bộ Xiêm của đảng Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí hội ra đảng Cộng Sản Xiêm

HVH kể lại rằng, vừa đến Xiêm, Hồ Chí Minh bắt liên lạc ngay với những người cộng sản Trung Quốc ở Bangkok và Tỉnh ủy đảng Thanh Niên Việt Nam tại U đon để thông báo tình hình về việc thống nhất các đảng cộng sản Việt Nam và truyền đạt tinh thần Quốc tế Cộng sản về việc thành lập đảng Cộng sản Xiêm (tr.60) Hồ Chí Minh giải thích :

" *người cộng sản cư trú ở nước nào sẽ tham gia hoạt động vào sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản nước đó* (...) *Và những người Việt ở Xiêm cũng có trách nhiệm giúp đỡ nhân dân bị áp bức, bốc lột Xiêm làm cách mạng* (...) *Người cộng sản không chỉ lo sự nghiệp cách mạng của nước mình, mà phải góp phần vào công cuộc cách mạng của giai cấp vô sản trên toàn thế giới* " (tr.62).

Theo HVH, khi nghe từ nay nước Việt Nam có đảng CS, những người có mặt rất vui mừng phấn khởi nhưng thắc mắc đặt câu hỏi vì sao họ không được vào đảng này (tr.62). Vài điều lo ngại khác như : trở thành đảng viên đảng CS Xiêm như vậy họ sẽ không còn góp phần vào cách mạng Việt Nam, họ sẽ tách rời cộng đồng người Việt và sẽ chịu sự khủng bố của chính phủ Xiêm; hơn nữa không dễ dàng hoạt động chính trị khi họ không biết nói tiếng Xiêm. Thật vậy, Phân bộ Xiêm của đảng Thanh Niên đều là người Việt và người Hoa. Làm sao tranh đấu và tranh đấu thay cho người Thái trong đất nước của người Thái ? Nhưng trước uy quyền và hào quang cuả Quốc tế Cộng sản và Hồ Chí Minh, những thắc mắc cùng lo ngại mau chóng lùi bước, mọi sự trở lại bình thường. Đề nghị chuyển đổi thành đảng CS Xiêm được tuyệt đại đa số các đồng chí cốt cán phấn khởi chấp nhận (tr.63) HVH cho biết ông hoàn toàn ủng hộ đường hướng mới này và thấy chiến thuật của bác Hồ thật tài tình.

Hội nghị do HCM chủ trì họp ở Bangkok ngày 20/4/1930, tuyên bố thành lập đảng CS Xiêm. Vẫn theo HVH, đảng này, từ lúc mới thành lập cho đến sau này, không hề có cương lĩnh, điều lệ lẫn chương trình (tr.69).

Sau thành tích độc nhất vô nhị này của phong trào cộng sản, Hồ Chí Minh đi Mã Lai Á để "*giúp các đồng chí ở đó thành lập đảng cộng Sản Mã Lai* "(tr.64).

Hai công tác được đảng CS Xiêm triển khai là:

1) *Tuyên truyền vận động dân chúng Xiêm* chống chính phủ.

2) *Viện trợ cách mạng Đông Dương.*

Chỉ công tác thứ hai mới có hiệu quả, còn mục tiêu thứ nhất quá "mơ hồ" vì khi đại biểu Quốc tế Cộng sản đi rồi, không có chỉ thị hành động (tr.90) . Do đó từ 1930 đến 1934, đảng CS Xiêm trở thành một tổ chức chỉ có hoạt động độc nhất là viện trợ cho cách mạng Đông Dương. HVH, từ Tỉnh Uỷ của U đon được cử sang Bangkok làm việc trong Xiêm Uỷ.

Đảng Cộng Sản Xiêm trước sự đàn áp của chính phủ Xiêm

Khi chuyển sang đảng CS Xiêm, các đảng viên Hoa-Việt của Phân bộ Thanh Niên phải đổi lấy tên Xiêm và học tiếng Xiêm. Đối với HVH, vốn có khiếu học ngoại ngữ, chuyện học này không thành vấn đề (ông nói thành thạo tiếng Xiêm và TQ) nhưng đối với các đảng viên còn lại thì khác. Thật vậy, cho đến lúc bấy giờ, chuyện ở Xiêm, đối với họ, chỉ có tính cách tạm thời, nên việc học tiếng Xiêm đã không được xem là quan trọng. Nhưng khó khăn nhất trước mắt lúc ấy chính là chuyện đối phó với sự khủng bố của nhà cầm quyền Xiêm.

Đối với nhà cầm quyền Xiêm, " *bọn cộng sản* " chỉ có thể là người Hoa và người Việt. Cảnh sát Xiêm đem theo những truyền đơn cộng sản (nhiều khi do chính họ làm ra hay lượm được ở ngoài đường phố) ngang nhiên xông vào nhà cuả người Việt hoặc người Hoa để bắt giam, càng ngày càng nhiều.

Cộng đồng người Việt ở tại vài thành phố bị thiệt thòi hơn cộng đồng người Hoa vốn đông hơn (hơn một triệu người tại Bangkok) và khó kiểm soát hơn (nên người cộng sản có thể trà trộn vào dễ dàng).

Trước tình thế này, HVH đã đặt câu hỏi : *Nếu cứ làm thế này mãi, mỗi lần phát truyền đơn lại bị bắt bớ dần mòn, rồi sẽ đi tới đâu ? (...) Nếu đương cục cứ thẳng tay khủng bố thì chắc chắn cơ sở dễ bị tan rã* (tr.76)

Những câu hỏi này ám ảnh ông trong nhiều năm.Trong khi đó báo chí của Ban chỉ huy ở nước ngoài của đảng tại Hương Cảng lại "*nêu cao tinh thần đấu tranh không khoan nhượng*" (tr.76). HVH đọc trong báo Bolchevik ấn bản Hương Cảng gửi qua Xiêm năm 1934, một

bài tố cáo " *bọn hữu khuynh lùi bước trước tình hình* " . Tháng 5/1934, gặp lúc *đồng chí Tăng đầu bạc* sửa soạn đi Hương Cảng họp hội nghị mở rộng của ban chỉ huy đảng CS Đông Dương, Hoan nói với Tăng điều thắc mắc này và đề nghị trình bày với lãnh đạo đảng. Nhưng khi trở lại Bangkok, Tăng cũng nói như báo Bolchevik và còn nói thêm *"còn một người, còn đấu tranh* " (tr.77). Dĩ nhiên HVH thấy vấn đề nghiêm trọng nhưng không bao giờ ông có ý định đặt lại đường lối của Quốc tế Cộng sản và Hồ Chí Minh. HVH nghĩ rằng có lẽ lỗi do Tăng đã báo cáo quá "lạc quan", nghĩa là "sai lạc" về tình hình Xiêm cho Quốc tế Cộng sản.

Và ông mong muốn gặp lãnh đạo tại TQ để hiểu rõ thêm về vấn đề này. Năm 1935, lấy lý do đi TQ "*chữa bệnh đau đầu*", HVH gặp Hà Huy Tập tại Nam Kinh khi đó ông "*mới trực tiếp trình bày được đầy đủ* " (tr.77). Phần báo cáo này có thể tóm tắt như sau :

Đảng CS Xiêm thành lập năm 1930 chỉ gồm người Hoa với người Việt, riêng người Xiêm : "*không có mấy*". "*Các đồng chí người Hoa không có cơ sở cũng như ảnh hưởng trong dân chúng. Chỉ có người Việt, mới có chút ảnh hưởng* "(...). Còn trong cộng đồng người Việt khoảng ba vạn người, chỉ có vài nghìn người ở trong tổ chức cộng sản hoặc là cảm tình viên cộng sản. Ngày trước, người cộng sản có thể tổ chức lễ hội, sinh nhật vào dịp Cách mạng tháng mười Nga hay ngày lao động quốc tế mùng 1 tháng 5. Họ có thể phát truyền đơn, cổ động phát triển đảng. Bây giờ, nếu làm như vậy, họ sẽ lập tức bị đàn áp hay bị bắt thật nhiều như trường hợp ở Phi Chịt (trung Xiêm). Và nếu tiếp tục như thế, các cơ sở cán bộ cũng như cảm tình viên sẽ "*không thể bảo toàn* ", thì khi đó " *sự cống hiến đối với cách mạng Xiêm sẽ giảm đi , mà công tác viện trợ cách mạng Đông Dương cũng sẽ bị ảnh hưởng không thể lường hết được* " (tr.93-94)

Báo cáo xong, về sau HVH không nhắc đến chuyện này nữa nên độc giả không biết ông có được đảng trả lời hay không.

Khi HVH sửa soạn trở về Xiêm thì hay tin mọi liên lạc với xứ này đều bị gián đoạn. Quả thật, lúc đó cuộc khủng bố người cộng sản của nhà cầm quyền Xiêm đang lên đến cực điểm, các cơ sở cộng sản hay thân cộng sản đều bị giải tán, hàng trăm đảng viên và cảm tình viên bị bắt giam (tr.114-117). Trước tình thế này, HVH buộc lòng phải ở lại TQ cho đến năm 1942, nghĩa là 8 năm.

Thời kỳ này có rất nhiều biến cố và sự kiện lịch sử quan trọng : HVH kể lại trong chương thứ ba, một trong những chương quan trọng

nhất của quyển hồi ký, liên quan đến khoảng thời gian trước khi Việt Minh lên nắm chính quyền ở Việt Nam năm 1945.

Tình hình các tổ chức người Việt Nam tại Trung Quốc.

Trong chương ba, HVH phân tích tỉ mỉ về tình trạng người Việt di cư tại TQ cũng như sự tranh giành ảnh hưởng giữa các tổ chức chính trị. Đất TQ thời ấy là nơi gặp gỡ cuả Việt kiều thuộc mọi khuynh hướng chính trị, từ quốc gia đến cộng sản, kể cả trốt kít Đệ Tứ. Từ năm này sang năm khác, mỗi lúc một đông những người Việt trốn khủng bố, đến đây tiếp tục cuộc tranh đấu. Ban đầu, với số đông và nhờ sự giúp đỡ của Quốc Dân đảng Trung Quốc, các đảng phái quốc gia như Việt Quốc, Việt Cách, Phục Quốc v..v..tạo nên lực lượng quan trọng nhất. Nhưng dần dần, người cộng sản lật ngược tình thế nhờ ở cách cài người tài tình và tổ chức vững chắc. Nhưng yếu tố quyết định sau cùng là việc họ có cán bộ trung kiên hoạt động từ lâu tại quốc nội, điều mà các đảng phái khác không có.

Các lực lượng đảng phái quốc gia chủ yếu là các cựu đảng viên VNQDĐ, Việt Cách và những người sang TQ để cầu sự giúp đỡ của Trung Hoa Quốc Dân đảng. Nói về Việt Quốc, HVH viết :

" Năm 1930, sau khi cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại, Vũ Hồng Khanh lại từ trong nước chạy ra, nhập bọn với Nguyễn Thế Nghiệp. Được sự cho phép ngầm của đế quốc Pháp, và sự "giúp đỡ" của đương cục Trung Quốc, chúng đã tổ chức Việt Nam Quốc Dân đảng, dựa vào một số lưu manh làm cốt cán để uy hiếp và lừa dối quần chúng " (tr.124)

Nhân vật nổi tiếng nhất của Việt Quốc là Nguyễn Hải Thần, một người quốc gia đã cao tuổi ở đất TQ từ lâu. Ông rất ngờ vực người cộng sản và được lòng Trung Hoa Quốc Dân đảng. HVH mô tả ông như một người rất mờ nhạt, thiếu khả năng phân tích chính trị, dễ bị hoàn cảnh lôi cuốn, sao cũng được miễn là tên mình còn đứng đầu danh sách. Cho nên, người cộng sản thường dàn xếp, mỗi khi có dịp, để ông ta làm "chủ tịch" những tổ chức do họ thành lập hay tham dự. Năm 1941, khi Nguyễn Hải Thần được nhà cầm quyền Trung Hoa đẩy ra làm chủ tịch Việt Cách, theo HVH, chính là để tạo điều kiện chuẩn bị cho kế hoạch *Hoa quân nhập Việt*.

HVH còn nhắc đến một đảng phái quốc gia khác, đảng Phục Quốc và nhóm Trương Bội Công.

Đảng Phục Quốc tuyên bố kế thừa phong trào cuả Cường Để, là một tổ chức thân Nhật. Có khoảng năm trăm đảng viên, thành phần

phức tạp và không có khuynh hướng chính trị gì cả. Khi bị Nhật bỏ rơi và Pháp truy nã, họ chạy trốn sang TQ và được Trung Hoa Quốc Dân đảng giúp đỡ.

Riêng nhóm Trương Bội Công thì khác hẳn, do chính quân đội Trung Hoa Quốc Dân đảng thành lập và Trương Bội Công (là người Việt) tự xưng là thiếu tướng chỉ huy quân đoàn này.

Lực lượng quân sự người cộng sản VN lúc ấy khoảng sáu mươi người (*anh em Việt minh*, tr.178). Nếu ở Xiêm, lực lượng cộng sản đông hơn và hoàn toàn thuộc về Thanh Niên (đảng Cộng Sản) thì ở TQ họ hành động dưới danh nghĩa Viêt Minh. HVH và đồng chí mang khá nhiều nhãn hiệu : khi thì là Việt Minh, đoàn thể "ma" do chính họ thành lập, khi thì núp sau những tổ chức của các đảng phái quốc gia. **Trong bí mật, họ hoạt động dưới quyền điều khiển của Ban hải ngoại thuộc Đông Phương cục của Đệ Tam Quốc Tế.**

Bên cạnh các tổ chức quốc gia và cộng sản này, HVH nhắc đến một nhóm Đệ Tứ bằng những lời lẽ như sau :

" *Ngoài Vũ Hồng Khanh và Nghiêm Kế Tổ ra, còn có một nhóm tờ-rốt-kít độ ba bốn tên, cầm đầu là một anh có trình độ văn hoá, biết nặn tượng, chịu ảnh hưởng của Tạ Thu Thâu khá sâu, hay nói lý luận có vẻ cách mạng, có thể đánh lừa một số quần chúng. Hắn tuyên truyền vận động kiều bào xuống đường chống Pháp và đòi đương cục Trung Quốc giảm thuế. Hắn đi vận động đến đâu cũng bị ta đả thẳng cánh, âm mưu không thực hiện được và hoàn toàn bị cô lập.* "(tr.128)

Xin lưu ý, khác với Hồ Chí Minh, HVH không dùng những từ ngữ vu khống "gián điệp" "tay sai đế quốc" để chỉ người trotskistes[7].

Xem tiếp kỳ sau

HOÀNG KHOA KHÔI

(PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN *dịch*)



PHẠM VIỆT CƯỜNG phụ trách

Sinh hoạt văn học nghệ thuật



Con tàu văn học Âu châu 2000

103 nhà văn, 43 quốc gia, 98 tiếng nói, 46 ngày, 7000 cây số đường sắt, 19 thành phố, 13 biên giới quốc gia... hợp thành một hiện tượng văn học vô cùng đặc biệt của năm 2000.

Từ 4 tháng 6 đến 16 tháng 7 năm nay, hơn 100 ngòi bút của 43 quốc gia âu châu đã làm sống lại cuộc hành trình của một trong những con tàu cám dỗ nhất của thời đại huy hoàng, Express Nord- Sud (Tốc hành Bắc – Nam), đi từ Lisbonne, qua các thành phố Madrid, Bordeaux, Paris, Bruxelles, Lille, Dortmund, Hanovre, Malbork, Kaliningrad, Vilnius, Riga, Tallinn, Saint-Pétersbourg, Moscou, Minsk, Brest, Varsovie để tới Berlin.

Trong 6 tuần lễ này, các nhà văn có mặt đặt ra nhiều câu hỏi như : Âu châu sẽ xây dựng một ngôi nhà văn hoá chung hay lại là một tháp Babel mới? Những khác biệt văn hoá vốn là sự giàu có của Âu châu sẽ đi về đâu? Trí thức và nghệ sĩ có thể hay phải làm gì để ổn định không gian dân chủ của cái khối gọi là ''Âu Châu''?

Họ đem theo trong hành lý những tác phẩm đã được dịch ra nhiều thứ tiếng. Dân chúng ở những nơi kể trên đều được mời đến khám phá con tàu hiện tượng này, với sự hướng dẫn của những người mang sứ mệnh văn học của toàn thể âu châu. Tại mỗi thành phố trong số 19 nơi tàu ngừng lại, các nhà văn thăm viếng địa phương ấy, trao đổi với giới văn học nghệ thuật, với quần chúng và tham dự những

buổi đọc sách, gặp gỡ, thảo luận và trình diễn nghệ thuật. Qua đó họ thu lượm những hiểu biết cụ thể về Âu châu với nền văn hoá rất đa dạng.

Con tàu Văn Học 2000 đã theo đúng lộ trình của chuyến tàu huyền thoại Tốc hành Bắc-Nam, do một ngân hàng gia người Bỉ : Georges Nagelmackers tưởng tượng ra cách đây gần một thế kỷ, với mục đích nối liền Bồ Đào Nha và nước Nga. Nhưng sự hiện hữu của Express Nord - Sud thật ngắn ngủi, đã bị chấm dứt bởi hai cuộc thế chiến và từ khi Âu châu bị chia thành hai khối. Để đánh dấu năm 2000, Thomas Wohlfahrt, giám đốc của LiteraturWERKstatt ở thành phố Berlin, đã có sáng kiến tạo ra con Tàu Văn Học. Những bài viết trong cuộc hành trình của tất cả các văn sĩ sẽ được ghi chép vào một cuốn lưu niệm, sẽ dịch ra tiếng của những nước tham dự và phát hành trên thế giới.

Cuốn tiểu thuyết tình dục gây xì-căng-đan ở Do Thái

Với 40 tuổi và một khuôn mặt rất Modigliani, Zeruya Shalev, thi sĩ, vợ nhà văn và là người mẹ có hai con, đã cho ra đời cuốn tiểu thuyết tựa đề ''Đời sống yêu đương''* cô đọng tất cả những điều cấm kị: cái chết, loạn luân, hôn nhân, tình dục. Đã được dịch ra ở Đức, Ý, Hoa Kỳ và Pháp, cuốn truyện là tiểu thuyết ''nóng'' nhất, chưa từng xuất hiện ở Do Thái. Nếu nó được giới trẻ xứ này nhiệt liệt tán thưởng thì ngược lại đã gây sốc rất mạnh nơi những người nhiều tuổi.

Ông bố của Zeruya Shalev, một nhà phê bình văn học nổi tiếng, đã không đọc nổi những đoạn quá đầy nhục dục. Nhưng ông cũng công nhận con gái mình đã có một văn phong rất đẹp, lôi cuốn và mới lạ. Giới văn học ngoại quốc đã so sánh cô với Céline hay José Saramago (giải Nobel năm 1998).

Trong ''Đời sống yêu đương'', Zeryua đã dựng lên cả một nỗi đam mê ám ảnh của một người đàn bà trẻ dành trọn cho người bạn của cha mình, một lão già đồi bại và bất thường. Bắt đầu bằng những vuốt ve trong phòng thử quần áo, rồi đến trong toilette của một căn phòng bệnh viện mà vợ lão đang chờ chết. Cuốn truyện cũng nói lên những phản bội, chán chường của tình vợ chồng, pha trộn tính đa cảm ngô nghê với sự vô liêm sỉ sống sượng nhất. Vì thế, không lạ gì khi tác

---

* *Bản Pháp ngữ: Vie amoureuse, Sylvie Cohen dịch từ tiếng Do Thái, nxb Gallimard (Paris).*

phẩm của Zeruya Shalev, một cú đấm văn chương thẳng thừng vào giới chủ trương thanh khiết, đã gây chấn động và tai tiếng ồn ào ở Do Thái nhưng đồng thời đem lại thành công vẻ vang cho nhà văn này.

** Bản Pháp ngữ: Vie amoureuse, Sylvie Cohen dịch từ tiếng Do Thái, nxb Gallimard (Paris).*

Nhà Văn Hàng Đầu
Về Tiểu Thuyết Diễm Tình Qua Đời

Bà Barbara Cartland, tác giả người Anh từng xuất bản trên 700 tiểu thuyết diễm tình trong bảy thập niên qua tại Anh và có hàng trăm triệu độc giả trên thế giới, vừa qua đời vào đầu tháng bảy tại nhà riêng gần Hatfield thuộc Hertfordshire, Anh quốc. Bà hưởng thọ 98 tuổi.

Trong suốt cuộc đời nhà văn chuyên nghiệp của mình, Dame Barbara đã nổi tiếng về khả năng khác thường là viết nhanh và viết nhiều ở mức độ có thể hoàn tất hai quyển tiểu thuyết trong một tháng, mỗi quyển trung bình 50.000 chữ. Bà viết bằng cách đọc cho thư ký đánh máy lại. Thông thường bà có thể đọc ra khoảng 7000 chữ trong vài tiếng đồng hồ vào buổi chiều. Các cô thư ký của bà không được phép ho hoặc nhảy mũi trong lúc bà đọc cho họ đánh máy.

Mặc dù có thể các chuyên gia về văn học đối chiếu hoặc những độc giả văn chương nghiêm chỉnh sẽ không xem trọng tên tuổi bà, nhưng Barbara Cartland đã có tới khoảng một tỉ ấn bản của 723 quyển sách của bà được in ra trong 36 thứ tiếng. Nhà Bantam và Jove Publications là hai trong số vài nhà xuất bản sách của bà tại Hoa Kỳ. Xuất hiện trong sách ghi các kỷ lục Guinness, bà được xem như tác giả có sách bán chạy nhất thế giới và phá kỷ lục trong suốt 18 năm.

Trong một thế kỷ mà có quá nhiều người viết phải tranh đấu với sự kiểm duyệt để dành quyền được mô tả các sinh hoạt tình dục một cách trắng trợn thì tiểu thuyết của Dame Barbara vẫn nhẹ nhàng lãng mạn qua những cuộc phiêu lưu của các nàng trinh nữ đầy đam mê. Trả lời một cuộc phỏng vấn vào năm 1987, bà nói: "Trong sách của tôi, không có chuyện người ta lăn lộn trần truồng đâu!" "Các nhân vật chính của tôi luôn luôn là các cô trinh nữ. Họ không bao giờ ăn nằm với người khác mà chưa có chiếc nhẫn đính hôn trên ngón tay và ít nhất là phải cho tới trang 118 mới có chuyện đó xảy ra."

Bà Barbara Hamilton Cartland sinh ngày 9-7-1901 tại Warwickshire County, Anh quốc. Tiểu thuyết đầu tay của bà,»Jigsaw,» in năm 1922 khi bà mới 21 tuổi. Năm 1991, bà được tước phong "Dame

of the British Empire," vinh dự mà bà cho rằng bà được nhận không phải vì sự đóng góp vào văn học mà nhờ các hoạt động từ thiện của mình.

Thế Hệ Các Nhà Văn Ấn Độ Hậu-Rushdie

Một thế hệ nhà văn Ấn trẻ tuổi viết bằng Anh ngữ, một số hiện sống ở New York, đang rần rộ xuất hiện như một luồng gió mới trên văn đàn.

Khi Pankaj Mishra, một nhà bỉnh bút 27 tuổi của nhà HarperCollins, khu vực Ấn độ, khám phá và giới thiêu quyển sách của một người viết vô danh lúc ấy là Arundhati Roy, người ta chưa thấy dấu hiệu lên đường đồng loạt nào của những nhà văn trẻ gốc Ấn khác cả. Quyển sách được miễn cưỡng ấn hành vào năm 1996 đó là tiểu thuyết "The God of Small Things," một câu chuyện về tình yêu và giai cấp xảy ra tại Kerala thuộc Tây Nam nước Ấn. Tuy nhiên trực giác của Mishra đã đúng: đến nay đã có gần 3 triệu quyển sách được bán khắp thế giới và quyển sách đoạt giải thưởng văn học cao quý nhất ở Anh là giải Booker.

Ngày nay, đã bốn năm trôi qua, mặc dù các tác phẩm mới mẻ kia chỉ được nói đến ồn ào ở phương Tây hơn là trong lòng nước Ấn, các nhà văn trẻ gốc Ấn thực sự đang mở ra một thời kỳ mới cho văn học Ấn ở Anh quốc. Người ta thường gọi họ là "Midnight's Grandchildren" để nhắc lại và vinh danh một cuốn tiểu thuyết Ấn khác nhan đề là "Midnight's Children" của Salman Rushdie – một quyển dụ ngôn đen tối về lịch sử nước Ấn từ lúc độc lập. Quyển sách đã đoạt giải Booker năm 1981 và vào năm 1993 lại đoạt giải Booker đặc biệt cho tiểu thuyết Anh xuất sắc nhất trong vòng 25 năm qua.

Nhà văn trẻ Raj Kamal Jha, bỉnh bút của tờ The Indian Express ở New Delhi, cho biết họ rất phấn khởi trước sự thành công của quyển "The God of Small Things" nói trên và trước cách các cơ quan truyền thông đối đãi với quyển sách. Vì điều này cho thấy người ta cũng tìm đọc những điều mà những người viết trẻ mới sáng tác. Quyển "The Blue Bedspread" là tiểu thuyết đầu tay của Jha, 33 tuổi, cũng đã nhận được những bài phê bình rất thuận lợi và tác giả đã được ứng trước đến hơn $275,000 mỹ-kim.

Bên cạnh nhà văn Jha, phải kể đến các khuôn mặt bắt đầu gây nhiều chú ý như chàng Pankaj Mishra mắt xanh nói trên, năm nay 31 tuổi. Tiểu thuyết đầu tay "The Romantics" của anh được nhà phê bình Michiko Kakutani của tờ The New York Times cho rằng "gây âm vang và cực kỳ tế nhị;" Amit Chaudhuri, 37 tuổi, ở Calcutta, người đã sáng

tác những trang văn được nhà văn Rushdie mô tả là "mang đầy tính ngôn ngữ, cô đọng, tuyệt đẹp"; và Kiran Desai (con gái của nhà văn Ấn nổi tiếng Anita Desai), 28 tuổi, với tiểu thuyết đầu tay, "Hullabaloo in the Guava Orchard," được khen ngợi nhiều hai năm trước đây.

Người ta cũng không thể không nhắc đến Jhumpa Lahiri, 33 tuổi, hiện sống ở New York, con gái của di dân Bengali, vừa đoạt giải Pulitzer hồi tháng Tư với tác phẩm đầu tay, một tuyển tập truyện ngắn nhan đề "Interpreter of Maladies." Quyển sách bao gồm những mẩu chuyện về thế giới đầy mâu thuẫn, phức tạp của di dân Ấn Độ ở Hoa Kỳ.

Vào tháng sáu, Akhil Sharma, một nhà đầu tư ngân hàng 28 tuổi ở Manhattan, từng đăng truyện ở The New Yorker và The Atlantic, đã cho in tiểu thuyết đầu tay, "An Obedient Father" (Farrar, Straus & Giroux). Quyển sách viết về nạn tham nhũng, băng hoại và tham lam trong chính quyền Ấn và về một gia đình Indian.

Theo một số nhà phê bình, điều đáng lưu ý là dường như quyển "The Blue Bedspread" của Jha đã đoạn tuyệt với chủ nghĩa hiện thực huyền ảo (magic realism) vẫn thường đậm nét trong tác phẩm của Rhusdie. Các nhà văn trẻ khác cũng đang dần dần từ bỏ cách dựng truyện đặc trưng Rushdie này mà nhìn thẳng vào thực tại.

Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo từng rất phổ biến trong tác phẩm các nhà văn xuất hiện ngay sau Rhusdie, nhưng cũng chính các nhà văn ấy đang dần dần tách rời điều đó. Có lẽ do hình thức dễ lẫn lộn và phức tạp này không còn đáp ứng nhu cầu người viết nữa.

Đối với nhà văn Lahiri, độc giả không phải là vấn đề. Chỉ chưa đầy 3 tháng sau khi cô đoạt giải Pulitzer, 175,000 ấn bản sách cô đã được in, trong đó có 20.000 ấn bản bìa cứng. Điều khó khăn hơn đối với nhà văn nữ 33 tuổi này là cảm thức về lý lịch của mình. Nhà văn chào đời ở Luân Đôn, trưởng thành ở Rhode Island cùng với cha mẹ là các di dân từ Calcutta, Ấn Độ. Cô có ba văn bằng cao học và một bằng tiến sĩ tại đại học Boston. Trả lời một phỏng vấn, cô Lahiri nói: "Mối liên hệ của tôi với nước Ấn có tính chất nền tảng nhưng cùng lúc, nó cũng rất trơn trợt và dễ nhầm lẫn."

Họa sĩ Ngọc Dũng không còn nữa

Giới tạo hình Việt Nam, những người yêu thích hội họa, cũng như văn nghệ sĩ thuộc mọi lĩnh vực vừa có một tang chung: họa sĩ Ngọc Dũng đã ra đi vĩnh viễn, vào lúc 3 giờ 25 phút (PM) tại nhà riêng, thành phố Springfield, tiểu bang Virginia, Hoa Kỳ vì bệnh ung thư

phổi.

Họa sĩ (Nguyễn) Ngọc Dũng sinh năm 1932 tại Hưng Yên, Bắc Việt, là một trong ba họa sĩ (hai người kia: Thái Tuấn và Duy Thanh), *"đã tạo nên một dấu mốc quan trọng đối với sinh họa hội họa ở miền Nam, một chuyển tiếp giữa những xung đột, va chạm từ nghệ thuật trước và sau điểm tựa lịch sử 1954"* (Huỳnh Hữu Ủy - Lịch Sử Hội Họa Việt Nam, sẽ xuất bản).

Ông cùng Duy Thanh học ở lớp dạy vẽ tư trên lầu trường tư thục Trí Tri, phố hàng Quạt, Hà Nội, do các bậc thầy giỏi và nổi tiếng đã tốt nghiệp từ trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương, như Lương Xuân Nhị (1913-còn sống ở Hà Nội), Nguyễn Tiến Chung (1914-1976)...

Năm 1953, ông cùng Duy Thanh và một người bạn triển lãm lần thứ nhất tại Hà Nội.

Di cư vào Nam năm1954.

Năm 1956 (vẫn cùng Duy Thanh) triển lãm tại Sài Gòn và thỉnh thoảng tham dự những triển lãm tập thể khác.

Năm 1959, triển lãm chung với Thái Tuấn, Duy Thanh, Vị Ý, Lê Thị Quang, Đào Sĩ Chu, Phạm Thị Khánh tại phòng Thông Tin Đô Thành (Sài Gòn).

Họa sĩ Ngọc Dũng còn nổi tiếng trong lĩnh vực biếm họa với bút hiệu Tuýt.

Năm 1975, di tản ra khỏi nước, định cư từ ấy đến nay tại Virginia, Hoa Kỳ.

Họa sĩ Ngọc Dũng quan niệm: *"Người làm hội họa như một cốc nước đầy, tự nó tràn ra, muốn thành hình thể gì không cần biết. Cái quyết định cuối cùng của tác giả là xác nhận những hình thể đó. Hội họa có sự tình cờ (sự tình cờ được xác định) và cũng có những cái ngố của đường nét, màu sắc. Nếu ở một bức tranh tất cả màu sắc, đường nét đều vừa vặn, hợp lý, bức ranh sẽ biến thành công trình của một người thợ khéo tay. Tôi thù ghét sự khéo tay. Danh từ này tự nó đã loại bỏ tính chất nghệ thuật"* (Thảo luận, ngôn ngữ mới trong hội họa, trang 49, Sáng Tạo xuất bản 1965, Sài Gòn)

Cũng cần biết thêm, ngoài hội họa, Ngọc Dũng còn là một người làm thơ.

(Dựa theo điếu văn của họa sĩ Đinh Cường đọc trước linh cửu họa sĩ Ngọc Dũng)

PHẠM VIỆT CƯỜNG



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

Giới thiệu sách mới



CÕI NGƯỜI TRONG VĂN CHƯƠNG BÌNH DÂN, Huỳnh Văn Phú, bìa KT, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ phát hành. Giá 10MK.

Tác giả đã dẫn chúng ta đi vào "cõi người" qua Nụ cười; Cái hôn; Những hẹn thề; Kinh nghiệm sống; Mong ước; Khôn và dại; Người phụ nữ VN; Xem tướng và coi bói "trong văn chương bình dân".

Một tác phẩm thú vị.

LỤA, Alessandro Baricco, Quế Sơn dịch. Nhà xuất bản Trẻ. Giá 10.500$VN.

Vào thế kỷ XIX, có một con đường huyết mạch trong cuộc giao lưu giữa phương Đông và phương Tây, gọi là *con đường tơ lụa.*

Đây là câu truyện về một người đàn ông từng đi xuyên qua con đường ấy nhiều lần. Lúc đầu, vì tiền, nhưng về sau không hẳn như thế. Ở đây còn có nỗi đam mê, khao khát, đau khổ, và dĩ nhiên có cả tiếng gọi của tình yêu và thể xác. Kết truyện, chỉ vài hàng đơn giản: *"Bắt đầu từ một người đàn ông từng đi xuyên thế giới rồi dừng chân lại bên hồ, một cái hồ nằm sẵn đó, như vậy đó, vào những ngày nhiều gió. Tên*

hồ, chẳng ai biết."

Đây là cách tóm tắt một đời người theo nhân sinh quan Á Đông, coi mọi thứ đều là phù du, mộng ảo và nhẹ như lụa.

Một tác phẩm hay, dù chỉ trên một trăm trang.

SPRING ESSENCE, thơ Hồ Xuân Hương, chuyển ngữ từ tiếng Việt sang Anh ngữ: John Balaban. Nhà xuất bản Copper Canyon Press, địa chỉ: P.O.Box 271, Port Townsend, Washington 98368. – www.coppercanyonpress.org

Tác phẩm gồm hai sinh ngữ Anh-Việt và phần chữ nôm nguyên tác.

Ai cũng hiểu "dịch là diệt", nhất là dịch thơ, lại là thơ của Hồ Xuân Hương!

Tuy nhiên, đây là một cố gắng rất lớn của dịch giả cũng như của nhà xuất bản.

NGƯỜI NỮ TU HUYỀN CHỨC, truyện dài J.Ngọc, bìa KT, Văn Hóa xuất bản, giá 16MK.

Tác phẩm thứ bảy của J. Ngọc.

QUÀ TẶNG CUỘC ĐỜI, Ayya Khema tự truyện, Sherab Chodzin Kohn dịch từ tiếng Đức sang tiếng Anh, Diệu Đạo dịch từ bản tiếng Anh sang Việt ngữ.

Diệu Đạo là bút hiệu khác của Lý Thu Linh, trước đây từng xuất hiện nhiều lần trên Hợp Lưu qua các truyện ngắn. Du học vào những năm còn rất trẻ, giữa thập niên bảy mươi, tốt nghiệp tiến sĩ văn chương Hoa Kỳ. Vài năm gần đây, bà trở lại, ở hẳn tại VN, sống như một tu sĩ, dù chưa thực sự xuất gia, dành thì giờ đọc và dịch mọi loại sách liên quan đến Phật Giáo.

Ni sư Ayya Khema, một người Đức, viết cuốn tự truyện này không vì mục đích văn chương, mà để chúng ta từ câu chuyện đời của ni sư tìm được những bài học giá trị về con đường đạo người đã đi qua.

TỪ TÂM, thơ Thế Dũng, "Trilce" Editionen Berlin 1997. Bìa: Vũ Xương Minh. Minh họa: Trần Lê, Lý Sơn, José Paplo Quevedos. Trình bày bản văn: Vũ Trường Giang. Giới thiệu: Vũ Trường Giang, Viên Linh. Bạt: tác giả. Không ghi giá bán. Liên lạc: "Trilce" Edition Berlin, Gleimstr. 10, 10437 Berlin, Germany, c/o Thomas Hertwig.

Tập thơ xuất bản năm 1997, nhưng đến hôm nay HL mới nhận được bản tặng.

Theo Viên Linh thì *"khung cửa rộng nhất vào thơ Thế Dũng mà tôi có thể đi thật xa, đó là khung cửa của Cô Đơn. Khung cửa một mình, khung cửa không có ai ngoài tác giả. Thế Dũng trầm hơn, sâu hơn, hòa hài hơn, và thơ hơn cả khi làm thơ cho chính mình."*

BẾN BỜ CÒN LẠI, tạp văn Lương Thư Trung, tác giả xuất bản. Giá 14MK. Liên lạc: Ms Lương Huỳnh Phương Thảo, 9 Mather St # 1, Dorchester, MA 02124. USA – Email: mluong@coe.neu.edu

"Những bài viết trong tập sách này, bài nào cũng cho thấy một thứ tình cảm thật đôn hậu, rất dồi dào, hiền hòa và chân thực của người miền quê miền Nam..." (Phạn Chi Lan – chủ biên VHNT liên mạng).

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN 14 TÁC GIẢ, bìa Nguyễn Mai Phương, Văn Tuyển xuất bản. Không ghi giá bán. Địa chỉ liên lạc: Văn Tuyển, 23125 Lakeridge Ave., Hayward, CA 94541. USA.

14 tác giả, gồm: Nguyễn Thị Thảo An, Hoàng Chính, Nguyễn Trung Dũng, Quan Dương, Hoài Ziang Duy, Nguyễn Trung Hối, Trầm Hương, Nguyễn Vĩnh Long, Cổ Ngư, Nhật Nguyễn, Tam Thanh, Thu Thuyền, An Phú Vang, Kinh Dương Vương.

14 truyện ngắn, *là "những trăn trở của mình về một quãng đời đã qua hoặc những suy tư về ngày sắp tới."* Và là *"một đóng góp khiêm tốn nhưng đầy nhiệt tình của các tác giả, trong chiều hướng duy trì nền văn hóa Việt Nam tại hải ngoại."* (lời ngõ)

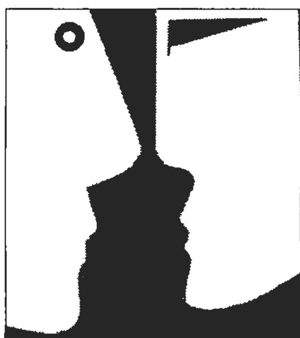
THE RIVER OF POETRY, thơ Minh Viên, Poems xuất bản. Giá US$10.00. Liên lạc: Published by Moonlit Garden, 1267-15th Ave., San Francisco, CA 94122, USA.

Tác phẩm thơ thứ tám viết bằng Anh ngữ của Minh Viên.
Chưa kể CD of love Poems set to Music
& Book of love Poems and Music Score

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



Với văn hữu và bạn đọc



THƯ ĐỘC GIẢ

Thái độ tranh luận!

HL hai số vừa qua khá sôi nổi nhờ cuộc tranh luận chung quanh bài viết Chủ Nghĩa Phản Trí Thức Trong Văn Học Việt Nam. Ông Nguyễn Hưng Quốc đã thành công khi quấy động được cái ao tù chữ nghĩa từ bao năm nay, chỉ quẩn quanh theo kiểu áo thụng vái nhau, với những bài "đọc sách", "phỏng vấn" có tinh cách thù tạc, đẩy đưa... khiến độc giả chúng tôi ngán ngẩm.

Tuy nhiên, bên cạnh sự thành công, ông Nguyễn Hưng Quốc cũng vấp nhiều khuyết điểm, làm độc giả chúng tôi phần nào cảm thấy không thoải mái.

Ai cũng hiểu những người làm công việc liên quan đến văn học nghệ thuật đều nhạy cảm. Nhờ nhạy cảm, họ thấu thị được nhiều vấn đề người bình thường không tài nào phát hiện ra. Nhưng, nhạy cảm, theo tôi, như con dao hai lưỡi, nó giúp quí vị ấy hơn người, song nó cũng khiến họ dễ bị xúc phạm, dễ bị thương tổn. Nếu nội lực của họ không vững, sự nhạy cảm sẽ đẩy họ rơi vào tình trạng mất bình tĩnh, dẫn đến phản ứng thái quá.

Ở đây, tôi sẽ không đề cập đến lý luận của ông NHQ trong bài "Cần Có Văn Hóa Tranh Luận" (HL số 53) đúng hay sai. Trong lý luận, các tác giả có thể đúng, có thể sai. Từ đó, mới có tranh luận. Qua tranh luận, tác giả cũng như độc giả sẽ sở hữu được nhiều điều bổ ích.

Vấn đề tôi muốn nói ở đây là ***thái độ tranh luận***, nhân đọc phần

trả lời của ông NHQ, với nhà thơ Thường Quán.

Trong bài viết của mình, ông NHQ đã đặt hơn hai trang "làm mẫu" này vào phần "chú thích". Theo tôi, đây là cách biểu tỏ thái độ coi khinh người đối thoại rất nặng nề.

Tuy coi khinh, nhưng ông NHQ đã cất công viết kín gần ba trang HL khổ chữ nhỏ, chỉ để trả lời một cái note "rất ngắn, chỉ khoảng trên dưới 200 từ". Ông phân tích từng chữ, từng câu, cốt chứng minh nhà thơ TQ "viết liều, tức viết những điều vượt quá tầm hiểu và biết của mình".

Làm như thế có quá đáng không?

Trước tiên, theo tôi, thái độ coi thường người đối thoại hoàn toàn không nên có ở một tác giả, càng không nên có ở một nhà phê bình, lý luận văn học.

Thứ hai, ai cũng hiểu, một cái note nhỏ không phải là một bản văn. Nó chỉ có giá trị là những ghi chú, để nhớ, để có thể triển khai sau này, khi cần. Vì thế, không thể đem ra bắt bẻ, như thầy giáo bắt bẻ học trò tiểu học, về chính tả, về văn phạm, về cách hành văn, cách dùng chữ. Huống gì sự bắt bẻ lại không nhẹ nhàng.

Vả lại, chưa cần bàn đến cách viết vội, viết gọn, viết nhanh, cốt giữ ý không cốt làm văn của những câu note, tôi cho rằng mỗi nhà văn, nhà thơ, đều có quyền có cho riêng mình một thứ văn phạm, ngữ pháp, ngữ vựng riêng. Trong Văn Học Việt Nam. Ở miền Nam, Mai Thảo là trường hợp điển hình cho cách viết "sai văn phạm". Nếu ông NHQ muốn bẻ, thì có thể có hàng nghìn "điểm sai" trong tất cả mọi tác phẩm của MT. Thế nhưng sau khi MT thảo thành danh, không ít người đã bắt chước lối viết "trật văn phạm" này.

Một nhược điểm nữa của ông NHQ là thái độ võ đoán. Đọc mọi bài viết của ông, tôi luôn có cảm tưởng ông rất tự mãn và trịch thượng. Cái gì ông viết ra tất phải đúng, ai thấy không đúng là người ấy sai, là "ngớ ngẩn", là "kiến thức sơ đẳng nhất", là "chẳng lẽ tôi phải hạ mình phân trần", vì "làm sao tôi có thể đủ nhẫn nại để trả lời". (chỗ này, ông NHQ mâu thuẫn với chính ông! Khách quan nhận xét, tôi thấy ông nhẫn nại lắm. Thừa nhẫn nại. Nếu không thế, ông chả thể ngồi chăm chỉ lọc từng câu, từng chữ, phân tích chi li gần ba trang giấy, chỉ để trả lời một note nhỏ "không quá hai trăm từ"!) Trong phần trả lời TQ, ngoài những điểm sai hiển nhiên về chính tả. Khi đánh máy, vội, không ai dám tự hào đánh đúng trăm phần trăm. Nói như thế tôi không có ý bênh ông TQ, tôi công bình xác nhận ông NHQ đúng. Tuy nhiên, sai, sơ sót không có nghĩa là dốt, là "viết liều, tức viết những

điều vượt quá tầm hiểu và biết của mình". Riêng các phán quyết khác trong toàn phần trả lời "làm mẫu", thuộc lý luận, thì lẽ ra ông NHQ chỉ nên viết, "theo tôi, những điểm này sai" (ý riêng của ông), chứ không thể phê như đinh đóng cột, "những điểm này sai" (đã trở thành "chân lý" cho mọi người).

Tôi tự hỏi: thái độ võ đoán và nhất là cố tình hạ thấp địch thủ xuống hàng "nói liều, nói những điều vượt quá tầm hiểu và biết của mình" có phải là cách hành sử nghiêm chỉnh không?

Nhân tiện, tôi xin nói rộng thêm. Ngoài chuyện ông NHQ hài lỗi nhà thơ TQ, tôi còn nhận thấy, cả hai ông Hoàng Ngọc Tuấn và NHQ, đều tỏ ra kinh tởm thái độ "bầy đàn" trong tranh luận văn học Việt Nam từ trước đến nay, nhưng qua hai số HL đã xuất bản, có vẻ như chính các ông cùng hai ông Nguyễn Hoàng Văn, Nguyễn Minh Quân, cũng không nằm trong trường hợp ngoại lệ! Ông HNT bênh ông NHQ, hạ hai ông Lê Đạt, Hoàng Ngọc Hiến nặng nề. Để các bài viết được nhịp nhàng, ăn khớp, ông NHQ nâng cao cường độ phê phán đầy tính nhục mạ này bằng những lời nhận xét rất... khách quan trong bài viết của mình: "ngòi bút của ông (HNT) như một con dao mổ, lần lượt lật tung lên hết sai lầm này đến sai lầm khác của đối phương mà giọng văn của ông vẫn cứ tỉnh như không"! Lời tán dương khiến tôi nhớ đến một đoạn ngắn trong phim Xích Lô của Đạo diễn Trần Anh Hùng: gã du đãng vừa vuốt ve con dao và cần cổ người sắp bị hắn cắt cổ, vừa thản nhiên xuống mấy câu vọng cổ mùi rệu! Đúng là "tỉnh như không"!Chưa đủ, ông NHQ tiếp tục: "trong sinh hoạt văn học Việt Nam hiện nay, tránh được khuyết điểm này (*ngớ ngẩn, kiến thức sơ đẳng nhất, lu loa, sướt mướt, cù cưa, tru tréo, chửi đổng, từ xa xa lấy đá ném rồi... bỏ chạy, giả vờ nhảy ra can gián để lén thụi người này một quả, đạp người kia một đạp...* - chữ của ông NHQ trong Cần Có Văn Hóa Tranh Luận) một cách triệt để nhất có lẽ chỉ có một người: Hoàng Ngọc Tuấn... Ông viết tranh luận không như một nhà bút chiến hay một nhà hùng biện theo cách hiểu thông thường của chúng ta lâu nay mà như một nhà khoa học". Xin thú thực, đọc đến đoạn này, tôi cảm thấy thế nào ấy!

Lại còn thêm hai ông Nguyễn Minh Quân và Nguyễn Hoàng Văn nữa! Tiếc thay, hai vị này không có phát kiến nào khác lạ, ngoài việc tâng bốc và củng cố lập luận của NHQ. Riêng ông Nguyễn Minh Quân, đọc bài viết của ông, tôi không tránh được cảm giác buồn rầu.

Ông NMQ cho rằng ba ông Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Thanh Sơn, Thường Quán, đã "quyết dùng sức mạnh của số đông, có tính bầy đàn, để hạ gục cho được Nguyễn Hưng Quốc". Trong tranh luận, tất yếu có kẻ bênh người chống. Không thể vì thế mà gọi những người bênh hoặc chống là cùng bầy đàn. Thường, hai chữ bầy đàn chỉ sử dụng cho cầm thú. Quí vị đều là những bậc cao nhã, trí thức, sao nỡ gọi nhau như thế ? Nếu đã gọi nhau như thế, thì tôi lại tự hỏi: Vậy bốn ông: NHQ, HNT, Nguyễn Hoàng Văn, và NMQ, có là "số đông" không? và có "tính bầy đàn" không? Chưa kể, rải rác trong bài viết, những lời tán dương ông NMQ dành cho NHQ có một vẻ gì rất không ... "tao nhã" (chữ của ông NMQ): Chả hạn: "Tôi thấy cái ngạo mạn trong cách viết của ông (NHQ), cái ngạo mạn của kẻ có tài, loại '*kiêu ngạo một cách sang trọng*' "(tôi dùng chữ nghiêng để nhấn mạnh). Thưa ông NMQ, ông dùng chữ *một cách sang trọng* kiểu này thì tôi trộm nghĩ những vị công thần chuyên nghề bốc thơm các lãnh tụ của họ, cũng ngả nón chào thua! Hoặc: "Qua sự phân tích ở trên, sự trích dẫn của ông Nguyễn Hưng Quốc, theo như cách tôi hiểu, *là hết sức hợp lý và cực kỳ xác đáng*"!!! (tôi lại nhấn mạnh). Ông tự giới thiệu "đang hành nghề chuyên môn trong lĩnh vực khoa học tự nhiên", tôi e ông đang bị méo mó nhề nghiệp! Bởi lẽ chuyện văn học không giống chuyện khoa học của ông đâu. Chả có gì *là hết sức hợp lý và cực kỳ xác đáng* cả! Xác quyết như thế, "theo cách tôi hiểu", là hết sức *không* hợp lý và cực kỳ *không* xác đáng, ông ạ.

Cuối cùng, tôi xin được góp ý với ban biên tập, qua đại diện là ông Khánh Trường. Thư tòa soạn số 53, Hợp Lưu viết rằng "tuyệt đối chúng tôi không đứng về phía nào", "chỉ mong, bằng thiện tâm, không hậu ý, Hợp Lưu sẽ giữ được vai trò khách quan của một trọng tài". Tôi đồng ý. Tuy nhiên, Hợp Lưu cũng không nên quên rằng, chức năng của một trọng tài là ngoài việc tuyệt đối khách quan, còn phải kịp thời chặn đứng những đòn thù, đòn xấu, đòn phạm luật. Điều này chính ông NHQ đã đề cập đến trong bài viết của ông: "Như trong quyền Anh, người ta chỉ được quyền dùng tay để đánh. Co chân đạp đối thủ là phạm luật. Cũng vậy, trong tranh luận, người ta có thể công kích người khác một cách vô cùng mạnh bạo, thậm chí tàn bạo; không sao cả, nhưng với một điều kiện: bằng lý luận". Thưa các ông, trong tranh luận, đòn thù, đòn xấu, đòn phạm luật được hiểu như thế nào? Theo tôi, đó là vu cáo, là bôi nhọ, là võ đoán, là sử dụng ngôn ngữ nặng nề, nhằm hạ nhục đối phương. Trước khi quyết định đăng bài của họ, nếu ông Khánh Trường thực sự có "thiện tâm" và "không hậu ý",

lẽ ra ông nên liên lạc với các tác giả, đề nghị loại bỏ những từ ngữ nặng nề, các ý đồ độc hiểm nhân danh chiêu bài cao đẹp, làm mất đi sự lương thiện, giảm hẳn tính thuyết phục, gây tổn thương cho các đối thủ và khiến độc giả cảm thấy bị xúc phạm. Đọc những bài viết trong HL số 53, không thể phủ nhận hai tác giả Hoàng Ngọc Tuấn, Nguyễn Hưng Quốc, nhất là HNT, đã hao tổn khá nhiều thì giờ và sinh lực, đọc, tìm hiểu, tra cứu công phu, hầu đưa ra mọi dữ kiện khả tín, chứng minh cho luận cứ của mình. Việc làm ấy đáng ca ngợi nếu xuất phát từ thái độ hiền hòa, nhã nhặn, khiêm cung; không trịch thượng, không háo thắng, không phô trương, không tự mãn. Cho đến bây giờ, khi hai tác giả Hoàng Ngọc Hiến và Lê Đạt chưa lên tiếng, thì chúng tôi, độc giả, chưa thể kết luận điều ông Hoàng Ngọc Tuấn phát hiện đúng hay sai. Như vậy có nghĩa ông HNT không nên vội vã phán quyết như quan tòa kết tội phạm nhân là hai vị này đã "sáng chế tài liệu giả". Phán quyết cách ấy, nếu ngộ nhỡ hai nạn nhân chứng minh được họ bị kết tội oan, thì trách nhiệm tinh thần của ông HNT với họ, sẽ thế nào? Họ sẽ bị tổn thương trầm trọng, hẳn nhiên, nhưng chính ông, HNT, cũng không thể bình tâm để say sưa gặm nhấm chiến thắng... hụt của mình được! Đó là chưa vội nói đến trách nhiệm pháp lý (mà chính ông KT, chủ bút, cũng liên đới chịu trách nhiệm): ở ngoại quốc, tội vu khống, triệt hạ uy tín và nhân cách của một người cầm bút từng có quá trình dài trọn đời cống hiến cho chữ nghĩa, là vô cùng lớn. Cách đây năm bảy năm, tại Orange County, Mỹ, tuần báo Việt Nam Tự Do của ông Duy Sinh đã dùng đòn bẩn, vu cáo, hạ nhục nhà văn Nguyễn Xuân Quang, bị ông này kiện. Kết quả: ông chủ nhiệm kiêm chủ bút cùng người cộng tác trực tiếp viết bài bôi nhọ nhà văn Nguyễn Xuân Quang, đã bị tòa tuyên phạt trên tám triệu dollas. Vụ án này vang dộng cả thế giới người Việt, hẳn ông HNT đã biết. Một điều nữa, Hợp Lưu cũng không nên tạo điều kiện để kẻ bênh người chống gây bè kết nhóm lộ liễu: cùng chiến tuyến thì công kênh nhau, khác chiến tuyến thì thẳng tay mạt sát, bêu rếu, hạ nhục. Trong cuộc chơi chữ nghĩa, tinh thần thượng võ phải được tuyệt đối đề cao. Chúng ta thường tỏ ý khinh thường "bọn vai u thịt bắp" chỉ biết dùng sức mạnh của nắm đấm để chiến thắng trên võ đài. Thế nhưng mỉa mai thay, luật định hàng đầu mà các võ sĩ phải tôn trọng là tinh thần thượng võ. Thế thì, lẽ nào giới trí thức các ông lại thua bọn võ biền?

Kết thư, tôi xin viết thêm vài dòng minh định: tất cả mọi vị tham gia cuộc tranh luận này, bên nguyên cũng như bên bị, **tôi đều không quen**. chỉ **biết** tên tuổi qua báo chí, sách vở. Những ý kiến bên trên, là

của một độc giả. Tôi cũng chả xấu hổ gì để thú thật, tôi ít học, chưa từng cầm bút viết văn, cho nên nếu những ý kiến của tôi có sai, có "ngớ ngẩn", có nông nỗi cạn cợt; câu cú chữ nghĩa của tôi có trật văn phạm, hỏng cú pháp, lơ mơ về ngữ vựng, chính tả... Nghĩa là lá thư này có "què", thì cũng xin ông NHQ và các vị cùng nhóm (tôi tránh dùng hai chữ "bầy đàn") rộng lòng bỏ qua.

Nguyễn Văn Hùng(Los Angeles, California)

Chúng tôi cho đăng lá thư của ông, không cắt một dòng, một chữ, cũng là nằm trong ý hướng tôn trọng tiếng nói của mọi người, nhất là độc giả. Cuộc tranh luận có thể còn dài, đôi bên, không chỉ viết cho nhau đọc, mà quan trọng hơn: cho độc giả. Vậy, ý kiến của độc giả, theo chúng tôi, là vô cùng quan trọng.

Nhận xét của ông về những bài viết của bốn tác giả NHQ, HNT, NHV và NMQ, xin để các vị ấy trả lời. Chúng tôi chỉ xin trình bày một nhận xét liên quan đến trách nhiệm "biên tập" của chủ biên Khánh Trường.

Thưa ông, tất cả mọi tác giả tham gia cuộc tranh luận này đều đã thành danh, đã có tên tuổi và uy tín trên văn đàn. Nghĩa nào đó, họ hoàn toàn chịu trách nhiệm nhữug điều đã viết, đã công bố. Nếu họ đúng, dư luận sẽ đồng tình. Ngược lại, họ sẽ gánh nhận sự phê phán. Chính vì vậy, mới có những lá thư, những cú điện thoại gửi về tòa soạn, khen chê. Điển hình cụ thể nhất là lá thư của ông.

Nói tóm lại, trước sau, chúng tôi cố gắng đứng ở vị trí của một trọng tài, hoàn toàn khách quan.

Tuy nhiên, cơ bản, chúng tôi cũng đồng ý với ông, giá như các tác giả, "bên nguyên củng như bên bị", có thể trao đổi, tranh luận với nhau trên tinh thần thượng võ, tôn trọng và lắng nghe, thì rất hữu ích, cho chính các tác giả, cũng như độc giả.

Cảm ơn ông đã bỏ thì giờ bày tỏ ý kiến về cuộc tranh luận.

Góp ý với ông Nguyễn Hưng Quốc

Xin có vài ý kiến liên quan đến phần chú thích ông Nguyễn Hưng Quốc dùng để phê phán lá thư của ông Thường Quán:

1. Phần định nghĩa về giai cấp.

Cách hiểu về giai cấp của Nguyễn Hưng Quốc hoàn toàn dựa

theo định nghĩa về giai cấp của Marx, nghĩa là dựa vào quan hệ sản xuất để phân định. Dĩ nhiên điều này rất đúng trong điều kiện kinh tế của xã hội Âu châu thời Marx, khi ông viết bộ *Tư Bản Luận* vào năm 1867. Nhưng chúng ta đã thừa biết mối quan hệ sản xuất từ ngày đó đến nay (Technology Age) đã khác biệt một trời một vực và cũng xa vô cùng cách hiểu cũ kỹ ấy. Sự ảnh hưởng của người trí thức vào sự thay đổi mau chóng về mặt quan hệ sản xuất từ đó đến nay là một điều ai cũng thấy dễ dàng. Do đó cách hiểu về giai cấp phải được định nghĩa lại. Trong *The Cambridge Encyclopedia*, ấn bản ở Melbourne năm 1990, đọc thấy định nghĩa về giai cấp như sau:

A set or group people sharing the same socio-economic position. A class society is a system of social nequality based on the unequal distribution of income and wealth between different classes. **The term is used in two ways**: it can be merely a convenient category used to organize people into a group (e.g., via occupation); or it can be seen as a real entity describing a group with specific inherent properties, such as the Marxist notions of the 'bourgeoisie' middle class) and the 'proletariat' (working class) in capitalism Marxism

(tôi in đậm câu **'The term is used in two ways..'**)

2. Về lãnh đạo kháng chiến.

Việc lãnh đạo kháng chiến chống Pháp thực chất là ở Đảng CSVN ai mà không biết. Điều ông Thường Quán muốn đề cập trong bức thư trên HL là các ông Nguyễn Tường Tam, Huỳng Thúc Kháng có mặt trong Chính Phủ Liên Hiệp thành lập năm 1946. Trong thành phần chính phủ dó Nguyễn Tường Tam giữ Bộ Ngoại Giao, Huỳnh Thúc Kháng giữ Nội Vụ trong những ngày đầu. Nếu các vị ấy ở trong một chính phủ với cương vị là Bộ trưởng mà nói là "Lãnh đạo kháng chiến" của toàn dân trong buổi đầu thì có gì sai?

NĐL (New Zealand)

Hiếp dâm tiếng Việt...

Trong Hợp Lưu số 53, trang 57, hai "dịch giả !!!" Nguyễn Quốc Trụ và Nguyễn Tiến Văn đã dịch đoạn văn "Le dur desir du durer" là "Dục vọng cương cứng được trường tồn!!!

Tôi cho đây là một hành động hiếp dâm tiếng Việt rùng rợn và tàn bạo nhất từ trước tới nay. Hơn nữa, hai "dịch giả" này, qua toàn bài

dịch, đã trình bày một thứ tiếng Việt tồi tệ, lủng củng chưa từng thấy. Hai vị này viết tiếng Việt như học sinh ngoại quốc đang lấy lớp "Vietnamese 101".

Chữ Nghĩa là chuyện của quí Trời cho. Mong Hợp Lưu chịu khó duyệt kỹ bài trước khi đăng. Xin đừng vì chỗ quen biết, nể tình mà cho đăng mấy bài như thế này. Làm như vậy là tội nghiệp Tổ Tiên dữ lắm đó. Xin đội ơn nhiều lắm!

Chúc Hợp Lưu ..... không phải "bị đăng" mấy bài như thế này nữa.

Đoàn Đức Chính

Nguyễn Tiến Văn trả lời:

1. Tác giả và dịch giả bao giờ cũng biết ơn người đọc mình, và càng biết ơn những người đọc đóng góp ý kiến.

2. Câu văn "le dur désir de durer" (trong thư email viết sai là "le dur désir 'du' durer"), chúng tôi dịch là "dục vọng cương cứng được trường tồn" sai ở chỗ nào, và xin cho biết nếu sai, phải dịch lại như thế nào?

3. Ngôn ngữ Việt Nam từ trước, trong đời thường, trong ca dao tục ngữ, trong Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du không hề sợ hãi và giả hình khi nói đến thân xác, tình tự cũng như dục vọng của con người. Thí dụ câu "người ta là hoa của đếch", phổ thông khắp miền Thanh Nghệ Tĩnh, đã bị chép và giảng dậy qua sách giáo khoa là "người ta là hoa của đất". "Đếch", tức âm hạch (clitoris), hay cái mồng đốc ở trên cửa mình người phụ nữ. Câu này bị ghi sai hiểu sai, chính vì sự sợ hãi dục tính và thân xác. Thời tiền chiến, khi Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc sưu tập 8 ngàn bài cho tập "Tục ngữ Phong dao", ông đã giữ nguyên những câu nói truyền miệng của dân gian. Sau này, dưới chế độ Cộng sản, Vũ Ngọc Phan khi biên tập bộ "Tục ngữ ca dao dân ca", đã loại bỏ hết những gì bị coi là tục tằn. Ngay tại phương Tây, tất cả sách giáo khoa và từ điển về ngôn ngữ cũng phải đợi đến sau cuộc cách mạng tính dục giải phóng thân xác và giải phóng phụ nữ của thập niên 1960-70 mới dám ghi nhận những từ như "fuck" (địt, đụ), cunt (lồn). Cho tới năm 1994, bộ "Từ điển tiếng Việt" do Hoàng Phê chủ biên, có lời khen và đề tựa bằng thủ bút của thủ tướng Phạm Văn Đồng, xuất bản tại Hà Nội, vẫn ngang nhiên kiểm duyệt, loại bỏ những từ

như lồn, cặc, địt... ra khỏi kho từ ngữ của người Việt. Ngôn ngữ không thể bị hiếp dâm, chỉ có thể bị công an và những phần tử giả trá "thiến" mà thôi. Những từ nôm na, thân mật mà ông bà cha mẹ truyền lại không tội tình gì, và không ai có quyền cấm đoán, hoặc đục bỏ. Chỉ những năm gần đây nhà văn nhà báo Việt Nam mới đủ can đảm để sử dụng toàn bộ tiếng nói của tổ tiên mà không sợ hãi. Những vụ án kiểm duyệt D. H. Lawrence ở Anh, James Joyce, Henry Miller ở Mỹ, cũng như Marquis de Sade, Gustave Flaubert, Charles Baudelaire ở Pháp là những bằng chứng ô nhục của toà án trong lịch sử văn học. Coi những hoạt động bình thường trong sinh lý là hủ hóa, là những dấu vết của cực quyền nhà thờ, hoặc nhà nước mà mọi người đều có bổn phận phải đối kháng. Vào năm 1968, Bộ Thông Tin và Chiêu Hồi kiểm duyệt bản dịch tác phẩm Ngàn Cánh Hạc của Kawabata, cho là khiêu dâm; và năm 1984, khi Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đục bỏ những đoạn làm tình trong tác phẩm Trăm Năm Cô Đơn của Garcia Marquez, chứng tỏ sự ấu trĩ của giới cầm quyền Việt Nam cả hai miền đối với văn học thế giới và sự thô bạo đối với những tác phẩm đã vinh dự được giải thưởng Nobel văn chương, và được toàn thể loài người yêu quí.

4. **Nguyễn Quốc Trụ** trả lời:

Câu "le dur désir de durer", theo ý tôi, là câu văn-chìa khóa của bài viết. Mở bài, G. Steiner "phang" một câu: "Khi nhìn lại, nhà phê bình thấy cái bóng viên hoạn quan ở ngay sau lưng." Ông như muốn "cảnh cáo" những phê bình gia: coi chừng bị đại nạn như Tư Mã Thiên! Do đó, chúng tôi cố gắng dịch câu "le dur désir de durer" như trên. G. Steiner đã để nguyên câu văn tiếng Pháp, chắc vì ông tin rằng, những độc giả hiểu cả hai ngôn ngữ Anh và Pháp, sẽ nhận ra hàm ý của ông.

5. Dịch là phản, như chúng ta đều biết. Nhưng, không thể không dịch, bởi vì như G. Steiner, trong Nhân Văn, đã khẳng định: "... chẳng có tương đương thực sự giữa những ngôn ngữ, mà chỉ có bội phản; nhưng toan tính chuyển dịch là một yêu cầu hoài hoài, nếu bài thơ [được viết ra là để] sống trọn cuộc đời đầy ứ của nó." Phải chi mà Đoàn Đức Chính đưa ra một câu văn dịch khác, thay cho câu của chúng tôi, như vậy là câu văn "le dur désir de durer" lại có thêm một cuộc đời nữa. Ông viết, "... hai dịch giả này, qua toàn bài dịch đã trình bầy một thứ tiếng Việt tồi tệ, lủng củng chưa từng thấy." Ai bị chê, cũng

thấy "quê", nhưng ngay sau đó, ông viết tiếp, "Hai vị này viết tiếng Việt như học sinh ngoại quốc đang lấy lớp "Vietnamese 101"; chính câu này của ông làm chúng tôi "ngộ" ra một điều là: nỗi khó khăn của những học sinh ngoại quốc khi học tiếng Việt, cũng chính là nỗi khốn khó của chúng tôi, khi dịch tiếng nước ngoài.

"Những cuốn sách lớn được viết bằng một thứ tiếng nước ngoài" (Great books are written in a kind of foreign language. Proust, *Contre Sainte-Beuve*, Daniel W. Smith và Michael A. Greco dịch qua tiếng Anh). Theo nghĩa đó, bất cứ một bản dịch nào cũng có phần "tồi tệ, lủng củng", nhất là khi đụng tới một hệ tư tưởng khác, thí dụ như hệ tư tưởng Âu Châu, mà G. Steiner là một trong những người đại diện đích thực của nó. Trong một bài viết khác, Steiner khẳng định: "Chẳng có dịch thuật, ngoại trừ dưới điều kiện khủng hoảng tri thức luận". Ngôn ngữ ngoại, mà Proust nói, theo triết gia Gilles Deleuze giải thích, còn là hiệu quả của văn chương đối với ngôn ngữ. Nó mở ra một thứ ngôn ngữ ngoại bên trong một ngôn ngữ... một 'trở nên-khác' của ngôn ngữ. G. Deleuze trích dẫn Kafka, khi để cho một nhà vô địch bơi lội nói: "Tôi nói cùng một ngôn ngữ với ông, vậy mà tôi không hiểu dù chỉ một từ ông nói." (I speak the same language as you, and yet I don't understand a single word you're saying).

Về câu "xin đừng vị nể...", xin để nhà văn Khánh Trường thay mặt ban biên tập Hợp Lưu, trả lời.

6. **Khánh Trường** trả lời:

Từ lúc HL ra đời đến nay, mười một năm, chúng tôi đã cố gắng không để tờ báo rơi vào tình trạng thù tạc, tung hứng, hoặc "bị đăng" bài của các tác giả. Chính vì vậy, HL mất đi một số văn hữu cộng tác. Phàm, hầu hết các nhà văn nhà thơ, thành danh, hoặc nghĩ rằng mình đã thành danh, gửi bài đến các tòa báo, đều mặc nhiên cho rằng các chủ biên phải có bổn phận sử dụng! Riêng HL, từng nhiều lần không làm tròn "bổn phận", khi nhận thấy những bài viết ấy chưa đạt yêu cầu mong muốn. Tôn chỉ của chúng tôi: chỉ đăng những gì xứng đáng đăng. Nếu buộc phải chọn lựa một bài viết tệ của một tên tuổi lớn và một bài viết giá trị của một ngòi bút vô danh, chúng tôi chọn người thứ hai. Trình bày rõ với ông như thế, nhằm mục đích nhấn mạnh, một lần nữa, chủ trương của chúng tôi: chỉ đăng bài do giá trị tự thân của bài, chứ không đăng bài vì "bị đăng", vì "vị nể".

Thay mặt ban biên tập, cảm ơn góp ý của ông.



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 265-1394. Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name xin viết chữ IN / Please PRINT

Địa chỉ / Address xin viết chữ IN / Please PRINT

Điện thoại / Phone Điện thư / E mail

Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / one year. ☐ Hai năm / Two years

Bắt đầu từ số / Starting from Issue #:

Mỹ & Gia Nã Đại (US & Canada):

- *Một năm / One year*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$40.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$50.00
- *Hai năm / Two years*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$78.00. Hạng nhất / First class: ☐ US&96.00

Âu châu (Europe):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US&50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$70.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$136.00

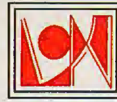
Úc, Á châu (Australia & Asia):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$80.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$156.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ & Canada*), Money order (*Úc, Á, Âu châu*) để HOP LUU / Check (*US & Canada*), Money order (*Australia, Asia, Europe*), in US funds, pay to HO LUU.

Thay đổi địa chỉ xin cho biết trước & gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change adderess & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên & cuối cùng in trên nhãn báo / The first & the last subcribed issues are printed on the label.



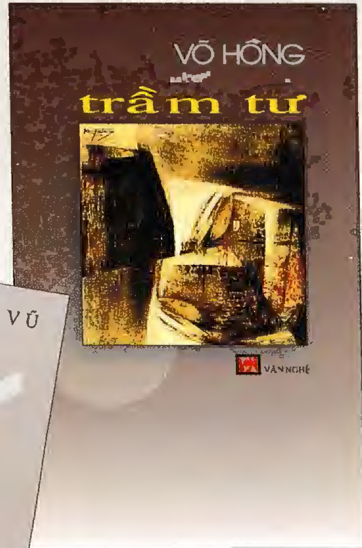
VĂN NGHỆ
đã phát hành khắp nơi



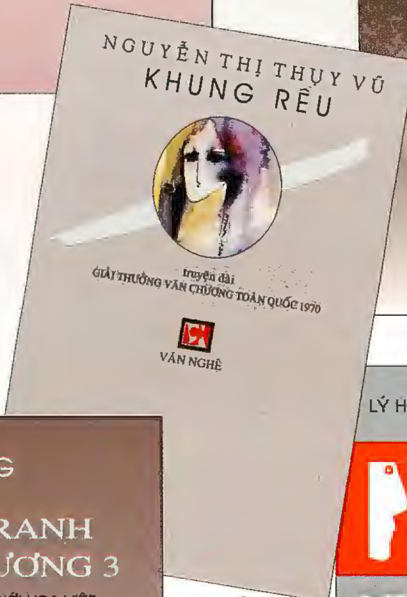
the lover's gift
tặng vật của tình nhân

Rabindranath Tagore
bản Việt ngữ của BÙI BẢO TRÚC

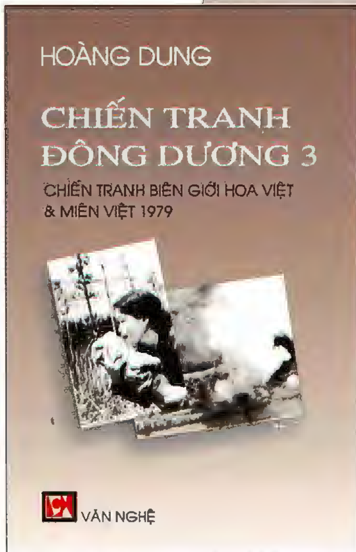
Giá 8MK
Ngoài Mỹ 10MK



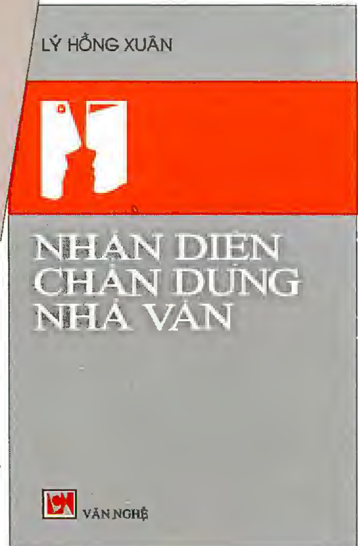
Giá 7MK
Ngoài Mỹ 8MK



Giá 15MK
Ngoài Mỹ 18MK



Giá 13MK
Ngoài Mỹ 15MK



Giá 16MK
Ngoài Mỹ 19MK